HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN VĂN HỢI

BẢO ĐẢM PHÚC LỢI XÃ HỘI ĐỐI VỚI ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở TỈNH LÂM ĐỒNG HIỆN NAY

LUẬN ÁN TIẾN SĨ

NGÀNH: CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC

HÀ NỘI - 2026

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN VĂN HỢI

BẢO ĐẢM PHÚC LỢI XÃ HỘI ĐỐI VỚI ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở TỈNH LÂM ĐỒNG HIỆN NAY

LUẬN ÁN TIẾN SĨ

NGÀNH: CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC

Mã số: 9229008

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:

1. TS. PHẠM THỊ HOÀNG HÀ

2. TS. NGUYỄN THỊ THU HUYỀN

HÀ NỘI - 2026

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu, kết quả nêu trong luận án là trung thực, có nguồn gốc rõ ràng và được trích dẫn đầy đủ theo quy định.

Tác giả

Nguyễn Văn Hợi

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU 1

Chương 1: TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN 8

1.1. Các công trình nghiên cứu liên quan đến bảo đảm phúc lợi xã hội đối với đồng bào dân tộc thiểu số 8

1.2. Các công trình nghiên cứu có liên quan đến phúc lợi xã hội đối với đồng bào dân tộc thiểu số ở tỉnh Lâm Đồng 26

1.3. Giá trị của các công trình đã tổng quan và những vấn đề luận án cần tiếp tục nghiên cứu 33

Chương 2: BẢO ĐẢM PHÚC LỢI XÃ HỘI ĐỐI VỚI ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở TỈNH LÂM ĐỒNG HIỆN NAY - MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN 37

2.1. Quan niệm về phúc lợi xã hội và bảo đảm phúc lợi xã hội đối với đồng bào dân tộc thiểu số ở tỉnh Lâm Đồng 37

2.2. Tầm quan trọng của bảo đảm phúc lợi xã hội đối với đồng bào dân tộc thiểu số ở tỉnh Lâm Đồng 64

Chương 3: BẢO ĐẢM PHÚC LỢI XÃ HỘI ĐỐI VỚI ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở TỈNH LÂM ĐỒNG HIỆN NAY - THỰC TRẠNG VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA 82

3.1. Thành tựu và nguyên nhân của thành tựu trong bảo đảm phúc lợi xã hội đối với đồng bào dân tộc thiểu số ở tỉnh Lâm Đồng 82

3.2. Hạn chế và nguyên nhân của hạn chế trong bảo đảm phúc lợi xã hội đối với đồng bào dân tộc thiểu số ở tỉnh Lâm Đồng hiện nay 125

3.3. Những vấn đề đặt ra từ thực trạng bảo đảm phúc lợi xã hội đối với đồng bào dân tộc thiểu số ở tỉnh Lâm Đồng hiện nay 141

Chương 4: QUAN ĐIỂM VÀ GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM PHÚC LỢI XÃ HỘI ĐỐI VỚI ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở TỈNH LÂM ĐỒNG HIỆN NAY 148

4.1. Bối cảnh mới tác động đến bảo đảm phúc lợi xã hội đối với đồng bào dân tộc thiểu số ở tỉnh Lâm Đồng hiện nay 148

4.2. Quan điểm bảo đảm phúc lợi xã hội đối với đồng bào dân tộc thiểu số ở tỉnh Lâm Đồng hiện nay 152

4.3. Giải pháp bảo đảm phúc lợi xã hội đối với đồng bào dân tộc thiểu số ở tỉnh Lâm Đồng hiện nay 157

KẾT LUẬN 196

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN 200

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO 201

PHỤ LỤC 227

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

TT	Chữ viết tắt	Chữ viết đầy đủ
1	ANQP	An ninh, quốc phòng
2	ASXH	An sinh xã hội
3	BHTN	Bảo hiểm thất nghiệp
4	BHXH	Bảo hiểm xã hội
5	BHYT	Bảo hiểm y tế
6	CBCCVC	Cán bộ, công chức, viên chức
7	CT-XH	Chính trị-xã hội
8	CSXH	Chính sách xã hội
9	DTTS	Dân tộc thiểu số
10	GDĐT	Giáo dục đào tạo
11	GNBV	Giảm nghèo bền vững
12	HĐND	Hội đồng nhân dân
13	HTCT	Hệ thống chính trị
14	KT-XH	Kinh tế - xã hội
15	KTTT	Kinh tế thị trường
16	MTTQ	Mặt trận Tổ quốc
17	PLXH	Phúc lợi xã hội
18	UBND	Uỷ ban nhân dân
19	VH-XH	Văn hoá-xã hội
20	XHCN	Xã hội chủ nghĩa

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Phúc lợi xã hội là một phần của thu nhập quốc dân được sử dụng nhằm đáp ứng những nhu cầu cơ bản về vật chất và tinh thần của người dân, chủ yếu được phân phối lại, ngoài phân phối theo lao động và vốn góp.

Phúc lợi xã hội có vai trò đặc biệt quan trọng trong thực hiện "tiến bộ và công bằng xã hội" vì vậy bảo đảm PLXH cho toàn dân được Đảng và Nhà nước ta đặc biệt quan tâm, chú trọng, đồng thời xác định đây là một trong những phương thức để phân phối lại tổng thu nhập quốc dân, để mọi người dân được thụ hưởng thành quả phát triển của đất nước. Trong văn kiện Đại hội X của Đảng đã nêu rõ: "Kết hợp các mục tiêu kinh tế với các mục tiêu xã hội trong phạm vi cả nước, ở từng lĩnh vực, địa phương; thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách phát triển; tăng trưởng kinh tế đi đôi với phát triển văn hóa, y tế, giáo dục... giải quyết tốt các vấn đề xã hội vì mục tiêu phát triển con người. Thực hiện chế độ phân phối chủ yếu theo kết quả lao động, hiệu quả kinh tế, đồng thời theo mức đóng góp vốn cùng các nguồn lực khác và thông qua phúc lợi xã hội" [53, tr.77-78]. "Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011)" khẳng định: "Chính sách xã hội đúng đắn, công bằng vì con người là động lực mạnh mẽ phát huy mọi năng lực sáng tạo của Nhân dân trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Bảo đảm công bằng, bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ của công dân; kết hợp chặt chẽ và hợp lý giữa phát triển kinh tế với phát triển văn hóa xã hội, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách"[55, tr.79].

Văn kiện Đại hội XII, Đảng ta bổ sung thêm quan điểm và khẳng định: "Gắn kết chặt chẽ chính sách kinh tế với chính sách xã hội, phát triển kinh tế với nâng cao chất lượng cuộc sống của Nhân dân, bảo đảm để Nhân dân được hưởng thụ ngày một tốt hơn thành quả của công cuộc đổi mới, xây dựng và phát triển đất nước. Mọi người dân đều có cơ hội và điều kiện phát

triển toàn diện" [59, tr.135-136]. Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII nhấn mạnh: "Thực hiện tốt chính sách xã hội, bảo đảm an sinh và phúc lợi xã hội, an ninh con người, tạo chuyển biến mạnh mẽ trong quản lý phát triển xã hội, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống và hạnh phúc của Nhân dân" [61, tr.47]. Đồng thời Đảng ta xác định cần: "Tăng cường quản lý phát triển xã hội, bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội, tính bền vững trong các chính sách xã hội, nhất là phúc lợi xã hội, an sinh xã hội, an ninh con người" [61, tr.147-148].

Như vậy, bảo đảm PLXH cho Nhân dân là một chủ trương lớn, cấp thiết, vừa mang tính chiến lược lâu dài của Đảng, Nhà nước ta, đặc biệt là đối với Nhân dân các DTTS nhằm tạo điều kiện hỗ trợ, thúc đẩy năng lực nội sinh trong Nhân dân, để Nhân dân cả nước được thụ hưởng đầy đủ thành quả của sự nghiệp đổi mới, phát triển đất nước, đồng thời khắc phục những khiếm khuyết của KTTT, bảo đảm "tiến bộ và công bằng xã hội" qua đó khẳng định tính ưu việt của chế độ chính trị XHCN ở Việt Nam.

Lâm Đồng là một tỉnh miền núi có sự đông đảo và đa dạng của đồng bào DTTS, được sáp nhập từ ngày 01/7/2025 trên cơ sở hợp nhất 3 tỉnh là Bình Thuận, Đắk Nông, Lâm Đồng (cũ) để hình thành tỉnh Lâm Đồng hiện nay. Tỉnh Lâm Đồng hiện có dân số là 3.872.999 người với 49/54 dân tộc cùng sinh sống, trong đó có 692.391 người là đồng bào DTTS, chiếm 17,6% dân số của tỉnh, trong đó tỉnh Bình Thuận (cũ) có 34 dân tộc DTTS với 101.733 người, chiếm tỷ lệ 8,0% dân số của tỉnh, tỉnh Đắk Nông (cũ) có 39 DTTS với 212.658 người, chiếm tỷ lệ 31% dân số của tỉnh; tỉnh Lâm Đồng (cũ) 46 DTTS với hơn 378.000 người, chiếm tỷ lệ 24,54% dân số của tỉnh. Sau hợp nhất, sáp nhập cấp tỉnh, cấp xã, tỉnh Lâm Đồng hiện có 103 xã, 20 phường và 1 đặc khu [156].

Giai đoạn từ 2015 đến nay, nhất là từ khi triển khai Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Bình Thuận (cũ) lần thứ XIV, Đại hội Đảng bộ tỉnh Đắk Nông (cũ) lần thứ XII, Đại hội Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng (cũ) lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020 - 2025, các tỉnh đã có những giải pháp cụ thể để GNBV, nâng cao đời

sống mọi mặt cho đồng bào các DTTS. Các tỉnh đã xây dựng nhiệm vụ, giải pháp đẩy mạnh phát triển KT-XH, GNBV, nâng cao đời sống Nhân dân gắn với củng cố, tăng cường ANQP ở địa phương. Đồng thời tập trung khai thác hiệu quả những lợi thế của địa phương về địa lý, tự nhiên, khí hậu, con người, văn hoá, đổi mới sáng tạo để thúc đẩy phát triển kinh tế, thu hút đầu tư tập trung vào vùng DTTS một cách có trọng tâm, trọng điểm; thúc đẩy các DTTS phát huy được nội lực nhằm tự lực vươn lên cải thiện đời sống, GNBV, thu hẹp dần khoảng cách phát triển so với địa phương và cả nước. Cùng với đó là mục tiêu phát triển toàn diện về văn hóa, GDĐT, y tế, nguồn nhân lực; nâng cao dân trí, đào tạo nguồn nhân lực DTTS, nhất là nguồn nhân lực trong HTCT và lao động khu vực chính thức.

Tuy nhiên, tính đến cuối năm 2022, tỷ lệ hộ nghèo đồng bào DTTS của tỉnh còn khá cao, trong đó tỉnh Bình Thuận (cũ) là 3.373 hộ, chiếm tỷ lệ 13% số hộ DTTS [206]; tỉnh Đắk Nông (cũ) là 9.589 hộ, chiếm tỷ lệ 20,11% số hộ DTTS [217]; tỉnh Lâm Đồng (cũ) là 4.549 hộ, chiếm tỷ lệ 5,65% số hộ DTTS [11]. Việc triển khai các chính sách PLXH còn bộc lộ nhiều bất cập như chính sách dàn trải, nhiều đầu mối thực hiện, thiếu nguồn lực nhất là tài chính, quỹ đất; tính hiệu quả một số chương trình chưa cao, còn thất thoát, lãng phí. Công tác xã hội hoá các nguồn lực cho PLXH ở địa phương chưa hiệu quả. Vì vậy việc thoát nghèo của nhiều hộ DTTS vẫn thiếu tính bền vững dẫn đến nguy cơ tái nghèo, cận nghèo còn cao; thu nhập của nhiều hộ DTTS hiện chỉ bằng 40 - 50% so với thu nhập bình quân chung của tỉnh. Việc tham gia BHXH, BHTN đối với người lao động là đồng bào DTTS hiện ở mức rất thấp và không ổn định; việc tham gia BHYT tăng trưởng nhanh nhưng thiếu bền vững. Chất lượng GDĐT, y tế, văn hóa, các lĩnh vực xã hội đã được nâng lên nhưng vẫn còn thấp so với mặt bằng chung; việc thụ hưởng các dịch vụ xã hội cơ bản còn nhiều hạn chế; tình trạng học sinh DTTS bỏ học vẫn còn cao, số năm đi học còn thấp, nhất là cấp trung học phổ thông, học sinh DTTS được học trường dân tộc nội trú chưa đáp ứng được nhu cầu thực tế; trang thiết bị, vật tư, nhân lực y tế ở các cơ sở y tế vùng đồng bào DTTS còn thiếu; mức độ

thụ hưởng văn hoá của đồng bào DTTS còn thấp, nhiều giá trị văn hoá truyền thống tốt đẹp đang bị mai một…Trong khi đó năng lực nội sinh của đồng bào DTTS trong tỉnh còn nhiều mặt hạn chế, nhất là trong hoạt động sản xuất để nâng cao thu nhập, đời sống. Từ đó, để thực hiện mục tiêu GNBV, nâng cao năng lực sản xuất, cải thiện đời sống, thực biện "tiến bộ và công bằng xã hội" đòi hỏi cấp bách cần thực hiện tốt việc bảo đảm PLXH đối với đồng bào DTTS của tỉnh hiện nay.

Xuất phát từ thực trạng nêu trên và quan điểm, mục tiêu mà Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII, XIV, Đại hội Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030 đã đề ra, việc lựa chọn vấn đề ***"Bảo đảm phúc lợi xã hội đối với đồng bào dân tộc thiểu số ở tỉnh Lâm Đồng hiện nay"*** làm đề tài luận án Tiến sĩ chuyên ngành Chủ nghĩa xã hội khoa học là vấn đề có tính cấp thiết, có ý nghĩa thiết thực về lý luận và thực tiễn.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục đích nghiên cứu

Trên cơ sở phân tích những vấn đề lý luận và thực tiễn bảo đảm PLXH đối với đồng bào DTTS tỉnh Lâm Đồng trên bốn lĩnh vực là: GNBV; BHXH, BHYT, BHTN; GDĐT; trợ giúp xã hội, cứu trợ xã hội, ưu đãi xã hội, luận án đề xuất quan điểm và giải pháp nhằm bảo đảm PLXH đối với đồng bào các DTTS ở tỉnh Lâm Đồng hiện nay.

2.2. Nhiệm vụ

- Khái quát một số kết quả nghiên cứu tiêu biểu ở trong và ngoài nước về PLXH và bảo đảm PLXH đối với đồng bào DTTS;

- Làm rõ những cơ sở lý luận, thực tiễn về bảo đảm PLXH với đồng bào DTTS ở tỉnh Lâm Đồng hiện nay;

- Phân tích thực trạng bảo đảm PLXH đối với đồng bào DTTS ở tỉnh Lâm Đồng (tỉnh Bình Thuận (cũ), Đắk Nông (cũ), Lâm Đồng (cũ) và Lâm Đồng hiện nay) trên bốn lĩnh vực là: GNBV; BHXH, BHYT, BHTN; GDĐT; trợ giúp xã hội, cứu trợ xã hội, ưu đãi xã hội và xác định những vấn đề hiện nay đang đặt ra;

- Xác định bối cảnh mới, quan điểm, giải pháp nhằm bảo đảm PLXH đối với đồng bào DTTS ở tỉnh Lâm Đồng hiện nay.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1.Đối tượng nghiên cứu của luận án

Bảo đảm PLXH đối với đồng bào DTTS ở tỉnh Lâm Đồng hiện nay.

3.2.Phạm vi nghiên cứu của luận án

Về nội dung: Luận án tập trung nghiên cứu công tác bảo đảm PLXH đối với đồng bào DTTS ở tỉnh Lâm Đồng trên bốn lĩnh vực cơ bản là: giảm nghèo bền vững; BHXH, BHYT, BHTN; GDĐT; trợ giúp xã hội, cứu trợ xã hội, ưu đãi xã hội.

Về thời gian: Công tác bảo đảm PLXH cho đồng bào DTTS giai đoạn 2015 - 2025.

Về không gian: tỉnh Lâm Đồng (bao gồm tỉnh Bình Thuận (cũ), Đắk Nông (cũ), Lâm Đồng (cũ) và Lâm Đồng hiện nay).

4. Cơ sở lý luận, thực tiễn và phương pháp nghiên cứu

4.1. Cơ sở lý luận

Luận án dựa trên cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, chủ trương, đường lối, chiến lược, chính sách của Đảng, Nhà nước ta về dân tộc và vấn đề CSXH, PLXH nói chung, CSXH và PLXH đối với đồng bào DTTS nói riêng.

4.2. Cơ sở thực tiễn

Luận án nghiên cứu, đánh giá công tác của Ban Chấp hành Đảng bộ, chính quyền các tỉnh Bình Thuận (cũ), Đắk Nông (cũ), Lâm Đồng (cũ) và tỉnh Lâm Đồng hiện nay trong việc thực hiện phát triển KT-XH với thực hiện "tiến bộ và công bằng xã hội", bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên, nâng cao đời sống, giải quyết các vấn đề liên quan đến PLXH đối với đồng bào DTTS của tỉnh trên bốn lĩnh vực cơ bản là: GNBV; BHXH, BHYT, BHTN; GDĐT; trợ giúp xã hội, cứu trợ xã hội, ưu đãi xã hội; kết quả điều tra, khảo sát trực tiếp đối với một số hộ dân và tại một số cơ quan có liên quan ở địa phương về vấn đề này.

4.3. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp luận nghiên cứu: Luận án được nghiên cứu trên cơ sở phương pháp luận duy vật biện chứng và duy vật lịch sử.

Các phương pháp nghiên cứu cụ thể: Các phương pháp nghiên cứu được sử dụng trong nghiên cứu luận án này là: logic - lịch sử; phân tích - tổng hợp, so sánh, thống kê, điều tra khảo sát…, đồng thời kế thừa một cách có chọn lọc các thành tựu khoa học của các ngành có liên quan đến luận án như kinh tế, xã hội, quản lý nhà nước, chính sách công, pháp luật…Cụ thể:

- Đối với phương pháp nghiên cứu tài liệu, được thực hiện như sau: qua nghiên cứu các văn kiện Đại hội, các văn bản lãnh đạo của Đảng; các chương trình, đề án của Nhà nước và của chính quyền các tỉnh Bình Thuận (cũ), Đắk Nông (cũ), Lâm Đồng (cũ) và tỉnh Lâm Đồng hiện nay về phát triển KT-XH và thực hiện các chính sách PLXH. Qua tham khảo các công trình nghiên cứu, luận án, sách, báo, tạp chí, báo cáo, niên giám của Tổng cục Thống kê (nay là Cục Thống kê), Cục Thống kê các tỉnh (nay là Chi cục Thống kê) và các nguồn tài liệu tham khảo khác có liên quan, luận án khái quát những cơ sở lý luận và thực tiễn; phân tích và đánh giá đúng thực trạng; đề xuất quan điểm và giải pháp phù hợp nhằm bảo đảm PLXH với đồng bào DTTS ở tỉnh Lâm Đồng hiện nay.

- Phương pháp tổng kết thực tiễn được sử dụng để phân tích và đánh giá thực trạng, từ đó xác định vấn đề đặt ra trong quá trình bảo đảm PLXH với đồng bào DTTS ở tỉnh Lâm Đồng hiện nay.

- Các phương pháp nghiên cứu của xã hội học (bao gồm điều tra xã hội học, quan sát, thu thập, phân tích, so sánh và xử lý các số liệu) để đối chiếu, bổ sung với những nhận định, kiến thức thu được từ việc nghiên cứu tài liệu, qua đó rút ra những kết luận phù hợp. Tác giả đã tiến hành khảo sát điểm bằng phiếu trưng cầu ý kiến với hai đối tượng: CBCCVC đang công tác ở các cơ quan: Ban Dân tộc tỉnh (nay là Sở Dân tộc và Tôn giáo), Sở Lao động thương binh và xã hội (nay chuyển giao một số nhiệm vụ cho Sở Nội vụ, Sở

Y tế, Sở Nông nghiệp và Môi trường), Sở Giáo dục và đào tạo, Uỷ ban MTTQ Việt Nam tỉnh, cấp xã, Hội Chữ thập đỏ tỉnh, Trung tâm y tế khu vực, Liên đoàn Lao động tỉnh, Đoàn Thanh niên cấp tỉnh, cấp xã, Phòng Dân tộc (cũ), Phòng Lao động thương binh và xã hội (cũ), Liên đoàn Lao động cấp huyện (cũ), CBCCVC cấp xã với 167 phiếu khảo sát; 683 hộ dân tại các thôn, buôn, bon, bản vùng DTTS của tỉnh.

5. Ý nghĩa khoa học, thực tiễn của luận án

- Luận án góp phần làm phong phú thêm cơ sở lý luận và thực tiễn về công tác dân tộc, cụ thể là chính sách PLXH đối với đồng bào DTTS, khẳng định đây là phương thức để Nhà nước và xã hội thực hiện phân phối lại thu nhập nhằm bảo đảm "tiến bộ và công bằng xã hội". Từ đó đánh giá những kết quả đạt được và nguyên nhân; những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân để đề xuất quan điểm, giải pháp nhằm bảo đảm PLXH đối với đồng bào DTTS ở tỉnh Lâm Đồng hiện nay. Với những đóng góp đó, luận án được sử dụng làm tài liệu nghiên cứu, tham khảo cho những tổ chức, cá nhân quan tâm đến vấn đề này.

- Luận án cũng có thể được các tổ chức, cá nhân dùng làm tài liệu tham khảo cho các nghiên cứu khoa học, giảng dạy, học tập về vấn đề dân tộc, chính trị, chính sách công, quản lý nhà nước về dân tộc.

- Luận án có thể được sử dụng làm tư liệu tham khảo phục vụ cho việc hoạch định và lãnh đạo, điều hành thực hiện CSXH nói chung, PLXH dành cho đồng bào DTTS ở tỉnh Lâm Đồng nói riêng.

6. Kết cấu của luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục các công trình nghiên cứu khoa học của tác giả đã công bố có liên quan đến luận án, danh mục tài liệu tham khảo và phần phụ lục, nội dung gồm có 4 chương với 12 tiết.

Chương 1
TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1.1. CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN BẢO ĐẢM PHÚC LỢI XÃ HỘI ĐỐI VỚI ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ

Bùi Thế Cường (2002), Tư tưởng Hồ Chí Minh về PLXH [40]. Công trình đã làm rõ quan điểm của Hồ Chí Minh về sự cần thiết phải chăm lo PLXH đối với Nhân dân. Tác giả cũng đã khái quát việc thực hiện PLXH ở các thời kỳ lịch sử: trước cách mạng Tháng 8 năm 1945, giai đoạn 1945-1954 và giai đoạn 1954-1969. Đồng thời khẳng định tư tưởng xuyên suốt của Hồ Chí Minh về PLXH trong chế độ XHCN, đặt ra yêu cầu Đảng và Nhà nước phải luôn quan tâm đến đời sống của Nhân dân, nỗ lực hết mình vì cuộc sống ấm no, hạnh phúc thực sự cho Nhân dân.

Allan Moscovitch (2006), *Welfare State* (tạm dịch là Nhà nước phúc lợi) [232], đã đề cập đến khái niệm nhà nước phúc lợi là gì và nhà nước phúc lợi Canada được xây dựng trên quan điểm chính trị với các quan điểm khác nhau như dân chủ xã hội, quan điểm tự do, chủ nghĩa bảo thủ và quan điểm theo chủ nghĩa Marx về nhà nước phúc lợi. Tác giả đã chỉ ra rằng nhà nước PLXH ở Canada đã trải qua khoảng bốn giai đoạn phát triển tương ứng với sự phát triển kinh tế. Giai đoạn đầu 1840-1890 bằng việc phản ứng của chính phủ đối với tình trạng nghèo đói và bệnh tật phần lớn mang tính chất điều tiết, trọng tâm là mối quan tâm của địa phương và tư nhân trong việc chăm sóc người bệnh tâm thần, trẻ em khuyết tật và bị bỏ rơi. Giai đoạn chuyển tiếp 1891-1940 với ưu tiên là phát triển mạnh mẽ kinh tế tư nhân có lợi nhuận, điều tiết vốn và lao động, duy trì gia đình và tuyển dụng thêm người nhập cư. Giai đoạn can thiệp 1941-1974 đánh dấu sự xuất hiện của quan niệm về nhà nước phúc lợi với rất nhiều chính sách được nhà nước áp dụng ở những thời điểm khác nhau, nổi bật là những chính sách lần đầu được áp dụng đối với

người da đỏ bản địa. Giai đoạn thứ tư "Thắt lưng buộc bụng và xung đột hiến pháp 1975-2015" với việc tăng nguồn tài trợ giúp cải thiện an ninh thu nhập và tăng cường các CSXH trong khi kinh tế suy thoái đã đặt ra yêu cầu cắt giảm chi tiêu xã hội.

Địch Đông Đường (2008), *Nghiên cứu pháp luật bảo vệ quyền lợi kinh tế của các DTTS Trung Quốc* [67]. Tác phẩm đã đề cập đến một vấn đề rất căn bản, đó là quyền lợi kinh tế của các DTTS. Từ đó tác giả đã đề cập những nội dung quyền lợi kinh tế chủ yếu của các DTTS ở Trung Quốc cũng như quá trình hoàn thiện pháp luật bảo vệ quyền lợi kinh tế của các DTTS ở Trung Quốc. Từ những nghiên cứu đó, tác giả đã đi đến khẳng định để bảo đảm quyền lợi kinh tế của các DTTS ở Trung Quốc phải hoàn thiện hệ thống pháp lý đa cấp độ, đó cũng chính là nền tảng để xử lý hiệu quả những vấn đề liên quan đến các DTTS.

Neil Gilbert và Paul Terrell (2009), *Dimensions in Social Welfare Policy* (tạm dịch là Khuôn khổ của chính sách PLXH) [233]. Ấn phẩm đã khái quát đến các khía cạnh của PLXH, làm cơ sở để phân tích các PLXH. Cuốn sách cũng khuyến khích người đọc phát triển suy nghĩ của riêng mình về PLXH và khám phá các lựa chọn chính sách thay thế phù hợp. Bằng việc đưa ra các ví dụ về duy trì thu nhập, phúc lợi trẻ em, thành phố kiểu mẫu, nhà trẻ, hành động cộng đồng và sức khỏe tâm thần, các tác giả đã chứng minh cho các luận điểm lý thuyết của mình đồng thời định hướng những xu hướng của chính sách ở các bang có hệ thống phúc lợi tiến bộ.

Trần Hữu Quang (2009), Phúc lợi xã hội trên thế giới: Quan niệm và phân loại [143]. Bài viết đã đưa ra nhiều khái niệm và đi đến sự thống nhất cách hiểu về PLXH, so sánh PLXH với ASXH và CSXH. Tác giả cũng đã luận giải về sự phát triển của các quan điểm về PLXH cho đến ngày nay. Từ đó tác giả đã đưa các lý thuyết để phân loại và xác định các mô hình PLXH phổ biến trên thế giới hiện nay.

Reza Hasmath (2010), *A Comparative Study of Minority Development in China and Canada* (tạm dịch là Một nghiên cứu so sánh về phát triển DTTS ở Trung Quốc và Canada) [234]. Nghiên cứu này đã tiến hành so sánh chính sách dân tộc hiện nay của Canada và Trung Quốc, đây đều là hai quốc gia có rất nhiều DTTS. Tác giả cho rằng các chính sách đối với DTTS là sự thể hiện sự tôn trọng đối với văn hoá truyền thống và các giá trị xã hội của người dân bản địa (người DTTS). Đối với Canada chính sách dân tộc hướng đến ba lĩnh vực được ưu tiên đó là: (1) những vấn đề thoả thuận về quyền đối với đất đai truyền thống và quyền được bảo đảm đối với các tài nguyên như cá, các loại khoáng sản, gỗ và quyền săn bắn; (2) chuyển giao quyền tự quản lý lớn hơn cho Hội đồng bản địa về đất và nguồn tài nguyên, y tế, GDĐT; (3) tăng cường vai trò tham gia các kế hoạch cải thiện hạ tầng cơ sở như: nhà ở, đường xá, cấp nước, các chương trình phát triển kinh tế của địa phương từ các cộng đồng bản địa. Việc thực hiện chính sách đối với các DTTS đều được Canada và Trung Quốc thực hiện song chính sách có sự khác nhau, trong khi Canada có xu hướng cởi mở hơn thì chính sách của Trung Quốc hướng tới kiểm soát chặt chẽ hơn đối với những vấn đề có liên quan.

Văn phòng Cao uỷ của Liên Hợp Quốc về nhân quyền (OHCHR) (2010), *Minority Rights: International Standards and Guidance for Implementation (*tạm dịch là: Quyền của nhóm thiểu số: Tiêu chuẩn quốc tế và Hướng dẫn thực hiện) [235]. Ấn phẩm này đã trực tiếp đề cập đến những vấn đề căn bản nhất của quyền con người đối với người thiểu số, bao gồm: khái niệm người DTTS, sự phân định với người bản địa và so sánh người không phải công dân nước đó, người không quốc tịch của nước đó với người bản địa thuộc DTTS, đồng thời làm rõ được vấn đề về phạm vi để bảo vệ quyền cơ bản của người DTTS và luật pháp quốc tế về bảo vệ quyền của người DTTS cũng như cơ chế quốc tế để bảo vệ những quyền ấy.

Triệu Huân (2012), *Nghiên cứu về phúc lợi xã hội của chủ nghĩa xã hội đặc sắc Trung Quốc* [101], đã khái quát quá trình PLXH hình thành ở Trung

Quốc. Chế độ PLXH của Trung Quốc hiện nay được xây dựng trên cơ sở KT-XH của Trung Quốc, trong đó nhấn mạnh đến 5 bảo đảm là ăn, mặc, ở, y tế, chi phí cho người già và trẻ mồ côi đang sống trong hoàn cảnh khó khăn. Với mô hình "phúc lợi xã hội bao trùm phù hợp", trong giai đoạn đầu nhằm ổn định xã hội, phát triển kinh tế, các chính sách PLXH chỉ dành cho đối tượng chính là người già neo đơn, người bị khuyết tật, trẻ mồ côi… Sau này mở rộng dần các đối tượng thụ hưởng và bây giờ là hướng tới mọi công dân trong phạm vi cả nước. Ngoài quỹ phúc lợi do nhà nước lập ra và quản lý, Trung Quốc đẩy mạnh việc hình thành các quỹ phúc lợi doanh nghiệp, hỗ trợ tài chính, thuế để tăng cường các quỹ phúc lợi đối với người lao động.

Nguyễn Văn Chiều (2014), Quan điểm của C.Mác và Ph.Ăngghen về phân phối thông qua PLXH và sự vận dụng ở nước ta hiện nay [38]**,** đã khái quát quan điểm của C.Mác và Ph.Ăngghen về phân phối thu nhập xã hội thông qua PLXH. Theo đó, để việc phân phối thông qua các chính sách PLXH ngày càng phát huy được hiệu quả vai trò của mình trong nền KTTT định hướng XHCN ở nước ta hiện nay thì cần phải: đổi mới nhận thức về phân phối và phân phối thông qua PLXH; tiếp tục hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách, pháp luật và tổ chức thực hiện về PLXH; tăng cường sự điều tiết của Nhà nước.

Hà Hùng (2014), *Nghiên cứu thực trạng nghèo, giảm nghèo của người DTTS ở khu vực Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ* [104]. Đề tài đã tiến hành phân tích, đánh giá thực trạng nghèo và thực hiện các chính sách giảm nghèo của đồng bào DTTS ở 3 vùng trọng điểm của đất nước là Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ, chỉ ra những nguyên nhân tác động đến thực trạng nghèo và hiệu quả thực hiện giảm nghèo là điều kiện tự nhiên khó khăn, thiếu đất sản xuất, các chính sách còn nhiều hạn chế, bất cập, nguồn vốn chưa đảm bảo, chất lượng lao động thấp. Từ đó đã đề xuất một số giải pháp và kiến nghị nhằm GNBV vùng DTTS ở ba khu vực trên, trong đó đặc biệt nhấn mạnh đến việc nâng cao yếu tố nội sinh của đồng bào DTTS.

Hoàng Xuân Lương (2014), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về các dân tộc bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng, giúp nhau cùng phát triển* [115], đã khẳng định đoàn kết dân tộc có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, sống còn đối với sự nghiệp cách mạng Việt Nam trong tư tưởng Hồ Chí Minh. Tư tưởng của Hồ Chí Minh về bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng, giúp nhau cùng phát triển của các dân tộc ở Việt Nam bao quát mọi lĩnh vực: kinh tế, chính trị, VH-XH. Người cũng đặt ra yêu cầu Đảng, Nhà nước phải có chính sách ưu tiên với đồng bào DTTS để Nhân dân miền núi tiến kịp với Nhân dân miền xuôi. Từ đó đã đề xuất những giải pháp cho giai đoạn hiện nay, tập trung vào công tác tuyên truyền, xây dựng và thực thi chính sách.

Phạm Xuân Nam (2014), Quan điểm của Chủ nghĩa Mác-Lênin về ASXH và PLXH [123]. Bài viết phân tích nội dung của chủ nghĩa Mác-Lênin về ASXH và PLXH cũng như khẳng định tính tất yếu phải thực hiện ASXH và PLXH trong nhà nước kiểu mới. Từ sự phân tích đó bài viết đưa ra một số nội dung của hệ thống ASXH và PLXH trong các quốc gia đang phát triển, đó là: phòng ngừa rủi ro, giảm thiểu rủi ro, lập quỹ "khắc phục rủi ro" cho người dân; phát triển kinh tế nhanh và hiệu quả làm cơ sở kinh tế để bảo đảm ASXH và PLXH.

Phạm Xuân Nam (2014), Quan điểm của Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam về hệ thống ASXH và PLXH [124]. Trong bài viết này tác giả đã làm rõ quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta về ASXH và PLXH dưới chế độ XHCN, trong đó lấy con người làm nhân tố trung tâm, đảm bảo mọi người dân đều có "cơm ăn áo mặc", được thụ hưởng cuộc sống "tự do, ấm no, hạnh phúc". Quan điểm và tư tưởng của Người đã đặt nền móng để Đảng, Nhà nước ta thực hiện các CSXH trong đó nòng cốt là ASXH, PLXH cho Nhân dân, nhất là từ khi tiến hành đổi mới cho đến nay trên các lĩnh vực cơ bản như: xoá đói và GNBV, việc làm, ưu đãi đối với người có công và thân nhân, trợ giúp cho người yếu thế, phát triển dịch vụ xã hội cơ bản và đạt nhiều thành tựu rất quan trọng.

Phan Văn Hùng (2015), *Những vấn đề mới trong quan hệ dân tộc và định hướng hoàn thiện chính sách dân tộc ở nước ta hiện nay* [105]. Công trình đã nghiên cứu, đánh giá nhiều vấn đề mới trong tương quan giữa các dân tộc ở Việt Nam hiện nay như: thực trạng nghèo và mức độ phân hóa giàu-nghèo giữa các dân tộc; sự chênh lệch về trình độ phát triển KT-XH của các vùng DTTS, vùng KT-XH đặc biệt khó khăn với vùng thuận lợi; tình trạng di dân ngoài quy hoạch của một bộ phận đồng bào DTTS; tình trạng thiếu đất sản xuất, đất ở; sự mai một của nhiều sắc thái văn hóa các DTTS; đặc biệt là xu hướng đồng hóa dân tộc và nguy cơ thu hẹp một số dân tộc. Từ sự phân tích, đánh giá đó đã đề xuất những giải pháp, trọng tâm là: nâng cao nhận thức của cấp uỷ đảng, chính quyền các cấp; tăng cường công tác thông tin tuyên truyền về dân tộc, quan hệ dân tộc, công tác dân tộc trong tình hình mới; hoàn thiện hệ thống pháp luật về công tác dân tộc; đấu tranh với các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề dân tộc.

Nguyễn Thị Nhung (2015), Thực trạng và những vấn đề đặt ra trong giải quyết PLXH ở Việt Nam hiện nay [135], đã khái quát những ưu điểm nổi bật trong thực hiện PLXH thời gian qua như xoá đói, giảm nghèo nhanh; các dịch vụ xã hội cơ bản được tăng cường; tạo việc làm hiệu quả; trợ giúp xã hội được mở rộng. Tuy nhiên bên cạnh đó cũng còn những hạn chế trong việc thực hiện PLXH ở Việt Nam hiện nay như bao phủ chưa toàn diện (nhất là BHXH), chất lượng dịch vụ cơ bản (thông tin, y tế, giáo dục) chưa đồng đều; khoảng cách giàu-nghèo tăng; chất lượng lao động, nhất là ở nông thôn và đồng bào DTTS còn hạn chế. Từ đó, bài viết đã đưa ra những giải pháp để giải quyết hiệu quả hơn các chính sách PLXH ở Việt Nam hiện nay, trong đó hoàn thiện đồng bộ chính sách, pháp luật, nguồn lực, đẩy mạnh tuyên truyền và nâng cao hiệu quả thực hiện.

Trần Văn Thạch (2016), Chính sách phát triển các dịch vụ xã hội cơ bản cho người dân ở Tây Nguyên [162], đã khái quát việc triển khai các chủ trương, giải pháp hỗ trợ của Đảng, Nhà nước và địa phương về nhà ở, đất ở,

đất sản xuất, nước sạch, hạ tầng, dịch vụ y tế, GDĐT, thông tin, văn hoá, thể thao cho người dân Tây Nguyên, trong đó nhấn mạnh đến đồng bào DTTS. Trên cơ sở đánh giá tổng quát những kết quả đạt được cũng như những hạn chế, bài viết đã đưa ra những giải pháp nhằm nâng cao chất lượng những dịch vụ xã hội cơ bản cho Nhân dân các tỉnh Tây Nguyên, trọng tâm là giải quyết đất sản xuất và đất ở, nước sạch; tăng cường GDĐT, đào tạo nguồn nhân lực DTTS, giải quyết việc làm; hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi liên kết và kết nối thị trường tiêu thụ; nâng cấp hạ tầng về giao thông, điện, thông tin...

Nguyễn Trọng Đàm (2017), Đẩy mạnh chính sách ASXH - bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội ở nước ta hiện nay [46], đã khái quát tình hình thực hiện các chính sách ASXH thời gian qua, trong đó có những lĩnh vực thuộc về PLXH như ưu đãi đối với người có công, giải quyết việc làm, GNBV, trợ giúp cho người yếu thế, vấn đề giáo dục tối thiểu, y tế tối thiểu, nhà ở tối thiểu, nước sạch, thông tin tối thiểu. Đồng thời đây cũng là những nội dung cơ bản của PLXH mà Nhà nước tập trung nguồn lực để phục vụ Nhân dân trong đó chú trọng đến đối tượng là đồng bào DTTS. Trên cơ sở khái quát hiện trạng bài viết đã đề cập những giải pháp cần tiếp tục thực hiện trong thời gian tới.

Nguyễn Quỳnh Hoa (2017), Chính sách dân tộc tại Việt Nam: thành tựu và thách thức cần vượt qua [73], đã khái quát những chính sách dân tộc ở nước ta từ khi tiến hành đổi mới cho đến nay với ba nhóm lĩnh vực cơ bản là: "(1) chính sách phát triển kinh tế các vùng DTTS; (2) Chính sách xã hội tập trung vào các vấn đề giáo dục, văn hoá, y tế; (3) Chính sách liên quan đến quốc phòng, an ninh nhằm củng cố các địa bàn chiến lược". Những thành tựu trong chính sách này mà Việt Nam đã đạt được là giảm nghèo nhanh; đời sống kinh tế, văn hóa của các DTTS được cải thiện rõ rệt; những bản sắc tốt đẹp của đồng bào các DTTS được chú ý bảo tồn; giáo dục, y tế, thông tin đều có chuyển biến tích cực. Tuy nhiên còn có những khó khăn, thách thức hiện nay cần vượt qua là: sự thiếu đồng bộ của chính sách; kinh tế vùng DTTS

chuyển dịch chậm; chất lượng nguồn nhân lực trong đồng bào DTTS thấp; y tế còn nhiều khó khăn; nguồn lực đầu tư còn hạn chế.

Đoàn Minh Huấn (2017), Bảo đảm quyền của các DTTS và đấu tranh chống lợi dụng vấn đề dân tộc ở nước ta [102], đã khẳng định quyền bình đẳng giữa các dân tộc là quan điểm nhất quán, xuyên suốt của Đảng, Nhà nước ta đồng thời chỉ ra việc bảo đảm quyền của các DTTS, công tác đấu tranh với những hành vi lợi dụng vấn đề dân tộc cần chú trọng đến việc: (1) nâng cao nhận thức xã hội về vai trò, vị trí đặc biệt của việc bảo đảm quyền của các DTTS trong giải quyết những vấn đề dân tộc ở Việt Nam; (2) bảo đảm quyền của các DTTS hiện nay là vấn đề liên ngành, đa ngành: chính trị, kinh tế, văn hoá, các vấn đề xã hội, quan hệ quốc tế, ANQP; (3) mối quan hệ giữa bảo đảm quyền của thành viên dân tộc và quyền của tập thể dân tộc; (4) mối quan hệ giữa giải quyết quyền con người với quyền của công dân, quyền dân dộc - tộc người với quyền của quốc gia - dân tộc Việt Nam; (5) mối quan hệ giữa tính phổ biến và tính đặc thù trong bảo đảm quyền của các cộng đồng DTTS. Trong đó nhấn mạnh đến các quyền lợi cơ bản về chính trị, KT-XH và văn hoá - những quyền thụ hưởng PLXH cơ bản mà Nhà nước cần đáp ứng cho đồng bào.

Nguyễn Duy Thuỵ (2017), An sinh xã hội vùng Tây Nguyên trong nền KTTT định hướng XHCN [169], đã khái quát những kết quả ASXH ở các tỉnh Tây Nguyên đã đạt được trong giai đoạn 2011-2015 ở những lĩnh vực như GNBV, bảo hiểm y tế và trợ cấp, hỗ trợ trong những tình huống cấp thiết. Từ đó bài viết kiến nghị một số giải pháp phù hợp nhằm bảo đảm ASXH vùng Tây Nguyên những năm tiếp theo là: (1) xoá đói giảm nghèo, đặc biệt là với đồng bào DTTS; (2) nỗ lực tối đa trong việc tạo thêm nhiều việc làm; (3) hỗ trợ các doanh nghiệp; (4) chăm lo tốt hơn nữa đời sống người có công, người yếu thế.

Đặng Thị Ánh Tuyết (2018), Tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản của người DTTS ở Việt Nam - Thực trạng và hàm ý chính sách [198], đã đánh

giá khách quan thực trạng việc cung cấp và khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản của người DTTS ở Việt Nam trên các lĩnh vực GDĐT, y tế, thông tin, các đảm bảo cho điều kiện sống cơ bản (nhà ở, điện, nước sạch). Từ việc khái quát, đánh giá thực trạng trong việc cung cấp các dịch vụ xã hội cơ bản của nhà nước, khả năng tiếp cận của đồng bào DTTS, đã đề xuất hệ thống các tiêu chí và giải pháp trên những lĩnh vực cơ bản là GDĐT, y tế, nhà ở, nước sạch, điện, thông tin.

Lê Tấn Dũng (2019), Nhận thức, thực tiễn và giải pháp về PLXH ở Việt Nam trong giai đoạn mới [44], đã tổng quan nhận thức về PLXH ở Việt Nam hiện nay. Từ đó đã đánh giá khái quát những kết quả của lĩnh vực này ở Việt Nam với 3 nguồn tài chính: (1) dựa trên đóng góp của các chủ thể tham gia vào thị trường; (2) ngân sách nhà nước; (3) huy động trong cộng đồng. Bài viết kiến nghị những giải pháp tiếp tục thực hiện PLXH hiệu quả hơn trong giai đoạn mới là: tăng phạm vi bao phủ PLXH; tăng ngân sách nhà nước cho PLXH; tăng chi hoạt động PLXH của doanh nghiệp và gia tăng sự tham gia chủ động của đối tượng thụ hưởng và cộng đồng.

Bùi Thị Ngọc Lan (2019), Công bằng xã hội giữa các nhóm DTTS ở Việt Nam hiện nay [108]. Trước hết bài viết làm rõ khái niệm công bằng xã hội giữa các nhóm DTTS; thành tựu cơ bản đã đạt được là hệ một thống chính sách dân tộc đã bao trùm các nhóm DTTS, hiệu quả xoá đói giảm nghèo, GDĐT, y tế, văn hoá, thông tin. Tuy nhiên còn có một số tồn tại, hạn chế trong việc thực hiện công tác này giữa các nhóm DTTS ở Việt Nam hiện nay như khoảng cách về phát triển giữa các nhóm DTTS, tình trạng phân hoá giàu-nghèo, sự chênh lệch về năng lực nội sinh cũng như kỹ năng nghề nghiệp của các DTTS. Từ đó bài viết đã đưa ra một số giải pháp nhằm thực hiện tốt hơn công tác này ở Việt Nam hiện nay, trọng tâm là các chính sách công của Nhà nước dành cho đồng bào DTTS.

Vương Côn (2020), Lộ trình xây dựng hiến pháp nhằm bảo đảm PLXH [26], đã khái quát quá trình hiến định về PLXH được quy định trong hiến

pháp kể từ hiến pháp năm 1954 của Trung Quốc. Do những thay đổi của tình hình KT-XH, hiến pháp Trung Quốc đã trải qua 8 lần sửa đổi, đồng thời có những quy định mới về ASXH, PLXH. Hiến pháp năm 1982, Trung Quốc nhấn mạnh tới mô hình cơ bản bảo đảm PLXH của nước này là dựa trên "quyền xã hội". Năm 2004, Trung Quốc thông qua sửa đổi Hiến pháp lần thứ tư, trong đó quy định: "Nhà nước thiết lập và cải thiện hệ thống ASXH phù hợp với trình độ phát triển kinh tế". Đây chính là cơ sở pháp lý để hoàn thiện các chính sách ASXH và PLXH ở Trung Quốc hiện nay. Rất nhiều nội dung có giá trị tham khảo trong việc hoàn thiện hệ thống ASXH và PLXH đối với Việt Nam hiện nay.

Đỗ Thị Hải Hà (2020), *Đảm bảo dịch vụ xã hội cơ bản cho người DTTS ở Việt Nam* [69]. Bằng việc khái quát những dịch vụ xã hội thiết yếu, cơ bản cho người DTTS, cuốn sách đã đánh giá thực trạng đảm bảo những dịch vụ này cho người DTTS ở Việt Nam từ khi đổi mới (từ 1986) đến nay (2020). Đánh giá những thành công và hạn chế, xuất phát từ quan điểm và chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước ta hiện nay, ấn phẩm đã đưa ra phương hướng, giải pháp hoàn thiện các chính sách để đảm bảo các dịch vụ này cho người DTTS ở Việt Nam đến 2025, định hướng đến 2030 với những nội dung cơ bản là giáo dục cơ bản, y tế cơ bản, nhà ở cơ bản, nước sạch và vệ sinh môi trường cơ bản, thông tin cơ bản.

Phạm Thị Thu Lan (2020), Hệ thống PLXH ở các nước Bắc Âu và một số gợi ý đối với Việt Nam [109]. Bài viết đã khái quát mô hình PLXH ở các nước Bắc Âu là mô hình Phổ quát (universaliste) hay còn gọi là dân chủ-xã hội, là mô hình theo đó nhà nước bảo đảm phúc lợi cho toàn dân một cách đồng đều. Hệ thống phúc lợi Bắc Âu tập trung vào ba khía cạnh: chế độ PLXH hiện có với người lao động; quyền trong lao động (bao gồm quyền hưởng và quyền tham gia); sự phát triển hệ thống phúc lợi dựa trên nguyên tắc phổ quát. Một điểm đáng chú ý là sự phát triển mô hình dân chủ-xã hội nhờ có sự tham gia của Công đoàn trong việc tham gia vào quyết định các

chính sách KT-XH của đất nước. Trên cơ sở khái quát mô hình PLXH Bắc Âu, bài viết đã đưa ra một số gợi ý đối với Việt Nam, nhấn mạnh đến việc phải thực thi có hiệu quả các tiêu chuẩn quốc tế để hướng tới mô hình PLXH phổ quát đi liền với mô hình KTTT.

Nguyễn Thị Nga (2020), *Những rào cản trong sử dụng dịch vụ y tế và triển khai chương trình chăm sóc sức khoẻ cho người DTTS tại một số tỉnh Việt Nam* [126]. Nghiên cứu được thực hiện định tính thông qua phỏng vấn sâu và thảo luận nhóm khoảng 130 người gồm nhân sự chỉ đạo, những người trực tiếp thực hiện những chính sách này ở cấp tỉnh, huyện, xã và người DTTS tại một số tỉnh của nước ta vào năm 2019. Bằng việc chỉ ra một số rào cản như: khoảng cách địa lý vùng DTTS, thời tiết không thuận lợi; tính sẵn có của dịch vụ y tế; không có chính sách y tế dành riêng cho người DTTS, thiếu các số liệu báo cáo, những bất cập sau quá trình sáp nhập các đơn vị sự nghiệp y tế; chế độ đãi ngộ còn chưa phù hợp. Từ đó nghiên cứu đã đề xuất cần có chính sách riêng, những chương trình đề án thu thập số liệu về sức khoẻ dành riêng cho đồng bào DTTS để cung cấp bằng chứng cho việc ban hành chính sách, trong đó có sự điều chỉnh linh hoạt, phù hợp với những vùng, tỉnh có người DTTS khi thực hiện việc sáp nhập và tự chủ đối với các đơn vị sự nghiệp y tế.

Mạc Văn Tiến (2020), Xây dựng hệ thống PLXH bền vững cho người lao động - Kinh nghiệm quốc tế và một số gợi ý cho Việt Nam [172], đã khái quát nhận thức về PLXH, làm rõ mô hình PLXH ở Mỹ, Châu Âu với hình thức chủ yếu là trợ cấp bằng tiền hoặc trợ cấp hiện vật. Một số gợi ý cho Việt Nam trong việc bảo đảm PLXH bền vững cần có sự vào cuộc của cả nhà nước và doanh nghiệp. Đối với nhà nước, chương trình PLXH mang tính toàn diện với các chương trình chung hướng tới mọi người dân và các chương trình chuyên biệt, hướng tới những nhóm lao động đặc thù, bảo đảm sự công bằng cho mọi người. Đối với doanh nghiệp là tạo môi trường làm việc; chăm sóc

sức khoẻ cho người lao động của doanh nghiệp; cải thiện bữa ăn công nghiệp; tạo điều kiện cho nhân viên tăng cường tham gia các hoạt động xã hội.

Đào Thị Tùng (2020), Bảo đảm quyền học tập của người DTTS ở Tây Nguyên - cơ sở quan trọng để thực hiện bình đẳng giữa các dân tộc [197], đã khái quát việc thực hiện các chính sách bảo đảm quyền học tập của người DTTS ở Tây Nguyên với những thành tựu nổi bật như hệ thống trường phổ thông dân tộc nội trú và bán trú, trường có học sinh DTTS được mở rộng; số lượng học sinh đồng bào DTTS ở các cấp học tăng; hệ thống cơ sở vật chất và giáo viên được tăng cường, nhất là chất lượng giáo viên; chất lượng giáo dục đối với học sinh DTTS các cấp học có chuyển biến tích cực. Tuy nhiên còn có những khó khăn, thách thức như hệ thống trường lớp, trang thiết bị dạy học và cơ sở vật chất chưa đảm bảo; chất lượng giáo dục vùng DTTS còn thấp, nhất là giáo dục nghề nghiệp; một số chính sách triển khai chậm, chưa hiệu quả. Từ đó đưa ra những giải pháp cơ bản cần thực hiện như điều chỉnh, bổ sung các chính sách phát triển GDĐT đối với học sinh DTTS cho phù hợp; đầu tư xây dựng mới, mở rộng, nâng cấp các cơ sở GDĐT; phát triển, nâng cao chất lượng giáo viên, giảng viên và nhân viên trường học; tiếp tục cải cách, đổi mới nội dung, chương trình các cấp học và nâng cao chất lượng GDĐT; đẩy mạnh phát triển kinh tế cho đồng bào DTTS tạo tiền đề cho phát triển GDĐT toàn diện.

Đào Quang Vinh (2020), Đảm bảo PLXH và tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam [231], đã đưa ra khái niệm PLXH, trong đó nhấn mạnh đến mục tiêu của PLXH là nhằm đáp ứng những nhu cầu về vật chất và tinh thần của mọi người trong xã hội. Đặc điểm cơ bản của PLXH là được phân phối lại, ngoài phân phối theo lao động. Theo đó PLXH gồm những chi phí xã hội như: trả tiền hưu trí, các loại trợ cấp BHXH, học bổng cho học sinh, những chi phí cho học tập không mất tiền, những dịch vụ y tế, nghỉ ngơi, an dưỡng, nhà trẻ, mẫu giáo...Đồng thời tác giả cũng đánh giá khái quát kết quả các chính sách PLXH

mà Việt Nam đã đạt được cùng với quá trình phát triển KT-XH những năm qua và đề xuất giải pháp trong thời gian tới.

Nguyễn Đức Chiện (2021), Vai trò của Nhà nước, thị trường và xã hội trong thực hiện PLXH ở Việt Nam hiện nay [37], đã đánh giá khái quát kết quả của ba nhóm chủ thể trong việc thực hiện PLXH hiện nay, đó là: Nhà nước, thị trường và xã hội. Trong ba nhóm chủ thế đó Nhà nước đóng vai trò định hướng và ban hành chính sách; vai trò cung ứng và thúc đẩy của thị trường để thu hút sự tham gia của xã hội trong công tác này. Từ đó đặt ra yêu cầu là phải hoàn thiện một hệ thống an sinh và PLXH đa tầng, linh hoạt, bền vững, có thể bổ sung, hỗ trợ nhau, công bằng về trách nhiệm và lợi ích, chia sẻ rủi ro. Đây là mô hình PLXH phù hợp với phát triển nền KTTT định hướng XHCN ở Việt Nam hiện nay.

Nguyễn Tuyết Hạnh (2021), Thực hiện tư tưởng Hồ Chí Minh về ASXH trong thời kỳ đổi mới [71]. Bài viết đã khái quát những tư tưởng cơ bản của Chủ tịch Hồ Chí Minh về ASXH trong đó có những khía cạnh thuộc PLXH với tôn chỉ, mục tiêu là "đồng bào ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành". Nội dung cơ bản là Nhà nước xây dựng những chính sách nhằm giúp người dân "phòng ngừa rủi ro", "hạn chế rủi ro", "khắc phục rủi ro" có thể gặp phải, chế độ lao động 8 tiếng, chính sách ưu tiên đối với những người yếu thế. Đồng thời bài viết phân tích, đánh giá sự cụ thể hoá và kết quả Việt Nam đạt được từ sau khi tiến hành công cuộc đổi mới năm 1986 cho đến nay (2021).

Đoàn Minh Huấn (2021), Bảo đảm PLXH trong nền KTTT định hướng XHCN ở nước ta theo tinh thần Đại hội XIII của Đảng [103], đã phản ánh những nhận thức mới và cách tiếp cận mới của Đảng ta đối với PLXH toàn dân. Bài viết đã khẳng định: (1) "tiếp cận từ phương thức bảo đảm thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội trong nền KTTT định hướng XHCN dựa trên hai trụ cột là PLXH và ASXH được đặt trong mối quan hệ tương hỗ, bổ sung, liên thông"; (2) "tiếp cận dựa trên quyền con người được sống trong ấm no, tự do,

hạnh phúc mà bảo đảm PLXH là một nội dung cơ bản"; (3) "tiếp cận PLXH từ quan điểm hiệu quả gắn với phát triển nền KTTT định hướng XHCN"; (4) "tiếp cận từ yêu cầu giữ vững định hướng XHCN trong quá trình đổi mới". Bài viết đã khẳng định bảo đảm PLXH dựa trên cơ sở phát triển nền KTTT định hướng XHCN ở Việt Nam hiện nay, được đặt và xử lý trong mối quan hệ giữa Nhà nước với thị trường và xã hội. PLXH bao trùm nhiều lĩnh vực rộng lớn, nhưng tập trung vào những khâu trọng yếu là bảo đảm các nhu cầu thiết yếu, cơ bản về giáo dục, y tế, văn hoá, thông tin, nhà ở xã hội, giao thông công cộng, phúc lợi công nhân.

Vũ Thuỳ Linh (2021), Phúc lợi xã hội hướng tới bảo đảm công bằng xã hội trong điều kiện nền KTTT định hướng XHCN [110]. Bài viết đã làm rõ việc bảo đảm PLXH trong nền KTTT định hướng XHCN là một trong những yếu tố quan trọng đặc biệt để hướng tới bảo đảm thực hiện công bằng xã hội ở Việt Nam hiện nay. Từ đó tác giả đưa những khuyến nghị để thực hiện có hiệu quả PLXH hiện nay: "*thứ nhất*, áp dụng các hệ thống sàng lọc và xác định đối tượng thụ hưởng của các chương trình PLXH nhằm nâng cao tác động giảm nghèo từ một mức chi nhất định của Nhà nước"; *"thứ hai*, mở rộng phạm vi và đối tượng thụ hưởng PLXH theo từng nấc phù hợp với trình độ phát triển kinh tế - xã hội"; "*thứ ba*, đẩy nhanh, đẩy mạnh các hình thức xã hội hóa hoạt động PLXH"; *"thứ tư*, giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và công bằng xã hội thông qua hệ thống CSXH"; "*thứ năm*, lựa chọn mục tiêu ưu tiên trong triển khai các chương trình PLXH, trong đó đặc biệt coi trọng PLXH trong giáo dục, giúp những gia đình nghèo có trẻ nhỏ trong độ tuổi đi học được đến trường, giảm bớt gánh nặng kinh tế, tạo thêm cơ hội để các gia đình dành ra một khoản tiền chi trả cho các dịch vụ khác nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống, góp phần đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cho xã hội".

Đậu Tuấn Nam, Vũ Hải Vân, Trương Bảo Thanh (2021), *Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác dân tộc của HTCT ở vùng DTTS nước ta hiện*

nay [125]. Cuốn sách đã đưa ra một số khái niệm liên quan trực tiếp đến công tác dân tộc của HTCT, khẳng định vai trò và tầm quan trọng của HTCT hiện nay trong thực hiện công tác dân tộc ở vùng DTTS. Ấn phẩm đã đánh giá thực trạng công tác dân tộc của HTCT các cấp vùng DTTS từ năm 1986 đến nay với những thành tựu nổi bật trong xoá đói và GNBV, xây dựng HTCT, GDĐT, y tế, văn hoá…Đồng thời đã khái quát những vấn đề còn hạn chế hiện nay và đề xuất các giải pháp phù hợp nhằm nâng cao hơn nữa hiệu quả công tác dân tộc của HTCT ở vùng DTTS đến năm 2030, tập trung vào các nhóm giải pháp: nâng cao hơn nữa nhận thức của các cấp uỷ và toàn HTCT; tăng cường bồi dưỡng cán bộ các cấp về kỹ năng, nghiệp vụ; đổi mới thể chế, chính sách; tăng cường đầu tư bằng ngân sách cho vùng DTTS.

Đào Nguyên Phúc (2021), Hoàn thiện chính sách giáo dục cho đồng bào DTTS, miền núi [139], đã khái quát các kết quả đạt được đối với giáo dục cho đồng bào DTTS và miền núi, trong đó nhấn mạnh đến việc thực hiện chính sách ưu đãi đối với giáo viên, học sinh cũng như những chính sách đầu tư về cơ sở vật chất, trang thiết bị. Nhờ đó mạng lưới, quy mô trường lớp, hệ thống cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên vùng DTTS và miền núi nước ta có sự phát triển vượt bậc. Tuy nhiên, còn có những hạn chế thời gian qua như chính sách dàn trải, việc tiếp cận giáo dục cấp trung học phổ thông và học nghề đối với hộ nghèo còn hạn chế, hệ thống cơ sở vật chất và nhất là giáo viên chưa bảo đảm. Từ đó đã đưa ra những giải pháp để tiếp tục hoàn thiện các chính sách này cho đồng bào DTTS và miền núi ở nước ta thời gian tới.

Nguyễn Thị Thu Thanh (2021), Chính sách dân tộc của Việt Nam qua 35 năm đổi mới [160]. Bài viết đã khái quát bối cảnh và nhận thức mới về vấn đề dân tộc của Đảng ta trong đó tiếp tục xác định xử lý đúng đắn vấn đề dân tộc và quan hệ dân tộc là một trong những nhiệm vụ có tính chất chiến lược và đặc biệt quan trọng. Trên cơ sở đó đã khái quát thành tựu nổi bật trong việc thực hiện chính sách dân tộc qua 35 năm đổi mới và kiến nghị một

số giải pháp, trọng tâm là: tăng cường công tác tuyên truyền các chính sách dân tộc, nhiệm vụ công tác dân tộc; hoàn thiện văn bản pháp luật về dân tộc, công tác dân tộc, trong đó sớm xây dựng và ban hành Luật Dân tộc; các chính sách dân tộc phải cụ thể và phù hợp với điều kiện KT-XH, đặc trưng văn hóa của từng vùng, đặc điểm của từng cộng đồng DTTS, từng địa phương.

Trương Tất Thịnh (2021), *Bảo đảm công bằng về PLXH cho đồng bào DTTS ở các tỉnh biên giới phía Bắc Việt Nam hiện nay* [165]. Luận án đã xây dựng được khung lý luận để nghiên cứu gồm khái niệm, nội dung, phương thức và tiêu chí đánh giá thực trạng các chính sách PLXH. Trên cơ sở đó đã phân tích, làm rõ những kết quả đã đạt được trong thực hiện công bằng về PLXH cho đồng bào DTTS các tỉnh biên giới phía Bắc hiện nay trên những lĩnh vực là xoá đói, GNBV; BHXH, BHYT; các chế độ ưu đãi, trợ giúp xã hội; đồng thời đánh giá phương thức thực hiện từ khâu ban hành, tuyên truyền, tổ chức thực hiện đến đánh giá, điều chỉnh, bổ sung chính sách. Từ đó đã đề xuất các nhóm giải pháp tiếp tục thực hiện công bằng về PLXH cho đồng bào DTTS ở các tỉnh biên giới phía Bắc Việt Nam hiện nay, tập trung vào nhóm chính sách của Nhà nước, của địa phương và cộng đồng, tăng cường hiệu quả hoạt động của HTCT các cấp, phát huy nội lực của đồng bào DTTS.

Trần Thị Thu Trang (2021), Mô hình PLXH của Trung Quốc [199], đã khái quát sự phát triển hệ thống PLXH ở Trung Quốc qua các thời kỳ trong đó xác định PLXH là một phần của ASXH. Cấu trúc của ASXH ở Trung Quốc hiện nay bao gồm: BHXH, PLXH, các chính sách ưu đãi. Trong đó chế độ PLXH nhằm hướng đến năm bảo đảm là: ăn, mặc, ở, y tế và chi phí cho người già, trẻ mồ côi đang sống trong điều kiện khó khăn. Đây là những nội dung có giá trị tham khảo rất tốt đối với Việt Nam hiện nay.

Đặng Quang Trung (2021), Nâng cao chất lượng giáo dục cho đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi: Góc nhìn từ chính sách [200], đã khái quát những chính sách ưu đãi của Nhà nước ta để phát triển toàn diện giáo dục vùng DTTS, miền núi. Đó là chính sách cấp/tặng học bổng; ưu đãi về học

phí; hỗ trợ một phần chi phí học tập; trợ cấp xã hội; chính sách ưu tiên trong tuyển sinh cao đẳng, đại học; chính sách ưu đãi riêng đối với học sinh DTTS rất ít người; chính sách tăng cường tiếng Việt cho học sinh vùng DTTS; chính sách ưu đãi đối với giáo viên công tác tại vùng DTTS, miền núi.

Bùi Sỹ Lợi (2022), Giảm nghèo bền vững vùng đồng bào DTTS và miền núi ở nước ta hiện nay [114], đã khái quát thành tựu giảm nghèo và bảo đảm ASXH với đồng bào các DTTS và miền núi trong giai đoạn 2011 - 2020 theo 5 tiêu chí, đó là: "(1) *tính kịp thời* trong việc hoàn thiện, ban hành cơ chế, chính sách; (2) *tính phù hợp* của cơ chế, chính sách, dự án đã ban hành trong triển khai thực hiện mục tiêu giảm nghèo về đối tượng thụ hưởng, đặc điểm vùng, miền; (3) *tính đồng bộ và hệ thống* của chính sách giảm nghèo; (4) *tính đầy đủ* thể hiện ở mức độ bố trí nguồn lực, bảo đảm đầy đủ và kịp thời nguồn lực cho thực hiện các dự án, chính sách trong chương trình giảm nghèo; (5) *tính hiệu lực và hiệu quả"*. Trên cơ sở đó đã đánh giá những thành tựu và nguyên nhân, những hạn chế và nguyên nhân đồng thời đề xuất các giải pháp trọng tâm như: hoàn thiện hệ thống ASXH toàn diện; hỗ trợ đất đai; phát huy tiềm năng, lợi thế của từng vùng; đầu tư kết cấu hạ tầng KT-XH; tăng cường quản lý nhà nước về GNBV.

Phạm Thị Hoàng Hà, Nguyễn Thị Thu Huyền (2023), Chính sách phát triển KT-XH gắn với phát huy tinh thần tự lực, tự cường của đồng bào DTTS ở Tây Nguyên - Thực trạng và giải pháp [68]. Trước hết các tác giả đã khẳng định việc phát huy nội lực của đồng bào các DTTS ở Tây Nguyên là yếu tố then chốt để phát triển KT-XH, GNBV đồng thời phân tích làm rõ những chủ trương, chính sách hỗ trợ và thúc đẩy đồng bào DTTS chủ động vươn lên xây dựng đời sống mới. Bên cạnh việc khẳng định những thành tựu, bài viết cũng chỉ ra những khó khăn, tồn tại cần được giải quyết trong thời gian tới, trọng tâm là các chính sách chung của Nhà nước cho vùng đồng bào DTTS của cả nước và đề xuất chính sách đặc thù cho Tây Nguyên về đất đai, phát triển rừng; tín dụng chính sách; phát triển GDĐT vùng đồng bào DTTS nhằm nâng

cao chất lượng nguồn nhân lực; các chính sách GNBV và giải quyết việc làm cho đồng bào DTTS ở Tây Nguyên.

Bùi Ngọc Quý (2023), Vai trò của PLXH trong việc đảm bảo tính bền vững của CSXH [146], đã khái quát quan điểm của Đảng ta hiện nay về vai trò của PLXH, một trụ cột của CSXH, trong đó làm rõ 3 nguồn tài chính cho PLXH: "(1) đóng góp của các chủ thể tham gia thị trường; (2) ngân sách nhà nước; (3) huy động cộng đồng". Đánh giá những kết quả việc thực hiện PLXH đã đạt được trong bảo đảm công bằng và ổn định xã hội; xoá đói và GNBV; thúc đẩy các dịch vụ xã hội cơ bản cho người dân (y tế, GDĐT, văn hoá, thông tin); các biện pháp phòng ngừa, khắc phục rủi ro cho người dân; thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền vững. Từ đó đưa ra một số giải pháp phù hợp, khả thi để phát huy thực sự hiệu quả vai trò của PLXH - một trụ cột của CSXH.

Nguyễn Lâm Thành (2023), Phát huy vai trò của tín dụng CSXH đối với đồng bào DTTS [161], đã làm rõ vai trò và hiệu quả của tín dụng CSXH thời gian qua đối với đồng bào DTTS trong phát triển KT-XH. Với việc phân tích những ưu điểm nổi bật cũng như những hạn chế thời gian qua đã đề xuất giải pháp để tiếp tục phát huy hiệu quả của tín dụng CSXH dành cho đồng bào DTTS với quan điểm chủ đạo là "đổi mới và mở rộng chính sách tín dụng của Ngân hàng CSXH theo hướng tăng định mức; mở rộng đối tượng được vay đến các dự án sản xuất kinh doanh, tạo sinh kế cho đồng bào DTTS".

Hoàng Bá Thịnh (2024), Thực hiện CSXH, bảo đảm an sinh và PLXH trong tình hình mới [166], đã tổng quan những quan điểm chỉ đạo của Đảng, giải pháp của Nhà nước ta trong thực hiện CSXH trên các lĩnh vực cơ bản như BHXH, BHYT, BHTN và một số chính sách ưu đãi, trợ giúp, cứu trợ. Trên cơ sở Nghị quyết số 42-NQ/TW, ngày 24/11/2023 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khoá XIII "về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng CSXH, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc trong giai đoạn mới", đã đề xuất giải pháp cơ bản như mở rộng ASXH để bù đắp tác động kinh tế cho

nhóm dễ bị tổn thương nhất do biến đổi khí hậu tác động đến; cải thiện chất lượng những dịch vụ xã hội cơ bản về GDĐT, y tế, thông tin, hạ tầng, nước sạch, môi trường; đẩy mạnh chuyển đổi số và nâng cao năng lực thực thi CSXH, tạo cơ hội tiếp cận công bằng cho mọi người dân, thực hiện bình đẳng giới trong thụ hưởng ASXH và PLXH.

Julia Kagan (2024), *Social Welfare System: Definition and How It Work*s (tạm dịch là Hệ thống PLXH: Định nghĩa và cách thức hoạt động) [236], đã đưa ra khái niệm hệ thống PLXH là mạng lưới rộng lớn các chương trình, trợ cấp và hỗ trợ có sẵn để cung cấp hỗ trợ tài chính và vật chất cho những cá nhân và gia đình có nhu cầu. Bài viết cũng đề cập đến lợi ích của PLXH và cách thức hệ thống PLXH hoạt động. Trong đó nhấn mạnh đến việc PLXH cung cấp các gói hỗ trợ phù hợp cho các đối tượng được thụ hưởng thông qua gói chăm sóc sức khỏe, tem phiếu thực phẩm, trợ cấp thất nghiệp, hỗ trợ nhà ở và hỗ trợ chăm sóc trẻ em.

1.2. CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU CÓ LIÊN QUAN ĐẾN PHÚC LỢI XÃ HỘI ĐỐI VỚI ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở TỈNH LÂM ĐỒNG

Hà Thị Hạnh (2014), Giải pháp thực hiện tốt các chính sách dân tộc ở tỉnh Đắk Nông [72], đã khái quát kết quả nổi bật của những chính sách dân tộc đã triển khai ở tỉnh Đắk Nông (cũ). Bằng việc đánh giá những ưu điểm cũng như chỉ ra những hạn chế, bài viết đã đề xuất một số giải pháp cơ bản nhằm thực hiện có hiệu quả hơn nữa chính sách dân tộc ở tỉnh Đắk Nông trong thời gian tới là: nâng cao hiệu quả tuyên truyền; nâng cao năng lực lãnh đạo của cấp uỷ đảng, tổ chức thực hiện của chính quyền các cấp; bảo đảm vốn cho các chương trình, dự án; giải quyết triệt để những vấn đề bức xúc trong vùng DTTS.

Đào Hữu Hòa (2016), *Đánh giá nguồn lực sinh kế và đề xuất mô hình sinh kế bền vững cho các hộ nghèo là DTTS trên địa bàn tỉnh Đắk Nông* [74]. Đề tài trên cơ sở điều tra, khảo sát đã làm rõ thực trạng chất lượng cuộc sống

và khả năng tiếp cận các nhu cầu thiết yếu của các hộ gia đình nghèo là người DTTS ở Đắk Nông (cũ), nhấn mạnh đến các nguồn lực sinh kế chủ yếu của đồng bào DTTS và cơ hội để tiếp cận các nguồn lực sinh kế của các hộ gia đình nghèo. Trên cơ sở chỉ ra các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng sinh kế của các hộ gia đình đặc biệt là nhân tố kinh tế, văn hóa truyền thống sản xuất, đề tài đã đề xuất một số mô hình sinh kế phù hợp (nông, lâm nghiệp; thủ công; dịch vụ du lịch cộng đồng) và các giải pháp phù hợp để thúc đẩy phát triển KT-XH nhằm cải thiện sinh kế cho các hộ nghèo là người DTTS tại Đắk Nông (cũ).

Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội (2019), Lâm Đồng: Nhìn lại kết quả giảm nghèo vùng đồng bào dân tộc thiểu số [24], đã khái quát những thành tựu nổi bật trong công tác giảm nghèo tại tỉnh Lâm Đồng (cũ), những nguyên nhân cơ bản của thành tựu là tỉnh đã đẩy mạnh xây dựng hạ tầng KT-XH, nâng cao năng lực sản xuất cho vùng đồng bào DTTS, sự tham gia của cộng đồng và toàn HTCT hỗ trợ đồng bào DTTS giảm nghèo bền vững. Tuy nhiên giảm nghèo hiện còn một số tồn tại, hạn chế như: chính sách giảm nghèo còn mang tính chia đều, tình trạng di cư tự do đến còn diễn ra. Từ đó đã đưa ra giải pháp thời gian tới là đẩy mạnh tuyên truyền nhằm chuyển biến nhận thức trong giảm nghèo, khơi dậy ý chí chủ động, vươn lên của người nghèo; triển khai đầy đủ các chính sách chung (về y tế, giáo dục, dạy nghề, vốn vay ưu đãi, nhà ở, …); thực hiện hiệu quả các chính sách hỗ trợ nâng cao năng lực sản xuất; phát huy sự tham gia hiệu quả hơn của HTCT các cấp và toàn xã hội cho GNBV.

Nguyễn Đình Tiến (2020), Bàn về giải pháp đẩy mạnh phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS ở Tây Nguyên [171], đã khẳng định kinh tế đói nghèo, bất bình đẳng là nguyên nhân sâu xa, sự kích động bởi các thế lực thù địch là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến nguy cơ bạo loạn ly khai. Vì thế, đẩy mạnh phát triển KT-XH, nâng cao đời sống của đồng bào DTTS là giải pháp hữu hiệu để củng cố khối đoàn kết các dân tộc ở Tây Nguyên vững chắc, bảo

đảm ANQP. Từ đó tác giả đã đề xuất một số giải pháp, trọng tâm là: đẩy mạnh hơn nữa công tác thông tin tuyên truyền, nâng cao nhận thức và trách nhiệm của CBCCVC và Nhân dân trong việc phát triển KT-XH; thực hiện hiệu quả các chính sách phát triển KT-XH, bảo đảm ANQP ở phương; tăng cường GDĐT, nâng cao dân trí; thực hiện đồng bộ các giải pháp phát triển văn hóa, bảo đảm công bằng xã hội; xây dựng thế trận khu vực phòng thủ vững chắc.

Vương Hoàng (2021), Đắk Nông: Nhiều kết quả nổi bật trong công tác lao động - xã hội và người có công trong năm 2020 [75], đã khái quát những kết quả nổi bật trong công tác lao động - xã hội và ưu đãi đối với người có công năm 2020, điểm nhấn là việc đẩy mạnh công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm và giảm nghèo hiệu qủa. Từ việc khái quát những kết quả đạt được, những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân, bài viết đã đưa ra những giải pháp như: đẩy mạnh các giải pháp phát triển KT-XH theo hướng tạo việc làm, gắn với chuyển dịch cơ cấu kinh tế và lao động nông thôn, đẩy mạnh ứng dụng khoa học vào sản xuất, tạo môi trường thuận lợi thu hút đầu tư; phối hợp với ngành chức năng kiểm tra, hướng dẫn việc cho vay, sử dụng vốn vay; thu hồi vốn tại các dự án không khả thi, đảm bảo phát huy hiệu quả sử dụng vốn; tăng cường công tác hướng nghiệp, đào tạo nghề, giới thiệu việc làm cho người lao động.

Đỗ Văn Nhân, Nguyễn Thị Kim Đoan (2021), Quản lý phát triển xã hội về GNBV ở tỉnh Đắk Nông - thực trạng và những vấn đề đặt ra [132], đã đánh giá những kết quả nổi bật trong công tác giảm nghèo ở tỉnh Đắk Nông (cũ) bằng việc đẩy mạnh công tác truyền thông, nâng cao nhận thức cho toàn xã hội; hoàn thiện cơ quan quản lý về giảm nghèo; ban hành và tổ chức tốt các đề án về giảm nghèo, nhất là GNBV đối với các DTTS tại chỗ. Cùng với khẳng định những kết quả đã đạt được, bài viết cũng cho rằng, công tác này còn tồn tại những khó khăn, bất cập trong công tác truyền thông, triển khai thực hiện, bảo đảm nguồn vốn.

Đỗ Công Tiến (2021), Tỉnh Đắk Nông đẩy mạnh thực hiện công tác giảm nghèo, ưu tiên phát triển toàn diện vùng dân tộc thiểu số, miền núi [170], đã đánh giá về kết quả giảm nghèo ở tỉnh Đắk Nông (cũ) thời gian qua, trong đó làm nổi bật những ưu điểm đạt được như giảm nghèo nhanh, nhất là trong đồng bào DTTS tại chỗ; nhưng cũng còn có những hạn chế cơ bản là hộ nghèo DTTS còn khá cao, nhất là DTTS tại chỗ; giảm nghèo nhanh nhưng chưa bền vững; thu nhập và đời sống của các hộ dân mới thoát nghèo, thoát cận nghèo còn thấp. Từ đó đề xuất một số giải pháp để tiếp tục thực hiện GNBV cho đồng bào DTTS của tỉnh, trong đó: thực hiện đồng thời các chương trình mục tiêu quốc gia; bảo đảm phân bổ đủ nguồn vốn cho các chương trình, dự án; nâng cao hiệu quả quản lý đối với các chương trình, đề án giảm nghèo; giải quyết đất sản xuất; hỗ trợ việc làm.

Thanh Huyền (2022), Đắk Nông nỗ lực GNBV cho đồng bào DTTS [100], đã khái quát thành tựu giảm nghèo trên địa bàn tỉnh đối với đồng bào DTTS bằng việc thực hiện tốt những chính sách của Trung ương cũng như của địa phương và phát huy nội lực của đồng bào DTTS. Bên cạnh những thành tựu đã đạt được, công tác GNBV cho đồng DTTS ở tỉnh Đắk Nông (cũ) còn đối diện với nhiều vấn đề khó khăn như kết quả triển khai một số tiểu dự án chưa đạt mục tiêu theo tiến độ kế hoạch đề ra, tỷ lệ giải ngân toàn chương trình thấp. Trên cơ sở đó đã xác định những giải pháp trọng tâm để thực hiện GNBV đối với đồng bào các DTTS của tỉnh thời gian tới, trong đó quan trọng nhất là công tác phối hợp thực hiện.

Lê Hiếu (2023), Cụ thể hóa chính sách hỗ trợ đồng bào DTTS ở Đắk Nông [76], đã khái quát việc cụ thể hoá một số chính sách ASXH và PLXH dành cho đồng bào các DTTS ở tỉnh Đắk Nông (cũ) với những mô hình, cách làm hiệu quả, thiết thực. Những kết quả mà tỉnh đạt được rất tích cực nhưng còn nhiều hạn chế do điều kiện KT-XH nhiều vùng của tỉnh còn khó khăn, nhất là vùng DTTS; tình trạng di cư tự do đến tuy đã được kiểm soát nhưng vẫn còn nhiều hộ di cư từ lâu chưa được bố trí ổn định; nhiều người còn tâm

lý ỷ lại, chưa có ý thức thoát nghèo; một số địa phương, cơ sở chưa quan tâm đúng mức đến công tác giảm nghèo. Từ đó đề xuất những điểm nghẽn cần sớm được tháo gỡ như: định mức và hình thức hỗ trợ các dân tộc khó khăn vẫn chưa được quy định cụ thể; văn bản hướng dẫn, cụ thể hoá chương trình của một số bộ, ngành chưa chi tiết, bị chồng chéo, gây khó khăn khi địa phương tổ chức thực hiện.

Bảo Ngọc (2023), Đắk Nông, nỗ lực giải quyết đất ở, đất sản xuất cho đồng bào DTTS [130], đã khái quát việc hỗ trợ đất ở, đất sản xuất cho đồng bào DTTS trên địa bàn tỉnh Đắk Nông (cũ) từ năm 2002 cho đến nay (2023) theo các chương trình 132, 134, chương trình 1719. Trên cơ sở khái quát những thành tựu nổi bật, những hạn chế và khó khăn, đánh giá tính hiệu quả của các chương trình đã kiến nghị giải pháp thời gian tới là: tiếp tục thực hiện tốt việc quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đai tại vùng DTTS, quy hoạch bố trí dân cư, quy hoạch nông thôn mới…làm cơ sở cho việc hỗ trợ đất đai cho đồng bào DTTS gắn với việc giao khoán bảo vệ rừng, thực hiện chính sách dịch vụ môi trường rừng, trồng rừng sản xuất, phát triển nông - lâm nghiệp kết hợp, tạo sinh kế lâu dài cho người dân.

Thành Nhân (2023), Bình Thuận: Những chính sách đi vào cuộc sống ở vùng đồng bào DTTS và miền núi [133], đã khái quát những chính sách dân tộc của Đảng, Nhà nước và địa phương đang thực hiện tại vùng DTTS, miền núi của tỉnh Bình Thuận (cũ) như giao khoán chăm sóc, bảo vệ rừng, hỗ trợ đất sản xuất, đầu tư ứng trước giống sản xuất bắp lai, lúa nước và kết hợp các tiểu dự án trong ba chương trình mục tiêu quốc gia. Nhờ đó công tác giảm nghèo trong vùng DTTS của tỉnh đã có kết quả rất tích cực, đời sống của Nhân dân được nâng lên.

Thuý Diễm (2024), Đắk Nông chú trọng phát triển kinh tế vùng đồng bào DTTS [42], đã khái quát kết quả 5 năm thực hiện chính sách dân tộc giai đoạn 2019-2024 với những kết quả rất quan trọng về kinh tế, thu nhập, lao

động việc làm và các chỉ tiêu đạt được được của chiến lược công tác dân tộc. Bài viết cũng đánh giá những tồn tại và nguyên nhân, trong đó nhấn mạnh đến những nguyên nhân xuất phát từ phía đồng bào DTTS, nguyên nhân xuất phát từ chính sách và công tác tổ chức thực hiện chính sách dân tộc thời gian qua trên địa bàn tỉnh. Từ đó đề xuất một số giải pháp trong giai đoạn tới, trọng tâm là đẩy mạnh công tác tuyên truyền, rà soát điều chỉnh, bổ sung chính sách phù hợp; tăng cường công tác phối hợp; bảo đảm nguồn vốn đầu tư; thúc đẩy phát triển sinh kế đa dạng, bền vững cho đồng bào.

Hồ Nhuỵ (2024), Lâm Đồng chú trọng phát triển toàn diện vùng DTTS và miền núi [136], đã tập trung làm rõ những kết quả của tỉnh Lâm Đồng (cũ) đạt được khi triển khai 02 Nghị quyết chuyên đề về phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS và miền núi: Nghị quyết số 14-NQ/TU, ngày 09/10/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ "về phát triển vùng đồng bào DTTS tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2018 - 2025, định hướng đến năm 2030" và Nghị quyết số 16-NQ/TU, ngày 03/06/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ "về phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2022 - 2030". Bài viết đã đề cập đến những kết quả tích cực trong việc đầu tư vào hạ tầng, vay vốn ưu đãi, phát triển sản xuất, nâng cao đời sống mọi mặt cho đồng bào DTTS trên địa bàn tỉnh, đồng thời cũng đánh giá những điểm còn bất cập và đề xuất giải pháp cho thời gian tới như: phát triển hạ tầng KT-XH; nâng cao tay nghề; nâng cao năng lực sản xuất và chuyển đổi nghề phù hợp cho lao động DTTS.

Mỹ Vân (2024), tỉnh Bình Thuận quan tâm phát triển giá trị văn hóa của các dân tộc thiểu số [230], đã khái quát một số nét văn hoá đặc trưng của các DTTS tỉnh Bình Thuận (cũ), việc thực hiện những chính sách hỗ trợ của Nhà nước, chính quyền địa phương trong thời gian qua như chú trọng phát huy giá trị của các làng nghề (gốm, dệt), trang phục, tiếng nói, dân ca, múa, chữ viết, lễ hội…gắn với phát triển du lịch. Từ đó đã đề xuất giải pháp thực hiện đến năm 2030 với trọng tâm là nâng cao năng lực của cộng đồng, đẩy mạnh truyền thông và các chính sách hỗ trợ.

Hồng Loan (2025): Bảo đảm quyền của người dân tộc thiểu số ở tỉnh Lâm Đồng: Điểm sáng góp phần bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng hiện nay [112], đã khái quát những kết quả cấp uỷ, chính quyền địa phương đã lãnh đạo, chỉ đạo đạt được trong thực hiện các quyền của người DTTS của tỉnh Lâm Đồng trên những lĩnh vực cơ bản là phát triển KT-XH, chính trị và văn hoá. Đồng thời cũng chỉ ra những hạn chế và đề xuất giải pháp thời gian tới, tập trung vào nâng cao hơn nữa nhận thức của HTCT cơ sở và xã hội, tiếp tục đầu tư hiệu quả các chương trình phát triển KT-XH đi đôi với củng cố ANQP; xây dựng HTCT cơ sở vùng DTTS.

Minh Hưng (2025), Diện mạo mới vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi Lâm Đồng [99]**,** đã khái quát việc thực hiện "Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021 - 2025" theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg, ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ, với tổng kế hoạch vốn giao cho ba tỉnh Bình Thuận (cũ), Đắk Nông (cũ), Lâm Đồng (cũ) và nay là tỉnh Lâm Đồng gần 3.300 tỷ đồng. Các tỉnh đã triển khai đầu tư khá đồng bộ từ kết cấu hạ tầng đến đa dạng sinh kế cho người dân. Nhờ đó tỷ lệ hộ nghèo DTTS của ba tỉnh trước sáp nhập và tỉnh Lâm Đồng hiện nay đã giảm nhanh chóng. Tuy vậy để giảm nghèo thực sự bền vững và nâng cao đời sống toàn diện cho đồng bào DTTS của tỉnh, giai đoạn 2026-2030 tỉnh cần nguồn vốn đầu tư khoảng 3.050 tỷ đồng, chủ yếu từ nguồn vốn của Trung ương.

Nguyễn Đình Phong, Nguyễn Thị Cẩm Trang (2025), Công tác phát triển KT-XH vùng DTTS ở tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2021 - 2025 [138], đã khái quát kết quả phát triển KT-XH vùng DTTS của tỉnh Đắk Nông (cũ) trên những lĩnh vực cơ bản là giảm nghèo; đào tạo nguồn nhân lực; chăm sóc nâng cao sức khỏe cho đồng bào; quan tâm phát huy hiệu quả lực lượng cốt cán và những người có uy tín; gìn giữ và phát huy các giá trị văn hóa tốt đẹp của đồng bào các DTTS. Đồng thời cũng đánh giá những mặt còn hạn chế như giảm nghèo chưa thật sự bền vững đối với nhiều hộ đồng bào DTTS;

công tác tuyên truyền chưa đạt kết quả cao; một số chính sách chưa thật phù hợp với đối tượng thụ hưởng. Từ đó đã đề xuất một số giải pháp cho giai đoạn tới, trong đó nhấn mạnh đến việc bổ sung, điều chỉnh các chính sách cho phù hợp, phối hợp thực hiện và giám sát thực thi hiệu quả.

Diệp Quỳnh (2026), Nỗ lực chăm lo an sinh vùng đồng bào dân tộc thiểu số [147], đã khái quát đặc điểm KT-XH của vùng DTTS của tỉnh Lâm Đồng (mới) và những kết quả nổi bật trong đầu tư kết cấu hạ tầng KT-XH, triển khai đồng thời các chương trình của Trung ương và địa phương, giao khoán bảo vệ rừng, trồng rừng, đặc biệt là các chương trình ASXH như hỗ trợ BHYT, hỗ trợ nhà ở, giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống, bồi dưỡng kiến thức dân tộc đối với cán bộ trong HTCT giai đoạn 2018 - 2025, hỗ trợ thực hiện bình đẳng giới vùng DTTS, tăng cường GDĐT vùng DTTS, gìn giữ và phát huy hiệu quả văn hoá, bản sắc tốt đẹp của các dân tộc gắn với phát triển du lịch. Những kết quả đạt được như trên đã góp phần GNBV và nâng cao đời sống mọi mặt của đồng bào các DTTS ở tỉnh Lâm Đồng hiện nay.

1.3. GIÁ TRỊ CỦA CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ TỔNG QUAN VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ LUẬN ÁN CẦN TIẾP TỤC NGHIÊN CỨU

1.3.1. Giá trị của các công trình đã tổng quan

Thứ nhất, các công trình đã đề cập đến những vấn đề lý luận chung về PLXH: cơ sở lý luận (quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam); khái niệm, đặc điểm, vai trò và mô hình PLXH; phương thức thực hiện PLXH; vai trò của các chủ thể (nhà nước, người dân, xã hội) trong việc thực hiện PLXH; kinh nghiệm của một số quốc gia trong thực hiện PLXH và khả năng vận dụng vào Việt Nam. Những nghiên cứu này là tài liệu tham khảo để tác giả luận chứng, trình bày những nội dung cơ bản của vấn đề bảo đảm PLXH đối với đồng bào DTTS ở tỉnh Lâm Đồng hiện nay trên bốn lĩnh vực là: GNBV; BHXH, BHYT, BHTN; GDĐT; trợ giúp xã hội, cứu trợ xã hội, ưu đãi xã hội.

Thứ hai, các công trình đã khái quát những thành tựu và nguyên nhân, hạn chế và nguyên nhân trong thực hiện PLXH ở một số nước, ở Việt Nam và ở một số địa phương trong nước giai đoạn vừa qua và đối với đồng bào DTTS của tỉnh Bình Thuận (cũ), Đắk Nông (cũ), Lâm Đồng (cũ) và tỉnh Lâm Đồng hiện nay. Đó là thực trạng về việc bảo đảm những nội dung cơ bản, cụ thể của PLXH đối với đồng bào DTTS như GNBV, GDĐT, văn hoá, y tế, hỗ trợ đất ở, đất sản xuất, hỗ trợ về nhà ở, điện, nước sinh hoạt…; công tác quản lý nhà nước về CSXH và PLXH; những rào cản của việc thực hiện PLXH. Đồng thời các công trình cũng làm rõ những nhân tố có ảnh hưởng trực tiếp đến việc thực hiện các chính sách PLXH cho Nhân dân nói chung, đối với đồng bào DTTS nói riêng hiện nay. Những kết quả này chính là cơ sở để hoạch định quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp nhằm thúc đẩy và nâng cao hơn nữa PLXH đối với đồng bào DTTS ở tỉnh Lâm Đồng hiện nay.

Thứ ba, các công trình cũng đã phác hoạ hệ thống những quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và những giải pháp cụ thể, phù hợp để nâng cao hiệu quả bảo đảm PLXH cho Nhân dân nói chung, đồng bào DTTS nói riêng trong đó có đồng bào DTTS ở tỉnh Lâm Đồng. Các giải pháp được đề cập là: nhóm giải pháp về nhận thức, sự lãnh đạo của các tổ chức đảng, công tác quản lý nhà nước của chính quyền các cấp, việc ban hành và phối hợp thực thi chính sách, vai trò giám sát của Nhân dân địa phương, giám sát của MTTQ Việt Nam và các tổ chức CT-XH các cấp, việc phát huy nội lực của đồng bào các DTTS.

Những công trình trên đã cung cấp tương đối hệ thống những vấn đề về lý luận cũng như về thực tiễn khi tiếp cận về bảo đảm PLXH nói chung, bảo đảm PLXH cho đồng bào DTTS ở tỉnh Bình Thuận (cũ), Đắk Nông (cũ), Lâm Đồng (cũ) và tỉnh Lâm Đồng hiện nay nói riêng. Đó chính là cơ sở khoa học bổ ích để tác giả luận án tham khảo, khai thác, phục vụ cho mục tiêu nghiên cứu của đề tài này. Tuy nhiên, cho đến nay chưa có công trình nào nghiên cứu trực tiếp, hệ thống dưới góc độ CT-XH về bảo đảm PLXH cho đồng bào DTTS ở tỉnh Lâm Đồng. Đây là khoảng trống cần nghiên cứu góp phần làm

rõ và bổ sung lý luận về PLXH, bảo đảm PLXH cho Nhân dân nói chung, với đồng bào DTTS nói riêng trong nền KTTT định hướng XHCN ở nước ta hiện nay. Đồng thời phân tích, đánh giá thực tiễn bảo đảm PLXH đối với đồng bào DTTS ở tỉnh Lâm Đồng hiện nay.

1.3.2. Những vấn đề luận án cần tập trung nghiên cứu

Một là, tổng hợp, làm rõ những cơ sở lý luận, cơ sở thực tiễn của vấn đề bảo đảm PLXH đối với đồng bào DTTS, nhất là khái niệm, chủ thể, nội dung, phương thức, tầm quan trọng của việc bảo đảm PLXH đối với đồng bào DTTS ở tỉnh Lâm Đồng và những yếu tố tác động đến công tác này. Đồng thời làm rõ việc bảo đảm PLXH đối với đồng bào DTTS ở tỉnh Lâm Đồng hiện nay là cách thức để Nhà nước và xã hội phân phối lại thu nhập xã hội, nhằm bảo đảm "tiến bộ và công bằng xã hội" trong thực tiễn phát triển nền KTTT định hướng XHCN ở Việt Nam hiện nay. Riêng nội dung bảo đảm PLXH đối với đồng bào DTTS ở tỉnh Lâm Đồng sẽ nghiên cứu bốn lĩnh vực là: GNBV; BHXH, BHYT, BHTN; GDĐT; trợ giúp xã hội, cứu trợ xã hội, ưu đãi xã hội.

Hai là, phân tích, đánh giá chính xác, khách quan những thành tựu đã đạt được và nguyên nhân cũng như những vấn đề còn tồn tại, hạn chế và nguyên nhân trong bảo đảm PLXH đối với đồng bào DTTS ở tỉnh Bình Thuận (cũ), Đắk Nông (cũ), Lâm Đồng (cũ) và tỉnh Lâm Đồng hiện nay trên bốn lĩnh vực cơ bản là: GNBV; BHXH, BHYT, BHTN; GDĐT; trợ giúp xã hội, cứu trợ xã hội, ưu đãi xã hội. Từ đó, luận án sẽ khái quát những vấn đề cơ bản đặt ra từ thực trạng bảo đảm PLXH đối với đồng bào DTTS ở tỉnh Lâm Đồng hiện nay.

Ba là, trên cơ sở những quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam, hệ thống chính sách dân tộc của Nhà nước, chiến lược, kế hoạch phát triển KT-XH của tỉnh, bối cảnh mới đặt ra và đặc điểm KT-XH, văn hoá của các DTTS ở tỉnh Lâm Đồng, luận án đề xuất quan điểm, hệ thống giải pháp phù hợp góp phần bảo đảm hơn nữa PLXH đối với đồng bào DTTS ở tỉnh Lâm Đồng thời gian tới.

Kết luận chương 1

Phúc lợi xã hội là giá trị mà mọi quốc gia đều quan tâm, hướng đến nhằm đáp ứng tốt hơn quyền con người và thúc đẩy phát triển toàn diện, bền vững của đất nước trong xu thế toàn cầu hoá hiện nay. Đối với đồng bào DTTS, do yếu tố lịch sử và nhiều nguyên nhân cả khách quan và chủ quan nên đời sống, việc làm, thu nhập, việc tiếp cận những dịch vụ xã hội cơ bản gặp nhiều khó khăn nên rất cần được nhà nước, chính quyền địa phương và cộng đồng quan tâm, hỗ trợ bằng những chính sách PLXH phù hợp để họ có điều kiện vươn lên. Vì lẽ đó đã có nhiều công trình nghiên cứu của nước ngoài và trong nước nghiên cứu về vấn đề PLXH nói chung và PLXH dành cho đồng bào DTTS nói riêng.

Các công trình nghiên cứu trên đã đề cập đến những vấn đề cơ bản về lý luận và thực tiễn của PLXH: đó là những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng của Hồ Chí Minh về PLXH; sự thể chế hoá, cụ thể hoá của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước Cộng hoà XHCN Việt Nam thành các chính sách PLXH cho Nhân dân nói chung, đối với đồng bào DTTS nói riêng. Đây là những công trình nghiên cứu tiêu biểu, có giá trị lý luận và thực tiễn để nghiên cứu luận án này.

Cho đến nay chưa có công trình nghiên cứu nào nghiên cứu đầy đủ về thực trạng bảo đảm PLXH đối với đồng bào DTTS ở tỉnh Lâm Đồng. Vì vậy Luận án này nhằm đánh giá đúng thực trạng bảo đảm PLXH đối với đồng bào DTTS ở tỉnh Lâm Đồng (tỉnh Bình Thuận (cũ), Đắk Nông (cũ), Lâm Đồng (cũ)) thời gian qua và tỉnh Lâm Đồng hiện nay trên bốn lĩnh vực: GNBV; BHXH, BHYT, BHTN; GDĐT; trợ giúp xã hội, cứu trợ xã hội, ưu đãi xã hội. Từ thực trạng đó và trên cơ sở quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, chiến lược phát triển KT-XH của địa phương và đặc điểm KT-XH của đồng bào các DTTS trong tỉnh, luận án đề xuất những giải pháp phù hợp, khả thi nhằm nâng cao hơn nữa hiệu quả thực hiện các chính sách PLXH đối với đồng bào DTTS ở tỉnh Lâm Đồng hiện nay, góp phần ổn định và nâng cao đời sống mọi mặt cho Nhân dân, thực hiện "tiến bộ và công bằng xã hội", củng cố đại đoàn kết dân tộc trong "kỷ nguyên vươn mình của dân tộc".

Chương 2
BẢO ĐẢM PHÚC LỢI XÃ HỘI ĐỐI VỚI ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở TỈNH LÂM ĐỒNG HIỆN NAY - MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN

2.1. QUAN NIỆM VỀ PHÚC LỢI XÃ HỘI VÀ BẢO ĐẢM PHÚC LỢI XÃ HỘI ĐỐI VỚI ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở TỈNH LÂM ĐỒNG

2.1.1. Quan niệm về phúc lợi xã hội

Hiện nay, trên thế giới đang có một số quan niệm khác nhau về PLXH. Những quan niệm này chịu sự ảnh hưởng của những nhân tố như kinh tế, lịch sử, chính trị, truyền thống, văn hoá, tập quán, cư dân…của mỗi quốc gia, mỗi vùng lãnh thổ. Vì vậy khi nghiên cứu PLXH chúng ta phải đặt trong bối cảnh thực tế, cụ thể của quốc gia hay vùng lãnh thổ đó. Cho đến nay thế giới vẫn chưa có một khái niệm thống nhất hay định nghĩa về PLXH được thừa nhận rộng rãi. Gordon Marshall - nhà xã hội học người Anh, đã định nghĩa: "Phúc lợi là tình trạng hoặc điều kiện làm ăn khấm khá hoặc sinh sống đàng hoàng hạnh phúc". Gordon Marshall cũng cho rằng: "Không phải chỉ có những nhu cầu tối thiểu để sinh tồn, mà bao gồm cả những nhu cầu cần thiết cho một cuộc sống tử tế, xứng đáng. Các nhu cầu này không chỉ có cái ăn, cái mặc, mà còn bao gồm nhà ở đàng hoàng, giáo dục, y tế và cơ hội có việc làm" [43, tr.33-34].

Chủ nghĩa Mác-Lênin tuy chưa đề cập đến khái niệm PLXH nhưng đã đề ra những quan điểm cơ bản, tư tưởng chủ đạo làm nền tảng cho vấn đề này trong thực tiễn xây dựng chế độ xã hội mới - xã hội XHCN. "Theo C.Mác, trước khi phân phối cho người lao động, "trong tổng sản phẩm đó, phải khấu trừ đi: một là, phần thay thế những tư liệu sản xuất đã tiêu dùng; hai là, một phần phụ thêm để mở rộng sản xuất; ba là, một quỹ dự trữ hoặc quỹ bảo hiểm để phòng những tai nạn, những sự rối loạn do các hiện tượng tự nhiên gây ra" [123, tr.20]. Đồng thời C.Mác cũng khẳng định: "An sinh xã hội thật sự chỉ có thể trong xã hội cộng sản, nơi mọi người được tự do và có khả năng phát triển đầy đủ tiềm năng của mình mà không phải chịu sự áp bức và bóc lột" [25,

tr.21-53]. Ở đây C.Mác nhấn mạnh đến "an sinh xã hội thật sự", điều đó khẳng định giá trị thực chất, cốt lõi của chế độ XHCN là vì con người, thông qua hệ thống ASXH và PLXH.

Vận dụng và phát triển quan điểm của C.Mác trong điều kiện xây dựng nhà nước kiểu mới khi thực hiện Chính sách kinh tế mới (NEP), "V.I.Lênin đã yêu cầu chính quyền Xô viết các cấp phải hết sức chăm lo đến việc giải quyết các nhu cầu thiết yếu của người lao động một cách công bằng, hợp lý thì mới có thể thu hút được đông đảo quần chúng nhân dân vào các hoạt động lao động tự giác vì lợi ích trực tiếp của họ và vì lợi ích chung của toàn xã hội" [123, tr.25]. Và V.I.Lênin cũng đặt ra yêu cầu "Chúng ta phải xây dựng một hệ thống y tế và giáo dục công cộng cho tất cả mọi người. Đây là nền tảng của mọi chế độ xã hội chủ nghĩa" [111, tr.201-256]. Vì Người cho rằng: "Một xã hội chủ nghĩa không chỉ giải quyết vấn đề sản xuất mà còn phải giải quyết vấn đề phân phối công bằng các nguồn lực, để mọi công dân đều có thể tiếp cận những phúc lợi xã hội cơ bản" [111, tr.201-256]. Như vậy chủ nghĩa Mác-Lênin đã thẳng thắn chỉ ra rằng PLXH chính là phương tiện, cách thức để giải quyết tận gốc vấn đề phân phối công bằng các nguồn lực trong chế độ XHCN, bao gồm cả quyền sở hữu đối với tư liệu sản xuất, quản lý sản xuất và phân phối những kết quả của sản xuất.

Chủ tịch Hồ Chí Minh tuy không đưa ra khái niệm về PLXH nhưng đã khái quát được nội hàm của vấn đề này và bản thân Người cũng luôn quan tâm đến PLXH cho Nhân dân. Người khẳng định "Chúng ta tranh được tự do, độc lập rồi mà dân cứ chết đói, chết rét, thì tự do, độc lập cũng không làm gì. Dân chỉ biết rõ giá trị của tự do của độc lập khi mà dân được ăn no, mặc đủ" [120, tr.175]. Theo Người: "Đạo nghĩa là chính sách của chính phủ đối với dân chúng - chính sách này phải hợp với nguyện vọng và quyền lợi của dân chúng. Đối với dân, Chính phủ phải thi hành một nền chính trị liêm khiết như cải thiện đời sống của nhân dân, cứu tế thất nghiệp, sửa đổi chế độ xã hội, phát triển kinh tế, văn hóa... có như thế, dân chúng mới đoàn kết chung quanh chính phủ,... " [121, tr.258]. Vì vậy, trong Di chúc, Người khẳng định và căn

dặn: "Đảng cần phải có kế hoạch thật tốt để phát triển kinh tế và văn hóa, nhằm không ngừng nâng cao đời sống của nhân dân" [122, tr.612].

Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam Tô Lâm trong Bài phát biểu tại *Hội thảo quốc tế Việt Nam học lần thứ 7*, diễn ra ngày 26/10/2025 tại Hà Nội đã khẳng định**:** "Hạnh phúc của nhân dân phải được đo bằng nhà ở, bằng giáo dục, bằng y tế, bằng môi trường sống trong lành, bằng cơ hội tạo lập cuộc sống hoàn thiện hơn cho mỗi gia đình, bằng niềm tin rằng con cháu chúng ta sẽ sống tốt hơn chúng ta hôm nay. Một Đảng cầm quyền chỉ có thể xứng đáng với nhân dân nếu mọi quyết sách đều hướng tới nâng cao đời sống thực của người dân" [195]. Đây chính là sự cụ thể hoá những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và của Đảng ta về PLXH trong điều kiện KT-XH cụ thể của Việt Nam hiện nay. Đồng thời đây cũng là quan điểm chỉ đạo để xây dựng chính sách PLXH đối với đồng bào DTTS ở Việt Nam hiện nay nói chung và tỉnh Lâm Đồng nói riêng, hướng đến mục tiêu bảo đảm "tiến bộ và công bằng xã hội", "không để ai bị bỏ lại phía sau" trong hành trình phát triển đất nước Việt Nam phồn vinh, văn minh, hạnh phúc. Thực hiện tốt các chính sách PLXH với đồng bào DTTS là góp phần hiện thực hoá những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin về "quyền bình đẳng giữa các dân tộc" và là cơ sở hiện thực góp phần khẳng định và làm sáng tỏ hai trong những đặc trưng của chế độ XHCN ở Việt Nam là: "Con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện" và "Các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển" [55, tr.76].

Ở khu vực Châu Á, Nhật Bản là quốc gia đã sớm chú trọng đầu tư vào các lĩnh vực xã hội, nhất là PLXH và đã có nhiều chương trình PLXH thiết thực cho người dân. Trong Báo cáo Điều tra PLXH và giáo dục quốc tế lần thứ V, được công bố vào năm 1971 của Nhật Bản đã định nghĩa: "Phúc lợi xã hội là biện pháp, thủ tục hỗ trợ một cách gián tiếp và là dịch vụ xã hội nhằm tăng cường phúc lợi cho mỗi cá nhân, với mục đích cải thiện mối quan hệ và công việc xã hội đối với mỗi thành viên trong xã hội" [43, tr.27].

Năm 1980, Beulah Compton - nhà xã hội học, giảng viên đại học tại Hoa Kỳ đã đưa ra một định nghĩa: "Phúc lợi xã hội là một thiết chế bao gồm các chính sách và luật lệ, được thực thi bởi nhà nước hay các tổ chức tự nguyện, thông qua đó một mức độ tối thiểu nhất định về các dịch vụ xã hội thiết yếu (như y tế, giáo dục, nhà ở...) được phân phối cho các cá nhân, gia đình, nhóm xã hội (những dịch vụ mà gia đình hay thị trường không đáp ứng được cho họ) nhằm mục đích phòng ngừa, giảm nhẹ hoặc đóng góp vào việc giải quyết các vấn đề xã hội và cải thiện sự an sinh của cá nhân, nhóm và cộng đồng một cách trực tiếp" [43, tr.38].

Tác giả Trần Thị Thu Trang khi nghiên cứu về "Mô hình phúc lợi xã hội của Trung Quốc" đã khái niệm "Phúc lợi xã hội là hệ thống chính sách xã hội, do nhà nước hoặc các tổ chức xã hội hợp pháp đứng ra cung cấp các dịch vụ trong phạm vi pháp luật cho phép nhằm bảo đảm cũng như cải thiện chất lượng sống nhất định cho người dân" [199].

Như vậy, PLXH đã được các quốc gia và các vùng lãnh thổ trên thế giới, các tổ chức xã hội và phi chính phủ quan tâm, nhất là từ đầu thế kỷ XX trở lại đây và đây là một cách thức để chính phủ các nước bảo đảm cho mọi công dân của mình được tiếp cận với những dịch vụ xã hội cơ bản, tối thiểu nhằm bảo đảm cuộc sống và vươn lên, khắc phục và giảm thiểu sự bất công xã hội, để mọi người dân đều được thụ hưởng những thành quả của sự phát triển đó, hướng đến mục tiêu "tiến bộ và công bằng xã hội".

Tác giả Trần Hữu Quang trong "Phúc lợi xã hội trên thế giới: quan niệm và phân loại", đã đưa ra khái niệm PLXH là "hệ thống các định chế, các chính sách và các hoạt động nhằm bảo đảm đáp ứng những nhu cầu thiết yếu nhất của người dân, với mục tiêu là làm sao cho mọi người dân có được một cuộc sống đàng hoàng, tử tế, xứng đáng với phẩm giá con người" [143, tr.13-14].

Tác giả Đào Quang Vinh, trong bài viết "Đảm bảo phúc lợi xã hội và tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam" đã chỉ rõ: "Phúc lợi xã hội bao gồm những chi phí xã hội như: trả tiền hưu trí, các loại trợ cấp bảo hiểm xã hội, học bổng

cho học sinh, những chi phí cho học tập không mất tiền, những dịch vụ y tế, nghỉ ngơi, an dưỡng, nhà trẻ, mẫu giáo…" [231].

Tác giả Nguyễn Đình Khang trong bài viết "Phúc lợi xã hội nhìn từ thực tiễn hoạt động của tổ chức Công đoàn Việt Nam" đã khái niệm **"**Phúc lợi xã hội được hiểu một cách chung nhất là một hệ thống các chính sách, các chương trình và các dịch vụ nhằm đáp ứng những nhu cầu thiết yếu của xã hội hoặc các nhóm xã hội khác nhau về đời sống, kinh tế, văn hoá, tinh thần, giáo dục và chăm sóc sức khoẻ… Các chính sách và giải pháp phúc lợi xã hội tập trung vào nhóm người yếu thế, nhóm người thiệt thòi trong xã hội nhiều hơn nhằm hướng tới sự công bằng xã hội" [107].

Từ điển *Bách khoa toàn thư* quan niệm: "Phúc lợi xã hội là một bộ phận của thu nhập quốc dân, được dùng để làm thỏa mãn nhu cầu về vật chất và tinh thần của người dân trong xã hội, chủ yếu là phân phối ngoài lao động".

Trong cuốn sách *Tìm hiểu thuật ngữ trong văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng*, nhóm tác giả Phùng Hữu Phú, Nguyễn Văn Đặng, Nguyễn Viết Thông đã chỉ ra: "Phúc lợi xã hội là một bộ phận thu nhập quốc dân của xã hội được sử dụng nhằm thoả mãn những nhu cầu vật chất và tinh thần của các thành viên trong xã hội, chủ yếu mang tính bao cấp và được phân phối ngoài thu nhập theo lao động" [140, tr.257]. Phúc lợi xã hội có mục tiêu là đáp ứng những nhu cầu tối thiểu về vật chất và tinh thần của mọi người dân, nhưng do những điều kiện phát triển KT-XH nhất định của quốc gia và xã hội nên sẽ có những nhóm được ưu tiên thụ hưởng trước, trước khi có những chính sách áp dụng cho toàn thể xã hội.

Kế thừa các quan niệm trên, tác giả luận án đưa ra quan niệm về PLXH như sau: "*Phúc lợi xã hội là một phần thu nhập quốc dân được nhà nước và xã hội phân phối lại, ngoài thu nhập theo lao động và vốn đóng góp để đáp ứng nhu cầu thiết yếu cho một bộ phận dân cư hoặc nâng cao đời sống mọi mặt cho toàn xã hội"*.

Phúc lợi xã hội thể hiện thái độ và trách nhiệm của nhà nước trong thực hiện "tiến bộ và công bằng xã hội" đối với người dân. Bản chất của PLXH là hoạt động phân phối lại tổng thu nhập quốc dân ngoài phần đã dùng cho phân phối theo kết quả lao động và vốn đóng góp. Phúc lợi xã hội trước hết bảo đảm những điều kiện sống cơ bản, tối thiểu cho một bộ phận người dân, nhất là nhóm cư dân yếu thế, người nghèo, tạo điều kiện thúc đẩy nhóm cư dân này vươn lên vượt qua đói nghèo và phát triển cùng đất nước. Tiếp theo đó, PLXH thúc đẩy để nâng cao đời sống mọi mặt cho toàn xã hội.

Cũng cần phân biệt giữa PLXH với ASXH. Cho đến nay có nhiều ý kiến đồng nhất giữa ASXH với PLXH. Mô hình ASXH của Trung Quốc thì xác định "hệ thống an sinh xã hội, bao gồm: bảo hiểm xã hội (bảo hiểm hưu trí, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn lao động, bảo hiểm thai sản); phúc lợi xã hội (cứu trợ, cứu tế, trợ cấp công chức, viên chức); ưu đãi xã hội (chế độ với người có công)" [199]. Như vậy Trung Quốc xem PLXH là một bộ phận cấu thành của ASXH.

Tổ chức lao động quốc tế (ILO) đưa ra khái niệm: "*An sinh xã hội là sự bảo vệ của xã hội đối với các thành viên của mình thông qua một loạt các biện pháp công cộng, nhằm chống lại những khó khăn về kinh tế và xã hội do bị ngừng hoặc giảm thu nhập, gây ra bởi ốm đau, thai sản, tai nạn lao động, thất nghiệp, thương tật, tuổi già và chết; đồng thời đảm bảo các chăm sóc y tế và trợ cấp cho các gia đình đông con"*.

Như vậy, có thể hiểu ASXH góp phần đảm bảo thu nhập cho các công dân thông qua hệ thống các biện pháp công cộng. Về mặt cấu trúc, ASXH và PLXH có nhiều điểm giống nhau, như cùng bao gồm các bộ phận cơ bản như: BHXH, BHYT, trợ giúp xã hội, các dịch vụ thiết yếu (GDĐT, văn hoá, chăm sóc sức khoẻ, nhà ở, việc làm...) được tài trợ bằng nguồn vốn công cộng. ASXH và PLXH cùng hướng đến một mục tiêu là tạo ra một xã hội hưng thịnh và hạnh phúc cho tất cả mọi người. Tuy nhiên giữa ASXH và PLXH có những điểm khác biệt căn bản. Trong ASXH việc phân phối trong thu nhập

theo lao động là chủ yếu; còn đối với PLXH, việc phân phối được thực hiện ngoài thu nhập theo lao động, phân phối lại. ASXH bảo đảm cho các thành viên trong xã hội không bị rơi vào cảnh cùng cực do bị ngừng hay giảm thu nhập, vì thế mang tính *"đối phó"* với các rủi ro (trong đó BHXH là trụ cột), còn PLXH hướng tới sự *"công bằng"* xã hội, sự *"phát triển",* nhằm nâng cao đời sống toàn diện cho người dân, *"kể cả khi không có rủi ro xảy ra"*, đây là một trong những thành tố của sự phát triển, để mọi người cùng được thụ hưởng thành quả "tiến bộ và công bằng xã hội" của sự phát triển.

Chủ thể thực hiện PLXH: nhà nước là chủ thể cơ bản, giữ vai trò quan trọng nhất trong việc bảo đảm PLXH đối với người dân. Ngoài Nhà nước và chính quyền địa phương ra còn có các cơ quan, đơn vị khác trong HTCT, các tổ chức phi chính phủ, doanh nghiệp, người dân và các tổ chức khác cùng tham gia. Sự tham gia đồng thời của nhiều chủ thể trong thực hiện PLXH cho Nhân dân đã giúp giảm bớt gánh nặng cho ngân sách nhà nước, đồng thời kết nối được nhiều nguồn lực hơn cho công tác này. Điều đó giúp cho đối tượng thụ hưởng được thụ hưởng đầy đủ hơn, hiệu quả hơn các PLXH. Chẳng hạn, kết quả xoá đói, GNBV và nâng cao đời sống toàn diện cho Nhân dân của Việt Nam từ khi tiến hành đổi mới năm 1986 đến nay đã minh chứng cho việc đa dạng hoá các chủ thể và nguồn lực để bảo đảm PLXH cho Nhân dân, nhất là đối với đồng bào DTTS và nhóm yếu thế.

Đối tượng của PLXH: thứ nhất, đó là nhóm những người yếu thế, dễ bị tổn thương như người già và trẻ em không nơi nương tựa, người khuyết tật, người dân ở vùng KT-XH khó khăn, người bị mất hoặc giảm khả năng lao động, người nghèo, người bị bệnh gặp khó khăn về thu nhập; *thứ hai*, đó là tất cả mọi người dân trong xã hội (nhằm nâng cao mọi mặt đời sống cho Nhân dân). Vì vậy đối tượng của PLXH luôn thay đổi tuỳ thuộc vào thành tựu phát triển KT-XH của mỗi quốc gia trong từng giai đoạn. Kinh tế phát triển cao, nguồn lực của nhà nước và xã hội càng dồi dào thì đối tượng của PLXH càng được thụ hưởng đầy đủ hơn thành quả ấy, hướng tới một xã hội công bằng và tốt đẹp hơn đối với tất cả mọi người.

Mục tiêu của PLXH: mục tiêu đặc biệt và quan trọng nhất của PLXH là "công bằng xã hội" và "tiến bộ xã hội". Phúc lợi xã hội là công cụ, cách thức để mọi người dân đều được thụ hưởng thành quả của phát triển KT-XH; giảm bớt khoảng cách chênh lệch giàu - nghèo, xây dựng cuộc sống ngày càng tốt đẹp hơn. Như vậy, PLXH có hai mục tiêu cơ bản đó là: *thứ nhất*, PLXH nhằm giải quyết những nhu cầu về vật chất và tinh thần cơ bản, thiết yếu cho một bộ phận dân cư. Ở mục tiêu này PLXH là cách thức để bảo đảm "công bằng xã hội" và khắc phục khiếm khuyết của KTTT. *Thứ hai*, PLXH là cách thức để nhà nước nâng cao đời sống mọi mặt cho toàn dân. Ở mục tiêu này, PLXH hướng đến sự "tiến bộ xã hội".

Nguồn lực thực hiện PLXH: là nguồn tài chính, hiện vật hoặc các dịch vụ xã hội thiết yếu, cơ bản (y tế, GDĐT, điện, nước...) mà Nhà nước, chính quyền địa phương và xã hội có để thực hiện phúc lợi cho người dân. Trong các nguồn lực đó thì nguồn lực của nhà nước là cơ bản và quan trọng nhất, bảo đảm sự thành công và bền vững của chính sách. Nhà nước, chính quyền địa phương sử dụng ngân sách nhà nước trực tiếp hỗ trợ bằng tiền, hiện vật hoặc thông qua các cơ sở bảo trợ cho các đối tượng thụ hưởng; đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, các cơ sở giáo dục, y tế, văn hoá; bổ sung cho quỹ BHXH, BHYT, BHTN để thực hiện PLXH cho Nhân dân. Cùng với đó, các nguồn lực xã hội hoá cho PLXH cũng được Nhà nước khuyến khích, tạo cơ chế để thu hút sự tham gia ngày càng đông đảo, thực chất và hiệu quả hơn cho việc bảo đảm PLXH cho Nhân dân. Bên cạnh đó có một nguồn lực hỗ trợ từ bên ngoài như các khoản hỗ trợ, tài trợ của các tổ chức quốc tế như Ngân hàng thế giới (WB), Tổ chức Y tế thế giới (WHO), Quỹ Nhi đồng Liên hợp quốc (UNICEF), Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên hợp quốc (FAO)..., các tổ chức phi chính phủ, các khoản hỗ trợ từ các nước phát triển. Tuy nhiên nguồn lực này không nhiều và thường chỉ tập trung trong giai đoạn đất nước còn khó khăn. Tựu chung lại thì nguồn lực để thực hiện PLXH đối với Nhân dân hiện nay được thực hiện "dựa trên 3 nguồn tài chính: (1) Đóng góp của các chủ thể tham gia thị trường; (2) ngân sách nhà nước đảm

bảo; (3) huy động từ cộng đồng" [146]. Xã hội càng phát triển, ngân sách nhà nước càng dồi dào thì nhà nước càng đầu tư nhiều hơn để chăm lo PLXH tốt hơn cho toàn dân.

Nội dung của PLXH: tuỳ thuộc vào điều kiện KT-XH của đất nước trong từng giai đoạn mà nội dung của PLXH có những thay đổi cho phù hợp. Dựa trên quan điểm chỉ đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, chính sách của Nhà nước Cộng hoà XHCN Việt Nam thì nội dung của PLXH ở nước ta hiện nay, bao gồm:

Một là, hệ thống BHXH (BHXH, BHYT, BHTN). Chế độ BHXH được thực hiện trên cơ sở đóng góp của người sử dụng lao động, người lao động, cùng với đó là sự bổ sung từ ngân sách nhà nước cho Quỹ BHXH để thực hiện các chế độ BHXH cho người thụ hưởng. Bên cạnh đó Việt Nam thực hiện chế độ BHXH tự nguyện kể từ ngày 01/01/2008 với sự đóng góp tự nguyện của người dân và một phần hỗ trợ của ngân sách nhà nước. Sớm hình thành chế độ BHXH toàn dân là mục tiêu chiến lược, lâu dài của Đảng, Nhà nước ta nhằm hướng đến chế độ PLXH hưu trí toàn dân. Đối với BHYT, đây là hình thức bảo hiểm được áp dụng trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe do Nhà nước tổ chức thực hiện và quản lý thống nhất, không vì mục đích lợi nhuận; người dân tham gia theo quy định của pháp luật với hai hình thức là BHYT bắt buộc (cùng với BHXH bắt buộc) và BHYT tự nguyện. Chế độ BHTN là chế độ bù đắp một phần thu nhập cho người lao động khi họ bị mất việc làm, hỗ trợ để người lao động học nghề, duy trì và tìm kiếm việc làm trên cơ sở đóng vào Quỹ BHTN. Quỹ BHTN do người lao động và người sử dụng lao động đóng, Nhà nước hỗ trợ một phần đóng BHTN (tối đa bằng 1% quỹ tiền lương tháng đóng BHTN). Việc ngân sách hỗ trợ đóng BHTN để hình thành quỹ BHTN là cơ sở quan trọng để người lao động duy trì và tìm kiếm việc làm, bảo đảm cho việc tham gia BHXH, BHYT lâu dài theo quy định.

Hai là, hệ thống ưu đãi xã hội. Đây là các PLXH do nhà nước chi trả kinh phí để người dân được thụ hưởng thông qua các chế độ PLXH chủ yếu gồm: phúc lợi giáo dục, phúc lợi y tế, phúc lợi nhà ở, phúc lợi việc làm, phúc lợi

văn hoá, phúc lợi thông tin, phúc lợi về hạ tầng…Ở chế độ phúc lợi này, người dân được thụ hưởng những dịch vụ không phải trả tiền, chỉ phải chi trả một phần hoặc được thụ hưởng bằng một khoản tiền nhất định. Kinh tế càng phát triển thì những chế độ phúc lợi này càng phát triển và Nhân dân càng được thụ hưởng những dịch vụ xã hội cơ bản, thiết yếu có chất lượng ngày càng cao. Nghị quyết số 42-NQ/TW, ngày 24/11/2023 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam Khoá XIII "về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới" đã xác định "*Phúc lợi xã hội toàn dân* gồm sáu thành tố: giáo dục, y tế, văn hóa, thông tin, nhà ở, nước sạch và vệ sinh môi trường".

Ba là, hệ thống bảo trợ xã hội (các chính sách trợ giúp xã hội): được thực hiện thông qua việc chi trả cho những đối tượng nhất định trong những hoàn cảnh, điều kiện nhất định một khoản bằng tiền hoặc hiện vật. Ở Việt Nam hiện nay chính sách này được thực hiện với những chính sách cụ thể: "chính sách trợ giúp xã hội thường xuyên tại cộng đồng; nhận chăm sóc, nuôi dưỡng tại cộng đồng; trợ giúp xã hội khẩn cấp và chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội". Ngoài các chính sách trợ giúp xã hội bằng ngân sách nhà nước thì còn thực hiện việc cứu trợ xã hội trong những hoàn cảnh, tình huống nhất định, thường là trong tình huống khó khăn, hoạn nạn. Đối với hình thức này, ngoài phần ngân sách nhà nước thì còn phát huy trách nhiệm tham gia của cộng đồng bằng chủ trương xã hội hoá.

Bốn là, chính sách GNBV: GNBV là cam kết trong chương trình thực hiện "Mục tiêu phát triển thiên niên kỷ" của Liên Hợp quốc. Việt Nam đã tham gia chương trình phát triển này từ năm 2000 và đã hoàn thành vào năm 2006. Đây là một nét rất riêng và đặc trưng của Việt Nam trong thực hiện PLXH. Các chính sách GNBV đã được thực hiện đồng bộ, lồng ghép trong nhiều chương trình đầu tư, dự án hỗ trợ của Nhà nước từ chính sách về đất đai, kết cấu hạ tầng, chính sách GDĐT, dạy nghề và giải quyết việc làm, nâng cao sinh kế và năng lực sản xuất, kinh doanh cho người dân, nhất là đối với đồng bào DTTS. Thực hiện đồng bộ, kịp thời, có hiệu quả các chính sách

GNBV là cơ sở kinh tế để thực hiện hiệu quả các chính sách PLXH khác với đồng bào DTTS hiện nay.

Hình thức của PLXH: Phúc lợi xã hội dù được thể hiện với nhiều nội dung khác nhau nhưng về cơ bản có hai hình thức thực hiện: *thứ nhất* đối tượng thụ hưởng nhận được một khoản được chi trả bằng tiền hoặc hiện vật (một lần hoặc hàng tháng); *thứ hai*, đối tượng PLXH được thụ hưởng các loại dịch vụ xã hội cơ bản, thiết yếu như GDĐT, y tế, văn hoá, thông tin, hạ tầng không phải trả tiền hoặc chỉ phải chi trả một phần. Đối tượng thụ hưởng PLXH có thể được thụ hưởng một trong hai hình thức trên nhưng cũng có thể đồng thời thụ hưởng cả hai hình thức. Điều này cho thấy tính nhân văn và sự đa dạng về PLXH ở Việt Nam.

Về mô hình PLXH: hiện nay trên thế giới có nhiều mô hình PLXH khác nhau, được xây dựng dựa trên những đặc điểm về kinh tế, chính trị, văn hoá, lịch sử, dân cư của mỗi nước trong mỗi giai đoạn phát triển. Tựu trung lại, có ba mô hình PLXH mà các nước đang đi theo: (1) mô hình *bảo đảm toàn dân*, là mô hình trong đó nhà nước chủ động tái phân phối các nguồn lợi quốc gia để chăm lo phúc lợi cho toàn dân, không phân biệt sự khác nhau về điều kiện kinh tế, địa vị xã hội và nghề nghiệp. Ở đây tài chính cho PLXH được bảo đảm bởi ngân sách nhà nước là cơ bản với vai trò quan trọng của BHXH và trợ cấp nhằm thu hẹp sự bất bình đẳng về KT-XH (phổ biến ở các nước Bắc Âu); (2) mô hình *bảo hiểm xã hội*, với đặc điểm nhà nước tuy đóng vai trò chính trong việc bảo đảm phúc lợi cho người dân, nhưng cho phép có thêm nhiều dạng BHXH của khu vực tư nhân mà người dân có thể tự nguyện tham gia, đặc trưng chính của mô hình này là mức đóng phí và mức chi trả trợ cấp bảo hiểm phụ thuộc vào mức thu nhập của người được bảo hiểm (điển hình ở những nước Đức, Pháp, Ý, Áo); (3) mô hình *bảo đảm chọn lọc*, với đặc trưng là là nhà nước chỉ trợ giúp phúc lợi đối với một số nhóm dân cư chọn lọc nhất định như người nghèo và nhóm yếu thế, mức độ và thời gian trợ cấp thường rất hạn chế, mức độ tái phân phối thấp (điển hình là Mỹ, Úc, Canada) [143, tr.12-31].

Ở Việt Nam do những biến động của lịch sử nên đã trải qua ba mô hình PLXH: *một là,* PLXH truyền thống, được thực hiện trước năm 1945, đây là mô hình PLXH mang tính chất cộng đồng làng xã với vai trò quan trọng của gia đình, dòng họ, cộng đồng trong bảo đảm PLXH, chủ yếu là hỗ trợ nhau về vật chất khi gặp khó khăn, hoạn nạn, vai trò của nhà nước trước năm 1945 không được thể hiện rõ. Từ khi Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ra đời (02/9/1945) chức năng chăm lo PLXH cho Nhân dân của nhà nước đã bắt đầu được thể hiện với việc Chủ tịch Hồ Chí Minh ra lời kêu gọi cứu đói cho Nhân dân và thực hiện "nhường cơm sẻ áo", "diệt giặc đói", "diệt giặc dốt", "diệt giặc ngoại xâm"; *hai là,* mô hình PLXH dựa trên nền kinh tế kế hoạch hoá, bao cấp, được thực hiện ở miền Bắc từ năm 1954 và thực hiện trên toàn quốc khi đất nước thống nhất năm 1975, hướng đến mô hình nhà nước phúc lợi (nhà nước bao cấp); *ba là,* PLXH dựa trên phát triển KTTT định hướng XHCN, được triển khai từ cuối năm 1986 - khi tiến hành công cuộc đổi mới cho đến nay [106, tr.47-54]. Cùng với tiến trình đổi mới trong đó trọng tâm là đổi mới về kinh tế, chuyển từ nền kinh tế "kế hoạch hoá tập trung, bao cấp" sang KTTT định hướng XHCN, PLXH cũng có sự đổi mới, chuyển dần từ mô hình nhà nước phúc lợi kiểu bao cấp sang mô hình nhà nước xã hội để phát huy hiệu quả vai trò của các chủ thể cùng tham gia bảo đảm PLXH cho Nhân dân.

Hiện nay, nước ta áp dụng mô hình PLXH kết hợp nhằm thực hiện tốt chức năng phân phối lại thu nhập, khai thác tối ưu mọi nguồn lực để bảo đảm PLXH cho người dân cũng như hỗ trợ người dân thụ hưởng đầy đủ thành quả của sự phát triển KT-XH đất nước. Việc thực hiện mô hình PLXH kết hợp còn là sự thể hiện bản chất giai cấp công nhân và tính nhân dân rộng rãi của chế độ XHCN ở Việt Nam, lấy cuộc sống tự do, ấm no và hạnh phúc thực sự của Nhân dân làm thước đo đánh giá hiệu quả "quản lý nhà nước và xã hội".

2.1.2. Quan niệm về bảo đảm phúc lợi xã hội và bảo đảm phúc lợi xã hội đối với đồng bào dân tộc thiểu số ở tỉnh Lâm Đồng

Xoá bỏ cơ chế bao cấp, mở cửa và phát triển nền KTTT định hướng XHCN là một chủ trương đúng của Đảng ta nhằm khơi dậy và phát huy mọi

nguồn lực trong xã hội để phát triển KT-XH, xây dựng chủ nghĩa xã hội. Kinh tế thị trường bên cạnh những ưu điểm vẫn luôn tồn tại những khiếm khuyết vốn có như tối đa hoá lợi nhuận, phân hoá giàu-nghèo, huỷ hoại môi trường, gia tăng và làm trầm trọng thêm bất công xã hội. Theo C.Mác *công bằng xã hội thực sự* chỉ có được trong chế độ XHCN. Vì vậy đối với Việt Nam hiện nay việc phát triển KTTT định hướng XHCN đặt ra yêu cầu vừa phải tuân theo các quy luật của KTTT vừa phải bảo đảm đúng định hướng XHCN nhằm bảo đảm "tiến bộ và công bằng xã hội". Ở khía canh này PLXH đóng vai trò đặc biệt quan trọng để phân phối lại thu nhập xã hội bên cạnh hình thức phân phối chủ yếu theo kết quả lao động và vốn đóng góp. Đây là cách thức để Đảng, Nhà nước ta bảo đảm định hướng XHCN trong khi phát triển KTTT. Việc Đảng và Nhà nước bảo đảm PLXH cho Nhân dân không chỉ đơn thuần là sự "bao cấp" mà là sự "đầu tư phát triển" cho Nhân dân. Như vậy PLXH là một công cụ, một phương thức để Nhà nước và xã hội thực hiện phân phối lại thu nhập xã hội để hướng tới thực hiện mục tiêu "tiến bộ và công bằng xã hội".

Vì vậy bảo đảm PLXH về bản chất là việc vận dụng, thể chế hoá quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về thực hiện "tiến bộ và công bằng xã hội" trong phân phối thu nhập xã hội, đó là việc *"nhà nước và xã hội sử dụng ngân sách nhà nước và các nguồn lực xã hội để phân phối lại thu nhập nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu, giảm bớt khoảng cách chênh lệch về mức sống của một bộ phận người dân hoặc nâng cao đời sống mọi mặt cho toàn xã hội, góp phần thực hiện mục tiêu ổn định và phát triển KT-XH"*.

Bảo đảm PLXH trước hết là sự bảo đảm của Nhà nước, bằng tài chính và hệ thống công sản, tổ chức bộ máy, đội ngũ CBCCVC, quan tâm đến những cư dân ở nhóm yếu thế, đối tượng chính sách, gặp rủi ro trong cuộc sống, bằng những chính sách hỗ trợ cụ thể để họ được thụ hưởng những điều kiện sống tối thiểu, thúc đẩy họ vươn lên, đồng thời nâng cao đời sống mọi

mặt cho toàn xã hội. Ngoài nguồn lực từ Nhà nước là chủ đạo (thực hiện hỗ trợ toàn phần hoặc một phần) thì PLXH còn huy động và sử dụng nguồn lực xã hội hoá (cư dân, cộng đồng, doanh nghiệp, các tổ chức) để đáp ứng tốt hơn những nhu cầu ngày càng tăng của Nhân dân.

Bảo đảm PLXH đối với đồng bào các DTTS ở tỉnh Lâm Đồng là việc vận dụng, thể chế hoá quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về thực hiện "tiến bộ và công bằng xã hội" trong phân phối thu nhập xã hội, đó là việc: *"cấp uỷ Đảng, chính quyền địa phương và xã hội sử dụng ngân sách nhà nước và các nguồn lực xã hội để phân phối lại thu nhập nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu, giảm bớt khoảng cách chênh lệch về mức sống và thúc đẩy các điều kiện phát triển toàn diện cho đồng bào DTTS ở tỉnh Lâm Đồng"*.

Như vậy bảo đảm PLXH đối với đồng bào các DTTS ở tỉnh Lâm Đồng là sự hỗ trợ trước hết của Nhà nước, chính quyền địa phương và xã hội đối với Nhân dân, bảo đảm cho mọi người dân có cuộc sống cơ bản, không bị bỏ lại phía sau, có điều kiện để GNBV và vươn lên. Tiếp đó, Nhà nước bằng tổ chức bộ máy, pháp luật và hệ thống chính sách công huy động sự đóng góp của xã hội nhằm nâng cao đời sống mọi mặt cho Nhân dân, đặc biệt là với đồng bào DTTS và nhóm cư dân yếu thế.

Mục tiêu bảo đảm PLXH đối với đồng bào DTTS ở tỉnh Lâm Đồng trước hết là nhằm bảo đảm cho mọi người DTTS trên địa bàn tỉnh được thụ hưởng những dịch vụ xã hội thiết yếu, cơ bản cho cuộc sống, giảm thiểu những chênh lệch về mức sống và thúc đẩy những điều kiện để phát triển toàn diện của đồng bào DTTS ở tỉnh so với mặt bằng chung của tỉnh và cả nước. Nhóm DTTS cần quan tâm trước tiên là những người nghèo, cận nghèo, người thuộc nhóm yếu thế, gặp rủi ro nhằm bảo đảm cho họ được thụ hưởng một mức PLXH ngang bằng với Nhân dân ở địa phương, đồng thời, tạo cơ hội để họ tiếp cận, có điều kiện để phát triển toàn diện trong tiến trình phát triển KT-XH của địa phương và đất nước.

2.1.3. Chủ thể, đối tượng, nội dung và phương thức bảo đảm phúc lợi xã hội đối với đồng bào dân tộc thiểu số ở tỉnh Lâm Đồng

2.1.3.1. Chủ thể bảo đảm phúc lợi đối với đồng bào dân tộc thiểu số ở tỉnh Lâm Đồng

Cấp uỷ Đảng: Điều 4 Hiến pháp Nước Cộng hoà XHCN Việt Nam 2013 quy định "Đảng Cộng sản Việt Nam - Đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam, đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc, lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, là lực lượng lãnh đạo Nhà nước và xã hội". Sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp uỷ Đảng với các cơ quan trong HTCT cùng cấp là nội dung mang tính hiến định, được quy định cụ thể trong Hiến pháp. Đảng lãnh đạo đối với việc thực hiện PLXH cho Nhân dân bằng việc đề ra quan điểm, chủ trương, những định hướng chính trị làm cơ sở để Nhà nước thể chế hoá, cụ thể hoá thành chính sách, pháp luật và huy động nguồn lực trong xã hội để thực hiện trên thực tế. Đảng lãnh đạo bằng thực hiện công tác cán bộ, giới thiệu, phân công những đảng viên ưu tú, có phẩm chất và năng lực tốt, uy tín để đảm nhận những nhiệm vụ liên quan đến bảo đảm PLXH cho Nhân dân. Đồng thời Đảng thực hiện nghiêm công tác kiểm tra và giám sát của Đảng, tăng cường lãnh đạo thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát của nhà nước và xã hội nhằm bảo đảm cho các chính sách PLXH được thực hiện có hiệu quả. Trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng cấp uỷ Đảng được tổ chức từ tỉnh cho đến thôn, buôn, bon, bản, tổ dân phố và toàn bộ HTCT cấp tỉnh, cấp xã. Sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp uỷ Đảng trong việc thực hiện chính sách PLXH cho đồng bào DTTS được thể hiện bằng việc Tỉnh uỷ ban hành chủ trương, định hướng lớn về CSXH; lãnh đạo, chỉ đạo chính quyền cấp tỉnh, cấp xã thể chế và cụ thể hoá thành PLXH để triển khai trên thực tế đến từng đồng bào DTTS thụ hưởng. Trên cơ sở những quy định của Trung ương, xuất phát từ điều kiện và thực tiễn của tỉnh, Tỉnh uỷ Bình Thuận (cũ), Đắk Nông (cũ), Lâm Đồng (cũ) và tỉnh Lâm Đồng hiện nay đã có nhiều văn bản quan trọng để lãnh đạo

việc triển khai thực hiện các chính sách PLXH ở địa phương, đó là cơ sở chính trị để HĐND và UBND tỉnh thể chế và cụ thể hoá thành PLXH và thực hiện trên thực tế. Trong tổ chức thực hiện PLXH đối với đồng bào DTTS, ứng với mỗi cấp hành chính đều có cấp uỷ trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo, điều này giúp cho các chính sách PLXH khi triển khai được thực hiện đúng đối tượng, đúng chính sách và mang lại hiệu quả thiết thực. Cùng với công tác lãnh đạo, chỉ đạo, các cấp uỷ cũng thường xuyên thực hiện công tác kiểm tra, giám sát đối với việc thực hiện CSXH nói chung, PLXH đối với đồng bào DTTS nói riêng nhằm đảm bảo cho chính sách được thực thi hiệu quả, tránh thất thoát, lãng phí, sai phạm đồng thời kịp thời điều chỉnh, thay thế, bổ sung cho phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

Chính quyền: chính quyền từ Trung ương đến cấp xã là cơ quan của Nhà nước, chịu trách nhiệm trực tiếp trong việc bảo đảm PLXH cho Nhân dân. Theo quy định của pháp luật thì chính quyền địa phương được tổ chức ở tỉnh Lâm Đồng hiện nay gồm HĐND và UBND và được tổ chức ở cấp tỉnh và cấp xã. Trên cơ sở quy định của Trung ương và sự lãnh đạo của Tỉnh uỷ, HĐND tỉnh ban hành nghị quyết, UBND tỉnh ban hành quyết định, kế hoạch, chương trình, đề án cụ thể hoá các chính sách PLXH đối với Nhân dân để cấp xã và cơ quan chức năng cấp tỉnh phối hợp thực hiện. Ngoài HĐND và UBND còn có các sở ở cấp tỉnh, phòng ở cấp xã hiện nay là những cơ quan quản lý nhà nước đối với ngành, các lĩnh vực ở địa phương cùng phối hợp thực hiện trong việc bảo đảm PLXH cho Nhân dân.

Tựu chung lại, Nhà nước là chủ thể cơ bản, giữ vai trò quan trọng nhất trong bảo đảm PLXH đối với Nhân dân được thể hiện ở những khía cạnh sau: (1) Nhà nước là tập trung của quyền lực chính trị, có trách nhiệm chăm lo, tạo việc làm, bảo đảm những điều kiện sống tối thiểu cho Nhân dân; (2) Nhà nước xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện pháp luật và chính sách công về PLXH; (3) Nhà nước sử dụng tài chính công đồng thời xã hội hoá để bảo đảm PLXH cho Nhân dân; (4) Nhà nước vận hành tổ chức bộ máy, đội ngũ CBCCVC và các đơn vị sự nghiệp công để thực hiện PLXH cho Nhân dân;

(5) Nhà nước kiểm tra, đánh giá và xử lý vi phạm (nếu có) trong thực hiện các chính sách PLXH cho Nhân dân.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể CT-XH các cấp: đây là những chủ thể đồng hành với nhiều chương trình PLXH thiết thực, hiệu quả, nhất là *cứu trợ xã hội.* Theo quy định hiện nay thì Uỷ ban MTTQ Việt Nam các cấp là đầu mối để vận động và tiếp nhận các nguồn viện trợ, tài trợ, đồng thời phối hợp với các cơ quan chức năng trong HTCT các cấp để điều phối các nguồn lực được tài trợ đến đối tượng được thụ hưởng. Mặt khác theo quy định của Quyết định số 217-QĐ/TW, ngày 12/12/2013 của Bộ Chính trị Khóa XI "về việc ban hành Quy chế giám sát và phản biện xã hội của MTTQ Việt Nam và các đoàn thể CT-XH", MTTQ Việt Nam các cấp và các đoàn thể CT-XH còn vai trò quan trọng trong việc thực hiện chức năng giám sát và phản biện xã hội đối với các chính sách, pháp luật, chương trình, dự án trong đó có chính sách PLXH đối với đồng bào DTTS. Vai trò giám sát và phản biện xã hội của MTTQ Việt Nam và các đoàn thể CT-XH trong thực tế những năm qua đã góp phần quan trọng vào việc xây dựng, thực hiện hiệu quả, kịp thời chính sách PLXH đối với đồng bào DTTS trong tỉnh, hạn chế tình trạng thất thoát, kém hiệu quả, lãng phí, vi phạm pháp luật. Đồng thời đây còn là kênh để Đảng, Nhà nước, chính quyền địa phương đánh giá những thiếu sót, bất cập, hạn chế trong thực hiện PLXH trên địa bàn tỉnh để kịp thời điều chỉnh, bổ sung hoặc kiến nghị Trung ương điều chỉnh cho phù hợp với thực tiễn địa phương - một trong những yêu cầu bảo đảm thành công của chính sách.

Xã hội: ngoài Nhà nước (Trung ương và địa phương) là chủ thể cơ bản trong thực hiện PLXH cho Nhân dân thì sự tham gia một cách chủ động, tích cực của các tổ chức và cá nhân trong xã hội cũng rất quan trọng, thiết thực. Nhà nước bằng các chính sách của mình vận động sự tham gia ngày càng đông đảo của xã hội vào việc bảo đảm PLXH cho Nhân dân bằng những hình thức, nội dung phù hợp. Các chủ thể xã hội tham gia PLXH là các cá nhân, các tổ chức với sự đa dạng về thành viên, quy mô, tôn chỉ hoạt

động, nhất là các doanh nghiệp. Trong xã hội nói chung việc tham gia các chương trình PLXH của các doanh nghiệp là khá phổ biến và thiết thực. Đây là các đơn vị có chức năng sản xuất, kinh doanh vì lợi nhuận. Hiện nay với việc phát triển nền KTTT định hướng XHCN, Đảng và Nhà nước Việt Nam đang tạo nhiều cơ chế, chính sách, hỗ trợ để thu hút sự tham gia ngày càng nhiều của doanh nghiệp vào việc chăm lo PLXH cho người lao động của doanh nghiệp cũng như những đóng góp của doanh nghiệp vào các quỹ PLXH mà Nhà nước lập ra hoặc được phép hoạt động. Trong những năm gần đây doanh nghiệp ngày càng quan tâm hơn đến khía cạnh xã hội và chăm lo PLXH tốt hơn cho nhân viên của mình nhằm gắn kết người lao động với doanh nghiệp. Trước hết doanh nghiệp thực hiện PLXH đối với người lao động của doanh nghiệp nhằm góp phần nâng cao đời sống cho họ, tạo điều kiện để họ gắn bó lâu dài với doanh nghiệp. Doanh nghiệp thực hiện PLXH đối với người lao động thông qua rất nhiều chính sách như quỹ thu nhập tăng thêm, hỗ trợ tiền ăn, hỗ trợ tiền thuê nhà, hỗ trợ nâng cao tay nghề, hỗ trợ xe đưa đón, nghỉ ngơi, an dưỡng... Cùng với đó, doanh nghiệp có thể trực tiếp hỗ trợ đồng bào DTTS bằng các chương trình tặng quà, tặng nhà nhân ái, nhà đại đoàn kết, tặng sổ tiết kiệm, thẻ BHYT, các công trình hạ tầng, hỗ trợ trực tiếp bằng tiền hoặc đóng góp vào các quỹ phúc lợi hợp pháp để phân phối đến đối tượng thụ hưởng. Đối với đồng bào các DTTS tỉnh Lâm Đồng hiện nay, do còn nhiều khó khăn nên thường xuyên nhận được sự hỗ trợ của các doanh nghiệp bằng nhiều chương trình, qua đó đã giúp đồng bào xoá được đói, giảm được nghèo và vươn lên trong cuộc sống. Ngoài các doanh nghiệp, sự tham gia của các tổ chức xã hội và cá nhân đối với việc bảo đảm PLXH đối với người yếu thế nói chung, đối với đồng bào các DTTS nói riêng là rất quan trọng và ngày càng được phát huy hiệu quả hơn, nhất là trong những tình huống cấp bách. Các tổ chức, các cá nhân trong xã hội góp phần bảo đảm PLXH đối với đồng bào các DTTS cũng có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua đóng góp vào các quỹ phúc lợi do Nhà nước lập ra hoặc được

phép hoạt động. Đảng và Nhà nước ta hiện nay chủ trương phát huy sự tham gia của mọi thành viên trong xã hội để chăm lo PLXH ngày càng tốt hơn cho Nhân dân, nhất là với đồng bào DTTS và nhóm yếu thế.

2.1.3.2. Đối tượng thụ hưởng phúc lợi xã hội đối với đồng bào dân tộc thiểu số ở tỉnh Lâm Đồng

Đối tượng thụ hưởng PLXH đối với đồng bào DTTS ở tỉnh Lâm Đồng là đồng bào các DTTS đang sinh sống trên địa bàn tỉnh. Tuy nhiên do nguồn ngân sách nhà nước (Trung ương, địa phương) dành cho công tác này còn chưa đáp ứng được yêu cầu trong khi việc huy động các nguồn lực trong Nhân dân còn nhiều khó khăn nên trước hết những người được thụ hưởng chính sách là đồng bào DTTS ở nhóm yếu thế, hộ nghèo, cận nghèo hoặc gặp hoàn cảnh khó khăn, hoạn nạn, trẻ em trong độ tuổi đến trường. Chính quyền địa phương bằng nguồn ngân sách và khả năng huy động nguồn lực xã hội hoá trước hết chăm lo cho Nhân dân các DTTS có hoàn cảnh khó khăn nhằm kịp thời tháo gỡ, giải quyết khó khăn cho đồng bào, để không ai bị đói, tạo điều kiện để đồng bào GNBV và vươn lên. Tiếp đó các chính sách PLXH nhằm thu hẹp khoảng cách về mức sống, tăng cường cơ hội để đồng bào bắt kịp với sự phát triển KT-XH chung của tỉnh và cả nước.

Lâm Đồng là một tỉnh còn nhiều khó khăn nên chính sách PLXH không chỉ dành riêng cho đồng bào các DTTS mà kể cả người Kinh thuộc diện nghèo, ở nhóm yếu thế cũng được hỗ trợ. Đây là sự thể hiện chủ trương đại đoàn kết dân tộc và tính chất rộng rãi của các CSXH của Đảng và Nhà nước ta thời kỳ đổi mới. Các đối tượng thụ hưởng của PLXH có thể thay đổi theo thời gian theo cả hai xu hướng hoặc là tăng lên (khi thực hiện đồng thời nhiều chính sách, thêm đối tượng) hoặc giảm đi (khi đối tượng thụ hưởng không còn nằm trong diện được hưởng, cắt giảm chính sách). Nhưng về lâu dài đối tượng của PLXH sẽ tăng lên khi Đảng, Nhà nước ta thực hiện chủ trương PLXH toàn dân.

2.1.3.3. Nội dung bảo đảm phúc lợi xã hội đối với đồng bào dân tộc thiểu số ở tỉnh Lâm Đồng

Một là, bảo đảm về GNBV.

Lĩnh vực GNBV luôn được Đảng, Nhà nước ta đặc biệt chú trọng và cam kết chính trị trong việc thực hiện. Nhờ đó mà số hộ nghèo, cận nghèo trong cả nước đã giảm rất nhanh và hoàn thành "xoá đói" vào năm 2006. Riêng đối với đồng bào các DTTS, do yếu tố lịch sử và nhiều nguyên nhân chủ quan, khách quan khác nhau nên hộ nghèo và cận nghèo còn chiếm tỷ lệ khá cao vì vậy những chính sách GNBV luôn được Đảng, Nhà nước, HTCT và toàn xã hội đặc biệt quan tâm, chú trọng, dành nguồn lực lớn để đầu tư cho công tác này. Bảo đảm PLXH trong chính sách GNBV trước hết là để đồng bào các DTTS trong tỉnh không bị đói, cùng với các chính sách hỗ trợ của Nhà nước và cộng đồng, khơi dậy ý chí và nội lực của đồng bào trong phát triển KT-XH để vươn lên thoát nghèo, phấn đấu để có cuộc sống ngày càng tốt đẹp hơn. Đối với tỉnh Lâm Đồng, các chính sách GNBV luôn được ưu tiên trong triển khai thực hiện nhờ đó tỷ lệ giảm nghèo tương đối nhanh. Trong những năm qua việc GNBV đối với đồng bào DTTS ở tỉnh Bình Thuận (cũ), Đắk Nông (cũ), Lâm Đồng (cũ) và Lâm Đồng hiện nay được thực hiện lồng ghép trong tổng thể 3 chương trình mục tiêu quốc gia: "Xây dựng nông thôn mới"; "Giảm nghèo bền vững"; "Phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS và miền núi". Tuy giảm nghèo trong đồng bào DTTS của tỉnh đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng nhưng nguy cơ tái nghèo vẫn đang hiện hữu nên cần tiếp tục được quan tâm với những chính sách phù hợp đồng thời phát huy hiệu quả nội lực của đồng bào để GNBV. Đạt các mục tiêu về GNBV là cơ sở quan trọng để thực hiện hiệu quả các chương trình PLXH khác với đồng bào DTTS ở tỉnh Lâm Đồng hiện nay như y tế, GDĐT, BHXH.

Hai là, bảo đảm về chế độ BHXH, BHYT, BHTN.

BHXH là một CSXH đặc biệt do Nhà nước thành lập, quản lý và được bảo đảm thực hiện bởi cơ quan BHXH Việt Nam theo quy định hiện hành của pháp luật. Có 2 hình thức tham gia BHXH tương ứng với 2 loại hình BHXH là

BHXH bắt buộc và BHXH tự nguyện. Tại Nghị quyết số 28-NQ/TW, ngày 23/5/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam Khóa XII "về cải cách chính sách BHXH" đã khẳng định "Bảo hiểm xã hội là một trụ cột chính của hệ thống an sinh xã hội trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, góp phần quan trọng thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, bảo đảm ổn định chính trị, xã hội, đời sống nhân dân, phát triển bền vững đất nước" [60]. Vì thế Đảng, Nhà nước ta đang có chủ trương đẩy mạnh BHXH đa dạng để hướng tới mục tiêu phúc lợi hưu trí toàn dân. Đối với tỉnh Lâm Đồng, do chất lượng nguồn nhân lực trong đồng bào DTTS còn nhiều hạn chế, lực lượng lao động tham gia khu vực chính thức thấp nên tỷ lệ tham gia BHXH bắt buộc hiện rất thấp, không ổn định. Việc tham gia BHXH tự nguyện trong đồng bào DTTS còn rất khiêm tốn và tăng trưởng chậm, thiếu ổn định. Điều này ảnh hưởng trực tiếp đến việc thụ hưởng chế độ hưu trí sau này. Vì vậy việc phát triển lực lượng lao động DTTS tham gia BHXH bắt buộc và BHXH tự nguyện là nhiệm vụ quan trọng, có ý nghĩa lâu dài trong việc thực hiện PLXH cho Nhân dân trên địa bàn tỉnh, đặc biệt là đối với BHXH tự nguyện. Sự hỗ trợ bằng ngân sách nhà nước với mức từ 10% đến 30% (từ 01/01/2018-30/6/2025) và mức từ 30% đến 50% (từ 01/7/2025) mức đóng theo chuẩn nghèo khu vực nông thôn đối với đồng bào DTTS tham gia BHXH tự nguyện đã tạo động lực quan trọng để gia tăng số lượng đồng bào DTTS tham gia trong thời gian tới.

Bảo hiểm y tế là loại bảo hiểm thuộc lĩnh vực chăm sóc sức khỏe cho toàn dân do Nhà nước tổ chức và quản lý nhằm phục vụ nhu cầu chăm sóc sức khỏe của Nhân dân, không vì lợi nhuận. Quan điểm và mục tiêu của Đảng, Nhà nước ta là sớm đạt BHYT toàn dân nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc, bảo vệ sức khoẻ toàn diện cho Nhân dân. Đối với đồng bào các DTTS, Nhà nước ta thực hiện chính sách hỗ trợ một phần hoặc toàn bộ tiền đóng BHYT tuỳ đối tượng thụ hưởng. Đối với tỉnh Lâm Đồng (Bình Thuận (cũ), Đắk Nông (cũ), Lâm Đồng (cũ)) do hộ nghèo, hộ cận nghèo trong đồng bào DTTS còn chiếm tỷ lệ khá cao nên việc đóng BHYT hàng năm gặp nhiều khó khăn, vì vậy ngoài những hỗ trợ của Trung ương, các tỉnh (trước đây) và tỉnh Lâm Đồng hiện nay đã có nhiều

chính sách để hỗ trợ toàn phần hoặc một phần đóng BHYT cho đồng bào. Sự hỗ trợ của Nhà nước và đồng hành của xã hội là một nhân tố quyết định để hướng đến bao phủ BHYT toàn dân đối với đồng bào DTTS ở tỉnh Lâm Đồng hiện nay.

Bảo hiểm thất nghiệp được thực hiện đối với người lao động đang trực tiếp tham gia lao động tại các loại hình doanh nghiệp, hộ kinh doanh có giao kết hợp đồng lao động và viên chức. Bảo hiểm thất nghiệp được hình thành từ nguồn đóng góp của người lao động, người sử dụng lao động và sự bổ sung từ ngân sách nhà nước cho quỹ BHTN nhằm duy trì và phát huy hiệu quả quỹ này. Đối với người lao động DTTS ở tỉnh Lâm Đồng, do đời sống kinh tế đa số là hoạt động sản xuất nông nghiệp và lao động tự do, số lượng lao động được đóng BHXH bắt buộc và BHTN thấp. Điều này phản ánh việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động trong vùng DTTS của tỉnh còn chậm và chất lượng nguồn nhân lực DTTS còn nhiều hạn chế.

Ba là, bảo đảm chế độ PLXH về giáo dục đào tạo.

Tỉnh Bình Thuận (cũ), Đắk Nông (cũ), Lâm Đồng (cũ) và tỉnh Lâm Đồng hiện nay có nhiều đồng bào DTTS sinh sống, với điều kiện KT-XH còn nhiều khó khăn, chất lượng nguồn nhân lực thấp nên đã ảnh hưởng đến việc thực hiện các chính sách GNBV, phát triển sinh kế, chuyển đổi nghề, tạo việc làm; gia tăng lực lượng lao động tham gia BHXH, BHYT, BHTN. Vì vậy tăng cường đầu tư, đẩy mạnh phát triển GDĐT đa dạng, toàn diện là giải pháp hiệu quả để nâng cao mặt bằng dân trí, chất lượng lao động, chuyển đổi nghề, tạo việc làm, tăng thu nhập, nâng cao đời sống cho đồng bào các DTTS ở tỉnh Lâm Đồng hiện nay. Đồng thời đây cũng là giải pháp căn bản để thúc đẩy GNBV và tăng cường lực lượng lao động tham gia BHXH bắt buộc, BHXH tự nguyện và BHTN.

Bốn là, bảo đảm thụ hưởng về các chế độ trợ giúp xã hội, cứu trợ xã hội, ưu đãi xã hội.

Các chính sách trợ giúp xã hội được thực hiện theo quy định đối với những đối tượng bảo trợ xã hội do ngân sách nhà nước bảo đảm. Hiện nay chính sách này được thực hiện với các đối tượng được quy định tại Nghị định

số 20/2021/NĐ-CP, ngày 15/3/2021 của Chính phủ về chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội và Nghị định số 76/2024/NĐ-CP, ngày 01/7/2024 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ về chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội. Theo đó các đối tượng được thụ hưởng chính sách này là những người được "trợ giúp xã hội thường xuyên tại cộng đồng; nhận chăm sóc, nuôi dưỡng tại cộng đồng; trợ giúp xã hội khẩn cấp và chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội". Do còn khó khăn về kinh phí nên tỉnh Lâm Đồng chủ trương huy động xã hội hoá trong việc thực hiện các chính sách trợ giúp xã hội, chủ yếu là chăm sóc và nuôi dưỡng tại cộng đồng. Điều này phù hợp với đặc điểm văn hoá, tính cách, phong tục, tập quán của đồng bào các DTTS của tỉnh. Những năm qua việc xã hội hoá công tác này cùng với hoàn thiện hành lang pháp lý trong việc vận động, phân phối và sử dụng các nguồn đóng góp tự nguyện đã mang lại nhiều kết quả thiết thực, góp phần ổn định và cải thiện đời sống cho đồng bào DTTS của tỉnh, nhất là nhóm cư dân gặp hoàn cảnh khó khăn, thiên tai, hoạn nạn và người yếu thế.

Ngoài các chế độ PLXH về GNBV, BHXH, BHYT, BHTN, GDĐT thì Nhà nước cùng với sự chung tay của cộng đồng đã thực hiện các chế độ ưu đãi một số lĩnh vực thiết yếu khác như: ưu đãi xã hội về nhà ở, nước sạch, môi trường, điện, văn hóa, thông tin, nhà sinh hoạt cộng đồng nhằm nâng cao chất lượng đời sống mọi mặt cho Nhân dân. Các chế độ ưu đãi xã hội được áp dụng với nhiều đối tượng với những chế độ khác nhau tuỳ vào đối tượng thụ hưởng và khả năng cân đối của ngân sách nhà nước (Trung ương và địa phương) cũng như sự chung tay của cộng đồng.

2.1.3.4. Phương thức thực hiện bảo đảm phúc lợi xã hội đối với đồng bào dân tộc thiểu số ở tỉnh Lâm Đồng

Một là, hoạch định chủ trương, đường lối của Đảng; xây dựng chính sách, pháp luật của chính quyền bảo đảm PLXH đối với đồng bào DTTS.

Hiến pháp 2013 quy định Đảng Cộng sản Việt Nam "là lực lượng lãnh đạo Nhà nước và xã hội". Sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam bảo đảm

cho các CSXH nói chung, ASXH và PLXH nói riêng được thực hiện đồng bộ, kịp thời, đem lại hiệu quả thiết thực cho Nhân dân. Xuất phát từ điều kiện KT-XH thực tế của đồng bào các DTTS, trên cơ sở các nguồn lực của Nhà nước và khả năng xã hội hoá, Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư hoạch định những chủ trương, đường lối làm cơ sở để Nhà nước ban hành chính sách công và pháp luật để thực hiện trong thực tiễn. Trên cơ sở quy định của Trung ương, chính quyền địa phương cấp tỉnh sẽ cụ thể hoá, ban hành các chính sách, dự án phù hợp với đặc điểm, điều kiện của địa phương và tổ chức thực hiện. Xây dựng chính sách công cũng như hệ thống pháp luật đồng bộ, phù hợp, khả thi, có tính tới yếu tố đặc thù vùng, miền, từng cộng đồng DTTS sẽ phát huy hiệu quả trong việc bố trí nguồn ngân sách nhà nước và huy động các nguồn lực xã hội hoá cho công tác này tại các địa phương. Trên cơ sở quy định của Trung ương, xuất phát từ đặc thù vùng DTTS, Tỉnh uỷ, HĐND, UBND tỉnh Bình Thuận (cũ), Đắk Nông (cũ), Lâm Đồng (cũ) và Lâm Đồng hiện nay đã cụ thể hoá, ban hành các chính sách, đề án, sử dụng mọi nguồn lực của nhà nước và đẩy mạnh xã hội hoá để triển khai cho Nhân dân, bao trùm tất cả các lĩnh vực: GNBV, GDĐT, y tế, văn hoá, BHXH, trợ giúp xã hội, cứu trợ xã hội, ưu đãi xã hội, nhất là với đồng bào DTTS nghèo, cận nghèo, yếu thế.

Hai là, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật về bảo đảm PLXH đối với đồng bào DTTS.

Do yếu tố lịch sử và nhiều nguyên nhân nên đến nay một bộ phận không nhỏ đồng bào DTTS ở tỉnh Lâm Đồng còn nhiều hạn chế về mặt nhận thức vì vậy công tác thông tin tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về công tác dân tộc nói chung, về bảo đảm PLXH nói riêng là rất cần thiết. Trước hết là để đồng bào các DTTS cũng như Nhân dân nói chung hiểu được đầy đủ ý nghĩa của chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước ta đồng thời thấy được sự cần thiết phải có sự tham gia tích cực của chính đồng bào trong việc xây dựng và thực hiện chính các sách này. Vấn đề cốt

lõi nhất của công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật nhằm giúp đồng bào hiểu được đây là sự hỗ trợ, đồng hành của Đảng, Nhà nước, cộng đồng để đồng bào có điều kiện vượt qua khó khăn, vươn lên trong cuộc sống và sản xuất, tránh việc ỷ lại, dựa dẫm vào chính sách. Vì vậy việc tuyên truyền, phổ biến cần được quán triệt sâu rộng trong HTCT của các địa phương cũng như trong Nhân dân, không bó hẹp trong cộng đồng DTTS. Bên cạnh đó việc tuyên truyền, phổ biến các chính sách về PLXH còn là cơ sở để thực hiện việc kiểm soát xã hội nhằm góp phần bảo đảm sự thành công của chính sách.

Ba là, tổ chức thực hiện các chính sách PLXH đối với đồng bào DTTS.

Đây là khâu quan trọng nhất của chu trình chính sách về PLXH cho đồng bào DTTS. Hiệu quả của chính sách đều nằm ở khâu tổ chức thực hiện. Vì vậy trong việc triển khai từng chính sách cụ thể, từng địa phương phải có kế hoạch cụ thể trong việc phân công, phối hợp của các cơ quan chức năng với nhau, xác định cơ quan chủ trì cũng như các cơ quan và cơ chế, cách thức phối hợp, đảm bảo đồng bộ, hiệu quả, tránh tình trạng dàn trải, không ai chịu trách nhiệm. Cơ quan chịu trách nhiệm chính trong thực hiện PLXH đối với đồng bào DTTS trên địa bàn là UBND tỉnh, đồng thời phân cấp cho UBND cấp huyện (trước đây) và cấp xã hiện nay, các sở có liên quan. Các sở và UBND cấp huyện (trước đây), cấp xã hiện nay có trách nhiệm phối hợp, tổ chức, hướng dẫn các đơn vị thực hiện trên thực tế. Bên cạnh sự phối hợp, hướng dẫn, chỉ đạo của các cấp, các ngành hữu quan trong bộ máy nhà nước cần có sự tham gia của MTTQ Việt Nam, các đoàn thể CT-XH và cộng đồng với vai trò giám sát, phản biện chính sách cũng như sự tham gia chủ động, tích cực của chính đồng bào với vai trò là người thụ hưởng chính sách. Việc đánh giá khi triển khai chính sách, pháp luật ngay từ đầu là rất quan trọng nhằm trước hết bảo đảm tính khả thi của chính sách và tiếp theo là để kịp thời sửa đổi, điều chỉnh, bổ sung các chính sách phù hợp với từng vùng miền, từng cộng đồng DTTS, từng đối tượng thụ hưởng.

Bốn là, sử dụng quỹ PLXH trong bảo đảm PLXH đối với đồng bào DTTS.

Quỹ PLXH được hình thành từ nhiều nguồn khác nhau (ngân sách nhà nước, đóng góp của cộng đồng, tài trợ) trong đó quan trọng nhất là ngân sách nhà nước. Trên địa bàn tỉnh Bình Thuận (cũ), Đắk Nông (cũ), Lâm Đồng (cũ) và tỉnh Lâm Đồng hiện nay việc sử dụng các quỹ PLXH đã được triển khai cơ bản đồng bộ, thiết thực, hiệu quả. Đối với các quỹ phúc lợi do Nhà nước quản lý đã được các cấp chính quyền sử dụng một cách công khai, minh bạch từ việc huy động nguồn đóng góp, xác định đối tượng và định mức thụ hưởng cũng như kết quả thực hiện trên thực tế. Đối với quỹ BHXH, BHTN và BHYT, Nhà nước quy định cụ thể mức đóng góp và mức thụ hưởng trong từng trường hợp cụ thể bằng các văn bản pháp luật. Quỹ thứ hai là các quỹ PLXH do các tổ chức, cá nhân đứng ra thành lập hợp pháp và tự quản lý, tự chịu trách nhiệm trước pháp luật. Đối với các quỹ này chính quyền địa phương tạo cơ chế cho hoạt động và giám sát để đảm bảo đúng chính sách, đúng pháp luật cũng như có sự điều tiết cho công bằng trong việc thụ hưởng.

Vấn đề quan trọng nhất trong thực hiện PLXH là kịp thời, phù hợp, đúng đối tượng thụ hưởng, đúng định mức và mang lại hiệu quả thực tế thiết thực đối với Nhân dân. Thực tế những năm qua cho thấy không ít CSXH trong triển khai thực hiện đã có những vướng mắc, bất cập, thực hiện sai đối tượng, trục lợi chính sách, có sai phạm trong thực hiện, do đó việc triển khai cần có sự giám sát chặt chẽ của các cơ quan môn của Đảng, Nhà nước, MTTQ Việt Nam và sự giám sát của Nhân dân. Để sử dụng các quỹ phúc lợi được hiệu quả thì vấn đề rất quan trọng là phải huy động tài chính cho các quỹ này. Ngoài ngân sách nhà nước đảm bảo bổ sung cho quỹ BHXH, BHYT, BHTN và trợ giúp xã hội cho đối tượng bảo trợ thì cần tạo cơ chế để tăng cường sự đóng góp của các chủ thể khác vào việc hình thành các quỹ PLXH dành cho đồng bào DTTS.

Ngoài các quỹ phúc lợi chính thức, hoạt động ổn định thì còn một nguồn quỹ PLXH không chính thức, được huy động từ cộng đồng trong

những trường hợp khẩn cấp như thiên tai, dịch bệnh, ốm đau, hoạn nạn. Đây là những hoạt động được Đảng, Nhà nước khuyến khích, tuy nhiên để bảo đảm hiệu quả thiết thực, ý nghĩa và công bằng trong thụ hưởng thì cơ quan quản lý nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể CT-XH, Hội Chữ thập đỏ các cấp cần định hướng cho cộng đồng biết nhu cầu cần trợ giúp của các đối tượng thụ hưởng để việc vận động nguồn lực và thực hiện được phù hợp, thiết thực, hiệu quả.

Năm là, kiểm tra, đánh giá hoạt động bảo đảm PLXH đối với đồng bào DTTS.

Đây là một nội dung quan trọng công tác lãnh đạo của Đảng và công tác quản lý của Nhà nước nhằm bảo đảm tính hiệu quả của chính sách PLXH. Việc kiểm tra được triển khai ngay từ khi đề xuất chính sách nhằm bảo đảm cho chính sách được ban hành kịp thời, đúng pháp luật, đúng thực tiễn, phù hợp với đồng bào DTTS thụ hưởng và được tiến hành thường xuyên. Kiểm tra, đánh giá chính sách được thực hiện bởi nhiều cơ quan khác nhau: cơ quan xây dựng chính sách, cơ quan ban hành chính sách, cơ quan thực hiện, phối hợp thực hiện chính sách, các cơ quan của Đảng và cơ quan nhà nước thông qua cơ chế kiểm tra, thanh tra, giám sát. Cùng với đó là việc thực hiện cơ chế giám sát, phản biện xã hội của MTTQ Việt Nam và các đoàn thể CT-XH các cấp, giám sát của Nhân dân. Đây là việc rất quan trọng để có cái nhìn khách quan, tổng thể về chính sách, về tính phù hợp và hiệu quả thực tế mà chính sách hướng tới. Thông qua kiểm tra, đánh giá chính sách, cơ quan có thẩm quyền sẽ quyết định tiếp tục thực hiện hoặc dừng thực hiện, điều chỉnh, bổ sung, thay thế cho phù hợp. Việc kiểm tra, thanh tra, giám sát, đánh giá đối với các chính sách còn nhằm phát hiện những thiếu sót, bất cập, hạn chế trong thực hiện để chấn chỉnh, xử lý vi phạm nhằm bảo đảm hiệu quả thực tế của chính sách, tạo được sự đồng thuận của Nhân dân và đồng bào DTTS - những người trực tiếp thụ hưởng PLXH. Đối với các quỹ PLXH do các tổ chức (không phải cơ quan nhà nước), cá nhân lập ra thì

cơ quan có thẩm quyền thanh tra, kiểm tra, giám sát việc vận động nguồn và triển khai thực hiện nhằm đảm bảo đúng pháp luật, đúng tôn chỉ, mục đích, đối tượng được thụ hưởng, tránh để xảy ra tình trạng lợi dụng các cuộc vận động gây quỹ để trục lợi.

2.2. TẦM QUAN TRỌNG CỦA BẢO ĐẢM PHÚC LỢI XÃ HỘI ĐỐI VỚI ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở TỈNH LÂM ĐỒNG

Một là, phúc lợi xã hội góp phần tích cực vào việc thực hiện mục tiêu GNBV, thu hẹp khoảng cách giàu-nghèo, hạn chế tình trạng bất bình đẳng xã hội.

Đồng bào DTTS ở tỉnh Lâm Đồng hiện nay rất đa dạng, gồm đồng bào DTTS tại chỗ và đồng bào DTTS di cư đến. Do nhiều nguyên nhân chủ quan và khách quan nên đời sống của đa số người DTTS hiện nay còn thấp hơn so với mặt bằng chung của tỉnh, tỷ lệ hộ nghèo, cận nghèo còn khá cao, trong đó tỉnh Bình Thuận (cũ) đến ngày 31/12/2020, vùng DTTS có 1.180 hộ nghèo, chiếm 4,73% số hộ đồng bào DTTS [204]; tỉnh Đắk Nông (cũ) năm 2020 tổng số hộ nghèo đồng bào DTTS là 8.128 hộ, chiếm tỷ lệ 17,17% [219]; tỉnh Lâm Đồng (cũ) năm 2020 số hộ nghèo đồng bào DTTS là 2.793 hộ, chiếm 3,58% [222]. Các DTTS ở tỉnh Lâm Đồng hiện nay có trình độ phát triển KT-XH không đều nhau, thậm chí có sự chênh lệch lớn giữa các DTTS di cư đến với các DTTS tại chỗ, trong đó có những DTTS có trình độ thấp, đời sống có nhiều khó khăn, lại cư trú ở những vùng khắc nghiệt, không thuận lợi về giao thông, canh tác nông nghiệp nhưng không ổn định, năng suất thấp. Mỗi DTTS ở tỉnh Lâm Đồng đều có bản sắc văn hóa riêng, trong đó có những nét văn hoá nguyên sơ, có những nét văn hoá giao thoa đã góp phần tạo nên sự phong phú, đa dạng của văn hóa địa phương nhưng vẫn giữ được tính thống nhất của văn hoá Việt Nam. Chính sự thống nhất trong đa dạng này đã góp phần hình thành truyền thống đoàn kết, sẻ chia, gắn bó của các dân tộc trong tỉnh. Điều đó đã đặt ra yêu cầu là các dân tộc dù trình độ phát triển KT-XH có khác nhau nhưng đều có quyền bình đẳng như nhau, các DTTS do có sự phát triển thấp hơn nên cần được Nhà nước và xã hội quan tâm, hỗ trợ nhiều hơn để thúc đẩy sự phát triển toàn diện, bắt kịp sự phát triển của địa phương và đất nước. Vì

vậy việc bảo đảm PLXH hiện nay trước hết là để giải quyết triệt để vấn đề nghèo đói, thu hẹp dần sự chênh lệch về mức sống, điều kiện sống, hạn chế tình trạng bất bình đẳng xã hội. Tỉnh Lâm Đồng đang phấn đấu đến năm 2029 thu nhập bình quân của đồng bào các DTTS trong tỉnh bằng một phần hai (1/2) mức thu nhập bình quân của cả nước. Đây là một mục tiêu to lớn, khó khăn đòi hỏi nguồn vốn đầu tư lớn từ Nhà nước và sự chung tay của cộng đồng cùng sự nỗ lực của chính đồng bào các DTTS. Điều đó khẳng định PLXH chính là một công cụ hữu hiệu để Nhà nước thực hiện và bảo đảm quyền bình đẳng của các dân tộc ở Việt Nam, đồng thời thực hiện "tiến bộ và công bằng xã hội". Đây chính là sự "vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh" về quyền bình đẳng giữa các dân tộc ở nước ta hiện nay.

Cùng đó, PLXH góp phần vào việc vừa ổn định mọi mặt đời sống vừa hỗ trợ thúc đẩy sản xuất, tạo sinh kế cho người dân, nhất là đồng bào DTTS để GNBV. Nhờ những chính sách PLXH được thực hiện đồng bộ và hiệu quả nên giảm nghèo trong đồng bào DTTS của tỉnh những năm qua luôn cao hơn so mức giảm nghèo chung của cả tỉnh.

Hai là, PLXH từng bước góp phần thực hiện công bằng trong phân phối, khắc phục những khiếm khuyết của KTTT, bổ sung cho những hạn chế của phân phối theo kết quả lao động và vốn góp.

Phát triển KTTT định hướng XHCN là sự "vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh" đồng thời là một chủ trương lớn và đúng của Đảng và Nhà nước ta nhằm khơi dậy và phát huy tiềm năng của Nhân dân trong sự nghiệp phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc hiện nay. Tuy nhiên KTTT luôn tồn tại những khiếm khuyết của nó, kể cả trong phân phối theo lao động và vốn góp. Chính vì vậy PLXH đối với Nhân dân góp phần quan trọng thực hiện công bằng trong phân phối, khắc phục những khiếm khuyết của phân phối theo lao động và vốn góp, nhất là đối với các nhóm yếu thế. Đối với đồng bào DTTS ở tỉnh Lâm Đồng, lực lượng lao động có đóng BHXH còn chiếm tỷ lệ rất thấp, chủ yếu là đội ngũ CBCCVC

trong HTCT và một số ít công nhân lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp, trong đó tỉnh Bình Thuận (cũ) năm 2023 số lao động DTTS tham gia BHXH chỉ chiếm 5,58%, Đắk Nông (cũ) là 4,38%, Lâm Đồng (cũ) là 6,15% [Phụ lục 3.1]. Sinh kế của phần lớn đồng bào DTTS ở tỉnh hiện nay là sản xuất nông nghiệp và lao động tự do, thu nhập nhìn chung còn thấp, đời sống còn nhiều khó khăn nên việc thụ hưởng các dịch vụ xã hội cơ bản, thiết yếu như GDĐT, chăm sóc y tế, văn hoá, thông tin, nhà ở, việc làm còn nhiều bất cập vì vậy việc bảo đảm PLXH góp phần rất quan trọng trong việc thụ hưởng sự phân phối lại thu nhập quốc dân một cách hợp lý. Ở vai trò này PLXH: "(1) Thực hiện công bằng về phân phối kết quả sản xuất thông qua việc phân phối lại, giảm thiểu phân tầng quá lớn về thu nhập trong xã hội phát sinh từ phân phối lần đầu; (2) Bảo đảm công bằng về cơ hội phát triển nhờ bảo đảm quyền tiếp cận ngang bằng nhau của mọi thành viên xã hội đối với các dịch vụ xã hội cơ bản, thiết yếu, có ý nghĩa tạo nền tảng cho sự phát triển của mỗi cá nhân con người; (3) Thúc đẩy tiến bộ xã hội khi toàn dân đều được thụ hưởng PLXH, làm cho chỉ số hạnh phúc nâng cao hơn, bình đẳng giới tốt hơn, người có thu nhập thấp không bị "nghèo hóa" do không phải chi tiêu tài chính quá lớn cho việc thụ hưởng các dịch vụ công cộng" [103]. Việc phát triển KTTT định hướng XHCN ở Việt Nam là nhằm thực hiện "khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc" [61, tr.57]. Đại hội XIII của Đảng nhấn mạnh phải: "Xử lý tốt những bất cập của cơ chế thị trường, bảo đảm phúc lợi xã hội và an sinh xã hội..." [61, tr.133]. Như vậy đối với Nhân dân ta nói chung và đồng bào DTTS ở tỉnh Lâm Đồng nói riêng việc thụ hưởng các chính sách PLXH có ý nghĩa rất quan trọng để nâng cao đời sống, thu hẹp dần khoảng cách phát triển để đồng bào vươn lên, là cách để khắc phục và giảm thiểu những khiếm khuyết và mặt trái của cơ chế thị trường, đồng thời đảm bảo định hướng XHCN. Vì "Một đặc trưng cơ bản, một thuộc tính quan trọng của định hướng xã hội chủ nghĩa trong kinh tế thị trường ở Việt Nam là phải gắn kinh tế với xã hội, thống nhất chính sách kinh tế với chính sách xã hội, tăng trưởng kinh tế đi đôi với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay

trong từng bước, từng chính sách và trong suốt quá trình phát triển" [194]. Đây là vai trò rất đặc biệt và quan trọng của PLXH trong điều kiện phát triển nền KTTT định hướng XHCN ở Việt Nam hiện nay.

Ba là, bảo đảm PLXH góp phần quan trọng trong việc thực hiện có hiệu quả CSXH, góp phần củng cố niềm tin, sự gắn bó của Nhân dân đối với Đảng, Nhà nước, chế độ XHCN, bảo đảm sự ổn định về chính trị, xã hội, tăng cường khối đại đoạn kết dân tộc để phát triển đất nước.

Trải qua nhiều thời kỳ khác nhau song Đảng, Nhà nước ta luôn quan tâm đến việc thực hiện CSXH và PLXH đối với Nhân dân, nhất là với những người yếu thế và đồng bào DTTS. Đại hội XIII của Đảng, PLXH được Đảng ta nhấn mạnh, đề cao, đặt PLXH trước ASXH với định hướng chủ đạo: "Quan tâm đến mọi người dân, bảo đảm chính sách lao động, việc làm, thu nhập, thực hiện tốt phúc lợi xã hội, an sinh xã hội" [61, tr.116]; "Nhận thức đầy đủ và bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa trong các chính sách xã hội. Tăng cường quản lý phát triển xã hội, bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội, tính bền vững trong các chính sách xã hội, nhất là phúc lợi xã hội, an ninh xã hội, an ninh con người" [61, tr.147-148]; "Chú trọng nâng cao phúc lợi xã hội, an sinh xã hội, cố gắng bảo đảm những nhu cầu cơ bản, thiết yếu của nhân dân về nhà ở, đi lại, giáo dục, y tế, việc làm" [61, tr.149]. Tỉnh Lâm Đồng hiện có nhiều DTTS sinh sống với điều kiện KT-XH còn nhiều khó khăn. Vì vậy việc thực hiện tốt các chính sách PLXH sẽ góp phần thực hiện tốt quan điểm, mục tiêu CSXH vì con người và phát triển bền vững của Đảng và Nhà nước ta. Phúc lợi xã hội không chỉ hỗ trợ để đồng bào DTTS giảm nghèo mà còn hỗ trợ, thúc đẩy đồng bào vươn lên trong cuộc sống, bắt kịp với bối cảnh phát triển nhanh và bền vững của đất nước, như trong lĩnh vực GDĐT, đến năm 2024 tỉnh Bình Thuận (cũ) có tỷ lệ người DTTS từ 15 tuổi trở lên biết đọc, biết viết chữ phổ thông là 83,9%, Đắk Nông (cũ) là 82,8%, Lâm Đồng (cũ) là 83,7% [Phụ lục 3.15]. Qua đó PLXH đã góp phần thiết thực và quan trọng trong việc củng cố niềm tin và sự gắn bó của đồng bào với Đảng, Nhà nước. Thực hiện tốt PLXH sẽ góp phần ổn định chính trị, KT-XH vùng đồng bào

DTTS của tỉnh, củng cố, tăng cường khối đại đoàn kết các dân tộc, tăng sự đồng thuận xã hội, tạo nền tảng, tiền đề cho sự phát triển nhanh và bền vững của đất nước hiện nay.

Bốn là, bảo đảm PLXH đối với đồng bào DTTS góp phần củng cố ANQP; chủ động đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch.

Một đặc điểm của phần lớn các DTTS ở Việt Nam hiện nay là đa số đồng bào DTTS đang sinh sống ở vùng núi, biên giới, vùng sâu. Đây đều là những vùng có vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng về ANQP của đất nước song đây lại nơi có điều kiện KT-XH còn nhiều khó khăn, nhiều vùng đặc biệt khó khăn, nhất là về giao thông. Tỉnh Lâm Đồng hiện nay là địa bàn có vị trí chiến lược đặc biệt về kinh tế, chính trị, ANQP đối với Tây Nguyên và khu vực phía Nam. Đồng thời đây cũng chính là một địa bàn trọng điểm mà các thế lực thù địch ở trong và ngoài nước triệt để lợi dụng những vấn đề nhạy cảm về dân tộc, tôn giáo, sự chênh lệch về mức sống để kích động, lôi kéo, ép buộc đồng bào DTTS thực hiện những hành vi gây mất an ninh trật tự ở cơ sở, chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc, tạo cớ để can thiệp từ bên ngoài. Việc phát huy nội lực của đồng bào DTTS để giảm nghèo rất khó khăn, chính vì thế rất cần sự hỗ trợ kịp thời của Nhà nước và cộng đồng để đồng bào các DTTS phát triển sinh kế bền vững. Sự hỗ trợ của Nhà nước và cộng đồng thông qua PLXH đã trực tiếp giúp đồng bào được thụ hưởng ngày càng đầy đủ và tốt hơn các dịch vụ xã hội cơ bản, nâng cao nội lực để thúc đẩy sản xuất, GNBV và vươn lên làm giàu, qua đó tăng cường củng cố niềm tin của Nhân dân đối với Đảng và Nhà nước. Khi đời sống được đảm bảo và từng bước được nâng cao, những chính sách PLXH phát huy hiệu quả trong thực tế là cơ sở thực tiễn rất quan trọng để đập tan những âm mưu, hành vi xuyên tạc, chống phá, chia rẽ khối đại đoàn kết của các thế lực phản động, thù địch, đồng thời củng cố ANQP vững chắc, tạo tiền đề cho sự phát triển nhanh, toàn diện, bền vững của tỉnh Lâm Đồng và đất nước. Thực tế cho thấy từ năm 2015 đến 2025 trên địa bàn vùng DTTS của tỉnh Bình Thuận (cũ), Đắk Nông (cũ), Lâm Đồng (cũ)

và Lâm Đồng hiện nay không xảy ra điểm nóng về chính trị, xã hội. Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030 đã đánh giá: "Cả hệ thống chính trị đã có nhiều cố gắng, vượt qua những khó khăn thách thức, giữ vững ổn định chính trị, xã hội, kinh tế tiếp tục tăng trưởng; quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội được bảo đảm; vai trò lãnh đạo của các cấp ủy, tổ chức đảng được phát huy; đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân được cải thiện và nâng lên; sức mạnh đại đoàn kết được tiếp tục tăng cường" [193, tr.135]. Báo cáo Chính trị của Ban Chấp hành Trung ương tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng Cộng sản Việt Nam cũng khẳng định: "Nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân, nền an ninh nhân dân, thế trận an ninh nhân dân ngày càng được củng cố; gắn kết chặt chẽ với thế trận lòng dân vững chắc, nhất là ở các địa bàn chiến lược trọng điểm, tuyến biên giới, hải đảo" [63, tr.5]. Đây cũng chính là mục tiêu sâu xa của các chính sách PLXH dành cho đồng bào DTTS ở tỉnh Lâm Đồng hiện nay.

2.3. NHỮNG YẾU TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN BẢO ĐẢM PHÚC LỢI XÃ HỘI ĐỐI VỚI ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở TỈNH LÂM ĐỒNG HIỆN NAY

Thứ nhất, đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước liên quan đến bảo đảm PLXH.

Ngay từ khi được thành lập năm 1930, Đảng Cộng sản Việt Nam đã nhất quán thực hiện quan điểm đại đoàn kết dân tộc, coi đây là yếu tố cốt lõi, sống còn đối với sự nghiệp cách mạng Việt Nam. Trải qua nhiều thời kỳ lịch sử Đảng ta vẫn nêu cao và phát huy tinh thần đoàn kết, gắn bó, sẻ chia giữa các dân tộc. Vì vậy Đảng ta đã có nhiều chính sách phù hợp để thực hiện hiệu quả công tác dân tộc với từng thời kỳ cách mạng. Tại Đại hội lần thứ nhất của Đảng (3/1935), trong các nghị quyết của Đại hội đều đề cập đến "vấn đề dân tộc" với ba nội dung cơ bản là: sinh hoạt kinh tế, chính trị và xã hội của Nhân dân các dân tộc. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng (12/1976), Đảng ta đã đề ra những quan điểm cơ bản, toàn diện về chính sách dân tộc ở

Việt Nam là: "Giải quyết đúng đắn vấn đề dân tộc là một trong những nhiệm vụ có tính chất chiến lược của cách mạng Việt Nam (…). Công tác dân tộc của Đảng là thực hiện triệt để quyền bình đẳng về mọi mặt giữa các dân tộc, tạo những điều kiện cần thiết để xóa bỏ tận gốc những chênh lệch về trình độ kinh tế, văn hóa giữa các dân tộc ít người và dân tộc đông người, đưa miền núi tiến kịp miền xuôi, vùng cao tiến kịp vùng thấp, làm cho tất cả các dân tộc đều có cuộc sống ấm no, văn minh và hạnh phúc, đoàn kết giúp đỡ nhau tiến bộ, cùng làm chủ tập thể Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa" [47, tr.44].

Trong giai đoạn hiện nay, chính sách dân tộc đã được Đảng ta thể hiện rõ trong "*Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* (bổ sung, phát triển năm 2011)", trong đó nhấn mạnh: "Thực hiện chính sách bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp đỡ nhau giữa các dân tộc, tạo mọi điều kiện để các dân tộc cùng phát triển, gắn bó mật thiết với sự phát triển chung của cộng đồng dân tộc Việt Nam. Giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa, ngôn ngữ, truyền thống tốt đẹp của các dân tộc. Chống tư tưởng kỳ thị và chia rẽ dân tộc. Các chính sách kinh tế, xã hội phải phù hợp với đặc thù của các vùng và các dân tộc, nhất là các dân tộc thiểu số" [55, tr.81].

Quan điểm của Đảng ta về chính sách dân tộc là cơ sở chính trị để Nhà nước và chính quyền cấp tỉnh thể chế hoá thành các chương trình, chính sách, pháp luật để triển khai thực hiện trên thực tế, trong đó có PLXH. Thành tựu nổi bật trong xoá đói, giảm nghèo, phát triển KT-XH, nâng cao đời sống cho Nhân dân, bảo đảm ANQP từ khi đổi mới đất nước cho đến nay đã cho thấy tính đúng đắn trong thực hiện chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước ta.

Với tỉnh Lâm Đồng, xuất phát từ quan điểm chỉ đạo, chủ trương, chính sách của Trung ương, đặc điểm và điều kiện KT-XH của các DTTS ở địa phương, các tỉnh Bình Thuận (cũ), Đắk Nông (cũ), Lâm Đồng (cũ) và tỉnh Lâm Đồng hiện nay đã cụ thể hoá thành nhiều chính sách, sử dụng nguồn ngân sách nhà nước (Trung ương và địa phương) và xã hội hoá các nguồn lực nhằm bảo đảm PLXH cho Nhân dân trong tỉnh nói chung, đồng bào các DTTS nói riêng ở những lĩnh vực cơ bản như GNBV, xây dựng kết cấu hạ

tầng KT-XH, thực hiện các chính sách trợ giúp xã hội, chính sách BHXH, BHYT, BHTN, việc làm, giáo dục, văn hoá, thông tin, nhà ở. Những chính sách này về cơ bản đã đáp ứng được những nhu cầu thực tế của đồng bào các DTTS trong tỉnh, nhờ đó công tác giảm nghèo những năm vừa qua đã đạt được những kết quả rất tích cực, tỉnh Lâm Đồng hiện nay là điểm sáng về GNBV đối với đồng bào DTTS. Đó là cơ sở để tiếp tục thực hiện tốt hơn các chính sách PLXH giai đoạn tới nhằm đưa mức sống, sản xuất của đồng bào DTTS tiến tới mặt bằng chung của tỉnh và thu hẹp khoảng cách với cả nước.

Thứ hai, đặc điểm tự nhiên, KT-XH của tỉnh Lâm Đồng.

Điều kiện tự nhiên có tác động trực tiếp và rất lớn đến đời sống, sản xuất của đồng bào DTTS. Lâm Đồng là tỉnh miền núi với địa hình chủ yếu là đồi núi trung bình và thấp, bị chia cắt khá mạnh, do đó giao thông nhiều vùng rất khó khăn. Nhìn tổng thể điều kiện tự nhiên của Lâm Đồng hiện nay khá thuận lợi cho phát triển nông nghiệp chuyên canh đa dạng với nhiều cây công nghiệp dài ngày có giá trị kinh tế cao như hồ tiêu, cà phê, mác ca, điều, cao su, cây ăn trái đan xen với các cây ngắn ngày, cây rau màu đặc sản và chăn nuôi; đánh bắt, nuôi trồng thuỷ sản. Điều kiện tự nhiên, khí hâu đa dạng của tỉnh đã tạo thuận lợi cho sự phát triển sinh kế đa dạng của đồng bào DTTS. Việc phát huy nội lực của đồng bào trong phát triển kinh tế cho đến nay vẫn chủ yếu dựa vào việc khai thác thế mạnh về tài nguyên đất đai, khí hậu của địa phương, do đó để nâng cao sinh kế bền vững cho đồng bào rất cần các chính sách phúc lợi phù hợp để ổn định đời sống, nâng cao hiệu quả sản xuất cho đồng bào. Bên cạnh mặt thuận lợi, điều kiện tự nhiên của Lâm Đồng cũng gây một số trở ngại như giao thông đi lại khó khăn, cần vốn đầu tư lớn để phát triển hạ tầng, thiếu nước về mùa khô. Việc quản lý bảo vệ rừng nghiêm ngặt đã chấm dứt tình trạng phá rừng làm nương rẫy vốn là cách thức sản xuất chủ yếu của đồng bào DTTS đã dẫn đến hệ quả là một bộ phận đồng bào DTTS không có/thiếu đất sản xuất, đất ở hoặc có đất sản xuất nhưng khó canh tác. Thực trạng trên gây rất nhiều khó khăn cho việc định cư và ổn định đời sống, tạo sinh kế bền vững cho đồng bào. Và đây cũng là điểm mấu chốt mà các thế lực phản động, thù

địch thường lợi dụng để thực hiện hành vi kích động, gây rối, chia rẽ khối đoàn kết dân tộc, chia rẽ đồng bào DTTS với Đảng, Nhà nước. Báo cáo kiểm điểm của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh tại Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030 đã đánh giá "Tỉnh có địa hình đa dạng nhưng giao thông kết nối một số địa phương trong tỉnh còn hạn chế" [193, tr.63]. Vì vậy vấn đề cơ bản nhất là giảm nghèo thật sự bền vững trong đồng bào DTTS, hỗ trợ để thúc đẩy đồng bào phát triển sản xuất, đa dạng hoá sinh kế, tăng thu nhập, nâng cao mọi mặt đời sống. Phúc lợi xã hội có vai trò tạo động lực quan trọng trong công tác này.

Đặc điểm về KT-XH của tỉnh: có ảnh hưởng rất lớn đến việc huy động các nguồn lực cho bảo đảm PLXH đối với Nhân dân trên địa bàn. Thực tế cho thấy ở những địa phương có KT-XH phát triển, dân cư ổn định sẽ có nhiều điều kiện để huy động nguồn ngân sách cũng như huy động từ cộng đồng cho việc chăm lo PLXH cho Nhân dân. Ngược lại những địa phương có điều kiện KT-XH khó khăn sẽ rất hạn chế trong việc sử dụng ngân sách và huy động xã hội hoá cho công tác này. Kinh tế kém phát triển, hạ tầng thấp kém và thiếu đồng bộ dẫn đến những khó khăn cho phát triển đa dạng sinh kế, nâng cao đời sống, thu nhập của đồng bào, đồng thời ảnh hưởng đến việc phát triển và thụ hưởng các dịch vụ xã hội thiết yếu như GDĐT, văn hoá, y tế, thông tin, học nghề, tạo việc làm. Vì vậy cùng với bảo đảm PLXH cho đồng bào là việc phải triển khai đồng bộ phát triển kết cấu hạ tầng KT-XH, nâng cao chất lượng phục vụ và mức độ thụ hưởng các dịch vụ xã hội cơ bản cho Nhân dân.

Tình trạng chung ở Tây Nguyên và Lâm Đồng hiện nay là sự đan xen nhiều tầng nấc về trình độ, cách thức tổ chức sản xuất, nên đã dẫn đến sự phân tầng xã hội rất lớn và có khuynh hướng ngày càng sâu sắc thêm. Không chỉ trong hoạt động sản xuất mà còn có sự chênh lệch cao về đời sống và mức độ thụ hưởng thành quả lao động. Sự chênh lệch này sẽ phá vỡ nét tâm lý bình quân chủ nghĩa thô sơ và đơn giản của các cộng đồng DTTS vốn tồn tại lâu nay. Điều này dẫn đến hệ quả là một mặt góp phần tích cực hình thành tâm lý cạnh tranh, thi đua trong phát triển sinh kế bền vững, nâng cao đời

sống nhưng đồng thời cũng làm nảy sinh tâm lý ganh ghét, tự ty, mặc cảm, thậm chí là tâm lý bất an, thua thiệt của một bộ phận đồng bào DTTS còn nghèo khó. Đây chính là cơ hội cho những thế lực phản động, thù địch ở trong và ngoài nước xuyên tạc, bôi nhọ, chia rẽ, làm giảm lòng tin, sự gắn bó của đồng bào đối với Đảng và Nhà nước. Về khía cạnh này, Báo cáo chính trị tại Đại hội Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030 đã đánh giá: "Cơ sở hạ tầng, các thiết chế văn hoá, thể thao, du lịch, thương mại dịch vụ chưa được đầu tư đồng bộ, toàn diện..."[193, tr.56] và "Đời sống của một bộ phận Nhân dân còn khó khăn, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, nông thôn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, biên giới, việc thực hiện các chính sách an sinh xã hội, các mục tiêu giảm nghèo còn khó khăn, thách thức; tình trạng di dân ngoài kế hoạch gây khó khăn cho địa phương" [193,tr.56]. Vì lẽ đó, bảo đảm đời sống cho đồng bào, nâng cao nội lực sản xuất và năng suất lao động tiến tới mức bình quân chung của tỉnh là yếu tố then chốt trong việc ổn định KT-XH trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng hiện nay.

Văn hoá Tây Nguyên nói chung và văn hoá của cộng đồng DTTS ở Lâm Đồng nói riêng rất đa dạng và phong phú trong đó có những nét văn hoá địa phương nguyên sơ, có những nét văn hoá du nhập từ cộng đồng DTTS khác di cư đến và văn hoá của người Kinh. Văn hoá từ lâu đã có vai trò rất quan trọng trong phương thức sản xuất, đời sống vật chất và tinh thần của đồng bào DTTS. Bên cạnh tính tích cực, văn hoá của nhiều đồng bào DTTS trong tỉnh cũng còn tồn tại những hạn chế như hủ tục, tâm lý ỷ lại, nếp sống, phương thức sản xuất lạc hậu…Đây là lực cản cho sự phát triển toàn diện KT-XH, nâng cao đời sống của chính đồng bào DTTS. Vì vậy bên cạnh việc phát triển kết cấu hạ tầng KT-XH cần phải đẩy mạnh hơn nữa việc phát triển văn hoá, giáo dục nhằm phát huy nội lực, ý chí tự lực, tự cường, khát vọng vươn lên của đồng bào DTTS trong tỉnh.

Đặc điểm dân cư cũng ảnh hưởng lớn đến việc thực hiện các chính sách PLXH đối với đồng bào DTTS của tỉnh. Dân trí được nâng cao sẽ thúc đẩy đa dạng hoá sinh kế, GNBV. Ngược lại dân trí thấp, nhiều hủ tục lạc hậu sẽ gây

khó khăn cho quá trình giảm nghèo và nguy cơ tái nghèo cao. Đồng bào DTTS ở tỉnh Lâm Đồng chủ yếu cư trú trên địa bàn vùng sâu, biên giới, đan xen, tạo nên những cộng đồng dân cư nhỏ, phân tán, mặt bằng dân trí nhìn chung còn thấp, không đồng đều vì thế đối tượng cần được hỗ trợ bằng chính sách PLXH rất lớn. Điều này gây sức ép không nhỏ cho các cấp chính quyền ở địa phương trong việc cân đối nguồn lực để chăm lo cho đồng bào. Tình hình chính trị, an ninh, xã hội của tỉnh cơ bản ổn định nhưng kinh tế trong vùng DTTS vẫn còn nhiều khó khăn. Cho đến nay thu nhập bình quân của đồng bào DTTS ở tỉnh vẫn thấp hơn rất nhiều so với mặt bằng chung của tỉnh. Sự biến đổi nhanh chóng của cơ cấu nguồn dân cư ở Lâm Đồng đang diễn ra từng ngày cùng với quá trình tăng dân số cơ học do tình trạng di cư đến ngày càng tăng, nhất là khu vực phía Tây tỉnh Lâm Đồng. Thực trạng trên đã dẫn đến tương quan so sánh về quy mô dân số giữa các DTTS ở Lâm Đồng đang thay đổi nhanh chóng theo khuynh hướng tỷ lệ dân cư các DTTS tại chỗ ngày càng thấp so với các DTTS khác mới di cư đến. Điều đó dẫn đến tâm lý bất an, sự mặc cảm, tự ti đi kèm với thái độ thu mình để tự vệ…của một bộ phận đồng bào DTTS tại chỗ. Lợi dụng thực tế trên, các thế lực thù địch đã kích động nhằm gây chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc, tạo sự hoài nghi về công cuộc phát triển KT-XH của địa phương, thậm chí là tạo ra mâu thuẫn giữa các DTTS tại chỗ với DTTS di cư đến và giữa DTTS với dân tộc đa số ở địa phương. Vì vậy tỉnh Lâm Đồng cần sớm ổn định tình hình dân di cư đến, (nhất là di cư tự do), ổn định đời sống và phát triển sinh kế đa dạng, bền vững cho đồng bào.

Kết cấu hạ tầng KT-XH: có ảnh hưởng trực tiếp đến sản xuất, đời sống cũng như việc bảo đảm PLXH đối với đồng bào DTTS trong tỉnh. Hạ tầng được đầu tư đồng bộ sẽ tạo động lực thúc đẩy nhanh quá trình phát triển KT-XH toàn diện, ngược lại kết cấu hạ tầng thấp kém sẽ kìm hãm sự phát triển về mọi mặt. Nhìn chung kết cấu hạ tầng trong vùng DTTS trên địa bàn tỉnh còn nhiều khó khăn, hạn chế. Điều này không chỉ gây khó khăn cho phát triển sản xuất, tạo thêm nhiều việc làm, chuyển dịch cơ cấu kinh tế và cơ cấu lao động

mà còn cả trong sinh hoạt của đồng bào. Báo cáo chính trị tại Đại hội Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030 đã đánh giá: "...việc đầu tư, xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế-xã hội chưa đáp ứng được yêu cầu, nhất là hạ tầng giao thông" [193, tr.55], "Công tác quản lý một số hoạt động văn hoá, tôn giáo, tín ngưỡng chưa hiệu quả. Việc đầu tư xây dựng, sửa chữa một số cơ sở giáo dục còn chậm. Chất lượng y tế, chăm sóc sức khoẻ Nhân dân, tỷ lệ giường bệnh/vạn dân còn thấp so với cả nước" [193, tr.55]. Vì vậy để bảo đảm PLXH cho đồng bào DTTS ở địa phương thì cần tăng cường đầu tư hiệu quả hơn nữa về kết cấu hạ tầng KT-XH cho khu vực này.

Thứ ba, đặc điểm của đồng bào DTTS ở tỉnh Lâm Đồng hiện nay.

Tỉnh Lâm Đồng sau khi sáp nhập có 49 dân tộc sinh sống đan xen với nhau, trong đó các DTTS chiếm khoảng trên 17,6% dân số của tỉnh [156] song có sự phân bố không đồng đều, trải khắp các vùng trong tỉnh, lại rất đa dạng về vùng miền trong đó chủ yếu là DTTS tại chỗ và các DTTS di cư tự do từ các tỉnh miền núi phía Bắc, miền Trung vào cùng một bộ phận nhỏ DTTS ở khu vực phía Nam. Chính sự hình thành và đan xen giữa các DTTS đã tạo ra những nét riêng cho địa phương trong phát triển KT-XH. Nhìn tổng thể thì đồng bào DTTS có sự phát triển chậm hơn so với mặt bằng chung nhưng lại có sự chênh lệch giữa các DTTS với nhau. Đặc điểm này đặt ra yêu cầu khi xây dựng các chính sách PLXH là phải tính tới yếu tố riêng biệt của từng DTTS, không cào bằng.

Một nhân tố có ảnh hưởng lâu dài đến việc bảo đảm PLXH cho đồng bào DTTS ở Lâm Đồng hiện nay, đó là năng lực nội sinh của chính đồng bào. Năng lực nội sinh là sự tổng hoà của dân trí, văn hoá, truyền thống, phong tục, tập quán, tâm lý trong sản xuất, đời sống và sinh hoạt của đồng bào. Với mỗi cộng đồng DTTS có sự khác nhau về năng lực nội sinh. Đồng bào DTTS có năng lực nội sinh tốt thì việc thụ hưởng các chính sách PLXH sẽ thuận lợi và hiệu quả bền vững. Ngược lại, năng lực nội sinh hạn chế sẽ khiến cho việc thực hiện các chính sách PLXH cho đồng bào gặp nhiều khó khăn, nhất là trong phát triển đa dạng sinh kế, chuyển đổi nghề, GNBV, tăng năng suất lao

động và thu nhập. Chính điều này đặt ra yêu cầu khi xây dựng chính sách PLXH phải đặc biệt chú ý đến năng lực nội sinh của từng cộng đồng tộc DTTS nhằm phát huy ưu điểm của chính sách, bảo đảm cho chính sách tạo động lực đủ mạnh để thúc đẩy phát huy được năng lực nội sinh của đồng bào, khắc phục tình trạng trông chờ, ỷ lại vào chính sách.

Dân trí cao hay thấp đều ảnh hưởng đến hiệu quả của các chính sách dân tộc, nhất là chuyển đổi nghề và GNBV. Dân trí của các DTTS ở tỉnh Lâm Đồng nhìn chung còn thấp hơn khá nhiều so với mặt bằng chung của tỉnh và cả nước hiện nay, đồng thời có sự chênh lệch giữa các DTTS. Kết quả điều tra KT-XH năm 2024 cho thấy người lao động DTTS chưa qua đào tạo còn chiếm tỷ lệ rất cao, trong đó tỉnh Bình Thuận (cũ) là 63,1%, Đắk Nông (cũ) là 91,2%, Lâm Đồng (cũ) là 89,9% [Phụ lục 3.18]. Điều này dẫn đến những khó khăn trong việc chuyển giao ứng dụng kỹ thuật vào sản xuất, chuyển đổi nghề nhằm GNBV. Dân trí thấp, chưa qua đào tạo nghề còn cản trở việc lao động DTTS tham gia vào các lĩnh vực lao động chính thức, do đó ảnh hưởng trực tiếp đến tỷ lệ đồng bào DTTS được tham gia BHXH, BHYT bắt buộc, BHTN - vốn là một trong những trụ đỡ của an sinh và PLXH hiện nay. Dân trí thấp cũng tác động lớn đến công tác bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trong vùng đồng bào DTTS. Thực tế trên địa bàn Tây Nguyên và Lâm Đồng cho thấy một bộ phận người dân (chủ yếu là đồng bào DTTS) do hạn chế về nhận thức đã bị các phần tử xấu và thế lực phản động, thù địch lợi dụng dụ dỗ, kích động, ép buộc tham gia các hoạt động vi phạm pháp luật, xâm phạm đến trật tự xã hội, gây chia rẽ trong Nhân dân. Vì vậy một trong những mục tiêu đặc biệt quan trọng của PLXH là nâng cao mặt bằng dân trí, đào tạo nghề, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong đồng bào DTTS, tạo tiền đề vững chắc để phát triển KT-XH, bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội tại địa phương.

Đặc điểm tâm lý của đồng bào DTTS: đồng bào DTTS ở Lâm Đồng đại đa số làm nông nghiệp, gắn bó với thiên nhiên nên trong đời sống tâm lý đã hình thành thói quen dựa vào thiên nhiên (phá rừng làm nương rẫy, canh tác

dựa vào thiên nhiên). Chính đặc điểm tâm lý này dẫn đến hệ quả là một bộ phận đồng bào DTTS hiện còn mang nặng tâm lý ỷ lại, trông chờ vào sự hỗ trợ của Nhà nước và cộng đồng, không chịu nỗ lực tự vươn lên. Cùng với đó là tâm lý cộng đồng, bị bó hẹp trong văn hoá bản làng, ít giao lưu với bên ngoài, điểm xuất phát thấp, hạn chế về dân trí nên rất khó khăn trong việc chuyển giao kỹ thuật trong sản xuất, chuyển đổi nghề, tạo việc làm và cải thiện đời sống. Vì thế Nhà nước, chính quyền tỉnh Lâm Đồng cần tập trung nguồn lực để bảo đảm PLXH cho đồng bào DTTS ở tỉnh hiện nay, để tất cả đồng bào DTTS đều có được mức sống cơ bản, vươn lên giảm nghèo thật sự bền vững. Đây là cách thức hữu hiệu nhất để chính quyền địa phương giải quyết triệt để những vấn đề liên quan đến DTTS và củng cố an ninh, trật tự ở địa phương.

Vấn đề tín ngưỡng tôn giáo: đồng bào các DTTS ở Lâm Đồng có đời sống tín ngưỡng khá phong phú, tuy nhiên việc nhiều tôn giáo đang mở rộng sự phát triển trong cộng đồng DTTS hiện nay đã đặt ra nhiều vấn đề nhạy cảm, phức tạp cần quan tâm giải quyết, như: vấn đề về đoàn kết giữa các dân tộc với nhau, đoàn kết giữa cộng đồng DTTS theo tôn giáo này với cộng đồng DTTS theo tôn giáo khác, tôn giáo với việc bảo tồn những bản sắc văn hoá, truyền thống tốt đẹp của cộng đồng DTTS. Trong nhiều năm trở lại đây, nhiều sắc thái văn hoá đặc sắc của đồng bào DTTS đã bị mai một, biến đổi, không còn giữ được bản sắc vốn có. Các thế lực phản động, thù địch đang ra sức lợi dụng sự hạn chế về dân trí, tình trạng kinh tế khó khăn của một bộ phận đồng bào, kết hợp với những vấn đề nhạy cảm về dân tộc và tôn giáo để gây chia rẽ trong Nhân dân, chia rẽ đồng bào DTTS với Đảng và Nhà nước. Đây là vấn đề nhạy cảm và rất hệ trọng cần được nghiên cứu và giải quyết một cách thấu đáo. Những đặc điểm riêng về văn hoá, tập quán, tâm lý, tín ngưỡng, tôn giáo của đồng bào DTTS đều có những ảnh hưởng rất lớn đến việc triển khai thực hiện các chính sách dân tộc và bảo đảm PLXH. Vì vậy trong công tác này phải đặc biệt chú ý đến những khía cạnh đó của từng cộng đồng DTTS.

Thứ tư, đội ngũ CBCCVC tham gia thực hiện CSXH nói chung, PLXH nói riêng.

Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn khẳng định "Cán bộ là gốc của mọi công việc", "muôn việc thành công hay thất bại đều do cán bộ tốt hay kém" [119]. Vì vậy, trong thực hiện chính sách dân tộc nói chung, PLXH đối với đồng bào DTTS nói riêng chịu ảnh hưởng rất lớn bởi đội ngũ CBCCVC các cấp, các ngành có liên quan. Thực tế cho thấy ở đâu và khi nào đội ngũ cán bộ tận tuỵ với Nhân dân, có tinh thần trách nhiệm trong công tác, triển khai một cách nhanh chóng, đúng đắn chính sách của Đảng và Nhà nước đến đồng bào thì hiệu quả và giá trị xã hội mang lại là rất lớn. Phúc lợi xã hội đối với đồng bào DTTS trước hết là đáp ứng những nhu cầu thiết yếu cho một bộ phận người dân đang gặp khó khăn, hoạn nạn, cần sự hỗ trợ của Nhà nước, vì vậy sự tận tuỵ, trách nhiệm của những người thực thi công vụ, nhiệm vụ bảo đảm PLXH cho đồng bào sẽ không những giúp đồng bào vượt qua những khó khăn, hoạn nạn mà còn tăng cường sự gắn bó, củng cố niềm tin với Đảng và Nhà nước. Đội ngũ cán bộ thực thi PLXH là cầu nối trực tiếp giữa Đảng, Nhà nước với đồng bào DTTS, đồng thời là những người nắm bắt, phản ánh được đầy đủ, kịp thời tâm tư, nguyện vọng, thực trạng KT-XH của đồng bào để Đảng và Nhà nước ban hành, điều chỉnh chính sách cho kịp thời, phù hợp. Trong những năm qua đội ngũ CBCCVC của tỉnh trong thực hiện PLXH cho Nhân dân hầu hết đã phát huy được trách nhiệm, bảo đảm các chính sách cơ bản được thực hiện kịp thời, đúng đối tượng và có hiệu quả tốt. Tỷ lệ CBCCVC trong HĐND, UBND cấp xã là người DTTS đã được tăng cường, tạo động lực quan trọng để thực hiện tốt PLXH đối với đồng bào DTTS ở địa phương, trong đó tỉnh Bình Thuận (cũ) là 172/556 người, Đắk Nông (cũ) là 125/797 người, Lâm Đồng (cũ) là 310/1474 người [196]. Bên cạnh những ưu điểm trong công tác này hiện vẫn còn tồn tại tình trạng tham nhũng, trục lợi chính sách và không ít những hiện tượng tiêu cực khác. Vì vậy cần tăng cường hiệu quả hơn nữa công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát đối với việc thực hiện công tác này ở địa phương. Xây dựng hệ thống chính sách dân tộc đồng bộ, phù

hợp, có đủ nguồn lực cùng với đội ngũ CBCCVC thực thi có phẩm chất, năng lực, uy tín là nhân tố quan trọng, bảo đảm sự thành công của chính sách. Vì vậy cùng với xây dựng chính sách cần tập trung đào tạo, bồi dưỡng, quản lý tốt đối với đội ngũ CBCCVC làm công tác dân tộc các cấp.

Thứ năm, sự chống phá của các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo, sự chênh lệch về mức sống giữa các dân tộc sẽ vẫn diễn ra gay gắt, quyết liệt.

"Diễn biến hoà bình", "bạo loạn lật đổ" vẫn là âm mưu thâm độc mà các thế lực thù địch vẫn đang thực hiện đối với nước ta, trong đó những vấn đề nhạy cảm về dân tộc và tôn giáo vẫn được chúng triệt để lợi dụng. Tây Nguyên nói chung, tỉnh Lâm Đồng nói riêng vẫn được các thế lực phản động, thù địch, bất mãn xác định là địa bàn trọng điểm để chống phá. Lợi dụng những vấn đề về dân tộc, tôn giáo, những tồn tại, hạn chế trong việc thực hiện một số chương trình KT-XH, những khó khăn về kinh tế, sự chênh lệch về mức sống ở nhiều vùng trong tỉnh, các thế lực phản động, thù địch đã kích động, lôi kéo, ép buộc đồng bào tham gia các hoạt động gây mất an ninh, trật tự tại địa phương. "Các thế lực thù địch, phản động đẩy mạnh thực hiện chiến lược "diễn biến hoà bình", thúc đẩy "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" đối với Việt Nam; các thách thức về an ninh mạng, an ninh xã hội, an ninh tôn giáo, dân tộc, hoạt động chống phá của các tổ chức, cá nhân phản động, nguy cơ tụ tập biểu tình gây rối an ninh, trật tự, bạo loạn, khủng bố, hình thành tổ chức chính trị đối lập trong nước" [193, tr.63]. Những hoạt động này đã trực tiếp cản trở, gây khó khăn cho việc triển khai nhiều chương trình phát triển KT-XH và PLXH trên địa bàn, làm giảm đi tính hiệu quả của một số chính sách. Vì vậy, ở tỉnh Lâm Đồng hiện nay: "An ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội còn tiềm ẩn nguy cơ (...), an ninh, trật tự ở địa bàn nông thôn có nơi còn phức tạp" [193, tr.56]. Thực tế trên đặt ra yêu cầu để bảo đảm PLXH cho Nhân dân thì vừa phải triển khai đồng bộ các chính sách KT-XH vừa phải làm tốt công tác vận động Nhân dân, phát huy được tính tích cực của chính đồng bào vào việc thực hiện các chính sách PLXH ở địa phương.

Thứ sáu, nguồn ngân sách nhà nước Trung ương vẫn là nguồn lực cơ bản và quan trọng nhất để bảo đảm PLXH đối với đồng bào DTTS ở tỉnh Lâm Đồng.

Việc bảo đảm PLXH đối với đồng bào DTTS ở tỉnh Lâm Đồng được thực hiện bởi ngân sách nhà nước (Trung ương và địa phương), sự chung tay của xã hội và sự nỗ lực của chính đồng bào. Tuy nhiên do Lâm Đồng vẫn còn nhiều khó khăn nên việc xã hội hoá cho công tác này còn hạn chế vì vậy ngân sách nhà nước bảo đảm vẫn là nguồn cơ bản, nhất là trong đầu tư kết cấu hạ tầng KT-XH, hỗ trợ sản xuất, chuyển đổi nghề, tạo việc làm, vốn vay ưu đãi và trợ giúp xã hội. Trong đó nguồn vốn phân bổ từ Trung ương là chủ đạo, bảo đảm sự thành công của các chính sách. "Nguồn lực nhà nước là quan trọng và có ý nghĩa quyết định; tăng cường hợp tác quốc tế, đa dạng hóa và xã hội hóa nguồn lực, huy động, thu hút, phát huy mọi nguồn lực để đầu tư phát triển nhanh, bền vững; nâng cao hiệu quả và mở rộng vốn tín dụng ưu đãi đối với các dự án, hộ gia đình, cá nhân, tổ chức phát triển sản xuất, kinh doanh trong vùng đồng bào DTTS và miền núi" [144]. Để tiếp tục đầu tư, đẩy mạnh sự phát triển toàn diện vùng DTTS và miền núi tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2026 - 2030, tỉnh cần bố trí nguồn vốn hơn 3.050 tỷ đồng, với hơn 2.650 tỷ đồng là ngân sách Trung ương, còn lại gần 400 tỷ đồng là ngân sách địa phương cân đối [99]. Nguồn lực của Nhà nước (Trung ương và địa phương) đóng vai trò chủ đạo trong bảo đảm PLXH, vừa khẳng định tính ưu việt của chế độ XHCN ở Việt Nam, vừa khắc phục được những khiếm khuyết của KTTT đồng thời bù đắp những thiếu hụt sau khi phân phối lần đầu. Cùng với ngân sách là chủ đạo, công tác xã hội hoá cần được đẩy mạnh và hiệu quả hơn nữa để vừa giảm bớt gánh nặng cho ngân sách nhà nước vừa chăm lo PLXH tốt hơn cho đồng bào các DTTS của tỉnh.

Kết luận chương 2

Phúc lợi xã hội là một phần của thu nhập quốc dân được (Nhà nước và cộng đồng) phân phối chủ yếu miễn phí để đáp ứng nhu cầu thiết yếu cho một bộ phận dân cư hoặc nâng cao đời sống mọi mặt cho toàn xã hội. Vì thế PLXH trong vài thập niên trở lại đây luôn được Nhà nước quan tâm chú trọng, ban hành nhiều chính sách, sử dụng nguồn lực công và xã hội hoá để giải quyết kịp thời những nhu cầu thiết yếu, cơ bản cho Nhân dân, tạo động lực để mọi người dân vươn lên, hoà nhập với sự phát triển chung của xã hội.

Bảo đảm PLXH đối với đồng bào DTTS ở tỉnh Lâm Đồng hiện nay là việc vận dụng, thể chế hoá "quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh" về thực hiện "tiến bộ và công bằng xã hội" trong phân phối tổng thu nhập xã hội, đó là việc: *"cấp uỷ Đảng, chính quyền địa phương và xã hội sử dụng ngân sách nhà nước và các nguồn lực xã hội để phân phối lại thu nhập nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu, giảm bớt khoảng cách chênh lệch về mức sống và thúc đẩy các điều kiện phát triển toàn diện cho đồng bào DTTS ở tỉnh Lâm Đồng"*.

Trên cơ sở tổng quan và làm rõ khái niệm, luận án đã phân tích làm rõ chủ thể, đối tượng, mục tiêu, nguồn lực, nội dung, hình thức, phương thức thực hiện PLXH đồng thời làm rõ tầm quan trọng và những yếu tố tác động tới việc bảo đảm PLXH đối với đồng bào DTTS ở tỉnh Lâm Đồng hiện nay. Đây là những cơ sở lý luận rất quan trọng, thiết thực để đánh giá thực trạng bảo đảm PLXH cho đồng bào DTTS ở tỉnh Lâm Đồng (tỉnh Bình Thuận (cũ), Đắk Nông (cũ), Lâm Đồng (cũ) và Lâm Đồng hiện nay) giai đoạn 2015-2025, làm cơ sở để luận án xác định bối cảnh mới đặt ra đồng thời đề xuất quan điểm và những giải pháp phù hợp trong thời gian tới.

Chương 3
BẢO ĐẢM PHÚC LỢI XÃ HỘI ĐỐI VỚI ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở TỈNH LÂM ĐỒNG HIỆN NAY - THỰC TRẠNG VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA

3.1. THÀNH TỰU VÀ NGUYÊN NHÂN CỦA THÀNH TỰU TRONG BẢO ĐẢM PHÚC LỢI XÃ HỘI ĐỐI VỚI ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở TỈNH LÂM ĐỒNG

3.1.1. Thành tựu trong bảo đảm phúc lợi xã hội đối với đồng bào dân tộc thiểu số ở tỉnh Lâm Đồng hiện nay

3.1.1.1. Thành tựu trong lĩnh vực giảm nghèo bền vững đối với đồng bào dân tộc thiểu số ở tỉnh Lâm Đồng

Kể từ khi đổi mới đất nước cho đến nay, Đảng và Nhà nước ta đã ban hành nhiều chương trình, chính sách xoá đói, giảm nghèo và GNBV, nhất là đối với đồng bào DTTS. Đây là sự thể chế hoá, cụ thể hoá Nghị quyết các kỳ đại hội Đảng toàn quốc, từ Đại hội lần thứ VI (1986) đến Đại hội lần XIV (2026) của Đảng Cộng sản Việt Nam về "vấn đề dân tộc" và CSXH. Hội nghị Trung ương 7 khóa IX của Đảng đã thông qua Nghị quyết số 24-NQ/TW, ngày 12/3/2003 *"về công tác dân tộc"; tiếp đó* Bộ Chính trị Khoá XII đã có Kết luận số 65-KL/TW, ngày 30/10/2019 "về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa IX về công tác dân tộc trong tình hình mới". Ban Bí thư Trung ương Khoá XIII ban hành Chỉ thị số 39-CT/TW, ngày 30/10/2024 "về nâng cao hiệu quả của tín dụng và CSXH trong giai đoạn mới" nhằm phát huy hiệu quả nguồn vốn tín dụng CSXH thúc đẩy cho công tác GNBV, đặc biệt là đối với đồng bào DTTS và miền núi.

Trên cơ sở đó Trung ương đã ban hành các chiến lược, chương trình, chính sách về công tác dân tộc nói chung, GNBV đối với đồng bào DTTS nói riêng là:

Chương trình 135, được phê duyệt theo Quyết định số 135/1998/QĐ-TTg, ngày 31/7/1998 của Thủ tướng Chính phủ "phê duyệt Chương trình phát triển

KT-XH các xã đặc biệt khó khăn vùng DTTS và miền núi"; Quyết định số 132/QĐ-TTg, ngày 08/10/2002 của Thủ tướng Chính phủ "về việc giải quyết đất sản xuất và đất ở cho đồng bào DTTS tại chỗ ở Tây Nguyên"; Quyết định số 134/QĐ-TTg, ngày 20/7/2004 của Thủ tướng Chính phủ "về một số chính sách hỗ trợ đất sản xuất, đất ở, nhà ở và nước sinh hoạt cho hộ đồng bào DTTS nghèo, đời sống khó khăn"; Quyết định số 755/QĐ-TTg, ngày 20/5/2013 của Thủ tướng Chính phủ "phê duyệt chính sách hỗ trợ đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt cho hộ đồng bào DTTS nghèo, đời sống khó khăn".

Chính phủ đã ban hành Nghị định số 05/2011/NĐ-CP, ngày 14/01/2011 "về công tác dân tộc" làm cơ sở pháp lý để công tác dân tộc của HTCT được thực hiện thống nhất, đồng bộ.

Hiến pháp năm 2013 đã giao thẩm quyền cho Quốc hội trong việc hoạch định những nội dung chiến lược về chính sách dân tộc, giám sát tối cao của Nhà nước và quyết định các vấn đề đặc biệt quan trọng liên quan đến công tác dân tộc. Đây là cơ sở chính trị và pháp lý quan trọng nhất để công tác dân tộc được triển khai thống nhất, đồng bộ, hiệu quả trên phạm vi cả nước cũng như huy động nguồn lực cho công tác này.

Đặc biệt, Quốc hội khóa XIV đã thông qua Nghị quyết số 88/2019/QH14, ngày 18/11/2019 "về phê duyệt Đề án tổng thể phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021-2030"; Nghị quyết số 120/2020/QH14, ngày 19/6/2020 "phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021-2030".

Trên cơ sở Nghị quyết số 88/2019/QH14 của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1014/QĐ-TTg, ngày 14/7/2020 "thành lập Ban Chỉ đạo Trung ương Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021-2030"; Quyết định số 1719/QĐ-TTg, ngày 14/10/2021 "phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I từ năm 2021 đến năm 2025".

Cụ thể hoá chiến lược công tác dân tộc và các chính sách của Trung ương, các tỉnh Bình Thuận (cũ), Đắk Nông (cũ), Lâm Đồng (cũ) và Lâm Đồng hiện nay đã cụ thể hoá, ban hành nhiều chính sách, kế hoạch, biện pháp để triển khai thực hiện. Trong đó tỉnh Bình Thuận (cũ) đã ban hành Nghị quyết số 06/2016/NQ-HĐND, ngày 15/7/2016 của HĐND tỉnh "về chương trình GNBV trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016-2020"; Nghị quyết số 19/2024/NQ-HĐND, ngày 13/11/2024 "quy định chính sách về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh". UBND tỉnh Bình Thuận (cũ) đã ban hành Quyết định số 2004/QĐ-UBND, ngày 26/9/2022 "phê duyệt Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Thuận"; Kế hoạch số 4457/KH-UBND, ngày 29/12/2022 "về triển khai thực hiện chiến lược công tác dân tộc trên địa bàn tỉnh Bình Thuận giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045". Tỉnh ủy Đắk Nông (cũ) đã ban hành Nghị quyết số 04-NQ/TU, ngày 27/7/2016 "về công tác GNBV giai đoạn 2016 - 2020"; Nghị quyết số 13-NQ/TU, ngày 16/12/2021 "về công tác GNBV giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030"; Chương trình số 26-CTr/TU, ngày 31/8/2021 "thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XII về nâng cao đời sống vật chất - tinh thần cho người dân, đồng bào DTTS". HĐND tỉnh Đắk Nông (cũ) đã ban hành Nghị quyết số 56/2016/NQ-HĐND, ngày 22/12/2016 "về Chương trình GNBV tỉnh Đắk Nông, giai đoạn 2016 - 2020"; Nghị quyết số 11/2022/NQ-HĐND, ngày 14/12/2022 "quy định một số chính sách thực hiện mục tiêu giảm nghèo giai đoạn 2023-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông", Nghị quyết số 10/2024/NQ-HĐND, ngày 11/12/2024 "quy định chính sách về đất đai đối với cộng đồng người dân tộc thiểu số; cá nhân là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo sinh sống trên địa bàn tỉnh Đắk Nông". Tỉnh ủy Lâm Đồng (cũ) đã ban hành Nghị quyết số 14-NQ/TU, ngày 08/10/2018 "về phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2018 - 2025, định hướng đến năm 2030"; Nghị quyết số 09-NQ/TU, ngày 14/12/2021 "triển khai thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW, ngày 23/6/2021 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác

GNBV đến năm 2030"; Nghị quyết số 16-NQ/TU, ngày 03/6/2022 "về phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2022 - 2030". UBND tỉnh Lâm Đồng (cũ) đã ban hành Quyết định số 1530/QĐ-UBND, ngày 11/7/2017 "về việc ban hành kế hoạch thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia GNBV giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng"; Kế hoạch số 382/QĐ-UBND, ngày 09/3/2022 "thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia GNBV giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng"; Quyết định số 02/2024/QĐ-UBND, ngày 08/01/2024 "quy định hạn mức giao đất ở, đất sản xuất cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, hộ nghèo dân tộc Kinh chưa có đất ở; chưa có hoặc thiếu đất sản xuất theo Chương trình mục tiêu quốc gia, giai đoạn I: từ năm 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng".

Để triển khai đạt hiệu quả các chính sách GNBV ở địa phương, UBND các tỉnh đã kiện toàn các ban chỉ đạo thực hiện 3 chương trình mục tiêu quốc gia, trong đó UBND tỉnh Bình Thuận (cũ) đã ban hành Quyết định số 749/QĐ-UBND, ngày 18/4/2023 "về việc kiện toàn Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Bình Thuận"; UBND tỉnh Đắk Nông (cũ) đã ban hành Quyết định số 2376/QĐ-UBND, ngày 31/12/2021 "về việc kiện toàn Ban Chỉ đạo thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 tỉnh Đắk Nông"; UBND tỉnh Lâm Đồng (cũ) ban hành Quyết định số 185/QĐ-UBND, ngày 21/01/2021 "về việc thành lập Ban chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2021 - 2030". Đây là Ban Chỉ đạo chung cho cả 03 Chương trình mục tiêu quốc gia là: "Chương trình mục tiêu quốc gia GNBV giai đoạn 2021 - 2025", "Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025", "Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021 - 2030". Theo đó Ban Chỉ đạo thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 do Chủ tịch UBND tỉnh làm trưởng ban, các phó chủ tịch UBND tỉnh làm phó trưởng ban, các giám đốc sở làm uỷ viên ban chỉ đạo, trong đó giám đốc các sở Kế hoạch và Đầu tư (nay là Sở Tài chính), Nông nghiệp và phát triển nông thôn (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường), Lao động-Thương binh và

Xã hội (nay chuyên giao nhiệm vụ cho Sở Nội vụ, Sở Nông nghiệp và Môi trường), Ban Dân tộc tỉnh (nay là Sở Dân tộc và Tôn giáo) làm uỷ viên thường trực; đồng thời để phát huy sự tham gia của cả HTCT, các cơ quan báo chí của tỉnh, lãnh đạo MTTQ Việt Nam và các tổ chức CT-XH tỉnh, các cơ quan trong lực lượng vũ trang và cơ quan Trung ương tại địa phương (Ngân hàng nhà nước, Ngân hàng CSXH, Bảo hiểm xã hội, Thống kê tỉnh) cũng là thành viên ban chỉ đạo. Trong đó phân công Sở Kế hoạch và Đầu tư (nay là Sở Tài chính) là cơ quan thường trực ban chỉ đạo, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường) là Tổ trưởng Tổ công tác về "Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025"; Giám đốc Sở Lao động-Thương bình và Xã hội (nay giao về Sở Nông nghiệp và Môi trường) là Tổ trưởng Tổ công tác về "Chương trình mục tiêu quốc gia về GNBV giai đoạn 2021-2025"; Trưởng ban Ban Dân tộc tỉnh (nay là Sở Dân tộc và Tôn giáo tỉnh) là Tổ trưởng Tổ công tác về "Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021-2030". Công tác thông tin, tuyên truyền về GNBV đã được triển khai đến các cơ quan, đơn vị tại địa phương và Nhân dân trên địa bàn tỉnh. Nhờ đó 96,9% số người dân được hỏi biết đến chính sách giảm nghèo; 73,9% biết đến chính sách hỗ trợ đất đai, nước sinh hoạt cho hộ nghèo, cận nghèo, DTTS rất ít người; 63,1% biết đến chính sách đào tạo và chuyển đổi nghề, tạo việc làm cho đồng bào DTTS; có 91,0% được hỏi biết đến chính sách cứu trợ xã hội cho các gia đình gặp khó khăn, thiên tai, dịch bệnh [Phụ lục 5].

Trên cơ sở đó các tỉnh Bình Thuận (cũ), Đắk Nông (cũ), Lâm Đồng (cũ) và tỉnh Lâm Đồng hiện nay đã triển khai đến các cơ quan, đơn vị, các địa phương trong tỉnh, phát huy sự tham gia của HTCT và Nhân dân, phân bổ ngân sách và vận động nguồn lực trong Nhân dân để triển khai đồng bộ các chính sách GNBV đối với đồng bào DTTS. Kết quả cụ thể:

Việc phát triển sinh kế bền vững đối với đồng bào DTTS: công tác này có ý nghĩa quyết định trong chính sách GNBV hiện nay. Do đa số đồng bào trong tỉnh sinh sống bằng sản xuất nông nghiệp nên tỉnh đã chủ trương phát triển nông

nghiệp hữu cơ, nông nghiệp xanh, ứng dụng công nghệ cao gắn với thị trường và chuỗi giá trị, theo đó tỉnh đã chủ động trong việc cung ứng cây giống, con giống để hỗ trợ đồng bào phát triển sản xuất. Từ 2016 đến hết năm 2020 tỉnh Bình Thuận (cũ) đã hỗ trợ để đầu tư phát triển sản xuất và đa dạng hoá sinh kế phù hợp cho hơn 2.000 hộ thụ hưởng, trong đó hỗ trợ trâu, bò sinh sản cho 401 hộ với 401 con trâu, bò; cây điều giống cao sản cho 77 hộ với 52,5ha với tổng kinh phí 93,291 tỉ đồng; triển khai hỗ trợ và trợ cước vận chuyển giống, vật tư về bắp lai và lúa nước từ năm 2016 đến 2020 cho 6.251 lượt hộ đồng bào DTTS với tổng diện tích gieo trồng là 11.537,3ha, từ năm 2021 đến 2023 là 3.265 hộ với 5.897,6ha [208]. Từ 2016 đến năm 2023 tỉnh Đắk Nông (cũ) đã cung cấp cho đồng bào DTTS 19.000 cây điều ghép, 33,709 tấn ngô lai, 7,813 tấn lúa lai, 31,36 tấn lúa thường, 90.386 cây mít cao sản, 61.680 cây tre lấy măng. Kinh phí mua cây, con giống các loại cấp cho đồng bào DTTS là 66,166 tỷ đồng [7]. Tỉnh Lâm Đồng (cũ) trong giai đoạn 2021-2024 đã trợ giá 3.859 tấn giống lúa, bắp và 6.368 ha giống cây trồng các loại [12]; 11.814 hộ DTTS được giao khoán quản lý bảo vệ rừng, diện tích khoảng 297.400 ha, trong đó, có 7.897 hộ DTTS thuộc diện được hưởng chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng với mức thu nhập từ 200.000 đến 400.000 đồng/ha/năm [227].

Đi đôi với cung cấp cây, con giống là việc ngành nông nghiệp, Hội Nông dân tỉnh, các cơ quan chức năng và chính quyền cơ sở mở các cấp tập huấn chuyển giao kỹ thuật, kết nối doanh nghiệp cung ứng vật tư trong nông nghiệp cho trả chậm để tạo thuận lợi cho đồng bào sản xuất.

Do nhiều nguyên nhân nên một bộ phận đồng bào DTTS của tỉnh hiện không có đất sản xuất, đất ở hoặc có nhưng diện tích ít, đất khó canh tác. Theo kết quả khảo sát có 78,2% số hộ dân được hỏi hiện đang có nhu cầu được hỗ trợ về đất sản xuất, nhu cầu về đất ở là 19,0%, chủ yếu là do diện tích đất ít hoặc đất khó canh tác [Phụ lục 5]. Để khắc phục tình trạng này, thời gian qua tỉnh đã triển khai việc cấp đất cho các hộ DTTS nghèo, đời sống khó khăn. Tính đến năm 2024, với việc triển khai thực hiện các Quyết định số 132/2002/QĐ-TTg, Quyết định số 134/2004/QĐ-TTg, Quyết định số 1592/QĐ-TTg, Quyết định số

755/QĐ-TTg, tỉnh Bình Thuận (cũ) đã cấp đất sản xuất cho 5.375 hộ với 5.726,45 ha, diện tích đất sản xuất được là 5.302,79 ha chiếm 92,59 %, diện tích đất không sản xuất được là 352,92 ha chiếm 7,41% [210]. Tỉnh Đắk Nông (cũ) đã sắp xếp, hỗ trợ đất ở cho 2.296 hộ đồng bào DTTS đủ điều kiện với tổng diện tích 43,5 ha, hỗ trợ đất sản xuất cho 2.579 hộ đồng bào DTTS đủ điều kiện với tổng diện tích 1.435,1 ha [7]. Tỉnh Lâm Đồng (cũ), thực hiện Chương trình 134 đến năm 2018 đã trực tiếp hỗ trợ cho 4.100 hộ DTTS đang thiếu đất sản xuất đủ điều kiện [187].

Đến năm 2016 khi triển khai thực hiện Quyết định 2085/QĐ-TTg, ngày 31/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ "phê duyệt chính sách đặc thù phát triển KT-XH vùng DTTS và miền núi giai đoạn 2017-2020", tỉnh Bình Thuận (cũ) đã hỗ trợ đất sản xuất cho 109 hộ với 208,31 ha, 1.100 hộ được hỗ trợ chuyển đổi nghề [209], triển khai chính sách phát triển rừng gắn với GNBV, giai đoạn 2015-2020 đã hỗ trợ cho 2.408 hộ DTTS với 72.651,75ha, kinh phí thực hiện 66.103,4 triệu đồng [203]; tỉnh Đắk Nông (cũ) còn 5.424 hộ DTTS đang thiếu đất sản xuất, trong đó tỉnh đã thực hiện hỗ trợ đất sản xuất 602 hộ với 266,5ha và thực hiện hỗ trợ chuyển đổi nghề với 4.822 hộ [7]; tỉnh Lâm Đồng (cũ) đã hỗ trợ phát triển đa dạng hoá sản xuất cho 12.137 lượt hộ từ nguồn vốn thuộc 03 Chương trình mục tiêu quốc gia [227]. Từ 2021-2025 tỉnh Lâm Đồng (cũ) còn 4.028 hộ DTTS không có đất sản xuất, đủ điều kiện cần được hỗ trợ. Tỉnh đã xây dựng kế hoạch hỗ trợ cho 840 hộ (đến nay chưa triển khai được do thiếu quỹ đất) và chuyển đổi nghề cho 3.188 hộ với tổng kinh phí 122,519 tỉ đồng [12]. Nhờ thực hiện nhiều biện pháp để giải quyết tình trạng thiếu đất ở, đất sản xuất cho đồng bào DTTS nên diện tích đất hiện nay của các hộ đã cơ bản đáp ứng được yêu cầu, trong đó tỉnh Bình Thuận (cũ) diện tích đất ở bình quân là 178,3m^2/hộ, đối với đất sản xuất là 6.737,9m^2/hộ; tương ứng của tỉnh Đắk Nông (cũ) là 247,3m^2/hộ và 12.546,1m^2/hộ; tỉnh Lâm Đồng (cũ) là 276,8m^2/hộ và 20.124m^2/hộ [Phụ lục 3.13, Phụ lục 3.14]. Giải quyết tốt nhu cầu về đất đai, nhất là với đất sản xuất, giải quyết việc làm là cơ sở để thực hiện GNBV và các chính sách PLXH khác đối với đồng bào DTTS của tỉnh hiện nay.

Việc định canh định cư, ổn định dân cư cho đồng bào DTTS: cũng được 3 tỉnh trước sáp nhập quan tâm chú trọng, đầu tư thực hiện. Trong đó tỉnh Bình Thuận (cũ) từ năm 2020 đến 2024 đã triển khai đầu tư 06 dự án định cư, sắp xếp đất ở cho đồng bào DTTS với kinh phí 40,497 tỷ đồng cho 222 hộ, 1.006 khẩu [210]. Tỉnh Đắk Nông (cũ), trên cơ sở rà soát tất cả các hộ DTTS di dân tự do đến địa bàn Đắk Nông từ các giai đoạn trước đây, ngày 28/10/2022, UBND tỉnh Đắk Nông đã ban hành Quyết định số 1740/QĐ-UBND "về việc phê duyệt Đề án ổn định dân di cư tự do trên địa bàn tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030", thực hiện hỗ trợ đất đai cho 5.450 hộ đồng bào DTTS với 24.330 nhân khẩu đủ điều kiện tại 7 huyện (cũ). Trong đó hỗ trợ đất ở là 222 ha, đất nông nghiệp, lâm nghiệp 3.000 ha theo các hình thức giao đất, cho thuê đất, liên doanh, liên kết mô hình nông-lâm nghiệp kết hợp cho từng trường hợp cụ thể theo quy định [7]. Tỉnh Lâm Đồng (cũ) giai đoạn 2020-2024 đã triển khai và hoàn thiện 10 dự án định canh và ổn định dân cư cho đồng bào DTTS với tổng kinh phí 114,4 tỷ đồng, đồng thời sắp xếp lại, bố trí ổn định dân cư cho 1.171 hộ DTTS; thực hiện 04 dự án ổn định dân di cư tự do cho 4.331 hộ DTTS [227].

Kết quả khảo sát thực tế đối với hộ dân cho thấy có 26,9% ý kiến đánh giá việc hỗ trợ đất đai, nhà ở cho hộ đồng bào DTTS nghèo, đời sống khó khăn là tốt, 53,9% đánh giá bình thường [Phụ lục 5].

Như vậy cho đến nay, về cơ bản tỉnh Lâm Đồng đã giải quyết được việc hỗ trợ đất sản xuất, đất ở đối với hộ đồng bào DTTS đủ điều kiện bằng chính sách về đất đai hoặc chuyển đổi nghề, tạo việc làm. Đây là cơ sở quan trọng để tỉnh đẩy nhanh hơn nữa công tác GNBV, nâng cao đời sống cho Nhân dân, thúc đẩy phát triển KT-XH toàn diện trong vùng đồng bào DTTS của tỉnh.

Thực hiện chính sách phúc lợi về kết cấu hạ tầng nhằm nâng cao năng lực sản xuất, đời sống cho đồng bào DTTS: việc đầu tư phát triển hạ tầng ở vùng DTTS có vai trò thúc đẩy sản xuất phát triển, đẩy nhanh chuyển dịch cơ cấu kinh tế và cơ cấu lao động, tạo thêm nhiều việc làm, tăng thu nhập, nâng cao đời sống cho người dân. Bằng nhiều nguồn vốn tỉnh đã triển khai nhiều dự án đầu tư xây

dựng các công trình hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất và đời sống của Nhân dân vùng DTTS như đường giao thông nông thôn, công trình nước sạch tập trung, hệ thống điện, thu gom rác thải, nhà văn hóa, khu thể thao, trường học, cơ sở y tế, chợ. Về hạ tầng giao thông, các địa phương trong tỉnh trước khi sáp nhập đều huy động nguồn vốn Trung ương, địa phương và Nhân dân, nhất là trong "Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025" để cải tạo, nâng cấp hạ tầng giao thông. Trong đó tỉnh Bình Thuận (cũ) đường đến trung tâm các xã được rải nhựa hoặc bê tông đạt 100%, đường giao thông đến các thôn được cứng hoá đạt 70% [6]. Tính Đắk Nông (cũ) có hạ tầng giao thông thấp kém và còn nhiều khó khăn. Tính đến năm 2014 tỉnh mới cứng hóa đạt 67% đường trục xã, liên xã (694,75/1.037 km); cứng hóa đường liên thôn đạt 47,08% (861/1.830 km); đường nội thôn/bon/buôn/bản đạt 50% (1.218/2.440km); đường trục chính nội đồng, khu sản xuất đạt 29,6% (361,6/1.220 km); 64% bon, buôn, bản có từ 1-2km đường nhựa/bê tông. Đến năm 2024 hệ thống giao trên địa bàn tỉnh Đắk Nông (cũ) được đầu tư có tổng chiều dài là 4.682km, trong đó gồm 497km quốc lộ và 226km tỉnh lộ, trong đó đã nhựa hóa 100% đối với đường quốc lộ, tỉnh lộ; nhựa hóa 88% đường liên huyện, 53% các tuyến đường xã và thôn; 100% số thôn/bon/buôn/bản đã có đường bê tông đến trung tâm [10]; tỷ lệ đường thôn được nhựa hoá, bê tông hoá đã tăng đáng kể [Phụ lục 3.29]. Tỉnh Lâm Đồng (cũ), tính đến năm 2025 đối với vùng DTTS đã có 100 % các đường liên xã, 90 % đường liên thôn được rải nhựa hoặc bê tông [12].

Nhằm bảo đảm đời sống và hỗ trợ sản xuất cho đồng bào, các tỉnh trước sáp nhập và Lâm Đồng hiện nay đều quan tâm đến phát triển hạ tầng lưới điện và các nguồn điện khác phù hợp. Đến năm 2024 tỉnh Bình Thuận (cũ) số hộ dân được hoà điện lưới quốc gia đạt 99,9% [Phụ lục 3.24], tỉnh Đắk Nông (cũ) hộ DTTS được sử dụng điện là 100% trong đó điện lưới quốc gia là 95,6% và khai thác các nguồn điện khác là 4,4% [Phụ lục 3.24], tỉnh Lâm Đồng (cũ) có 99,1% số hộ đồng bào DTTS được dùng điện lưới quốc gia và 0,9% sử dụng các nguồn điện phù hợp khác [Phụ lục 3.24].

Hạ tầng về y tế: đều được tỉnh chú trọng đầu tư đồng bộ cả cơ sở vật chất, đội ngũ y bác sĩ, thuốc và vật tư y tế nhằm chủ động phòng ngừa dịch bệnh và nâng cao chất lượng các dịch vụ chăm sóc sức khoẻ cho Nhân dân. Đến năm 2024 tỉnh Bình Thuận (cũ) có 100% trạm y tế cấp xã được xây dựng kiên cố, có bác sĩ, có nữ hộ sinh hoặc y sĩ sản nhi, 17/17 trạm y tế xã vùng DTTS và miền núi đạt chuẩn quốc gia về y tế [208]. Tỉnh Đắk Nông (cũ) có 28/28 xã, phường có trạm y tế được đầu tư kiên cố, có bác sĩ, nữ hộ sinh hoặc y sĩ chuyên ngành sản nhi, trong đó đạt tiêu chuẩn quốc gia theo tiêu chí mới là 100%; 100% thôn, bản, tổ dân phố có cộng tác viên y tế/dân số hoạt động hiệu quả [10]. Tỉnh Lâm Đồng (cũ) có 100% xã, phường, thị trấn có trạm y tế đã được kiên cố hóa và đạt chuẩn quốc gia, có bác sĩ điều trị, 100% thôn/bon/buôn/bản, tổ dân phố có cộng tác viên y tế/dân số hoạt động hiệu quả [227]. Cùng với đó các trung tâm y tế khu vực và bệnh viện đa khoa tuyến tỉnh đều được đầu tư, nâng cấp, mở rộng, nâng cao chất lượng dịch vụ y tế, chăm sóc sức khoẻ cho Nhân dân. Tính đến thời điểm sáp nhập ngày 01/7/2025 toàn tỉnh Lâm Đồng có 14 bệnh viện chuyên khoa, đa khoa tuyến tỉnh; 12 Trung tâm tuyến tỉnh và 17 Trung tâm Y tế khu vực; có 30 phòng khám đa khoa khu vực (tư nhân). Xã hội hoá lĩnh vực y tế cùng với các cơ sở y tế của nhà nước đã cung ứng các dịch vụ y tế đa dạng, có chất lượng đáp ứng tốt nhu cầu của Nhân dân ở địa phương, nhất là trong vùng DTTS, nơi mà y tế công lập và BHYT có vai trò chủ đạo [156].

Hạ tầng thông tin đã được tỉnh và ngành chức năng quan tâm đầu tư đến trung tâm các khu vực thôn/bon/buôn/bản; từng bước hình thành xã hội số, tạo nền tảng để đẩy mạnh kinh tế số trong vùng DTTS. Hiện toàn bộ 124 xã, phường, đặc khu của tỉnh Lâm Đồng được kết nối cáp quang đến trung tâm. Riêng địa bàn tỉnh Bình Thuận (cũ) mạng lưới phát thanh truyền hình được phủ sóng khắp các địa bàn miền núi; các xã và hầu hết các thôn xen ghép vùng đồng bào DTTS đều có hệ thống loa truyền thanh; 100% xã được phủ sóng truyền hình, phát thanh [209]. Trên địa bàn tỉnh Đắk Nông (cũ) sóng phát thanh, truyền hình đã bao phủ 100%, loa phát thanh tại 100% thôn/bon/buôn/bản đồng bào DTTS, tỷ lệ dân số được phủ sóng di động theo công nghệ 4G đạt 99%; tỷ lệ

người dân có điện thoại thông minh đạt 76,65% [10]. Tỉnh Lâm Đồng (cũ) sóng phát thanh, truyền hình đã bao phủ 100%, loa phát thanh tại 100% buôn, bon, bản đồng bào DTTS, 100% số hộ đồng bào DTTS được theo dõi phát thanh, truyền hình, 98% hộ đồng bào DTTS sử dụng điện thoại di động [12].

Kết quả điều tra, khảo sát thực tế cho thấy có 74,9% số người dân được hỏi có biết về các chính sách đầu tư hạ tầng vùng DTTS, 44,1% số ý kiến đánh giá là tốt [Phụ lục 5]. Điều đó cho thấy công tác này ở vùng DTTS cần được quan tâm đầu tư nhiều hơn, hiệu quả hơn.

Về vốn vay ưu đãi: các chế độ về vốn vay ưu đãi được triển khai rộng khắp đến các hộ dân trong vùng DTTS của tỉnh, đồng bào DTTS đều được tiếp cận nguồn vốn thuận lợi, cụ thể là: nguồn vốn vay ưu đãi từ Ngân hàng CSXH với hạn mức: 77,5 triệu đồng/hộ được hỗ trợ đất sản xuất hoặc chuyển đổi nghề; 100 triệu đồng đối với lao động tạo việc làm, trong đó đồng bào DTTS đang sinh sống tại vùng KT-XH đặc biệt khó khăn của tỉnh được hưởng lãi suất ưu đãi, chỉ bằng 50% lãi suất cho vay đối với hộ nghèo ở cùng thời kỳ do Thủ tướng Chính phủ quy định (hiện nay là 3,12%/năm - 3/2026). Mức cho vay chi phí học nghề tối đa bằng mức cho vay áp dụng đối với chính sách tín dụng học sinh, sinh viên quy định trong từng thời kỳ (lãi suất ưu đãi năm 2026 là 6,24%/năm). Riêng địa bàn tỉnh Bình Thuận (cũ) tính đến ngày 31/12/2024, Ngân hàng CSXH đã giải ngân các gói vay ưu đãi phát triển sản xuất cho 17.560 hộ DTTS, tổng số vốn cho vay là 703.883 triệu đồng; vay vốn ưu đãi để chuyển đổi nghề, tạo việc làm, xuất khẩu lao động với 9.372 hộ, tổng số vốn cho vay là 477.219 triệu đồng [127]. Địa bàn tỉnh Đắk Nông (cũ) tính đến 31/12/2023, Ngân hàng CSXH đã giải ngân cho 27.859 lượt hộ đồng bào DTTS vay vốn với tổng dư nợ là 1.553 tỷ đồng [128]. Địa bàn tỉnh Lâm Đồng (cũ), tính đến 31/12/2024 Ngân hàng CSXH đã cho vay ưu đãi đối với 15.834 hộ DTTS, số vốn vay là 854.713 triệu đồng; cho vay thực hiện một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia đầu tư cho vùng đồng bào DTTS là 18.646 triệu đồng với 240 hộ được vay vốn[11]. Riêng đối với tỉnh Đắk Nông (cũ) đồng bào DTTS tại chỗ, ngoài việc được vay vốn ưu đãi còn được địa phương hỗ trợ một phần lãi suất.

Giai đoạn 2015-2020, thực hiện Nghị quyết số 43/NQ-HĐND, ngày 18/12/2014 của HĐND tỉnh Đắk Nông "về chính sách hỗ trợ lãi suất đối với hộ gia đình đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ trên địa bàn tỉnh Đắk Nông, giai đoạn 2015-2020", Quyết định số 17/2016/QĐ-UBND, ngày 15/4/2016 của UBND tỉnh Đắk Nông "về chính sách hỗ trợ lãi suất đối với hộ gia đình đồng bào DTTS tại chỗ trên địa bàn tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2016 - 2021", toàn tỉnh đã hỗ trợ lãi suất được 5.853 hộ với tổng số kinh phí hỗ trợ là 28.768.568.000 đồng [7]. Từ năm 2021, theo Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND, ngày 15/12/2021 của HĐND tỉnh Đắk Nông "về chính sách hỗ trợ lãi suất đối với hộ gia đình đồng bào DTTS tại chỗ trên địa bàn tỉnh Đắk Nông", mức hỗ trợ lãi suất bằng 40% số tiền lãi suất và không quá 10 triệu đồng/hộ gia đình/năm. Năm 2022 đã hỗ trợ 1.292 hộ, kinh phí 6,708 tỉ đồng; năm 2023 hỗ trợ 1.402 hộ, kinh phí 8,305 tỉ đồng [217].

Tuy nhiên các hộ DTTS ở tỉnh Lâm Đồng hiện nay vẫn đang có nhu cầu lớn về vốn vay ưu đãi để phát triển sản xuất, chuyển đổi nghề, tạo việc làm, đặc biệt là tạo điều kiện để trẻ em trong độ tuổi được đến trường và thanh niên tham gia học nghề phù hợp. Kết quả điều tra của Tổng cục Thống kê - Ban Dân tộc Chính phủ cho thấy tại thời điểm 01/7/2024, số hộ có nhu cầu vay vốn của tỉnh Bình Thuận (cũ) là 6.933 hộ (25,35%), Đắk Nông (cũ) là 11.749 hộ (21,47%), Lâm Đồng (cũ) là 16.416 hộ (21,93%) [Phụ lục 3.27] và số hộ được giải ngân nguồn vốn hàng năm cũng khá cao, đã cơ bản đáp ứng được nhu cầu của đồng bào [Phụ lục 3.28]. Vốn vay hầu hết được sử dụng có hiệu quả, nhờ đó tốc độ giảm nghèo vùng DTTS khá nhanh, nhất là đối với đồng bào DTTS tại chỗ. Kết quả điều tra, khảo sát thực tế cho thấy 78,9% số hộ gia đình được hỏi đã được tiếp cận vốn vay từ Ngân hàng CSXH tỉnh và có 92,8% số hộ được hỏi tiếp tục có nhu cầu vay vốn ưu đãi để tạo sinh kế, phát triển sản xuất, 65,9% ý kiến được hỏi cho rằng việc thực hiện cho vay ưu đãi thời gian qua là tốt [Phụ lục 5].

Phúc lợi việc làm: các tỉnh trước sáp nhập và tỉnh Lâm Đồng hiện nay đã có nhiều biện pháp để chuyển đổi nghề, tạo việc làm, giới thiệu việc làm cho lao động DTTS. Riêng tỉnh Bình Thuận (cũ) đã đào tạo nghề phù hợp cho 2.640 đồng bào DTTS giai đoạn 2019 - 2024, thực hiện cho vay ưu đãi để giải quyết

việc làm 9.372 hộ, tổng số vốn cho vay là 477,219 tỷ đồng [127]. Tỉnh Đắk Nông (cũ) tính đến 30/6/3024 Ngân hàng CSXH tỉnh đã cho vay đối với 3.756 hộ đồng bào DTTS với 158,450 tỷ đồng để thực hiện chuyển đổi nghề, tạo việc làm [128]. Riêng trong lĩnh vực đào tạo nghề đối với lao động DTTS năm 2020 tỉnh Đắk Nông (cũ) đào tạo được 2.280 lượt, 2021 là 1.568 lượt, năm 2022 là 2.013 lượt, năm 2023 là 2.547 lượt và 6 tháng đầu năm 2024 là 955 lượt [154]. Trong việc giải quyết việc làm tỉnh đã gắn giữa nhu cầu việc làm với đào tạo nghề phù hợp cho lao động DTTS. Kết quả năm 2020 tỉnh giới thiệu việc làm cho 4.945 lao động DTTS, năm 2021 là 5.361 lượt, năm 2022 là 6.274 lượt, năm 2023 là 6.660 lượt và 6 tháng đầu năm 2024 là 3.430 lượt [154]. Tỉnh Lâm Đồng (cũ) giai đoạn 2021-2024 đã thực hiện đào tạo nghề phù hợp cho 50% số lao động DTTS có nhu cầu [12]. Nhờ thực hiện hiệu quả chính sách đào tạo nghề và kết nối giải quyết việc làm phù hợp cho lao động DTTS nên đã gia tăng lực lượng tham gia lao động. Kết quả điều tra ngày 01/7/2024 cho thấy trên địa bàn tỉnh Bình Thuận (cũ) có 80,9% người DTTS từ 15 tuổi trở lên trực tiếp tham gia lao động, tỷ lệ này ở Đắk Nông (cũ) là 86,2% và Lâm Đồng (cũ) là 89,3% [Phụ lục 3.19]. Nhờ đó đã đa dạng sinh kế cho đồng bào, góp phần ổn định đời sống, nâng cao thu nhập, gia tăng số lượng lao động tham gia BHXH, BHTN. Kết quả khảo sát có 63,1% người dân được hỏi có biết đến chính sách đào tạo và chuyển đổi nghề cho lao động DTTS và 37,9% ý kiến đánh giá chính sách này thời gian qua là tốt [Phụ lục 5].

Việc các tỉnh trước sáp nhập và tỉnh Lâm Đồng hiện nay thực hiện đồng bộ các chính sách PLXH cho đồng bào DTTS của tỉnh giai đoạn 2015-2025 đã thúc đẩy GNBV nhanh, phát triển toàn diện KT-XH trong vùng DTTS của tỉnh. Kết quả khảo sát thực tế cho thấy có 86,8% ý kiến người dân được hỏi cho rằng được tạo thuận lợi để tiếp cận các chính sách PLXH; trong đó một số PLXH cơ bản được đánh giá tốt như GNBV 61,9%, xoá mù chữ 58,9%, tín dụng ưu đãi 65,9%, phòng trừ các bệnh truyền nhiễm trong cộng đồng 65,7%, hỗ trợ BHYT 68,1% [Phụ lục 5] và có 37,1% ý kiến CBCCVC cho rằng mức thụ hưởng

PLXH ở địa phương gần bằng với mức bình quân của cả nước [Phụ lục 4]. Kết quả khảo sát đối với CBCCVC cũng cho thấy có 100% ý kiến cho rằng đồng bào các DTTS của tỉnh thực sự có mong muốn được thụ hưởng các chính sách PLXH; 39,5% đánh giá các chính sách PLXH là rất phù hợp; 55,7% cho rằng phù hợp và chỉ có 4,8% cho rằng một số chính sách PLXH dành cho đồng bào DTTS thời gian qua chưa thật sự phù hợp [Phụ lục 4].

Nhờ sự đầu tư của Trung ương, sự quyết tâm của các địa phương với nhiều giải pháp thiết thực trong lĩnh vực GNBV nên tỷ lệ hộ nghèo, cận nghèo trong đồng bào DTTS ở tỉnh Lâm Đồng hiện nay đã giảm sâu. Tỉnh Bình Thuận (cũ) đến ngày 31/12/2020, vùng đồng bào DTTS còn 1.180 hộ nghèo, chiếm 4,73% và có 3.238 hộ cận nghèo, chiếm 12,98% số hộ đồng bào DTTS [204]. Đến hết năm 2024 số hộ nghèo đồng bào DTTS là 1.446 hộ, chiếm 5,56%; số hộ cận nghèo đồng bào DTTS là 2.202 hộ, chiếm 8,47% [27]. Tỉnh Đắk Nông (cũ) năm 2020 tổng số hộ nghèo đồng bào DTTS là 8.128 hộ, chiếm tỷ lệ 17,17%; đến hết năm 2024 số hộ nghèo đồng bào DTTS chung là 3.738 hộ, chiếm tỷ lệ 7,54%; hộ nghèo DTTS tại chỗ là 1.703 hộ, chiếm tỷ lệ 10,27% [219]. Tỉnh Lâm Đồng (cũ) năm 2020 số hộ nghèo đồng bào DTTS là 2.793 hộ, chiếm 3,58%; số hộ cận nghèo người DTTS là 6.728 hộ, chiếm 8,63% [222]. Đến hết năm 2024 số hộ nghèo đồng bào DTTS là 1.571 hộ, chiếm 1,91%, hộ cận nghèo là 2.921 hộ, chiếm 3,56%; số hộ đồng bào DTTS nghèo đa chiều là 4.492 hộ, chiếm 5,47% [228]. Kết quả GNBV là một thành tựu nổi bật trong việc bảo đảm PLXH đối với đồng bào DTTS của các tỉnh Bình Thuận (cũ), Đắk Nông (cũ), Lâm Đồng (cũ) và tỉnh Lâm Đồng hiện nay. Nhờ đó thu nhập của Nhân dân trong vùng đồng bào DTTS đã tăng lên đáng kể, năm 2024 trên địa bàn tỉnh Bình Thuận (cũ) là 43,6 triệu đồng/người/năm [209]; trên địa bàn tỉnh Đắk Nông (cũ) là 47,7 triệu đồng/người/năm [216], trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng (cũ) là 44,94 triệu đồng/năm [12]. Đây đồng thời là cơ sở kinh tế quan trọng để đẩy mạnh các chính sách PLXH về BHXH, BHYT, GDĐT cho đồng bào DTTS trong tỉnh.

3.1.1.2. Thành tựu trong thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp đối với đồng bào dân tộc thiểu số ở tỉnh Lâm Đồng

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW, ngày 22/11/2012 của Bộ Chính trị Khoá XI "về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác BHXH, BHYT giai đoạn 2012-2020", Nghị quyết số 28-NQ/TW, ngày 23/5/2018 của Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khoá XII "về cải cách chính sách bảo hiểm xã hội"; Nghị quyết 42-NQ/TW, ngày 24/11/2023 Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII "về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng CSXH, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới", Luật Bảo hiểm xã hội 2014, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 84/2015/QH13, Luật số 35/2018/QH14, Bộ luật số 45/2019/QH14, Nghị định số 134/2015/NĐ-CP, ngày 29/12/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội tự nguyện, Luật Bảo hiểm xã hội 2024 và Nghị định số 158/2025/NĐ-CP, ngày 25/6/2025, Nghị định số 159/2025/NĐ-CP, ngày 25/6/2025; Luật Bảo hiểm y tế 2008 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 32/2013/QH13, Luật số 46/2014/QH13, Luật số 97/2015/QH13, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 68/2020/QH14 và Luật số 30/2023/QH15, Luật Bảo hiểm y tế 2024, Tỉnh uỷ, HĐND, UBND các tỉnh Bình Thuận (cũ), Đắk Nông (cũ), Lâm Đồng (cũ) và Lâm Đồng hiện nay đã cụ thể hoá thành nhiều chính sách, kế hoạch phù hợp để triển khai thực hiện tại địa phương. Tại tỉnh Bình Thuận (cũ), Tỉnh uỷ đã bàn hành Chương trình hành động số 17-NQ/TU, ngày 04/4/2013 "về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế giai đoạn 2012-2020"; Chỉ thị số 49-CT/TU, ngày 11/3/2014 "về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác BHYT trên địa bàn tỉnh"; Chương trình hành động số 52-CTr/TU, ngày 28/8/2018 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XIII "thực hiện Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 23/5/2018 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về Cải cách chính sách BHXH"; Chỉ thị số 18-CT/TU, ngày 11/01/2021 "về tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo chính sách

BHXH, BHYT giai đoạn 2021-2025"; Chỉ thị số 28-CT/TU, ngày 20/5/2024 về tiếp tục chỉ đạo thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp trên địa bàn tỉnh"; HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 19/2020/NQ-HĐND, ngày 03/12/2020 "quy định mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế từ ngân sách địa phương cho đối tượng thuộc hộ gia đình cận nghèo; học sinh, sinh viên; người thuộc hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình trên địa bàn tỉnh"; Nghị quyết số 06/2024/NQ-HĐND, ngày 15/5/2024 "quy định mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho người DTTS trên địa bàn tỉnh Bình Thuận"; UBND tỉnh Bình Thuận (cũ) đã ban hành Quyết định số 708/QĐ-UBND, ngày 26/3/2014 "thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện Đề án thực hiện lộ trình tiến tới bảo hiểm y tế toàn dân giai đoạn 2012-2015 và 2020".

Tại tỉnh Đắk Nông (cũ), Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành Chương trình số 24-CTr/TU, ngày 03/5/2013 "về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác BHXH, BHYT giai đoạn 2012-2020"; Chương trình hành động số 31-Ctr/TU, ngày 05/10/2018 "thực hiện Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 23/5/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa XII về Cải cách chính sách BHXH"; Chỉ thị số 06-CT/TU, ngày 14/4/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy "về tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng đối với chính sách BHXH, BHYT trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025"; HĐND tỉnh Đắk Nông (cũ) đã ban hành Nghị quyết số 09/2019/NQ-HĐND, ngày 19/7/2019 "quy định mức hỗ trợ đóng BHYT cao hơn mức hỗ trợ tối thiểu cho một số đối tượng trên địa bàn tỉnh Đắk Nông"; Nghị quyết số 12/2022/NQ-HĐND, ngày 14/12/2022 "quy định mức hỗ trợ đóng BHYT cao hơn mức hỗ trợ tối thiểu cho một số đối tượng trên địa bàn tỉnh Đắk Nông"; UBND tỉnh Đắk Nông (cũ) đã ban hành Kế hoạch số 38/KH-UBND, ngày 23/01/2014 "về việc phê duyệt Đề án thực hiện lộ trình tiến tới BHYT toàn dân giai đoạn 2012-2015 và 2020"; Quyết định số 468/QĐ-UBND, ngày 28/3/2014 "thành lập Ban chỉ đạo thực hiện Quyết định số 538/QĐ-TTg, ngày 29/3/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án thực hiện lộ trình tiến tới BHYT toàn dân giai đoạn 2012-2015 và 2020".

Tại tỉnh Lâm Đồng (cũ), Tỉnh uỷ đã ban hành Chương trình hành động số 51-CTr/TU, ngày 30/01/2013 "thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 22/11/2012 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác BHXH, BHYT giai đoạn 2012 - 2020"; Chỉ thị số 09-CT/TU, ngày 29/7/2016 "về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác BHYT giai đoạn 2016 - 2020"; Kế hoạch hành động số 97-KH/TU, ngày 30/7/2018 "thực hiện Nghị quyết 28-NQ/TW về cải cách chính sách BHXH"; Chỉ thị số 22-CT/TU, ngày 07/11/2022 "về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác BHYT trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2022 - 2025"; HĐND tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 65/2017/NQ-HĐND, ngày 08/12/2017 "quy định mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho một số đối tượng trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng"; Nghị quyết số 97/2022/NQ-HĐND, ngày 08/7/2022 "quy định mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho một số đối tượng tham gia bảo hiểm y tế do ngân sách địa phương đảm bảo trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng"; Nghị quyết số 143/2022/NQ-HĐND, ngày 09/12/2022 "quy định mức hỗ trợ đóng BHYT cho một số đối tượng khác tham gia BHYT do ngân sách địa phương đảm bảo trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2022-2025"; UBND tỉnh Lâm Đồng (cũ) ban hành Kế hoạch số 5928/KH-UBND, ngày 07/10/2013 thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 22/11/2012 của Bộ Chính trị "về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác BHXH, BHYT giai đoạn 2012-2020"; Quyết định số 2766/QĐ-UBND, ngày 31/12/2013 "thành lập Ban Chỉ đạo Đề án thực hiện lộ trình tiến tới Bảo hiểm y tế toàn dân tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2012-2015 và 2020".

Đây là những chính sách quan trọng để hướng đến mục tiêu BHYT toàn dân trên địa bàn tỉnh Bình Thuận (cũ), Đắk Nông (cũ), Lâm Đồng (cũ) và Lâm Đồng hiện nay, tạo những điều kiện thuận lợi để chăm sóc y tế toàn diện cho Nhân dân trong tỉnh, đồng thời phát triển lực lượng lao động DTTS tham gia BHXH với các hình thức đa dạng, phù hợp tiến tới PLXH hưu trí toàn dân.

Công tác truyền thông, phổ biến pháp luật, chính sách và công tác cải cách hành chính trong lĩnh vực BHXH, BHYT, BHTN đã được ngành BHXH tỉnh phối hợp với các cấp uỷ đảng, chính quyền cấp huyện, xã (trước đây) và cấp

xã hiện nay, các đơn vị có liên quan phối hợp triển khai với nhiều hình thức đa dạng, phù hợp với đặc điểm, điều kiện của đồng bào như: hội thảo, hội nghị, phát tờ rơi tuyên truyền, lồng ghép tại các chương trình tọa đàm, đối thoại trực tiếp với người người dân; tuyên truyền lưu động tại các địa bàn dân cư, đến tận thôn/bon/buôn/bản vùng DTTS. Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh uỷ, Sở Dân tộc và Tôn giáo tỉnh, Báo và Phát thanh-truyền hình tỉnh đưa nội dung tuyên truyền về BHXH, BHYT, BHTN là một nhiệm vụ thường niên. Bảo hiểm xã hội tỉnh đã ký kết chương trình phối hợp với Uỷ ban MTTQ Việt Nam tỉnh, các tổ chức CT-XH cấp tỉnh, Liên minh Hợp tác xã tỉnh để triển khai các chương trình tuyên truyền về BHXH, BHYT, BHTN, nhất là BHXH tự nguyện trong đoàn viên, hội viên và Nhân dân. Riêng tỉnh Đắk Nông (cũ) giai đoạn 2020-2024, Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ đã phối hợp tổ chức lồng ghép tại 27 hội nghị tuyên truyền chính sách BHXH, BHYT, BHTN. Báo và Đài Phát thanh-truyền hình các tỉnh Bình Thuận (cũ), Đắk Nông (cũ), Lâm Đồng (cũ) và Lâm Đồng hiện nay đều thực hiện chuyên mục BHXH, BHYT, BHTN hàng tuần; trang thông tin điện tử BHXH tỉnh thường xuyên cập nhật các thông tin mới về các chính sách BHXH, BHYT, BHTN. Cùng với đó các cơ quan tăng cường sử dụng các nền tảng mạng xã hội như Facebook, Zalo, YouTube để tuyên truyền về BHXH, BHYT, BHTN đã có hiệu quả tốt trong đồng bào DTTS. Khảo sát tại 21 thôn/bon/buôn/bản đồng bào DTTS cho thấy có 100% các xã và ban tự quản các thôn/bon/buôn/bản đã sử dụng mạng xã hội Zalo để thông tin các chính sách đến các hộ dân và có 78,8% số hộ dân đã được tiếp cận thông tin từ kênh này, trong đó riêng chính sách BHYT có 93,8% hộ DTTS được tiếp cận [Phụ lục 5].

Về bảo hiểm y tế: chủ trương của Đảng và Nhà nước ta là sớm thực hiện BHYT toàn dân để nâng cao phúc lợi y tế cho Nhân dân. Đối với đồng bào DTTS, Nhà nước ta có chính sách hỗ trợ BHYT toàn phần hoặc một phần. Theo quy định, trẻ em dưới 6 tuổi và hộ DTTS sinh sống ở vùng KT-XH đặc biệt khó khăn được ngân sách bảo đảm 100% kinh phí đóng BHYT. Cùng với đó, đồng bào DTTS đang sinh sống ở vùng khó khăn, đặc biệt khó khăn của tỉnh còn được hưởng chi phí vận chuyển từ tuyến huyện (nay là khu vực) lên tuyến tỉnh, từ

tuyến tỉnh đến tuyến Trung ương trong trường hợp cấp cứu hoặc đang điều trị nội trú phải chuyển tuyến trên có yêu cầu chuyên môn kỹ thuật do quá khả năng điều trị ở tuyến dưới. Đối với người DTTS đang sinh sống tại các xã thuộc khu vực II, khu vực III, thôn đặc biệt khó khăn vùng DTTS và miền núi giai đoạn 2016-2020 mà các xã này không còn trong danh sách xã khu vực II, khu vực III, thôn đặc biệt khó khăn vùng DTTS và miền núi giai đoạn 2021-2025 sẽ được ngân sách hỗ trợ 70% mức đóng BHYT (thời gian hỗ trợ là 3 năm kể từ ngày 01/11/2023). Theo Nghị quyết số 12/2022/NQ-HĐND, ngày 14/12/2022 của HĐND tỉnh Đắk Nông (cũ) "quy định mức hỗ trợ đóng BHYT cao hơn mức hỗ trợ tối thiểu cho một số đối tượng trên địa bàn tỉnh Đắk Nông, giai đoạn 2023 - 2025", cụ thể: ngoài mức Trung ương đã hỗ trợ từ 30% đến 70%, tỉnh hỗ trợ thêm từ 10% đến 20% kinh phí mua BHYT tuỳ đối tượng. Tỉnh Bình Thuận (cũ) mức hỗ trợ từ 85% đến 100% tuỳ từng đối tượng cụ thể. Tỉnh Lâm Đồng (cũ) hỗ trợ kinh phí đóng BHYT cho đồng bào DTTS từ 60% đến 100% tuỳ từng đối tượng cụ thể. Tại tỉnh Bình Thuận (cũ), tỷ lệ người DTTS có thẻ BHYT đã tăng theo các năm; năm 2022 tỷ lệ 91,41%, năm 2023 là 92,16%, năm 2024 là 95,0%; đối với đồng bào DTTS thuộc đối tượng nghèo, cận nghèo và ở vùng đặc biệt khó khăn được ngân sách hỗ trợ BHYT là 100% [6], nhờ đó tỷ lệ đồng bào DTTS có BHYT đã tăng lên 94,93% năm 2024 (102.268/107.730 người) [209]. Tại tỉnh Đắk Nông (cũ) kết quả thực hiện chính sách cấp thẻ BHYT bằng ngân sách nhà nước (100%) cho đồng bào DTTS đang sinh sống ở vùng KT-XH đặc biệt khó khăn và hộ nghèo, cận nghèo trong giai đoạn 2015-2016 của tỉnh là 260.856 thẻ; năm 2018 là hơn 105.000 thẻ. Giai đoạn 2021-2025 số lượng đồng bào DTTS cấp thẻ BHYT bằng 100% ngân sách nhà nước có xu hướng giảm dần do nhiều địa phương đã ra khỏi diện vùng DTTS khó khăn, đặc biệt khó khăn, nhiều hộ đã thoát khỏi diện hộ nghèo, cận nghèo. Tuy vậy công tác này vẫn được tỉnh Đắk Nông (cũ) đặc biệt quan tâm, chú trọng. Kết quả việc cấp thẻ BHYT mà ngân sách chi 100% cho đồng bào đang sinh sống tại vùng KT-XH đặc biệt khó khăn năm 2022 là 51.476 thẻ; năm 2023 là 57.073 thẻ, năm 2024 là 58.900 thẻ (đạt 100% số đồng bào DTTS đủ điều kiện được hưởng). Đối với

người DTTS đang sinh sống tại các xã khu vực II, Khu vực III của giai đoạn 2016-2020 nhưng không thuộc giai đoạn 2021-2025 thì ngân sách hỗ trợ 90% (70% Trung ương và 20% địa phương): năm 2023 hỗ trợ 20.237 thẻ, năm 2024 hỗ trợ 27.478 thẻ (đạt 100% số đồng bào DTTS đủ điều kiện được hưởng). Nhờ đó tỉ lệ bao phủ BHYT trên địa bàn tỉnh Đắk Nông (cũ) cuối năm 2024 đã đạt 93,75% dân số toàn tỉnh [219]. Tỉnh Lâm Đồng (cũ) trong giai đoạn 2021 đến 02/2025 đã có 602.282 lượt đồng bào DTTS thuộc các đối tượng hỗ trợ được cấp thẻ BHYT từ ngân sách nhà nước, đạt 98% đối tượng thụ hưởng [12], nâng tỷ lệ dân số có BHYT đầu năm 2025 đạt 92,5% [12].

Như vậy đến hết năm 2025 tỉnh Lâm Đồng có thể đạt tỷ lệ bao phủ BHYT 95% tiến tới BHYT toàn dân. Đây là điều kiện tiên quyết để nâng cao chất lượng chăm sóc y tế và giảm bớt một phần gánh nặng về chi phí y tế cho Nhân dân, nhất là đồng bào DTTS. Kết quả điều tra, khảo sát thực tế cho thấy có 89,2% ý kiến của CBCCVC và 68,1% ý kiến của người dân được hỏi đánh giá chính sách hỗ trợ đóng BHYT bằng ngân sách nhà nước là tốt [Phụ lục 4, Phụ lục 5].

Về BHXH bắt buộc: được thực hiện đồng bộ theo quy định hiện hành về BHXH và mở rộng các đối tượng tham gia kể từ ngày 01/7/2025 khi Luật BHXH 2024 có hiệu lực. Điều này sẽ tạo thuận lợi về thể chế để có thêm nhiều lao động DTTS tham gia BHXH, góp phần bảo đảm ASXH và PLXH lâu dài cũng như tính bền vững của CSXH.

Tại tỉnh Bình Thuận (cũ) năm 2018 có 3.814 người DTTS tham gia BHXH bắt buộc trong tổng số 94.327 người tham gia (chiếm 4,04%); năm 2020 là 4.296/92.050 người tham gia (chiếm 4,66%); năm 2023 có 5.713/102.265 người tham gia (chiếm 5,58%), chủ yếu là CBCCVC và một số ít lao động tại các loại hình doanh nghiệp trên địa bàn [Phụ lục 3.1].

Tỉnh Đắk Nông (cũ) năm 2018 toàn tỉnh có 1.720 người DTTS đang tham gia BHXH bắt buộc trong tổng số 34.828 người tham gia (chiếm 4,93%); năm 2020 là 1.813/42.622 người tham gia (chiếm 4,25%) và năm 2023 là 2.180/49.726 người tham gia (chiếm 4,38%), chủ yếu là CBCCVC và một số ít lao động trong doanh nghiệp [Phụ lục 3.2].

Tỉnh Lâm Đồng (cũ), năm 2018 số lao động DTTS tham gia BHXH bắt buộc là 4.149/96.035 người tham gia (chiếm 4,32%); năm 2020 là 5.522/105.134 người tham gia (chiếm 5,25%) và năm 2023 là 6.747/109.648 người tham gia (chiếm 6,15%). Lực lượng tham gia chủ yếu là CBCCVC, lao động DTTS khu vực kinh tế tư nhân tham gia còn ít [Phụ lục 3.3]

Kết quả trên đã cho thấy số lượng lao động DTTS của tỉnh tham gia BHXH bắt buộc rất ít và tăng trưởng chậm. Điều này phản ánh việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế cũng như cơ cấu lao động của địa phương khá chậm và chất lượng nguồn nhân lực DTTS còn nhiều hạn chế, bất cập; bên cạnh đó lực lượng lao động DTTS tham gia lao động tại khu vực chính thức còn rất hạn chế, công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức cũng như thực hiện các chính sách, pháp luật về BHXH bắt buộc chưa thực sự hiệu quả thời gian qua. Kết quả khảo sát thực tế cho thấy chỉ có 33,5% ý kiến của CBCCVC được hỏi đánh giá chính sách hỗ trợ tìm việc làm ở khu vực chính thức và tham gia BHXH bắt buộc là tốt [Phụ lục 4].

Việc thực hiện BHXH tự nguyện: đang được tỉnh đẩy mạnh tuyên truyền và thực hiện trong Nhân dân, đặc biệt là với lao động DTTS nhằm hướng đến BHXH và hưu trí toàn dân. Người dân đóng BHXH tự nguyện sẽ được ngân sách hỗ trợ một phần tuỳ đối tượng. Đây là nguồn hỗ trợ quan trọng để thúc đẩy sự tham gia ngày càng nhiều của Nhân dân, nhất là khu vực phi chính thức, nông thôn, đồng bào DTTS. Từ ngày 01/01/2018 đến 30/6/2025 người tham gia BHXH tự nguyện được ngân sách hỗ trợ từ 10% đến 30% trên mức đóng BHXH hằng tháng theo mức thấp nhất là chuẩn hộ nghèo khu vực nông thôn. Từ ngày 01/7/2025 mức hỗ trợ của ngân sách cho người đóng BHXH tự nguyện từ 20% đến 50% trên mức đóng BHXH hằng tháng theo mức thấp nhất là chuẩn hộ nghèo ở khu vực nông thôn, trong đó người tham gia thuộc hộ nghèo, người đang sinh sống tại xã đảo, đặc khu được hỗ trợ 50%; người tham gia thuộc hộ cận nghèo được hỗ trợ 40%; người tham gia là người DTTS (không thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo) được hỗ trợ 30%; người tham gia khác được hỗ trợ 20%.

Nhờ tích cực tuyên truyền, thông tin đến địa bàn dân cư nên số người tham gia BHXH tự nguyện có tăng lên, trong đó có đồng bào DTTS. Tại tỉnh Bình Thuận (cũ), năm 2018 có số người DTTS tham gia BHXH tự nguyện là 87/1.254 người tham gia (chiếm 6,93%); năm 2020 có 832/12.225 người tham gia (chiếm 6,80%); năm 2023 có 1.397/14.778 người tham gia (chiếm 9,45%). [Phụ lục 3.4]

Trên địa bàn tỉnh Đắk Nông (cũ), năm 2018 số người DTTS tham gia BHXH tự nguyện là 342/2.135 người tham gia (chiếm 15,99%), năm 2020 có 949/10.350 người tham gia (chiếm 9,17%) và năm 2023 là 1.392/14.850 người tham gia (chiếm 9,37%) [Phụ lục 3.5].

Tỉnh Lâm Đồng (cũ) năm 2018 số người DTTS tham gia BHXH tự nguyện là 1.621/16.476 người tham gia (chiếm 9,83%); năm 2020 là 1.795/16.024 người tham gia (chiếm 11,2%); năm 2023 là 2.261/18.460 người tham gia (chiếm 12,24%) [Phụ lục 3.6].

Số liệu trên cho thấy lực lượng lao động DTTS tham gia BHXH tự nguyện tăng trưởng chậm và chiếm tỷ lệ rất khiêm tốn trong tổng số lao động DTTS của tỉnh hiện nay. Mặt khác việc tham gia BHXH tự nguyện đối với lao động DTTS của tỉnh thời gian qua thường không ổn định do thu nhập thực tế thấp và không ổn định. Kết quả khảo sát cho thấy có 82% số CBCCVC đánh giá việc hỗ trợ tham gia BHXH tự nguyện là tốt, song chỉ có 18,6% người dân được hỏi cho rằng việc thực hiện chính sách này thời gian qua là tốt [Phụ lục 4, Phụ lục 5]. Kết quả trên cho thấy tỉnh cần đẩy mạnh công tác truyền thông hơn nữa để thu hút ngày càng nhiều người lao động tham gia BHXH tự nguyện, hướng đến bao phủ toàn dân.

Bảo hiểm thất nghiệp đối với người lao động là đồng bào DTTS cũng được tỉnh thực hiện với đối tượng là viên chức và người lao động khác theo quy định. Tại tỉnh Bình Thuận (cũ) năm 2018 có số lao động là người DTTS tham gia BHTN là 3.427/82.202 người tham gia (chiếm 4,16%); năm 2020 là 3.835/83.264 người tham gia (chiếm 4,60%); năm 2023 là 5.401/96.579 người tham gia (chiếm 5,59%) [Phụ lục 3.7]. Đối với địa bàn tỉnh Đắk Nông (cũ), năm

2018 có 1.522 người DTTS trong tổng số 25.684 người tham gia BHTN (chiếm 5,9%); năm 2020 là 1.617/26.706 người tham gia (chiếm 6,05%); năm 2023 là 1.928/30.820 người tham gia (chiếm 6,25%) [Phụ lục 3.8]. Tỉnh Lâm Đồng (cũ) năm 2018 có số lao động DTTS tham gia BHTN là 3.609/75.009 người tham gia (chiếm 4,80%); năm 2020 là 5.012/84.206 người tham gia (chiếm 5,95%); năm 2023 là 5.946/88.720 người tham gia (chiếm 6,70%) [Phụ lục 3.9]. Kết quả trên cho thấy công tác tuyên truyền về BHTN đã được triển khai khá tốt và mang lại kết quả tích cực bước đầu, song số lượng lao động DTTS tham gia vẫn còn hạn chế. Kết quả khảo sát thực tế cho thấy có 47,9% ý kiến đánh giá của CBCCVC việc hỗ trợ tham gia BHTN là tốt; 35,5% đánh giá là bình thường [Phụ lục 4].

3.1.1.3. Thành tựu trong thực hiện chính sách phúc lợi xã hội về giáo dục đào tạo đối với đồng bào dân tộc thiểu số ở tỉnh Lâm Đồng

Trên cơ sở các chính sách về GDĐT do Trung ương ban hành, nhất là Nghị định số 116/2016/NĐ-CP, ngày 18/7/2016 của Chính phủ "về chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn"; Nghị quyết số 52/NQ-CP, ngày 15/6/2016 của Chính phủ "về đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực các DTTS giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2030"; Nghị định 66/2025/NĐ-CP, ngày 12/3/2025 của Chính phủ "quy định chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào DTTS và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo", các tỉnh Bình Thuận (cũ), Đắk Nông (cũ), Lâm Đồng (cũ) và nay là tỉnh Lâm Đồng đã cụ thể hoá, ban hành nhiều chính sách về GDĐT nhằm xoá mù chữ, nâng cao mặt bằng dân trí, đẩy mạnh phát triển có chất lượng và đa dạng nguồn nhân lực trong đồng bào DTTS.

Tại tỉnh Bình Thuận (cũ), Tỉnh uỷ ban hành Nghị quyết số 11-NQ/TU, ngày 11/6/2016 "về đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2025"; HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 62/2014/NQ-HĐND, ngày 18/7/2014 "quy định chế độ trợ cấp cho học sinh DTTS học nghề tại Trường Cao đẳng nghề Bình Thuận"; Nghị quyết số 04/2021/NQ-HĐND, ngày 17/8/2021 "quy định chế độ hỗ trợ cho học sinh, sinh viên DTTS trên địa bàn tỉnh Bình Thuận"; UBND tỉnh Bình Thuận (cũ) ban

hành Quyết định số 09/2009/QĐ-UBND, ngày 09/02/2009 và 04/2013/QĐ-UBND ngày 15/01/2013 "về việc ban hành Quy định chế độ trợ cấp đối với học sinh, sinh viên là người DTTS của tỉnh đang học tại các trường Đại học, Cao đẳng, Trung học chuyên nghiệp trong cả nước"; Quyết định số 28/2022/QĐ-UBND, ngày 20/9/2022 và Quyết định số 17/2024/QĐ-UBND, ngày 29/5/2024 "quy định vùng tạo nguồn cán bộ cho các dân tộc thuộc diện tuyển sinh vào các trường phổ thông dân tộc nội trú trên địa bàn tỉnh Bình Thuận"; Kế hoạch số 2007/KH-UBND, ngày 12/5/2025 "về triển khai thực hiện Quyết định số 1716/QĐ-TTg ngày 31/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ "về việc phê duyệt Chương trình nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động của trung tâm học tập cộng đồng các xã vùng đồng bào DTTS và miền núi đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Bình Thuận".

Tại tỉnh Đắk Nông (cũ), Tỉnh uỷ đã ban hành Nghị quyết số 05-NQ/TU, ngày 10/8/2011 "về phát triển nguồn nhân lực tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2011 - 2015, định hướng đến năm 2020"; HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 16/2009/NQ-HĐND, ngày 25/12/2009 "về chính sách hỗ trợ kinh phí cho học sinh, sinh viên người DTTS tỉnh Đắk Nông từ năm 2010 đến năm 2015"; Nghị quyết số 38/2011/NQ-HĐND, ngày 09/12/2011 "về chính sách hỗ trợ hỗ trợ kinh phí cho học sinh DTTS từ năm học 2011-2012 đến năm học 2015-2016"; Nghị quyết số 31/2016/NQ-HĐND, ngày 06/9/2016 "về chính sách hỗ trợ học sinh, sinh viên DTTS thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo tỉnh Đắk Nông từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021"; Nghị quyết số 11/2022/NQ-HĐND, ngày 14/12/2022 "quy định một số chính sách thực hiện mục tiêu giảm nghèo giai đoạn 2023-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông", trong đó hỗ trợ về giáo dục được áp dụng từ học kỳ II của năm học 2022-2023 đến hết năm học 2025-2026. UBND tỉnh Đắk Nông (cũ) đã ban hành Quyết định số 143/QĐ-UBND, ngày 26/01/2010 "về chính sách hỗ trợ kinh phí cho học sinh, sinh viên người DTTS tỉnh Đắk Nông từ 2010-2015"; Quyết định số 168/QĐ-UBND, ngày 20/6/2012 "về chính sách hỗ trợ kinh phí cho học sinh DTTS từ năm học 2011-2012 đến năm học 2015-2016"; Quyết định số 1844/QĐ-UBND, ngày

24/10/2016 "về việc triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ học sinh, sinh viên DTTS thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo tỉnh Đắk Nông từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021"; Quyết định số 1870/QĐ-UBND, ngày 28/10/2016 "ban hành Kế hoạch đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực các DTTS trên địa bàn tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2030"; Kế hoạch số 1437/KH-UBND, ngày 22/8/2022 "về thực hiện chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến 2045 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông".

Tại tỉnh Lâm Đồng (cũ), Tỉnh uỷ đã ban hành Nghị quyết số 16-NQ/TU, ngày 03/6/2022 "về phát triển kinh tế-xã hội vùng DTTS tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2022-2030", Nghị quyết số 20-NQ/TU ngày 25/7/2022 "về đào tạo, phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tỉnh Lâm Đồng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030"; triển khai Nghị định số 66/2025/NĐ-CP, ngày 12/3/2025 "quy định chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách" đến tất cả học sinh, sinh viên được thụ hưởng; HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 52/NQ-HĐND, ngày 08/12/2021 "về phát triển thanh niên tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2021-2030"; UBND tỉnh đã ban hành "Quyết định số 62/2012/QĐ-UBND, ngày 27/12/2012 "về việc quy định mức trợ cấp xã hội cho học sinh, sinh viên của tỉnh Lâm Đồng đang học tại các trường Đại học, Cao đẳng, Trung học chuyên nghiệp và Dạy nghề"; Kế hoạch số 6203/KH-UBND, ngày 07/10/2016 "về việc thực hiện Đề án Tăng cường tiếng Việt cho trẻ em mầm non, học sinh tiểu học vùng DTTS giai đoạn 2016-2020, định hướng đến 2025 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng"; Quyết định số 1183/QĐ-UBND, ngày 30/6/2022 "phê duyệt Kế hoạch thực hiện chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2022-2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng"; Quyết định số 1920/QĐ-UBND, ngày 21/10/2022 "về việc phê duyệt Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào DTTS tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2022-2025". Trên cơ sở các chính sách, kế hoạch được ban hành, các tỉnh trước sáp nhập và tỉnh Lâm Đồng

hiện nay đã chỉ đạo ngành GDĐT phối hợp với các cấp, các cơ quan triển khai đến các đối tượng được thụ hưởng nên đã đạt hiệu quả rất tích cực thời gian qua. Tính đến năm học 2025-2026 tỉnh Lâm Đồng (mới) có 1.605 cơ sở GDĐT. Trong đó, có 527 trường mầm non; 564 trường tiểu học; 365 trường trung học cơ sở; 11 trường liên cấp (cấp 2 và cấp 3); 100 trường bậc trung học phổ thông; 2 trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập; 1 trung tâm Giáo dục thường xuyên - Ngoại ngữ, Tin học; 21 trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên khu vực và 2 trường Trung cấp ngoài công lập. Đối với học sinh DTTS hiện có 2 trường phổ thông dân tộc nội trú bậc trung học phổ thông; 9 trường phổ thông dân tộc nội trú liên cấp (cấp 2 và cấp 3), 10 trường phổ thông dân tộc nội trú cấp 2 [16].

Các chính sách PLXH về GDĐT đối với đồng bào các DTTS ở tỉnh Lâm Đồng đạt được những thành tựu trên những nội dung cơ bản sau:

Một là, hệ thống các trường dân tộc nội trú: được áp dụng đối với học sinh là người DTTS đang sinh sống tại vùng đồng bào DTTS, miền núi theo quy định và học sinh DTTS rất ít người. Học sinh đang theo học tại trường dân tộc nội trú được hỗ trợ học bổng chính sách hàng tháng, mức chi bằng 80% lương cơ sở hiện hành. Tính đến năm học 2024-2025 tỉnh Bình Thuận (cũ) có 04 trường dân tộc nội trú cấp 2 và 01 trường dân tộc nội trú cấp 3, 49 trường có học sinh DTTS được tăng cường tiếng Việt [208]. Kinh phí hỗ trợ học bổng chính sách cho học sinh dân tộc nội trú thực hiện từ năm 2020 đến 2023 là 14.312 lượt học sinh, kinh phí thực hiện 43,397 tỉ đồng [149].

Tỉnh Đắk Nông (cũ) có 08 trường dân tộc nội trú gồm 07 trường dân tộc nội trú liên cấp (cấp 2 và cấp 3) ở 07 huyện (trước đây) và 01 trường dân tộc nội trú cấp tỉnh với 1.823 học sinh đang theo học (chiếm 9,0% học sinh DTTS theo học cấp 2 và cấp 3). Về sự hỗ trợ của Nhà nước: kể từ năm 2009 đến 2023 thực hiện Thông tư liên tịch số 109/2009/TTLT-BTC-BGDĐT, ngày 29/5/2009 của liên bộ: Bộ Tài chính, Bộ Giáo dục và Đào tạo "hướng dẫn một số chế độ tài chính đối với học sinh các trường phổ thông dân tộc nội trú và các trường dự bị đại học dân tộc", Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đắk Nông (cũ) đã chi chế độ hỗ

trợ học bổng chính sách cho 13.943 lượt học sinh DTTS với số kinh phí 235,5 tỷ đồng [153].

Tỉnh Lâm Đồng (cũ), có 08 trường dân tộc nội trú gồm 02 trường liên cấp (cấp 2 và cấp 3) và 06 trường dân tộc nội trú cấp 2, tỷ lệ học sinh DTTS đang theo học tại các trường dân tộc nội trú các cấp khoảng 8,01%. Giai đoạn 2010-2021, toàn tỉnh đã hỗ trợ cho 57.048 lượt học sinh, sinh viên DTTS đang theo học tại các trường phổ thông dân tộc nội trú của tỉnh, các trường cao đẳng, đại học trong tỉnh và trong nước với tổng số tiền trên 245,5 tỷ đồng [13]. Tổng nguồn vốn tỉnh phân bổ cho giáo dục vùng DTTS giai đoạn 2021-2025 để đổi mới hoạt động, phát triển nhà trường, xóa mù chữ cho người dân là 191,496 tỷ đồng; tính đến tháng 8/2023 đã thực hiện 84,4 tỷ đồng [157].

Ngoài việc đầu tư vào các trường phổ thông dân tộc nội trú (cấp 2, cấp 3 và liên cấp), tỉnh Bình Thuận (cũ), Đắk Nông (cũ), Lâm Đồng (cũ) và Lâm Đồng hiện nay cũng tăng cường đầu tư cho hệ thống các trường công lập cả về cơ sở vật chất, giáo viên, nhân viên, trang thiết bị dạy học, xã hội hoá để phát triển GDĐT toàn diện, nhất là trong vùng DTTS. Nhờ những chính sách này nên phần lớn học sinh DTTS của tỉnh đã được bảo đảm những điều kiện học tập tốt nhất, góp phần xoá mù chữ, nâng cao mặt bằng dân trí cũng như chất lượng nguồn nhân lực DTTS. Chính sách này cũng thể hiện rõ ưu điểm của Việt Nam trong việc thực hiện PLXH hướng đến mục tiêu thực hiện "tiến bộ và công bằng xã hội", giảm thiểu sự chênh lệch về thụ hưởng các dịch vụ xã hội cơ bản. Kết quả khảo sát đối với các hộ dân cho thấy có 46% ý kiến đánh giá chính sách xây dựng các trường dân tộc nội trú hiện nay là tốt [Phụ lục 5]. Điều đó cho thấy thực tế nhu cầu học sinh DTTS mong muốn được vào học tại các trường dân tộc nội trú, bán trú là rất lớn.

Hai là, thực hiện miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh, sinh viên DTTS: theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ, thì học sinh người DTTS thuộc hộ nghèo, cận nghèo được miễn học phí. Về chính sách giảm học phí: giảm 70% học phí với học sinh DTTS ở thôn/bon/buôn/bản diện đặc

biệt khó khăn, xã thuộc khu vực III vùng DTTS và miền núi và đồng thời hỗ trợ hàng tháng tuỳ vào từng cấp học.

Tỉnh Bình Thuận (cũ), đã thực hiện hỗ trợ trong năm 2021 cấp kinh phí học tập cho 8.741 học sinh DTTS từ mầm non đến trung học cơ sở với kinh phí 7.496.922.800 đồng [148]. Kinh phí hỗ trợ đối với trẻ mẫu giáo và học sinh DTTS rất ít người thực hiện từ 2017 đến 2023 là 163 học sinh với kinh phí 1,013 tỷ đồng. Chính sách miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập đã thực hiện từ năm 2021 đến 2023 cho 1.001 học sinh DTTS, kinh phí 1,953 tỷ đồng [149]. Đối với sinh viên, học sinh DTTS đang học đại học, cao đẳng, trung cấp, học nghề: năm 2017 đã hỗ trợ 155 học sinh, sinh viên với 1.611,4 triệu đồng; năm 2018 là 100 học sinh, sinh viên với 1.148,65 triệu đồng; năm 2019 là 107 học sinh, sinh viên với 1.334,946 triệu đồng; năm 2020 là 85 học sinh, sinh viên với 1.130 triệu đồng; năm 2022 là 139 học sinh, sinh viên với 1.972,91 triệu đồng; năm 2023 là 131 học sinh, sinh viên với 1.902,16 triệu đồng; 6 tháng đầu năm 2024 là 26 học sinh, sinh viên với 245 triệu đồng [208].

Tỉnh Đắk Nông (cũ) đã thực hiện hỗ trợ đối với học sinh, sinh viên DTTS diện được hưởng giai đoạn 2011-2012 đến 2015-2016 là 8.822 lượt, kinh phí là 8.654.000.000 đồng [153]. Giai đoạn 2017-2021 kinh phí thực hiện là 76.230.933.800 đồng [153]. Riêng đối với học sinh DTTS rất ít người, từ năm 2019 đến 2021 tỉnh đã hỗ trợ 07 học sinh với kinh phí là 51,19 triệu đồng [153].

Tỉnh Lâm Đồng (cũ), đã thực hiện miễn, giảm học phí hàng năm cho 100% học sinh DTTS diện được hưởng theo quy định của Chính phủ [12]. Giai đoạn 2021-2025 tỉnh có 42.928 lượt sinh viên, học sinh đang theo học tại các trường Cao đẳng, Đại học, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề trong và ngoài tỉnh được nhận hỗ trợ kinh phí học tập theo quy định [12].

Kể từ năm học 2025-2026 toàn bộ học sinh từ bậc mầm non đến trung học phổ thông công lập tỉnh Lâm Đồng sẽ được miễn học phí theo Quyết định của Bộ Chính trị khoá XIII, đồng thời các chế độ, chính sách hỗ trợ đối với học sinh và sinh viên DTTS vẫn tiếp tục được áp dụng. Đây sẽ là cơ sở quan trọng để tiếp tục nâng cao chất lượng GDĐT đối với học sinh, sinh viên DTTS của tỉnh thời

gian tới, tạo tiền đề để chuyển đổi nghề, giải quyết việc làm và gia tăng lực lượng lao động tham gia BHXH. Kết quả khảo sát cho thấy có 68,3% ý kiến CBCCVC đánh giá chính sách hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh DTTS là tốt [Phụ lục 4]; có 52,9% ý kiến người dân đánh giá chính sách hỗ trợ đồng bào DTTS học phổ thông, tham gia học nghề, cao đẳng, đại học là tốt [Phụ lục 5]. Điều đó cho thấy cần tiếp tục thực hiện chính sách hỗ trợ hiệu quả hơn đối với công tác GDĐT, phát triển nguồn nhân lực DTTS ở tỉnh Lâm Đồng thời gian tới.

Ba là, thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi đối với học sinh, sinh viên người DTTS: Tỉnh Bình Thuận (cũ), tổng số học sinh, sinh viên được vay vốn đến ngày 31/12/2024 là 1.272 sinh viên, tổng số vốn cho vay là 80.487 triệu đồng [127]. Tỉnh Đắk Nông (cũ) tính đến tháng 6/2024 toàn tỉnh đã cho vay 1.245 hộ với 1.421 học sinh, sinh viên DTTS vay vốn với tổng số vốn vay ưu đãi là 23.485 triệu đồng [128]. Tỉnh Lâm Đồng (cũ) tính đến 31/12/2024 đã giải ngân 417,031 tỷ đồng cho học sinh, sinh viên vay vốn, trong đó khoảng 20% là học sinh, sinh viên DTTS [129]. Chính sách tín dụng ưu đãi đối với học sinh, sinh viên DTTS thời gian qua đã phát huy hiệu quả tích cực trong việc nâng cao học vấn, tay nghề, chất lượng nguồn nhân lực trẻ, nhờ đó tỉnh đã đẩy mạnh chuyển đổi nghề và tạo việc làm phù hợp cho lực lượng lao động DTTS. Đây chính là cơ sở để tỉnh đẩy mạnh thực hiện các chính sách PLXH về BHXH, BHYT, BHTN. Kết quả điều tra, khảo sát cho thấy có 76,6% số ý kiến của CBCCVC và 65,9% ý kiến người dân đánh giá việc thực hiện tín dụng chính sách thời gian qua là tốt [Phụ lục 4, Phụ lục 5].

Bốn là, thực hiện xoá mù chữ và chống tái mù chữ, phổ cập giáo dục cho đồng bào DTTS: đã được thực hiện đồng bộ với sự đồng hành của toàn HTCT và đã đạt được những kết quả tốt, tạo cơ sở vững chắc cho việc nâng cao mặt bằng dân trí và đào tạo nghề, chuyển giao khoa học cho đồng bào DTTS. Tỉnh Bình Thuận (cũ), đến hết năm 2024, trẻ em mẫu giáo 5 tuổi được đến trường đạt 99,97%, cấp 1 đến trường đúng độ tuổi đạt 97,27%, tương ứng ở cấp 2 đạt 95,52%, cấp 3 đạt 62,25%; người DTTS từ 15 tuổi trở lên đọc và viết thạo chữ phổ thông đạt 96,24%; 100% xã vùng đồng bào DTTS đạt chuẩn phổ cập giáo

dục tiểu học và trung học cơ sở; các trường có đồng bào Chăm duy trì tốt việc dạy và học tiếng Chăm; các trường vùng DTTS đạt tỷ lệ 100% theo chỉ tiêu đề án tiếng Việt đề ra [209]. Tỉnh Đắk Nông (cũ) đến hết năm 2024 tỷ lệ trẻ em DTTS nhập học mầm non đúng độ tuổi là 99,7%, ở cấp 1 là 98,70%; tỷ lệ người DTTS hoàn thành chương trình tiểu học là 98,86%; người DTTS từ 15 tuổi trở lên đọc và viết thạo chữ phổ thông đạt 95,01% [10]. Tỉnh Lâm Đồng (cũ), đến hết năm 2024 tỷ lệ trẻ mẫu giáo 5 tuổi đến trường đạt 99,87%; học sinh cấp 1 đến trường đúng tuổi đạt 99%; cấp 2 đạt 99,97%; cấp 3 đạt 82,08%; người DTTS từ 15 tuổi trở lên đọc và viết thạo chữ phổ thông đạt 90,3% [155].

Nhờ sự đồng hành của toàn HTCT và xã hội, thực hiện đồng bộ nhiều chính sách PLXH phù hợp nên GDĐT vùng DTTS tỉnh Bình Thuận (cũ), Đắk Nông (cũ), Lâm Đồng (cũ) và Lâm Đồng hiện nay đã đạt kết quả rất quan trọng, cơ bản đã xoá mù chữ, nâng cao dân trí, tăng số năm đến trường của học sinh các cấp, đẩy mạnh đào tạo cho lực lượng lao động trẻ. Kết quả khảo sát cho thấy có 67,0% ý kiến của CBCCVC và 58,9% ý kiến của người dân đánh giá việc thực hiện xoá mù chữ là tốt [Phụ lục 4, Phụ lục 5]. Thời điểm 01/7/2024 học sinh DTTS đang theo học bậc trung học cơ sở khá cao, trong đó Bình Thuận (cũ) là 86,1%, Đắk Nông (cũ) là 85,0% và Lâm Đồng (cũ) là 91,2% [Phụ lục 3.16]. Số lượng học sinh học trung học phổ và học nghề từ sơ cấp trở lên cũng tăng đáng kể, thời điểm 01/7/2024 tỉnh Bình Thuận (cũ) có 8.375/56.132 người từ 15 tuổi trở lên có học vấn trung học phổ thông, có 6.520/56.132 người có trình độ chuyên môn từ sơ cấp đến sau đại học; tỉnh Đắk Nông (cũ) tương ứng là 18.153/132.440 và 8.461/132.440 người; Lâm Đồng (cũ) tương ứng là 31.558/196.779 người và 15.641/196.779 người [Phụ lục 3.17, Phụ lục 3.18]. Đây là cơ sở quan trọng để chuyển đổi nghề, tạo việc làm, gia tăng lực lượng lao động tham gia BHXH, BHYT, BHTN bắt buộc.

3.1.1.4. Thành tựu trong việc thực hiện chính sách trợ giúp xã hội, cứu trợ xã hội, ưu đãi xã hội đối với đồng bào dân tộc thiểu số ở tỉnh Lâm Đồng

Đồng bào DTTS tại các tỉnh Bình Thuận (cũ), Đắk Nông (cũ), Lâm Đồng (cũ) và Lâm Đồng hiện nay có sự đa dạng về lịch sử cư trú trên địa bàn nhưng

đến nay một bộ phận hiện còn có đời sống rất khó khăn vì vậy tỉnh luôn đặc biệt quan tâm đến việc triển khai các chính sách trợ giúp xã hội, cứu trợ xã hội, ưu đãi xã hội, tranh thủ nguồn hỗ trợ của Trung ương và xã hội hoá để chăm lo cho đồng bào. Cụ thể hoá Nghị định số 20/2021/NĐ-CP, ngày 15/3/2021 của Chính phủ "quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội", Thông tư số 02/2021/TT-BLĐTBXH, ngày 24/6/2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội "hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội", Nghị định số 76/2024/NĐ-CP, ngày 01/7/2024 của Chính phủ "sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội", HĐND tỉnh Bình Thuận (cũ) ban hành Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND, ngày 25/5/2022 và Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐND, ngày 10/01/2025 "quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội và một số đối tượng khó khăn khác trên địa bàn tỉnh"; HĐND tỉnh Đắk Nông (cũ) ban hành Nghị quyết số 09/2023/NQ-HĐND, ngày 06/7/2023 "quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội và một số đối tượng khó khăn khác", Nghị quyết số 14/2024/NQ-HĐND, ngày 11/12/2024 "sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 09/2023/NQ-HĐND ngày 06/7/2023 quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội và một số đối tượng khó khăn khác". Tỉnh Bình Thuận (cũ), Đắk Nông (cũ), Lâm Đồng (cũ) cũng thành lập Ban vận động "Quỹ vì người nghèo", "Quỹ đền ơn đáp nghĩa", "Quỹ chăm sóc, giúp đỡ, hỗ trợ nạn nhân chất độc da cam", "Quỹ khuyến học", "Bếp ăn tình thương" tại bệnh viện đa khoa tuyến tỉnh và các cơ sở y tế khu vực.

Để phát huy tốt các chương trình, chính sách trợ giúp xã hội đối với đồng bào DTTS, các tỉnh Bình Thuận (cũ), Đắk Nông (cũ), Lâm Đồng (cũ) và Lâm Đồng hiện nay đặc biệt chú trọng phát huy vai trò, trách nhiệm của "người có uy tín" trong đồng bào DTTS. Tại tỉnh Bình Thuận (cũ), tính đến tháng 12/2023 tỉnh có 87 "người có uy tín" đang trực tiếp tham gia sản xuất, kinh doanh, văn

hoá, tôn giáo, tín ngưỡng tại các địa phương trong tỉnh [6]. Tỉnh Đắk Nông (cũ), tính đến tháng 12/2023 lực lượng cốt cán và "người có uy tín" trên địa bàn là 790 người đang hoạt động tại 71 xã, phường, thị trấn, trong đó có 295 "người có uy tín" (trong đó dân tộc M'Nông là 109 người, dân tộc Mông 35 người, già làng 53 người, trưởng thôn, buôn, bon, bản là 79 người, chức sắc chức việc tôn giáo là 15 người và các vị trí đảm đương khác ở cộng đồng dân cư) [217]. Tỉnh Lâm Đồng (cũ), tính đến tháng 12/2024 có 451 "người có uy tín" đang tham gia sản xuất, kinh doanh, hoạt động văn hoá, nghệ thuật, tôn giáo, tín ngưỡng tại địa phương [11]. Bằng việc thường xuyên cập nhật thông tin, tập huấn nên "người có uy tín" trong đồng bào DTTS của tỉnh đã phát huy tốt vai trò truyên truyền các chính sách dân tộc nói chung, chính sách trợ giúp xã hội, cứu trợ xã hội nói riêng, là cầu nối cùng với chính quyền địa phương hỗ trợ đối với những hộ khó khăn, hoạn nạn.

Cùng với quá trình tổ chức thực hiện tốt, nhận thức của đội ngũ CBCCVC trong tỉnh về sự cần thiết phải thực hiện PLXH cho đồng bào DTTS cũng được nâng cao. Số liệu khảo sát thực tế cho thấy có 58,1% ý kiến CBCCVC được hỏi cho rằng các chính sách PLXH đối với đồng bào DTTS hiện nay là rất cần thiết, cấp thiết và 40,7% cho là cần thiết [Phụ lục 4]. Khảo sát đánh giá về mức độ mong muốn được thụ hưởng các chính sách PLXH cho thấy có 100% CBCCVC được hỏi cho rằng đồng bào DTTS của tỉnh thực sự có mong muốn được thụ hưởng các chính sách PLXH, trong đó chính sách hỗ trợ cho các gia đình khó khăn, thiên tai, dịch bệnh là 97,0% [Phụ lục 4]. Khảo sát thực tế các hộ dân cũng cho thấy 91,0% người được hỏi cho rằng chính sách hỗ trợ cho các gia đình gặp khó khăn, thiên tai, dịch bệnh đã được tiếp cận đầy đủ [Phụ lục 5].

Thực hiện chính sách trợ giúp xã hội: được thực hiện theo quy định của Chính phủ và của tỉnh về trợ giúp xã hội đối với người thuộc diện bảo trợ xã hội và những đối tượng yếu thế, gặp khó khăn, hoạn nạn với tinh thần "không để ai bị bỏ lại phía sau".

Trên địa bàn tỉnh Bình Thuận (cũ), năm 2022 toàn tỉnh có 41.843 người đang hưởng trợ cấp xã hội và hỗ trợ, chăm sóc tại cộng đồng, trong đó có 5.021

người là DTTS, tổng kinh phí thực hiện là 310.682.617.000 đồng [150]. Năm 2023 toàn tỉnh có 43.840 người được hưởng chính sách này, trong đó có 5.598 người DTTS, kinh phí là 366.666,246 triệu đồng [151]. Đến tháng 02/2025 tỉnh có 45.435 người hưởng trợ giúp xã hội, đồng bào DTTS là 6.157 người [152].

Trên địa bàn tỉnh Đắk Nông (cũ) số người được trợ giúp xã hội ngày càng tăng: năm 2015 tỉnh có 2.906 người DTTS hưởng chế độ trợ cấp hàng tháng với tổng số tiền là 6.276.960.000 đồng; đến năm 2020 là 4.148 người được thụ hưởng với kinh phí là 8.959.680.000 đồng; năm 2024 số người được thụ hưởng hàng tháng là 5.358 người với kinh phí là 23.146.560.000 đồng [219]. Riêng đối tượng trẻ em người DTTS được hưởng chế độ trợ giúp xã hội hàng tháng được thực hiện đầy đủ đối với những trường hợp đủ điều kiện, trong đó: năm 2015 số lượng được thụ hưởng là 430 em, kinh phí là 928.800.000 đồng; đến năm 2020 là 774 em, kinh phí là 1.641.840.000 đồng; năm 2024 là 847 em, kinh phí là 3.695.040.000 đồng [219].

Trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng (cũ), năm 2022 có 37.476 người được hưởng chế độ bảo trợ xã hội tại cộng đồng và trong các cơ sở bảo trợ xã hội, trong đó có 5.196 người DTTS, kinh phí thực hiện là 222.615 triệu đồng [158]. Năm 2023 số người được hưởng chế độ này là 37.110 người, trong đó có 5.213 người DTTS, kinh phí là 221.641 triệu đồng [159]. Kết quả điều tra, khảo sát cho thấy có 78,4% ý kiến CBCCVC được hỏi và 41,1% người dân được hỏi cho rằng việc thực hiện các chính sách trợ giúp xã hội đối với đồng bào DTTS ở tỉnh thời gian qua là tốt [Phụ lục 4, Phụ lục 5].

Kết quả trên cho thấy chính quyền và ngành chức năng các tỉnh Bình Thuận (cũ), Đắk Nông (cũ), Lâm Đồng (cũ) và Lâm Đồng hiện nay đã rất quan tâm đến các chế độ trợ giúp xã hội cho Nhân dân ở địa phương.

Thực hiện chính sách cứu trợ xã hội: đây được xác định là một nhiệm vụ thường xuyên của PLXH nhằm giải quyết những nhu cầu cấp thiết cho một bộ phận Nhân dân thuộc diện hộ nghèo, gặp khó khăn, thiên tai, hoạn nạn, yếu thế. Thông qua Uỷ ban MTTQ Việt Nam, các tổ chức CT-XH, Hội Chữ thập đỏ và các tổ chức xã hội, thiện nguyện, tổ chức tôn giáo, tỉnh đã kết nối được nhiều

nguồn lực trong và ngoài tỉnh để kịp thời tặng quà, hỗ trợ cho các hộ gia đình khó khăn, thiên tai, ốm đau, hoạn nạn. Tỉnh Bình Thuận (cũ) giai đoạn 2016-2018 đã hỗ trợ kịp thời cho những hộ DTTS khó khăn, trong đó năm 2016 là 4.273 hộ/16.185 khẩu; năm 2017 là 6.289 hộ/22.950 khẩu; năm 2018 là 4.990 hộ/17.862 khẩu [208].

Kết quả khảo sát đối với các hộ dân cho thấy có 58,9% số người được hỏi có nhu cầu được hỗ trợ lương thực, thực phẩm; 46,1% có nhu cầu hỗ trợ bằng tiền; 78,8% có nhu cầu được hỗ trợ các cháu học sinh hàng tháng [Phụ lục 5]. Ngoài ra Hội Chữ thập đỏ tỉnh và các đơn vị liên quan đã duy trì thường xuyên "Bếp ăn tình thương" tại bệnh viện đa khoa tuyến tỉnh và các Trung tâm y tế khu vực nhằm hỗ trợ cho bệnh nhân nghèo, đồng thời hỗ trợ một phần kinh phí đối với đồng bào DTTS diện đặc biệt khó khăn đang điều trị bệnh.

Chính sách cứu trợ xã hội đã được các cấp, các ngành trong tỉnh triển khai thường xuyên, kịp thời hỗ trợ đồng bào DTTS trong trường hợp gặp khó khăn, hoạn nạn, dịp lễ tết. Đây là nguồn vật chất quan trọng giúp đồng bào giải quyết những nhu cầu cấp thiết, đồng thời tạo động lực để đồng bào nỗ lực vươn lên, vượt qua khó khăn, tăng cường củng cố khối đại đoàn kết dân tộc.

Thực hiện các chính sách ưu đãi xã hội:

Nội dung của chính sách ưu đãi xã hội dành cho đồng bào DTTS được triển khai trong nhiều chương trình thuộc tất cả các lĩnh vực phúc lợi như giảm nghèo, việc làm, y tế, GDĐT, văn hoá, thông tin, BHXH…Ở đây tập trung vào một số ưu đãi xã hội về nhà ở, nước sạch, vệ sinh môi trường, văn hóa, nhà sinh hoạt cộng đồng nhằm nâng cao đời sống cho đồng bào.

Thứ nhất, về phúc lợi nhà ở: thực hiện Quyết định số 167/2008/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ "về chính sách hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở", các tỉnh Bình Thuận (cũ), Đắk Nông (cũ), Lâm Đồng (cũ) và Lâm Đồng hiện nay đã sử dụng nguồn Trung ương phân bổ, cân đối ngân sách của tỉnh, huy động sự chung tay hỗ trợ của cộng đồng, đồng bào DTTS sử dụng vốn vay ưu đãi và nguồn tự có để thực hiện chương trình xoá nhà tạm, nhà dột nát. Tỉnh Bình Thuận (cũ), tính đến tháng 12/2024 toàn tỉnh còn 1.737 hộ DTTS đang ở trong nhà tạm, nhà

đơn sơ, nhà dột nát [209]; giai đoạn 2022-2024, Ngân hàng CSXH tỉnh Bình Thuận (cũ) đã giải ngân 10,24 tỷ đồng cho 256 hộ DTTS nghèo, cận nghèo vay vốn để cải tạo, sửa chữa nhà ở [127]. Số hộ đang ở trong nhà tạm, đơn sơ, dột nát đã được hỗ trợ thực hiện trong năm 2025, bảo đảm không còn hộ dân sống trong nhà tạm, nhà dột nát.

Tỉnh Đắk Nông (cũ), giai đoạn 2010 đến 2015 tỉnh đã hỗ trợ các hộ DTTS về nhà ở với kinh phí thực hiện 37,164 tỷ đồng, hỗ trợ 100% cho 215 hộ đặc biệt khó khăn về nhà ở [7]. Thống kê đến ngày 01/4/2019 ở tỉnh Đắk Nông (cũ) số hộ đồng bào DTTS có nhà ở kiên cố và bán kiên cố là 73,5%, nhà thiếu kiên cố là 3,6%, nhà đơn sơ là 22,9% [7]. Tính đến 30/6/2024 Ngân hàng CSXH tỉnh Đắk Nông (cũ) đã cho vay 681 hộ đồng bào DTTS xây mới và sửa chữa nhà ở với tổng dư nợ đạt 16,2 tỷ đồng. Đến tháng 02/2025 toàn tỉnh còn 1.755 hộ đang sinh sống trong nhà tạm, nhà đơn sơ; tỉnh đã có kế hoạch hỗ trợ từ: "Chương trình mục tiêu quốc gia GNBV" là 532 hộ, "Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS và miền núi" là 538 hộ, "Chương trình xóa nhà tạm, nhà dột nát" là 540 hộ, "Chương trình hỗ trợ nhà ở cho gia đình chính sách, người có công với cách mạng" là 145 hộ [15].

Tỉnh Lâm Đồng (cũ), đã thực hiện cho vay ưu đãi nguồn vốn từ Ngân hàng CSXH để xây dựng, sửa chữa nhà ở cho đồng bào DTTS, dư nợ đến 31/12/2024 là 142,088 tỷ đồng [129]. Tính đến cuối năm 2024 tỉnh còn 1.972 hộ đang sinh sống trong nhà đơn sơ, nhà dột nát cần xây mới, sửa chữa, trong đó đa số là hộ DTTS. Bằng nhiều nguồn vốn, đến ngày 06/5/2025, toàn tỉnh đã hoàn thành 1.088 căn xây mới và 311 căn sửa chữa, với tổng kinh phí hơn 63 tỷ đồng và tiếp tục triển khai những căn còn lại [155].

Chính quyền các tỉnh Bình Thuận (cũ), Đắk Nông (cũ), Lâm Đồng (cũ) và Lâm Đồng hiện nay đã sử dụng tốt các nguồn lực để hỗ trợ nhà ở nên số hộ đồng bào có nhà ở kiên cố, nhà ở bán kiên cố đã tăng lên nhanh chóng. Thời điểm 01/7/2024 tỷ lệ này ở Bình Thuận (cũ) là 96,54%, Đắk Nông (cũ) là 81,36%, Lâm Đồng (cũ) là 93,22% [Phụ lục 3.12]. Tỉnh Lâm Đồng hiện nay đã hoàn thành mục tiêu đến 31/12/2025 trên địa bàn không còn hộ dân nào sinh sống

trong nhà ở tạm bợ, đơn sơ, dột nát. Theo khảo sát đối với các hộ dân thì có tới 58,9% người được hỏi vẫn có nhu cầu được xây mới hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở [Phụ lục 5]. Kết quả trên cho thấy cùng với thúc đẩy sinh kế, nâng cao năng lực sản xuất, tạo việc làm và tăng thu nhập, GNBV cho đồng bào thì cần tiếp tục triển khai các nguồn vốn ưu đãi, xã hội hoá để tiếp tục nâng cao PLXH về nhà ở cho đồng bào DTTS ở tỉnh thời gian tới.

Thứ hai, thực hiện chính sách PLXH về nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn: đối với nước sạch hiện được thực hiện bằng 2 hình thức, phân tán hoặc cấp nước tập trung. Đối với hình thức cấp nước phân tán, nhà nước hỗ trợ 3 triệu đồng/hộ và Ngân hàng CSXH cho vay ưu đãi gói nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn. Tại tỉnh Bình Thuận (cũ) tính đến ngày 31/12/2024 tổng số hộ đồng bào DTTS được vay vốn ưu đãi đối với gói này là 6.649 hộ, tổng số vốn cho vay 127.131 triệu đồng, nâng số hộ dân được sử dụng nước sạch, hợp vệ sinh là 98,52% [208].

Tại tỉnh Đắk Nông (cũ), đến năm 2015 toàn tỉnh có 8.804 hộ đồng bào DTTS đã được ngân sách hỗ trợ kinh phí, dụng cụ để tự khai thác nguồn nước sinh hoạt. Đến năm 2024 tỉnh đã triển khai được 242 công trình cấp nước sinh hoạt tập trung từ các chương trình mục tiêu quốc gia và các nguồn tài trợ. Ngân hàng CSXH tỉnh Đắk Nông (cũ) cho vay ưu đãi gói nước sạch và vệ sinh môi trường với 11.183 hộ vay, tổng số vốn 194.580 triệu đồng [9]. Nhờ đó tỷ lệ hộ DTTS được sử dụng nước sạch, hợp vệ sinh đã tăng từ 88,2% năm 2019 lên 98,63% năm 2023 [39].

Tại tỉnh Lâm Đồng (cũ), đã triển khai nhiều dự án nước sạch cho vùng DTTS kết hợp với hỗ trợ để các hộ gia đình tự khai thác, sử dụng nước sạch. Dư nợ cho vay đến 31/12/2024 từ gói nước sạch và vệ sinh môi trường của Ngân hàng CSXH tỉnh Lâm Đồng (cũ) là 959,792 tỷ đồng, số hộ gia đình sử dụng nước hợp vệ sinh đã tăng lên 96% năm 2025 [155].

Đối với các công trình vệ sinh hợp chuẩn: đây là một tiêu chí cứng của "Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025", chỉ tiêu chung cho khu vực Tây Nguyên là trên 70% (Theo Quyết định số

318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ "về Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025"). Nhà vệ sinh hợp chuẩn là tiêu chí bắt buộc nhằm bảo vệ sức khoẻ cho đồng bào DTTS và cải thiện môi trường. Để triển khai nội dung này Ngân hàng CSXH đã cho vay ưu đãi với mức vay tối đa 25 triệu đồng/hộ. Ngoài ra tỉnh còn vận hỗ trợ, đóng góp của các hộ gia đình để xây dựng nhà vệ sinh hợp chuẩn. Nhờ vậy số hộ đồng bào DTTS sử dụng nhà vệ sinh hợp chuẩn đã tăng lên nhanh chóng, góp phần nâng cao sức khoẻ cộng đồng. Tính đến ngày 01/7/2024 tỉnh Bình Thuận (cũ) số hộ DTTS có nhà vệ sinh hợp chuẩn là 88,0%; tỉnh Đắk Nông (cũ) là 77,4%, tỉnh Lâm Đồng (cũ) là 84,0% [Phụ lục 3.26]. Kết quả điều tra, khảo sát thực tế cho thấy vẫn còn 9,1% hộ dân chưa có nhà vệ sinh [Phụ lục 5]. Thực trạng trên đặt ra yêu cầu cần tiếp tục quan tâm công tác tuyên truyền cũng như nguồn vốn ưu đãi để triển khai dự án nước sạch, vệ sinh môi trường nông thôn cho đồng bào DTTS trong tỉnh.

Thứ ba, PLXH về văn hóa: nhìn chung đồng bào DTTS ở tỉnh Lâm Đồng trước sáp nhập và hiện nay còn hạn chế về thụ hưởng văn hoá. Nhà nước và chính quyền địa phương đã triển khai nhiều chương trình, đề án để tăng cường thụ hưởng văn hoá cho đồng bào. Sóng điện thoại di động, mạng 4G, sóng phát thanh, truyền hình đã được phủ kín vùng DTTS và miền núi của tỉnh. Đến thời điểm 01/7/2024 phần lớn các hộ đồng bào DTTS đã có các trang thiết bị thông tin, truyền thông như tivi, rađio, điện thoại di động. Tỷ lệ hộ gia đình người DTTS tiếp cận thông tin văn hóa xã hội qua Đài Tiếng nói Việt Nam/Đài phát thanh địa phương hoặc truyền hình Trung ương/địa phương của tỉnh Bình Thuận (cũ) là 87,2%, Đắk Nông (cũ) 61,8%, Lâm Đồng (cũ) là 84,9% [Phụ lục 3.21].

Thực hiện chính sách bảo tồn các giá trị văn hoá truyền thống tốt đẹp của đồng bào dân tộc thiểu số: đồng bào DTTS ở tỉnh Bình Thuận (cũ), Đắk Nông (cũ), Lâm Đồng (cũ) và Lâm Đồng hiện nay rất đa dạng về văn hoá, tín ngưỡng vì vậy bảo tồn và phát huy những giá trị truyền thống tốt đẹp luôn được các địa phương và các dân tộc quan tâm. Nhiều chính sách đã được thực hiện và đem lại những kết quả rất thiết thực, không những đã bảo tồn được các giá trị văn hoá

truyền thống tốt đẹp mà còn phát huy lợi thế để phát triển du lịch, góp phần GNBV và xây dựng nông thôn mới hiện nay. Cụ thể là: tại tỉnh Bình Thuận (cũ), công tác nghiên cứu, sưu tầm và duy tu, tôn tạo, phục dựng các di tích lịch sử, văn hóa được tiếp tục thực hiện: toàn tỉnh có 04 di tích quốc gia và 04 di tích cấp tỉnh của các DTTS; trong đó, 03 di tích cấp quốc gia và 01 di tích cấp tỉnh của dân tộc Chăm được đầu tư kinh phí, chống xuống cấp, tôn tạo để phát triển du lịch kết hợp. Năm 2023 UBND tỉnh Bình Thuận (cũ) đã có Quyết định số 2179/QĐ-UBND, ngày 16/10/2023 "phê duyệt đề án Bảo tồn phát huy Lễ hội Katê của người Chăm tỉnh Bình Thuận phục vụ phát triển du lịch". Tỉnh cũng phối hợp với với tỉnh Ninh Thuận (cũ) xây dựng hồ sơ khoa học "Nghệ thuật làm gốm truyền thống của người Chăm" trình UNESCO công nhận là "Di sản văn hóa phi vật thể cần bảo vệ khẩn cấp" và đã được UNESCO ghi danh vào 29/11/2022. Đồng bào DTTS tỉnh Bình Thuận (cũ) đã duy trì và phát huy hiệu quả các lễ hội truyền thống đặc sắc từ lâu đời của dân tộc mình như: Lễ hội Katê của người Chăm theo đạo Bàlamôn giáo; Lễ hội Ramưwan của người Chăm theo đạo Hồi giáo Bàni; Lễ hội Rijà Nưgar; Lễ hội tại miếu Bà Chúa (Pô Inư Nưgar): Lễ hội Katê tại đền ông La Băng Lạc Sứ; Lễ hội dân gian tại đền thờ Thiên Ya Na của người Chăm; Tết Đầu lúa của người Cơ Ho, Raglai; Lễ hội Nghinh Ông của cộng đồng người Hoa; Lễ Vía Thánh Quan Âm của người Hoa; Lễ Trung Nguyên, Lễ Cầu Phước,.. của người Tày, Nùng; Lễ mừng lúa mới của người Raglai; Nghề làm gốm và nghề dệt của đồng bào Chăm [208]. UBND tỉnh Bình Thuận (cũ) đã ban hành Kế hoạch số 3073/KH-UBND, ngày 16/9/2022 "thực hiện Chương trình bảo tồn và phát triển làng nghề Việt Nam trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2030". Vùng DTTS của tỉnh hiện có 3 làng nghề, đó là làng nghề gốm gọ Bình Đức, làng nghề dệt thổ cẩm xã Phan Thanh, làng nghề dệt thổ cẩm xã La Dạ. Các làng nghề đã phát huy được hiệu quả sản xuất hàng thủ công gắn với phát triển du lịch, góp phần tăng thu nhập và nâng cao đời sống cho đồng bào DTTS trên địa bàn. Tỉnh Đắk Nông (cũ), với 39 DTTS sinh sống, rất đa dạng về văn hoá, tín ngưỡng, cần được gìn giữ, phát huy hiệu quả. UBND tỉnh Đắk Nông (cũ) đã ban hành Kế hoạch số 54/KH-UBND, ngày 26/01/2022

"về sưu tầm, nghiên cứu, bảo tồn và phát huy các loại hình di sản văn hoá phi vật thể có nguy cơ thất truyền của đồng bào DTTS tại chỗ, giai đoạn 2021-2025"; Kế hoạch số 233/KH-UBND, ngày 10/5/2022 "về việc triển khai Đề án bảo tồn, phát huy giá trị dân ca, dân vũ, dân nhạc của các DTTS gắn với phát triển du lịch, giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông"; Kế hoạch số 350/KH-UBND, ngày 07/6/2023 "về triển khai Đề án bảo tồn và phát huy giá trị văn học dân gian của các DTTS đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông"; Kế hoạch số 530/KH-UBND, ngày 16/8/2023 "về triển khai Đề án bảo tồn, phát huy thổ cẩm truyền thống của đồng bào các dân tộc thiểu số M'Nông, Mạ, Êđê, Thái, Dao gắn với phát triển du lịch tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2023-2025" [217]. Đến năm 2025 tỉnh Đắk Nông (cũ) đã có 02 di sản cấp quốc tế được công nhận là "Không gian văn hóa Cồng chiêng Tây Nguyên" và "Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Đắk Nông"; 04 di sản văn hóa phi vật thể của đồng bào DTTS đã được đưa vào "Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia". [219]. Tỉnh Lâm Đồng (cũ), đã tập trung tổ chức phục dựng một số lễ hội truyền thống, phát huy hiệu quả các giá trị văn hóa của các dân tộc địa phương. Toàn tỉnh có 84 lễ hội truyền thống của các cộng đồng DTTS đang được duy trì. Trong đó, có 55 lễ hội đang được duy trì thường xuyên và đã tiến hành phục dựng được các lễ hội như: Lễ Pơthi của người Chum và nhóm K'ho ở K'Long, xã Đức Trọng; lễ Nhô Wèr của cộng đồng Kơ Ho Srê, xã Di Linh; lễ Bok Chu-bur của cộng đồng Churu ở xã Đức Trọng; các nghi thức cúng lúa rẫy của người Mạ ở Lộc Bắc; Lễ đưa lúa về kho của dân tộc Kơ Ho, xã Lâm Hà; Lễ Sạ lúa, Lễ bắt chồng của dân tộc Churu, xã Đơn Dương; Lễ hội Lồng Tồng của người Tày, Thái tại một số địa bàn Bảo Lâm, Cát Tiên, hình thành các Câu lạc bộ Đàn Tính - Hát Then. Các địa phương trong tỉnh đã thường niên tổ chức Ngày hội Văn hóa - Thể thao các xã vùng DTTS; tổ chức tốt các sự kiện để giới thiệu nghệ thuật dân gian của đồng bào Cơ ho, Churu, Mạ; nhiều hoạt động văn hoá mang tính truyền thống tại địa phương được tổ chức rộng khắp góp phần khôi phục, bảo tồn và duy trì các trò chơi dân gian truyền thống của đồng bào DTTS [12]. Tỉnh cũng chú trọng phát triển các làng nghề truyền thống của đồng bào DTTS để phát triển du lịch.

UBND tỉnh đã có Quyết định số 2719/QĐ-UBND, ngày 07/12/2016 "phê duyệt Đề cương, nhiệm vụ quy hoạch và dự toán kinh phí dự án quy hoạch phát triển tiểu thủ công nghiệp, làng nghề truyền thống gắn với phát triển hàng thủ công mỹ nghệ trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035". Đến cuối năm 2022, tỉnh Lâm Đồng (cũ) có 32 làng nghề, tổng số hộ hoạt động trong làng nghề là 5.030 hộ với 9.323 lao động thường xuyên, trong đó lao động DTTS là 1.977 người với các nghề truyền thống là đan lát, làm rượu cần, dệt thổ cẩm và trồng hoa [12]. Việc kết hợp phát triển làng nghề truyền thống với phát triển kinh tế du lịch đã mang lại hiệu quả rất thiết thực trong việc GNBV, nâng cao thu nhập và đời sống cho đồng bào, vừa góp phần bảo tồn hiệu quả.

Xây dựng đời sống văn hoá trong cộng đồng: đã được các địa phương thường xuyên quan tâm duy trì và phát triển các thiết chế văn hóa, triển khai thực hiện phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá", xây dựng: "Khu dân cư văn hoá", "Gia đình văn hoá", "Cơ quan, đơn vị văn hoá"… đã phát triển sâu rộng đến các thôn/bon/buôn/bản vùng đồng bào DTTS. Tại tỉnh Bình Thuận (cũ), đến hết năm 2024 có 17/17 xã thuần đồng bào DTTS có nhà văn hóa; 100% thôn/bon/buôn có nhà sinh hoạt cộng, số hộ gia đình đạt văn hoá là 93,12% [208]. Tỉnh Đắk Nông (cũ), đến hết 2024 có 91% gia đình được công nhận gia đình văn hóa, 86,5% thôn/bon/buôn/bản, tổ dân phố đạt danh hiệu văn hóa [219]. Tỉnh Lâm Đồng (cũ), đến cuối năm 2024 có 330.188/358.900 hộ đạt danh hiệu gia đình văn hóa, đạt tỷ lệ 92%, có 1.328/1.376 thôn, tổ dân phố được công nhận và giữ vững danh hiệu văn hóa, đạt 96,5%, 100% số xã đã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới [12].

Cấp phát báo, tạp chí: được thực hiện theo Quyết định số 45/QĐ-TTg, ngày 09/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ "cấp một số ấn phẩm báo, tạp chí cho vùng DTTS và miền núi, vùng đặc biệt khó khăn giai đoạn 2019 - 2021". Các tỉnh Bình Thuận (cũ), Đắk Nông (cũ), Lâm Đồng (cũ) đã triển khai cấp 19 loại báo, tạp chí đến các đơn vị vùng DTTS và miền núi của tỉnh theo quy định. Hiện tại việc cấp phát báo, tạp chí không còn được thực hiện, tỉnh Lâm Đồng

hiện nay đã triển khai các chương trình bằng một số tiếng DTTS phổ biến trên sóng của Báo và Phát thanh-truyền hình Lâm Đồng để phục vụ đồng bào.

Nhà văn hoá, nhà sinh hoạt cộng đồng: bằng nguồn vốn ngân sách và các nguồn vốn khác đến nay tỉnh Lâm Đồng đã xây dựng được nhà văn hoá, sinh hoạt cộng đồng tại tất cả các thôn/bon/buôn/bản có đồng bào DTTS sinh sống. Các công trình này đã phát huy hiệu quả, trở thành nơi đồng bào tổ chức sinh hoạt chung, giao lưu văn hoá và phổ biến các chính sách của Trung ương và địa phương.

3.1.2. Nguyên nhân của những thành tựu trong bảo đảm phúc lợi xã hội đối với đồng bào dân tộc thiểu số ở tỉnh Lâm Đồng

Một là, Đảng, Nhà nước, HTCT ở địa phương luôn quan tâm đến thực hiện chính sách dân tộc, chính sách PLXH đối với đồng bào DTTS.

Đảng, Nhà nước ta luôn dành sự quan tâm lớn cho đồng bào DTTS ở những vùng KT-XH khó khăn nên đã kịp thời ban hành những chính sách PLXH phù hợp đồng thời dành một nguồn đầu tư lớn cho khu vực này. Tập trung vào ba nhóm chính sách là: (1) nhóm chính sách về phát triển kinh tế vùng DTTS nhằm phát huy tiềm năng, thế mạnh của vùng đồng bào các dân tộc, gắn với kế hoạch phát triển chung của cả nước, đưa vùng đồng bào các DTTS cùng cả nước tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; (2) nhóm CSXH tập trung vào các vấn đề GDĐT, văn hóa, y tế... nhằm nâng cao năng lực, thực hiện quyền bình đẳng giữa các dân tộc, tạo tiền đề và cơ hội để các dân tộc có đầy đủ các điều kiện tham gia quá trình phát triển, trên cơ sở đó không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của đồng bào; (3) nhóm chính sách liên quan đến quốc phòng - an ninh, nhằm củng cố các địa bàn chiến lược, giải quyết tốt vấn đề đoàn kết dân tộc và liên quốc gia trong xu thế toàn cầu hóa" [73].

Sự quyết tâm và trách nhiệm chính trị của Tỉnh uỷ, HĐND - UBND tỉnh, của các cơ quan trong HTCT của các tỉnh trước và sau sáp nhập tỉnh trong thực hiện chính sách dân tộc thời gian qua. Trên cơ sở các chính sách của Trung ương, các tỉnh Bình Thuận (cũ), Đắk Nông (cũ), Lâm Đồng (cũ) và Lâm Đồng hiện nay đã cụ thể hoá cho phù hợp với những đặc điểm, điều kiện KT-XH của

tỉnh và của đồng bào trong tỉnh để triển khai thực hiện. Đồng thời tỉnh đã sử dụng tốt nguồn vốn được Trung ương phân bổ, cân đối ngân sách địa phương và vận động mọi nguồn lực trong xã hội để chăm lo PLXH cho đồng bào DTTS của tỉnh.

Hai là, thành tựu của công cuộc đổi mới, phát triển KT-XH, bảo đảm quốc phòng, an ninh của đất nước và của tỉnh những năm qua đã tạo điều kiện thuận lợi để thực hiện PLXH cho đồng bào DTTS.

Nhờ những thành tựu của công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá nên nguồn lực để đầu tư cho vùng DTTS và miền núi được đẩy mạnh, nhất là trong lĩnh vực giảm nghèo, "Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới", xây dựng hạ tầng KT-XH, tạo thuận lợi để thúc đẩy đồng bào DTTS trong tỉnh vươn lên. Tỉnh có lợi thế về một số cây công nghiệp dài ngày, rất có giá trị kinh tế như hồ tiêu, mắc ca, điều, cao su, đặc biệt là cà phê, cây ăn trái, rau đặc sản, hoa, đánh bắt, nuôi trồng thuỷ sản với thị trường tiêu thụ rộng lớn nên đã thúc đẩy phát triển bền vững các loại nông sản này, nhờ đó đồng bào DTTS mở rộng sản xuất, nâng cao chất lượng nông sản, tham gia chuỗi liên kết, đáp ứng tốt nhu cầu của thị trường. Tỉnh cũng có lợi thế và tiềm năng lớn để phát triển du lịch đa dạng như: du lịch biển, nghỉ dưỡng, du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái nên đã thu hút được khá đông đồng bào DTTS vào hoạt động kinh tế này. Những năm qua tốc độ tăng trưởng kinh tế của tỉnh liên tục ở mức khá và cao đã tạo điều kiện để phát triển mọi mặt đời sống xã hội. Mặt khác, kinh tế tăng trưởng kéo theo nguồn lực xã hội dồi dào nên việc huy động xã hội hoá để chăm lo PLXH cho đồng bào DTTS cũng được thuận lợi hơn.

Các lĩnh vực VH-XH của các tỉnh trước sáp nhập và tỉnh Lâm Đồng hiện nay được quan tâm đầu tư phát triển, ANQP được bảo đảm cùng với tăng trưởng kinh tế cao đã tạo thuận lợi hơn để đồng bào các DTTS tiếp cận nhiều hơn, tốt hơn các dịch vụ xã hội cơ bản. Đội ngũ CBCCVC hệ thống chính trị trong tỉnh đã được đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trách nhiệm, chuyên môn nghiệp vụ trong phục vụ Nhân dân, quan tâm nhiều hơn đến đồng bào DTTS, đặc biệt là trong GNBV, chăm sóc y tế, GDĐT, lao động, việc làm,…

Ba là, sự nỗ lực vươn lên của đồng bào các DTTS và sự đồng hành của xã hội.

Chính sách PLXH được ban hành kịp thời và phù hợp, cùng với sự hỗ trợ của Nhân dân và sự đồng thuận của đồng bào các DTTS trong tỉnh đã góp phần quyết định cho sự thành công của chính sách dân tộc nói chung, PLXH nói riêng. Trong đó sự nỗ lực vươn lên của chính đồng bào các DTTS có ý nghĩa quan trọng. Từ chỗ tập quán canh tác dựa vào thiên nhiên, phá rừng làm nương rẫy đến việc định canh, định cư, chuyển đổi giống vật nuôi và cây trồng gắn với thị trường tiêu thụ, áp dụng kỹ thuật vào sản xuất, chuyển đổi nghề cho lao động nông thôn. Đồng bào DTTS trong tỉnh đã quan tâm nhiều hơn đến vấn đề chăm sóc y tế, GDĐT, nâng cao đời sống văn hoá, xoá bỏ các hủ tục lạc hậu. Nhờ đó các chính sách PLXH đã thực sự đạt được những kết quả tốt thời gian qua. Đây là cơ sở thực tế để tiếp tục thực hiện có hiệu quả và bền vững các chính sách này trong thời gian tới.

Dân trí của đồng bào các DTTS được nâng lên rõ rệt, chất lượng nguồn nhân lực được cải thiện, tạo động lực cho sự thay đổi cơ cấu kinh tế ở các địa phương trong vùng DTTS, kéo theo sự thay đổi cơ cấu lao động, phát triển sản xuất đa dạng, áp dụng khoa học kỹ thuật vào trong sản xuất nông lâm ngư nghiệp theo chuỗi giá trị, bền vững, tích cực chuyển đổi nghề và tạo thêm nhiều việc làm. Đại hội đại biểu Đảng bộ các tỉnh Bình Thuận (cũ), Đắk Nông (cũ), Lâm Đồng (cũ) nhiệm kỳ 2020-2025 và tỉnh Lâm Đồng nhiệm kỳ 2025-2030 tiếp tục xác định "phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao" cùng với "hoàn thiện thể chế" và "kết cấu hạ tầng" là ba đột phá để phát triển địa phương nên đã dành nhiều nguồn lực đầu tư cho GDĐT.

Sự hỗ trợ từ cộng đồng đối với việc chăm lo PLXH cho đồng bào DTTS của tỉnh được đẩy mạnh. Do điểm xuất phát thấp, điều kiện KT-XH của tỉnh có nhiều khó khăn, nguồn vốn Trung ương phân bổ và địa phương tự cân đối chưa đảm bảo nên sự tham gia của cộng đồng trong việc bảo đảm PLXH cho đồng bào DTTS của tỉnh là rất thiết thực và hiệu quả. Các đơn vị trong HTCT từ Trung ương, đến cấp tỉnh, cấp xã đã kết nối được nhiều nguồn lực trong Nhân

dân, các nhà tài trợ trong và ngoài tỉnh để thực hiện các chương trình PLXH cụ thể cho đồng bào.

Tinh thần đoàn kết, sẻ chia của đồng bào và Nhân dân trong tỉnh cũng như của các tỉnh khác đối với tỉnh Lâm Đồng được tăng cường, nhất là trong những hoàn cảnh khó khăn, thiên tai, hoạn nạn. Chính nhờ tinh thần đoàn kết ấy đã góp phần giữ vững sự ổn định chính trị, kinh tế, VH-XH, ANQP ở địa phương, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển KT-XH toàn diện, nâng cao đời sống mọi mặt cho đồng bào các DTTS.

3.2. HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN CỦA HẠN CHẾ TRONG BẢO ĐẢM PHÚC LỢI XÃ HỘI ĐỐI VỚI ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở TỈNH LÂM ĐỒNG HIỆN NAY

3.2.1. Những hạn chế trong bảo đảm phúc lợi xã hội đối với đồng bào dân tộc thiểu số ở tỉnh Lâm Đồng

3.2.1.1. Hạn chế trong thực hiện chính sách giảm nghèo bền vững

Các chính sách GNBV đã được triển khai trong một thời gian dài và hiệu quả mang lại rất thiết thực nhưng thiếu tính bền vững, nhất là sinh kế, tình trạng một số hộ đồng bào DTTS có nguy cơ tái nghèo, cận nghèo vẫn hiện hữu. Giảm nghèo chưa bền vững là khó khăn, thách thức lớn nhất trong bảo đảm PLXH cho đồng bào DTTS của tỉnh Lâm Đồng hiện nay.

Việc phát triển đa dạng sinh kế, tạo thêm nhiều việc làm cho lao động DTTS chưa đạt hiệu quả như mong muốn: cho đến nay đại đa số đồng bào DTTS trong tỉnh vẫn sinh sống bằng nông nghiệp và làm thuê (lao động tự do, mùa vụ) nên thu nhập thiếu tính ổn định. Trình độ canh tác trong nông nghiệp nhìn chung còn lạc hậu, vẫn dựa nhiều vào thiên nhiên nên năng suất, chất lượng còn nhiều hạn chế, ảnh hưởng trực tiếp đến việc nâng cao thu nhập và đời sống. Những năm qua, chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh chậm, đã kéo theo những hạn chế trong chuyển dịch cơ cấu lao động và tạo việc làm tại địa phương cho đồng bào DTTS. Chính sách hỗ trợ của Nhà nước và địa phương để phát triển nghề thủ công truyền thống gắn với du lịch sinh thái, văn hoá cộng đồng chưa hiệu quả dù được xác định là một lĩnh vực mũi nhọn và trọng điểm trong phát

triển KT-XH của tỉnh Lâm Đồng hiện nay. Tỉnh hiện có 5 nghề truyền thống đang được phát huy trong đồng bào DTTS gồm: nghề dệt thổ cẩm; đan lát, mây tre đan; thêu ren; làm rượu cần và trồng hoa. Các nghề "làm rượu cần" và "dệt thổ cẩm", "đan lát, mây tre đan" được hỗ trợ và hưởng các chính sách ưu đãi của Nhà nước theo Nghị định số 52/2018/NĐ-CP, ngày 12/4/2018 của Chính phủ "về phát triển ngành nghề nông thôn". Tuy nhiên do các DTTS sống phân tán, xen kẽ cùng các dân tộc khác nên nhiều nghề thủ công truyền thống trong các gia đình tuy vẫn được duy trì và phát huy nhưng không có chính sách ưu đãi và hỗ trợ của Nhà nước vì chưa được công nhận là "làng nghề". Các chính sách ưu đãi và hỗ trợ thời gian qua mới tiếp cận đến các "làng nghề" chứ chưa tiếp cận đến đối tượng đang trực tiếp "làm nghề" nhưng sống phân tán nên chưa thực sự phát huy hiệu quả. Việc gắn kết giữa phát triển kinh tế nông nghiệp - nông thôn bền vững với nghề thủ công và du lịch sinh thái chưa thực sự hiệu quả và chưa mang lại nhiều đổi thay cho vùng DTTS của tỉnh.

Các chính sách ưu đãi, hỗ trợ đào tạo nghề, chuyển đổi nghề, giới thiệu việc làm phù hợp cho đồng bào DTTS trên địa bàn tỉnh chưa hiệu quả. Do đặc điểm tâm lý, văn hoá cộng đồng, trình độ chuyên môn nên việc giới thiệu việc làm cho người lao động là đồng bào DTTS ở những khu công nghiệp, xuất khẩu lao động gặp nhiều khó khăn và không hiệu quả, đặc biệt là đối với đồng bào DTTS tại chỗ. Tỷ lệ người DTTS từ 15 tuổi trở lên đang trực tiếp tham gia lao động tính đến thời điểm 01/7/2024 chỉ ở mức khá, trong đó tỉnh Bình Thuận (cũ) là 80,9%, Đắk Nông (cũ) là 86,2% và Lâm Đồng (cũ) là 89,3% nhưng việc làm không thường xuyên [Phụ lục 3.19]. Kết quả trên cho thấy tình trạng thiếu việc làm, việc làm không ổn định thường xuyên xảy ra. Đây là nguyên nhân căn bản dẫn đến thực trạng lao động DTTS tham gia BHXH, BHTN thấp, tăng trưởng chậm và thiếu ổn định.

Chính sách ưu đãi, hỗ trợ giống cây trồng, giống vật nuôi, chuyển giao khoa học trong trồng trọt và chăn nuôi còn nhiều bất cập. Một số chính sách ưu đãi, hỗ trợ chưa sát với đối tượng thụ hưởng nên khó khăn khi thực hiện và chưa đạt được hiệu quả như mong muốn. Hầu hết các chính sách đang hỗ trợ chưa

mang tính đặc thù với từng đối tượng đồng bào DTTS thụ hưởng, còn mang tính bình quân. Việc hỗ trợ về kỹ thuật cho đồng bào cũng không được thường xuyên nên hiệu quả không cao.

Do việc phát triển sinh kế còn nhiều hạn chế, chưa mang tính bền vững nên thu nhập bình quân của đồng bào DTTS trong tỉnh còn thấp, có nơi rất thấp. Một vấn đề hết sức quan ngại hiện nay là hộ nghèo, hộ cận nghèo ở nhiều vùng trong tỉnh đang dần còn lại chỉ là hộ DTTS và có nguy cơ bị tụt lại phía sau, nhất là đối với một số nhóm DTTS tại chỗ. Kết quả điều tra, khảo sát người dân, có 38,9% ý kiến cho rằng việc đào tạo nghề, tạo việc làm cho đồng bào DTTS là bình thường và 23,6% đánh giá là chưa tốt [Phụ lục 5]. Vì vậy chính sách này cần được quan tâm nhiều hơn nữa.

Việc thực hiện các chính sách phúc lợi về đất ở, đất sản xuất vẫn còn bất cập: cho đến nay tỉnh Lâm Đồng vẫn chưa thực hiện xong việc hỗ trợ đất đai cho các hộ DTTS đủ điều kiện do thiếu quỹ đất để thực hiện. Tính đến 31/12/2023 tỉnh Bình Thuận (cũ) còn 397 hộ DTTS không có đất sản xuất cần được hỗ trợ nhưng tỉnh chưa bố trí được quỹ đất để thực hiện [206]. Tỉnh Đắk Nông (cũ), tính đến hết năm 2023 có 1.907 hộ DTTS đang thiếu đất, trong số đó, có 565 hộ thiếu cả đất ở lẫn nhà ở, và 1.342 hộ thiếu đất sản xuất [9]. Tỉnh Lâm Đồng (cũ) giai đoạn 2021-2025 cần hỗ trợ cho 840 hộ DTTS thiếu đất sản xuất nhưng đến tháng 5/2025 chưa thực hiện được do địa phương không còn quỹ đất [155]. Việc hỗ trợ đất còn tình trạng bất cập như đất sản xuất cách xa nơi ở, đất dốc, bị xói mòn khó canh tác, xa nguồn nước, diện tích ít, đất cấp bị chồng lấn, đang có tranh chấp, nhiều diện tích đến nay chưa được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Một thực trạng cần quan tâm là diện tích canh tác của nhiều hộ DTTS, nhất là DTTS tại chỗ đang thu hẹp lại do nhiều nguyên nhân dẫn đến thiếu đất sản xuất, nguy cơ tái nghèo, cận nghèo cao. Đất ở có diện tích nhỏ, nguồn nước sinh hoạt không đảm bảo, ở xa nơi có đất canh tác nên khó khăn trong sản xuất và ổn định đời sống. Một số địa bàn không còn quỹ đất để cấp cho đồng bào, đất được cấp khó canh tác; diện tích đất canh tác của hộ gia đình thấp hơn nhiều so với nhu cầu thực tế trong khi hầu hết các gia đình đều

đông con, trong đó Bình Thuận (cũ) bình quân chỉ có 6.737,9m^2/hộ [Phụ lục 3.14]. Kết quả điều tra, khảo sát các hộ dân, có 53,9% ý kiến đánh giá chính sách hỗ trợ đất đai là bình thường và 19,2% đánh giá là chưa tốt [Phụ lục 5].

Các chính sách PLXH về kết cấu hạ tầng KT-XH còn bất cập: việc triển khai đồng thời 3 chương trình mục tiêu quốc gia đã đầu tư nguồn vốn lớn cho hạ tầng KT-XH của tỉnh, tạo điều kiện để thúc đẩy sản xuất, giảm nghèo nhanh song còn tồn tại nhiều khó khăn như: đường giao thông nhiều nơi đã xuống cấp nhưng thiếu vốn để duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa nâng cấp; tại nhiều thôn/bon/buôn/bản đường nối đến trung tâm xã, đường nối thôn với các đường liên xã vẫn là đường đá, đường đất, trong đó Bình Thuận (cũ) còn 0,97%, Đắk Nông (cũ) là 0,80%, Lâm Đồng (cũ) là 1,11% [Phụ lục 3.29]. Riêng địa bàn tỉnh Đắk Nông (cũ) hiện có 82 công trình hồ đập thuỷ lợi hư hỏng, xuống cấp, không hiệu quả, nhất là về mùa khô. Nhiều dự án cấp nước sạch tập trung đã xuống cấp, không phát huy được hiệu quả, lãng phí. Tính đến năm 2024 tỉnh Đắk Nông (cũ) đã triển khai được 242 công trình cấp nước sạch tập trung, chủ yếu ở vùng DTTS. Tuy nhiên trong số này chỉ còn 56 công trình đang hoạt động hiệu quả, chiếm 23%, còn lại 186 công trình đã ngưng hoạt động hoặc hoạt động kém hiệu quả, chiếm 77%. Hệ thống giao thông nhiều vùng DTTS và nông thôn đã xuống cấp, hư hỏng nhưng chưa được đầu tư cải tạo, sửa chữa, nâng cấp [7]. Nhiều địa phương trên địa bàn tỉnh Bình Thuận (cũ) thiếu nước vào mùa khô, ảnh hưởng lớn đến sản xuất và đời sống của đồng bào. Hệ thống điện chưa tiếp cận được những khu vực sản xuất trên nương rẫy phân tán của đồng bào nên khó khăn cho việc triển khai áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất. Hệ thống chợ được xây dựng đồng bộ trong "Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới" nhưng nhiều chợ được xây dựng ở những vị trí không thuận lợi cho việc đi lại và giao thương của người dân nên hoạt động không hiệu quả. Riêng địa bàn tỉnh Lâm Đồng (cũ), giai đoạn 2021-2025 cần đầu tư 16 chợ tại các vùng DTTS và miền núi, nhưng đến tháng 10/2025 mới chỉ đầu tư được 02 chợ [155].

Nguồn vốn vay ưu đãi còn tồn tại nhiều hạn chế, bất cập: trong những năm qua nguồn vốn vay ưu đãi từ Ngân hàng CSXH tỉnh đã thực sự mang lại

hiệu quả, tạo ra nhiều sự thay đổi tích cực trong sản xuất, sinh hoạt, học tập và đời sống của đồng bào song nguồn vốn vay đối với mỗi gói tín dụng hiện còn thấp, chưa đáp ứng được nhu cầu thực tế của đồng bào, nhất là các gói cho vay hộ nghèo, cận nghèo, mới thoát nghèo; gói cho vay giải quyết việc làm; gói cho vay đối với học sinh, sinh viên; gói cho vay về nhà ở. Kết quả điều tra ngày 01/7/2024 cho thấy nhu cầu vay vốn ưu đãi của đồng bào là rất lớn, trong đó Bình Thuận (cũ) là 25,35%, Đắk Nông (cũ) là 21,47% và Lâm Đồng (cũ) là 21,93% [Phụ lục 3.27]. Hầu hết các hộ gia đình DTTS có nhu cầu vay trên 50 triệu đồng như ở Lâm Đồng (cũ) là 53,46%, Đắk Nông (cũ) là 50,45%, Bình Thuận (cũ) là 34,12% [Phụ lục 3.27]. Tuy nhiên việc tiếp cận vốn vay bị hạn chế do đã trùng vốn vay trước đó hoặc đã bị khoanh nợ, nợ xấu, không có tài sản bảo đảm, không còn khả năng lao động. Việc hỗ trợ một phần lãi suất từ ngân sách nhà nước hiện nay mới chỉ dành cho đồng bào DTTS tại chỗ và chỉ áp dụng tại xã, phường thuộc tỉnh Đắk Nông (cũ), tỉnh Bình Thuận (cũ) và Lâm Đồng (cũ) không có chính sách này trong khi các DTTS tại chỗ và di cư đến rất đông, điều kiện sản xuất và đời sống còn rất nhiều khó khăn. Các gói tín dụng ưu đãi có mức lãi suất còn cao như đối với hộ nghèo là 6,24%/năm, hộ cận nghèo 7,488%/năm, hộ mới thoát nghèo 7,8%/năm, học sinh, sinh viên 6,24%/năm, gói "nước sạch, vệ sinh môi trường nông thôn" 8,4%/năm (thời điểm tháng 3/2026). Tình trạng mất mùa thường xảy ra, giá nông sản chủ lực không ổn định, chi phí vật tư nông nghiệp tăng cao đã dẫn đến nhiều hộ DTTS không trả được nợ đến hạn, nợ xấu, nhiều hộ không còn khả năng trả nợ. Kết quả khảo sát đối với người dân cho thấy có 27,9% ý kiến đánh giá tín dụng ưu đãi là bình thường; 6,2% cho rằng chưa tốt [Phụ lục 5].

3.2.1.2. Hạn chế trong việc thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp

Đối với BHXH bắt buộc trong đồng bào DTTS hiện nay cơ bản chỉ có CBCCVC, lực lượng vũ trang người DTTS tham gia cùng với một số ít lao động đang làm việc tại các đơn vị sản xuất, kinh doanh trong tỉnh với số lượng rất hạn chế. Số lượng và tỷ lệ lao động người DTTS thuộc đối tượng phải tham gia

BHXH bắt buộc thấp và tăng trưởng chậm, không ổn định. Trên địa bàn tỉnh Bình Thuận (cũ), năm 2018 số lao động DTTS tham gia BHXH bắt buộc chiếm 4,04%; năm 2020 là 4,66%; năm 2023 là 5,58% [Phụ lục 3.1]. Trên địa bàn Đắk Nông (cũ) năm 2018 số lao động DTTS tham gia BHXH bắt buộc là 4,93%, đến năm 2020 là 4,25% và năm 2023 là 4,38% [Phụ lục 3.2]. Tỉnh Lâm Đồng (cũ), năm 2018 số lao động DTTS tham gia BHXH bắt buộc chiếm 4,32%; năm 2020 là 5,25% và năm 2023 là 6,15% [Phụ lục 3.3]. Điều này phản ánh chất lượng lao động trong đồng bào DTTS còn thấp, cơ cấu kinh tế chuyển dịch chậm và lực lượng lao động gia nhập khu vực chính thức còn ít. Hạn chế trong việc tham gia BHXH bắt buộc sẽ ảnh hưởng đến thụ hưởng các chế độ như BHYT và hưu trí sau này. Kết quả khảo sát đối với CBCCVC cho thấy có 54,5% ý kiến đánh giá việc hỗ trợ tìm việc làm ở khu vực chính thức và tham gia BHXH bắt buộc ở mức bình thường, 12,0% đánh giá chưa tốt [Phụ lục 4]; ý kiến của người dân là 44,1% bình thường và 38,6% đánh giá chưa tốt [Phụ lục 5].

Việc tham gia BHXH tự nguyện đối với đồng bào DTTS trong tỉnh còn chiếm tỷ lệ ít, tăng trưởng chậm và không ổn định, tình trạng dừng đóng, chậm đóng thường xuyên xảy ra. Tại tỉnh Bình Thuận (cũ), năm 2018 có số người DTTS tham gia chỉ là 6,93%; năm 2020 là 6,80%, đến năm 2023 là 9,45% [Phụ lục 3.4]. Tỉnh Đắk Nông (cũ), năm 2018 số người DTTS tham gia BHXH tự nguyện chiếm 15,99%; đến năm 2020 chiếm 9,17% và năm 2023 chiếm 9,37% [Phụ lục 3.5]. Tỉnh Lâm Đồng (cũ), năm 2018 số người DTTS người tham gia BHXH tự nguyện chiếm 9,83%; năm 2020 chiếm 11,2% và năm 2023 chiếm 12,24 [Phụ lục 3.6].

Nguyên nhân số lượng đồng bào DTTS tham gia BHXH tự nguyện thấp và thiếu ổn định một phần do thu nhập thực tế thấp, thu nhập không ổn định, thêm vào đó lại chịu ảnh hưởng nặng nề bởi dịch bệnh Covid-19 gây ra trong giai đoạn từ 2020-2022; công tác thông tin tuyên truyền về lợi ích của BHXH tự nguyện chưa hiệu quả. Khảo sát các hộ dân cho thấy có 36,1% ý kiến được hỏi chưa biết đến chính sách Nhà nước hỗ trợ đối với người dân tham gia BHXH tự nguyện [Phụ lục 5]; từ 01/01/2008 - 31/12/2017 Nhà nước không hỗ trợ người

dân tham gia BHXH tự nguyện; mức hỗ trợ của Nhà nước giai đoạn 2018-30/6/2025 còn thấp (từ 10%-30%); bên cạnh đó, mức đóng BHXH tối thiểu tăng gấp đôi theo chuẩn nghèo khu vực nông thôn từ tháng 01/2022 khiến nhiều người DTTS không tiếp tục tham gia. Kết quả điều tra, khảo sát đối với CBCCVC cho thấy nguyên nhân của việc tham gia BHXH tự nguyện của đồng bào DTTS thấp là do: công tác thông tin chưa đầy đủ, thường xuyên 85,6%; thu nhập và đời sống còn khó khăn, không ổn định 95,8%; nhận thức của đồng bào DTTS chưa đầy đủ về ý nghĩa của BHXH tự nguyện 97% [Phụ lục 4]. Ý kiến đánh giá của các hộ dân cho thấy có 59,0% ý kiến cho rằng chính sách hỗ trợ tham gia BHXH tự nguyện là bình thường, 22,4% cho là chưa tốt [Phụ lục 5].

Tình trạng người lao động mất việc làm, khó trở lại lao động trong khu vực chính thức do tuổi tác hoặc trình độ tay nghề hạn chế, thu nhập không ổn định, đời sống khó khăn nên tình trạng rút BHXH 1 lần có xu hướng gia tăng, đặc biệt là trong giai đoạn tỉnh chịu ảnh hưởng nặng nề bởi dịch bệnh covid-19. Riêng tại tỉnh Bình Thuận (cũ), năm 2020 có 11.025 người rút BHXH 1 lần, năm 2021 là 12.914 người, năm 2023 là 11.741 người, năm 2024 là 4.575 người, trong đó có tổng cộng 156 lao động DTTS [Phụ lục 3.10]. Theo số liệu thống kê của BHXH tỉnh Đắk Nông (cũ), năm 2021 có 1.967 người rút BHXH 1 lần trong đó có 62 người DTTS, năm 2022 tỉnh có 4.300 người rút BHXH 1 lần trong đó có 24 người DTTS; năm 2023 có 4.400 người, trong đó có 16 lao động là người DTTS [Phụ lục 3.11]. Điều này ảnh hưởng lớn đến việc thụ hưởng các chế độ hưu trí sau này.

Đối với BHYT hiện đang tồn tại nhiều bất cập: đối với hộ nghèo, cận nghèo, đồng bào DTTS đang sinh sống tại địa bàn xã vùng II, vùng III được ngân sách hỗ trợ mua BHYT hàng năm (với mức hỗ trợ từ 30%-100%) nhưng khi các xã đã ra khỏi khu vực II, khu vực III và các hộ đã thoát nghèo thì không còn được hỗ trợ hoặc mức hỗ trợ giảm trong khi đại đa số các hộ đều là gia đình đông người, chi phí mua BHYT nhiều nên đã dẫn đến tỷ lệ đồng bào DTTS có BHYT có xu hướng giảm sâu. Chất lượng phục vụ tại nhiều cơ sở y tế vùng DTTS của tỉnh còn nhiều hạn chế, nhất là ở tuyến xã, tinh thần thái độ phục vụ

của một bộ phận nhân viên ngành y tế chưa tốt, một số bệnh và thuốc không nằm trong danh mục BHYT chi trả nên đã ảnh hưởng đến việc người dân tham gia BHYT. Trên địa bàn tỉnh Bình Thuận (cũ), đến đầu tháng 02/2023, số lượng tham gia BHYT giảm 87.552 người (giảm 7,86%) so với cuối năm 2022; tỷ lệ bao phủ BHYT chung toàn tỉnh đạt 88,2% dân số, giảm 3,32% so với tháng 12/2022, trong đó số người tham gia BHYT giảm nhiều ở các nhóm hộ gia đình sản xuất nông nghiệp có mức sống trung bình (giảm 14.164 người), hộ gia đình nghèo, cận nghèo (giảm 8.962 người), người đang sinh sống tại vùng KT-XH đặc biệt khó khăn (giảm 8.642 người) và một số đối tượng khác [18]. Tỉnh Đắk Nông (cũ), sau khi Quyết định số 861/QĐ-TTg, ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ "phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021 - 2025" được ban hành, riêng tỉnh Đắk Nông (cũ) có gần 108.000 người không còn được ngân sách hỗ trợ BHYT, phần lớn là đồng bào DTTS. Cùng với đó Nghị quyết số 09/2019/NQ-HĐND, ngày 19/7/2019 của HĐND tỉnh Đắk Nông "quy định mức hỗ trợ đóng BHYT cao hơn mức hỗ trợ tối thiểu cho một số đối tượng trên địa bàn tỉnh Đắk Nông" hết hiệu lực từ ngày 31/12/2020, tình hình KT-XH trên địa bàn tỉnh gặp nhiều khó khăn do ảnh hưởng của dịch bệnh covid-19 (giai đoạn 2020-2022), giá một số nông sản chủ lực của tỉnh giảm sâu, mất mùa khiến số lượng đồng bào DTTS tham gia BHYT giảm mạnh. Vì thế đến năm 2023 tỉnh Đắk Nông vẫn còn khoảng 35.000 người DTTS chưa tham gia BHYT [19]. Đây là khó khăn lớn nhất, ảnh hưởng đến mục tiêu sớm đạt BHYT toàn dân của tỉnh. Để giải quyết vấn đề này, Trung ương và tỉnh đã có chủ trương thống nhất kéo dài mức hỗ trợ cho đồng bào DTTS từ năm 2023 đến năm 2025. Điều này cho thấy thực tế là tình trạng tái diễn không có BHYT sẽ tăng trở lại trong đồng bào DTTS sau năm 2025 khi chính sách hỗ trợ giảm hoặc không còn trong khi chi phí đóng BHYT tăng lên (do lương cơ sở tăng và mức đóng tăng). Việc không có BHYT sẽ ảnh hưởng lớn đến thụ hưởng chăm sóc y tế của đồng bào DTTS vốn có điều kiện kinh tế còn khăn, thu nhập thấp. Kết quả điều tra, khảo sát đối với CBCCVC cho thấy có 100% ý kiến cho rằng nguyên nhân đồng bào DTTS tham gia BHYT

thấp là do đời sống và thu nhập thấp, khó khăn; 67% cho rằng công tác thông tin chưa đầy đủ, thường xuyên; 56,3% cho rằng còn tình trạng ỷ lại vào Nhà nước [Phụ lục 4]. Ý kiến của người dân về mức hỗ trợ của Nhà nước hiện nay có 30,9% ý kiến cho rằng là bình thường; 1,0% là chưa tốt [Phụ lục 5].

Bảo hiểm thất nghiệp đối với lao động DTTS cũng tăng trưởng chậm và không ổn định. Tại địa bàn tỉnh Bình Thuận (cũ) năm 2018 số lao động là người DTTS tham gia BHTN là chiếm 4,16%; năm 2020 chiếm 4,60%; năm 2023 chiếm 5,59% [Phụ lục 3.7]. Địa bàn tỉnh Đắk Nông (cũ), năm 2018 số lao động DTTS tham gia BHTN chiếm 5,90%, năm 2020 là 6,05% và năm 2023 là 6,25% [Phụ lục 3.8]. Tỉnh Lâm Đồng (cũ) năm 2018 có số lao động DTTS tham gia BHTN chiếm 4,80%; năm 2020 là 5,95%; năm 2023 là 6,70% [Phụ lục 3.9]. Điều này phản ánh việc lực lượng lao động DTTS gia nhập khu vực lao động chính thức ít và tăng trưởng chậm, không ổn định. Kết quả điều tra, khảo sát đối với CBCCVC cho thấy có 35,3% ý kiến cho rằng chính sách hỗ trợ việc làm để tham gia BHTN là bình thường; 16,8% đánh giá là chưa tốt [Phụ lục 4]; ý kiến của người dân là 35,9 bình thường và 51,1% là chưa tốt [Phụ lục 5].

3.2.1.3. Hạn chế trong việc thực hiện chính sách phúc lợi xã hội về giáo dục đào tạo

Cho đến nay GDĐT ở vùng DTTS của tỉnh Lâm Đồng vẫn còn nhiều hạn chế, khó khăn như cơ sở vật chất xuống cấp, thiếu giáo viên, học sinh DTTS đến độ tuổi nhưng chưa được đến lớp mẫu giáo (nhất là ở độ tuổi 2, 3 tuổi), tình trạng học sinh bỏ học nhiều, số học sinh DTTS học lên cấp 3 ít, quy mô các trường dân tộc nội trú hiện thấp hơn so với nhu cầu thực tế của học sinh; số lượng thanh niên DTTS được đào tạo nghề phù hợp còn rất khiêm tốn. Việc phối hợp giữa gia đình và nhà trường ở bậc mầm non chưa tốt ở một số vùng DTTS nên học sinh khi đến lớp mầm non chưa nói thạo được tiếng phổ thông, gây khó khăn cho công tác dạy học. Sự đồng hành, hỗ trợ của các nhà tài trợ đối với học sinh DTTS cơ bản vẫn mang tính tình thế, cấp thiết, chưa mang tính bền vững. Một thực tế đáng quan tâm là ở một số địa bàn vùng DTTS sau khi được công nhận đã ra khỏi xã vùng III, vùng II thì chính sách hỗ trợ học sinh hàng tháng

của Nhà nước bị cắt, giảm dẫn đến tình trạng học sinh bỏ học gia tăng. Công tác xoá mù chữ cho đồng bào DTTS ở nhiều nơi còn gặp khó khăn, tình trạng tái mù chữ còn diễn ra, vẫn còn tình trạng đồng bào DTTS chưa nói tiếng phổ thông lưu loát gây khó khăn trong sinh hoạt, giao tiếp xã hội và tham gia các hoạt động sinh kế nhằm nâng cao đời sống. Thống kê thời điểm 01/7/2024 cho thấy người DTTS từ 15 tuổi trở lên biết đọc, biết viết chữ phổ thông tuy đã tăng nhưng chưa đạt yêu cầu đề ra, trong đó Bình Thuận (cũ) là 83,9%, Đắk Nông (cũ) là 82,8%, Lâm Đồng (cũ) là 83,7% [Phụ lục 3.15]. Như vậy số người DTTS từ 15 tuổi trở lên chưa biết đọc, biết viết chữ phổ thông hiện nay còn chiếm tỷ lệ cao. Chất lượng giáo dục trong vùng DTTS và học sinh DTTS nhìn chung còn thấp. Tình trạng học sinh DTTS học bậc trung học phổ thông còn chiếm tỷ lệ nhỏ, trong đó địa bàn tỉnh Bình Thuận (cũ) là 50%; Đắk Nông (cũ) chỉ có 44,4%, riêng học sinh nam chỉ có 41,7%; Lâm Đồng (cũ) là 44,7%, trong đó học sinh nam chỉ có 38,5% [Phụ lục 3.16]. Việc đào tạo nghề trong những năm qua đối với học sinh DTTS còn ít, tỷ lệ thanh niên DTTS tham gia đào tạo nghề còn thấp, chủ yếu thực hiện tại một số cơ sở đào tạo nghề của tỉnh được hỗ trợ với số lượng còn hạn chế; học sinh, thanh niên DTTS tham gia học nghề tại các cơ sở đào tạo nghề không có chính sách hỗ trợ rất ít, nhiều chương trình đào tạo nghề chưa sát với nhu cầu thực tế của thị trường, chưa phù hợp với khả năng của thanh niên DTTS, chưa giải quyết được khâu sau đào tạo, vì vậy lao động DTTS được đào tạo nghề hiện nay còn chiếm tỷ lệ rất thấp [Phụ lục 3.18]. Kết quả điều tra đối với CBCCVC về chính sách hỗ trợ học sinh, sinh viên DTTS học nghề, cao đẳng, đại học thì có 74,3% ý kiến được hỏi đánh giá thực hiện tốt nhưng có 23,4% ý kiến đánh giá là bình thường [Phụ lục 4].

3.2.1.4. Hạn chế trong việc thực hiện chính sách về trợ giúp xã hội, cứu trợ xã hội, ưu đãi xã hội

Về chính sách trợ giúp xã hội: các chính sách trợ giúp xã hội của tỉnh đã được thực hiện đúng đối tượng nhưng số lượng còn ít, còn tình trạng người dân và đồng bào DTTS thuộc diện thụ hưởng nhưng không được hướng dẫn làm thủ tục kịp thời. Kết quả khảo sát đối với CBCCVC về thực hiện trợ giúp xã hội cho

thấy có 19,2% ý kiến đánh giá là bình thường, 2,4% đánh giá là chưa tốt [Phụ lục 4]. Kết quả khảo sát đối với người dân có 36,0% ý kiến đánh giá là bình thường; 22,9% đánh giá chưa tốt [Phụ lục 5].

Về cứu trợ xã hội: việc hỗ trợ đồng bào DTTS trong những hoàn cảnh khó khăn, thiên tai, hoạn nạn, lễ, tết thể hiện tính nhân văn của Đảng, Nhà nước và Nhân dân ta song những sự hỗ trợ này cũng chỉ giải quyết được những tình thế cấp thiết, trước mắt về lương thực, thực phẩm, nhu yếu phẩm, thuốc và khám chữa bệnh, dụng cụ sinh hoạt gia đình cho đồng bào DTTS có hoàn cảnh khó khăn, gặp thiên tai, ốm đau, hoạn nạn, không mang tính bền vững, đồng thời lại vô tình tạo ra sự ỷ lại, trông chờ của một bộ phận đồng bào DTTS.

Về chính sách ưu đãi xã hội: hỗ trợ về nhà ở, nước sạch và vệ sinh môi trường: hiện trạng nhà ở của nhiều hộ đồng bào DTTS còn bất cập như: nhà đơn sơ, chưa đảm bảo "tiêu chí 3 cứng" (là nền cứng, tường cứng, mái cứng), nhà ở nơi có nguy cơ sạt lở cao, quá xa khu dân cư. Tính đến thời điểm ngày 01/7/2024 tỉnh Đắk Nông (cũ) còn 18,47% nhà của đồng bào DTTS là nhà thiếu kiên cố và đơn sơ, tỷ lệ trên của Lâm Đồng (cũ) là 6,33% và Bình Thuận (cũ) là 2,95% [Phụ lục 3.12]. Hầu hết các dự án cấp nước tập trung cho các thôn/bon/buôn/bản vùng DTTS đã xuống cấp nghiêm trọng, hoạt động không hiệu quả, nhiều công trình không còn khả năng hoạt động, gây lãng phí. Việc vay vốn tín dụng ưu đãi đối với các gói nhà ở, nước sạch và vệ sinh môi trường còn tồn tại một số khó khăn, vướng mắc như: số vốn vay ít, lãi suất cao nên nhiều hộ DTTS đến nay chưa xây dựng được công trình nước sạch, nhà vệ sinh hợp chuẩn. Tính đến ngày 01/7/2024 hộ DTTS được sử dụng nước hợp vệ sinh trên địa bàn Bình Thuận (cũ) là 99,0%, Đắk Nông (cũ) là 92,3% và Lâm Đồng (cũ) là 97,2% [Phụ lục 3.25]. Như vậy vẫn còn nhiều hộ gia đình chưa được dùng nước sạch cho sinh hoạt. Tỷ lệ hộ DTTS sử dụng nhà xí chưa đảm bảo vệ sinh còn chiếm tỷ lệ cao, trong đó Bình Thuận (cũ) là 12,0%, Đắk Nông (cũ) là 25,5% và Lâm Đồng (cũ) là 16,0% [Phụ lục 3.26]. Công tác vệ sinh môi trường trong vùng đồng bào DTTS còn nhiều hạn chế như còn tình trạng chưa thu gom, xử lý rác thải, còn để xảy ra các bệnh truyền nhiễm, môi trường sống các khu dân cư tập trung của

đồng bào bị ô nhiễm. Khảo sát đối với các hộ dân cho thấy có 55,7% số hộ đang tự xử lý rác thải hàng ngày bằng cách đốt, chôn lấp, chỉ có 44,3% là có đơn vị thu gom [Phụ lục 5]. Nhìn chung các chính sách ưu đãi vẫn còn bộc lộ nhiều bất cập. Kết quả điều tra, khảo sát đối với CBCCVC cho thấy có 30,5% ý kiến cho rằng việc hỗ trợ nước sinh hoạt cho đồng bào DTTS là bình thường; 14,4% đánh giá là chưa tốt [Phụ lục 4].

Các chính sách về văn hoá còn một số hạn chế: việc phát triển kinh tế những năm qua đã phần nào phá vỡ đi cấu trúc cộng đồng xã hội - vốn mang đậm tính chất buôn làng của đồng bào, làm biến đổi nhiều sắc thái văn hoá, tín ngưỡng truyền thống; việc gắn văn hoá với kinh tế du lịch trong khi chưa có biện pháp thật sự hữu hiệu để bảo tồn những nét văn hoá truyền thống tốt đẹp đã dẫn đến tình trạng mai một, biến đổi, làm mất đi bản sắc nguyên sơ vốn có kể cả trong cách thức sản xuất, văn hoá tinh thần, nghệ thuật dân gian và thủ công truyền thống. Thực tế cho thấy do điều kiện sống còn khó khăn nên đồng bào DTTS chưa quan tâm nhiều đến việc gìn giữ các giá trị văn hoá tốt đẹp vốn có của dân tộc mình. Chính điều này cùng với mặt trái của KTTT, hội nhập, sự phổ biến của mạng xã hội đã khiến cho nhiều sắc thái văn hoá truyền thống đang bị mai một, lai tạp, thậm chí xuất hiện xung đột về văn hoá, tín ngưỡng. Các chính sách để bảo tồn văn hoá tốt đẹp của các DTTS còn mang tính hành chính, cào bằng, chưa sát với nhu cầu thực tiễn của từng cộng đồng DTTS, thiếu kinh phí để thực hiện. Không gian văn hoá cộng đồng buôn làng vốn là cái nôi nuôi dưỡng văn hoá DTTS đang bị thay đổi, lực lượng nghệ nhân dân gian am hiểu về văn hoá, tín ngưỡng, nghệ thuật truyền thống nguyên sơ ngày càng ít, mai một trong khi việc truyền dạy cho thế hệ kế cận chưa hiệu quả. Việc xây dựng "đời sống văn hoá mới" đang đối diện với nhiều khó khăn, thách thức như tình trạng vi phạm pháp luật, mất an ninh trật tự có chiều hướng gia tăng; sự chênh lệch về thụ hưởng văn hóa giữa khu vực thành thị và nông thôn, nhất là vùng sâu, vùng xa ngày càng lớn. Khảo sát đối với các hộ dân cho thấy có 58% ý kiến được hỏi cho rằng chính sách bảo tồn văn hoá các DTTS, xây dựng các khu vui chơi, giải trí, văn hoá, sinh hoạt cộng đồng là bình thường; 23,1% đánh giá là

chưa tốt [Phụ lục 5]; ý kiến đánh giá của CBCCVC đối với chính sách trên là 34,7% bình thường; 15,6% là chưa tốt [Phụ lục 4]. Kết quả điều tra 01/7/2024 cho thấy trên địa bàn tỉnh Bình Thuận (cũ) còn 5.266 hộ chưa có tivi (tivi thông minh), 1.354 hộ chưa có điện thoại di động, ở tỉnh Đắk Nông (cũ) còn 28.083 hộ chưa có tivi (tivi thông minh), 2.915 hộ chưa có điện thoại di động, tỉnh Lâm Đồng (cũ) còn 16.056 hộ chưa có tivi (tivi thông minh), 2.821 hộ chưa có điện thoại di động [Phụ lục 3.20]. Hộ đồng bào DTTS chưa có internet còn ở mức khá cao, trong đó Bình Thuận (cũ) là 11,5%, Đắk Nông (cũ) là 15,4%, Lâm Đồng (cũ) là 11,3% [Phụ lục 3.23]. Việc phát sóng phát thanh, truyền hình bằng tiếng DTTS đang gặp khó khăn do tỉnh sau khi sáp nhập có nhiều DTTS, các DTTS lại sống đan xen với nhau nên khó khăn cho việc lựa chọn ngôn ngữ để thực hiện. Vì vậy tỷ lệ hộ gia đình người DTTS tiếp cận thông tin VH-XH qua truyền hình, phát thanh của Trung ương và địa phương thời điểm 01/7/2024 còn khá khiêm tốn, trong đó Bình Thuận (cũ) là 87,2%, Đắk Nông (cũ) là 61,8% và Lâm Đồng (cũ) là 84,9% [Phụ lục 3.21].

3.2.2. Nguyên nhân của những hạn chế trong bảo đảm phúc lợi xã hội đối với đồng bào dân tộc thiểu số ở tỉnh Lâm Đồng

Một là, điều kiện tự nhiên, KT-XH vùng DTTS của tỉnh có nhiều khó khăn.

Lâm Đồng là tỉnh miền núi, duyên hải nằm ở phía Nam Tây Nguyên và Nam Trung Bộ, tiếp giáp với Đông Nam Bộ, địa hình đa số là đồi núi với độ cao trung bình từ 800 đến 1.000 mét, nhiều nơi độ cao trên 1.000 mét, độ dốc lớn, xen kẽ là những thung lũng rất nhỏ, bằng phẳng và dải đồng bằng nhỏ hẹp ven biển và phía nam của tỉnh. Đặc điểm nổi bật của địa hình tỉnh Lâm Đồng là sự phân bậc khá rõ ràng với kiểu địa hình núi cao thấp dần từ Bắc xuống Nam và từ Tây sang Đông, nhiều sông, suối gây khó khăn cho giao thông. Thời tiết của tỉnh chia ra làm hai mùa rõ rệt, mùa khô và mùa mưa, mỗi mùa kéo dài 6 tháng, lượng mưa trung bình từ 1.750 - 3.150 mm/năm nên đã gây ra tình trạng sạt lở, lụt cục bộ về mùa mưa và hạn hán, thiếu nước ở nhiều khu vực vào mùa khô. Điều kiện tự nhiên như trên đã gây ra rất nhiều khó khăn cho đầu tư hạ tầng, phát triển KT-XH cho đồng bào.

Điểm xuất phát của tỉnh thấp, kinh tế của đa số đồng bào vẫn là sản xuất nông, lâm nghiệp nhưng lại chịu ảnh hưởng lớn bởi điều kiện thời tiết nên năng suất, chất lượng thấp, bấp bênh. Tình trạng dịch bệnh trong nông nghiệp diễn ra nhiều năm qua đã ảnh hưởng lớn đến sản xuất, thu nhập, đời sống của đồng bào. Kết quả điều tra, khảo sát đối với CBCCVC cho thấy có 90,4% ý kiến cho rằng điều kiện tự nhiên, KT-XH của tỉnh có nhiều khó khăn; 100% ý kiến cho rằng nguyên nhân đồng bào DTTS tham gia BHYT thấp; 95,8% ý kiến cho rằng việc tham gia BHXH tự nguyện thấp là do đời sống và thu nhập thấp, khó khăn [Phụ lục 4].

Kết cấu hạ tầng KT-XH của tỉnh còn nhiều hạn chế, nhất là trong vùng DTTS. Do địa hình chủ yếu là đồi núi, đi lại khó khăn, cần nguồn vốn lớn để đầu tư cho giao thông, thuỷ lợi trong khi ngân sách của tỉnh còn hạn chế, nguồn vốn Trung ương phân bổ hàng năm chưa đáp ứng được nhu cầu nên việc triển khai các dự án xây dựng kết cấu hạ tầng còn chậm, đặc biệt là hệ thống giao thông, thuỷ lợi. Thực trạng trên gây rất nhiều khó khăn cho phát triển kinh tế, VH-XH và thực hiện các chính sách dân tộc ở địa phương.

Kinh tế, xã hội của tỉnh còn nhiều khó khăn, ANQP còn tiềm ẩn nhiều nguy cơ, thách thức nên đã gây ra những khó khăn cho việc bảo đảm PLXH cho đồng bào, nhất là vấn đề cân đối ngân sách địa phương, chi cho đầu tư phát triển và triển khai các chương trình PLXH cho Nhân dân. Do KT-XH của tỉnh còn nhiều khó khăn nên việc huy động xã hội hoá để chăm lo PLXH cho đồng bào DTTS thời gian qua cũng còn nhiều khó khăn, hạn chế. Với đặc điểm kinh tế nông nghiệp và lao động tự do là chủ đạo trong cơ cấu kinh tế của đồng bào DTTS, trong khi chất lượng lao động còn nhiều hạn chế nên đã ảnh hưởng lớn đến việc chuyển đổi nghề và tạo việc làm ở khu vực chính thức dẫn đến tỉ lệ đồng bào DTTS tham gia BHXH, BHTN rất thấp, tăng trưởng chậm.

Hai là, sự chống phá của các thế lực thù địch trong và ngoài nước đối với vùng DTTS ở tỉnh Lâm Đồng vẫn diễn ra rất phức tạp.

Tỉnh Lâm Đồng sau sáp nhập có 49 dân tộc, trong đó đồng bào các DTTS là 692.391 người, tín đồ các tôn giáo là trên 1.571.000 người, sinh hoạt trong 24

tổ chức tôn giáo được Nhà nước công nhận (chiếm 40.57% dân số toàn tỉnh) [156]. Lợi dụng những vấn đề nhạy cảm trong lĩnh vực dân tộc và tôn giáo, tình trạng nghèo, khó khăn của nhiều hộ DTTS, một số bất cập trong phát triển KT-XH, các thế lực phản động, thù địch đã dùng nhiều thủ đoạn, sử dụng mạng xã hội, các hoạt động đông người ra sức tuyên truyền kích động đồng bào DTTS tại chỗ, đòi thành lập nhà nước "Đề-ga tin lành", kích động đồng bào Mông, Chăm và các DTTS khác không chấp hành một số chủ trương, dự án KT-XH ở địa phương. Những hoạt động trên đã gây ảnh hưởng không chỉ trên lĩnh vực an ninh trật tự mà còn gây khó khăn cho việc thúc đẩy phát triển sản xuất, nâng cao đời sống trong đồng bào DTTS, ảnh hưởng lớn đến tình đoàn kết dân tộc và việc triển khai các chính sách dân tộc ở địa phương. Kết quả điều tra, khảo sát CBCCVC cho thấy có 61,7% ý kiến cho rằng hoạt động chống phá, âm mưu "diễn biến hoà bình" của các thế lực phản động, thù địch là nguyên nhân gây khó khăn và làm hạn chế hiệu quả của các chương trình PLXH tại địa phương [Phụ lục 4].

Ba là, một số chương trình, chính sách ban hành nhưng triển khai chậm, chưa phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương và đồng bào DTTS, năng lực của một bộ phận CBCCVC làm công tác dân tộc còn hạn chế.

Những bất cập chủ yếu từ vấn đề đất đai như: nhiều địa phương vùng DTTS không còn quỹ đất hoặc đất khó canh tác khi cấp cho đồng bào, xa nguồn nước, đất bạc màu, độ dốc lớn, xa nơi ở, diện tích cấp còn ít so với nhu cầu thực tế. Các gói cho vay tín dụng ưu đãi hiện nay có số vốn ít so với nhu cầu thực tế, mức lãi suất cao. Nguồn hỗ trợ và vốn vay để xây dựng nhà chưa đảm bảo do vật giá và chi phí xây dựng ở địa phương cao. Một số chính sách dừng áp dụng đã dẫn đến hệ quả là tình trạng nghèo, cận nghèo trong đồng bào DTTS có nguy cơ tái diễn. Có 55,6% ý kiến CBCCVC được hỏi cho rằng một số chính sách bảo đảm PLXH chưa phù hợp với địa phương và đặc điểm của từng cộng đồng DTTS [Phụ lục 4].

Bên cạnh đó, nguồn lực đầu tư từ Trung ương và khả năng cân đối của địa phương còn hạn chế. Khi sáp nhập tỉnh, Lâm Đồng có sự chênh lệch khá

lớn về KT-XH giữa các khu vực, hạ tầng vùng DTTS còn nhiều hạn chế. Thực tế trên đặt ra yêu cầu phải tăng cường đầu tư hơn nữa từ Trung ương, tăng tỷ lệ điều tiết ngân sách cho địa phương để đầu tư toàn diện cho vùng đồng bào DTTS của tỉnh.

Năng lực thực thi công vụ của một bộ phận CBCCVC làm công tác dân tộc có mặt còn hạn chế. Một bộ phận CBCCVC chưa thực sự nắm vững chủ trương, chính sách dân tộc; chưa thực sự am hiểu đời sống, văn hoá, tập quán của từng cộng đồng DTTS trong tỉnh; khả năng tham vấn chính sách, kỹ năng phối hợp còn hạn chế. Kết quả điều tra, khảo sát đối với CBCCVC cho thấy có 36,5% ý kiến đánh giá năng lực của CBCCVC các cấp trong thực thi PLXH chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ [Phụ lục 4]. Công tác quản lý nhà nước còn bất cập, nhiều chương trình, dự án triển khai chính sách PLXH còn để xảy ra lãng phí, thất thoát, tiêu cực, sai phạm, hiệu quả chưa cao. Công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát chưa thường xuyên, còn tình trạng hình thức, hiệu quả chưa cao, vai trò phản biện chính sách của MTTQ Việt Nam và các đoàn thể CT-XH, các tổ chức xã hội chưa được phát huy hiệu quả. Những bất cập, tồn tại, hạn chế trên đã trực tiếp làm giảm tính kịp thời, hiệu quả của chính sách PLXH đối với đồng bào DTTS ở tỉnh Lâm Đồng hiện nay.

Bốn là, một bộ phận đồng bào DTTS chưa có ý chí vươn lên; nguồn lực xã hội hoá để bảo đảm PLXH cho đồng bào DTTS còn nhiều khó khăn.

Cho đến nay một bộ phận đồng bào DTTS chưa có động lực vươn lên thoát nghèo, vẫn còn tư tưởng trông chờ, ỷ lại. Do điểm xuất phát thấp, hạn chế về khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản và kỹ năng sản xuất nên đời sống của nhiều hộ đồng bào DTTS trong tỉnh hiện còn khó khăn. Lối sống, nếp nghĩ, cách thức canh tác dựa vào thiên nhiên còn nặng nề nên nảy sinh tâm lý ỷ lại vào sự hỗ trợ của Nhà nước và cộng đồng, chưa chủ động vươn lên. Mặt bằng dân trí thấp là một trở ngại lớn cho việc triển khai các chính sách PLXH cho đồng bào DTTS của tỉnh, nhất là trong GNBV, chuyển đổi nghề, đẩy mạnh sản xuất. Đây cũng chính là nguyên nhân dẫn đến thực trạng giảm nghèo nhanh nhưng chưa bền vững. Khảo sát đối với CBCCVC cho thấy có 82,6% ý kiến cho rằng còn

tình trạng đồng bào trông chờ, ỷ lại; 94,6% cho rằng dân trí thấp, tập quán còn nhiều lạc hậu; 88,6% cho rằng việc xã hội hoá để bảo đảm PLXH cho đồng bào DTTS thời gian qua chưa hiệu quả [Phụ lục 4].

Sự chung tay, đồng hành của các nhà tài trợ vẫn chủ yếu giải quyết nhu cầu trước mắt cho đồng bào về những nhu yếu phẩm, giúp đỡ học sinh hoặc trong những hoàn cảnh thiên tai, bệnh tật, hoạn nạn, chưa có nhiều những dự án hỗ trợ mang tính sinh kế bền vững lâu dài.

3.3. NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA TỪ THỰC TRẠNG BẢO ĐẢM PHÚC LỢI XÃ HỘI ĐỐI VỚI ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở TỈNH LÂM ĐỒNG HIỆN NAY

Một là, nhu cầu được bảo đảm PLXH của đồng bào DTTS trong tỉnh lớn trong khi chính sách PLXH đối với đồng bào DTTS còn chồng chéo, trùng lặp dẫn tới việc các nguồn lực thực hiện bị phân tán, hiệu quả chưa cao, thiếu bền vững.

Do nhiều nguyên nhân và lịch sử để lại nên đồng bào DTTS ở tỉnh Lâm Đồng còn nhiều khó khăn trong sản xuất và đời sống, vì thế cần rất nhiều chính sách PLXH, bao quát mọi lĩnh vực đời sống KT-XH. Chủ trương của Đảng và Nhà nước ta là xây dựng một hệ thống chính sách, pháp luật về PLXH đa tầng, bền vững, linh hoạt, công bằng, chia sẻ rủi ro, hướng tới chăm lo mọi mặt cho toàn dân. Đối với tỉnh Lâm Đồng việc thực hiện PLXH cho đồng bào DTTS xuất phát đồng thời từ quan điểm, chính sách của Đảng, Nhà nước và thực tiễn địa phương. Thống kê cho thấy hiện có 136 chính sách dân tộc đang được triển khai, bao trùm tất cả các lĩnh vực do nhiều cơ quan chủ trì triển khai thực hiện. Đồng thời 3 chương trình mục tiêu quốc gia: "Xây dựng nông thôn mới", "Giảm nghèo bền vững", "Phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS và miền núi" đã triển khai trong giai đoạn vừa qua đã bộc lộ nhiều bất cập, nhất là sự trùng lặp về đối tượng, nội dung, phạm vi, đầu mối thực hiện ở cơ sở. Thực tế trên đã dẫn đến việc nhiều chính sách manh mún, thiếu đồng bộ, thiếu nguồn lực hoặc trùng lặp và chưa thật sự phát huy được hiệu quả như mong muốn. Một bộ phận cấp uỷ đảng, chính quyền, các đoàn thể, đội ngũ cán bộ các cấp và Nhân dân nhận thức

chưa đầy đủ về ý nghĩa và tầm quan trong của việc thực hiện CSXH nói chung, PLXH cho đồng bào DTTS ở tỉnh nói riêng. Công tác kiểm tra, đánh giá độc lập các chính sách PLXH chưa được duy trì thường xuyên và chưa hiệu quả nên còn tồn tại nhiều bất cập. Vì vậy vấn đề đặt ra là phải rà soát để hợp nhất 3 chương trình mục tiêu quốc gia và các chính sách PLXH đối với đồng bào DTTS hiện nay, xác định lại cơ quan chủ trì và phối hợp thực hiện, khắc phục những bất cập, bảo đảm tài chính, nâng cao năng lực CBCCVC thực thi công vụ để phát huy hiệu quả cao nhất của chính sách.

Quá trình triển khai PLXH cho đồng bào DTTS ở tỉnh Lâm Đồng cũng cho thấy tính bền vững thực sự của một số chính sách chưa cao, nhất là trong lĩnh vực phát triển kinh tế, GNBV, chất lượng dịch vụ y tế, GDĐT, chính sách BHXH, giảm thiểu chênh lệch về thu nhập và mức sống. Một số chính sách sau khi đã kết thúc hoặc ngừng áp dụng, giảm mức hỗ trợ đã dẫn đến tình trạng đối tượng thụ hưởng có xu hướng trở lại trạng thái ban đầu, như vấn đề hỗ trợ BHYT, chế độ hỗ trợ đối với học sinh, sinh viên, chế độ hỗ trợ đối với người thuộc diện bảo trợ xã hội, BHXH tự nguyện. Thực trạng trên đặt ra yêu cầu là các chính sách phải đồng bộ và đủ mạnh để đưa đồng bào thoát khỏi tình trạng nghèo, cận nghèo, phát huy được nội lực để bắt kịp với sự phát triển chung hiện nay.

Hai là, nhu cầu được bảo đảm PLXH của đồng bào DTTS trong tỉnh lớn trong khi nguồn lực của Nhà nước dành cho công tác này còn hạn chế.

Trung ương Đảng và Nhà nước, các tỉnh Bình Thuận (cũ), Đắk Nông (cũ), Lâm Đồng (cũ) và tỉnh Lâm Đồng hiện nay đã có nhiều chính sách PLXH đối với đồng bào DTTS, từ việc cứu trợ xã hội, chăm sóc y tế, GDĐT, văn hoá, giảm nghèo, phát triển sinh kế, hỗ trợ đất đai, nhà ở, nước sinh hoạt, xây dựng hạ tầng KT-XH đến vay vốn ưu đãi, đào tạo nghề, chuyển đổi nghề và giới thiệu giải quyết việc làm. Nhờ triển khai đồng bộ nhiều chính sách phù hợp nên mức sống của đa số đồng bào được nâng lên, đã xoá được đói, tỷ lệ nghèo giảm nhanh. Tuy nhiên, do vùng DTTS của tỉnh có xuất phát điểm thấp, mặt bằng dân trí và chất lượng nguồn nhân lực thấp, trình độ canh tác còn lạc hậu, phụ thuộc

nhiều vào thiên nhiên, lại sinh sống chủ yếu ở những nơi có điều kiện tự nhiên không thuận lợi, hạ tầng thấp kém, thường xuyên xảy ra thiên tai, dịch bệnh, đất canh tác ít, khó canh tác nên năng suất thấp, giá nông sản không ổn định, chậm chuyển hướng theo nhu cầu của thị trường nên nhìn chung còn gặp rất nhiều khó khăn, trở ngại. Thực trạng trên đặt ra yêu cầu là phải tăng cường đầu tư nguồn vốn lớn cho PLXH, nhất là trong lĩnh vực GNBV, GDĐT để nâng cao chất lượng lao động. Tuy nhiên khả năng cân đối ngân sách của địa phương dành cho việc bảo đảm PLXH đối với đồng bào DTTS còn hạn chế, phải dựa vào nguồn phân bổ chủ yếu từ Trung ương. Cho đến năm 2025 tỉnh Lâm Đồng vẫn chưa tự cân đối được ngân sách địa phương. Nguồn lực xã hội hoá còn rất hạn chế. Điều này đã có ảnh hưởng không nhỏ đến việc bảo đảm PLXH cho đồng bào. Do đó muốn giảm nghèo, phát triển toàn diện, nhanh, ổn định và bền vững cần tăng cường đầu tư từ ngân sách (Trung ương và địa phương), đẩy mạnh xã hội hoá nguồn lực và phát huy tốt năng lực nội sinh của đồng bào DTTS trong tỉnh.

Ba là, nhu cầu được bảo đảm PLXH của đồng bào DTTS trong tỉnh lớn trong khi ý chí tự lực, tự cường trong phát triển KT-XH của một bộ phận đồng bào DTTS trong tỉnh còn hạn chế.

Một trong những nguyên nhân căn bản dẫn đến tình trạng nghèo ở đồng bào DTTS là nguyên nhân nội sinh từ đặc điểm sản xuất, văn hoá, tính cách của chính đồng bào. Việc bảo đảm các chính sách PLXH trước mắt nhằm GNBV, thúc đẩy sản xuất phát triển để đồng bào vươn lên trở thành hộ khá giả. Cùng với thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ là việc phải phát huy được ý chí tự lực, tự cường, khát vọng vươn lên phát triển KT-XH của đồng bào; tuy nhiên đây là khía cạnh còn tồn tại nhiều hạn chế. Một bộ phận đồng bào DTTS chưa phát huy được năng lực nội sinh, còn tâm lý bảo thủ với nhiều tồn tại, hạn chế, hủ tục lạc hậu, còn tính trông chờ, ỷ lại, thụ động trong sản xuất và cải thiện đời sống dẫn đến nguy cơ tái nghèo còn cao. Một vấn đề rất đáng quan tâm là tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo đối với các DTTS tại chỗ ở nhiều vùng trong tỉnh cao hơn nhiều so với các DTTS di cư đến. Vì vậy vấn đề đặc biệt quan trọng hiện nay là các chính

sách PLXH phải tạo sự chuyển biến nội tại của đồng bào, cả trong sản xuất cũng như trong đời sống, văn hoá.

Bốn là, nhu cầu được bảo đảm PLXH của đồng bào DTTS trong tỉnh lớn trong khi nguồn lực xã hội hoá cho công tác này chưa nhiều.

Nhiều hộ đồng bào DTTS trong tỉnh Lâm Đồng hiện còn khó khăn, hạ tầng KT-XH vùng DTTS còn hạn chế, xuống cấp đòi hỏi nguồn đầu tư lớn của Nhà nước và địa phương. Tuy nhiên nguồn phân bổ của Trung ương và khả năng cân đối của tỉnh chưa đảm bảo, nên để bảo đảm PLXH cho đồng bào DTTS trong tỉnh, tạo động lực cho sự phát triển toàn diện vùng DTTS thì rất cần đẩy mạnh xã hội hoá các nguồn lực.

Phát huy có hiệu quả tinh thần đoàn kết, sẻ chia trong Nhân dân, tạo cơ chế và động viên, khuyến khích để người dân và cộng đồng hỗ trợ nhau trong sản xuất và đời sống, nhất là những lúc khó khăn, hoạn nạn là rất cần thiết. Do việc phát huy nguồn lực xã hội hoá chưa cao nên nguồn lực từ Nhà nước vẫn là cơ bản trong thực hiện các chính sách PLXH với đồng bào DTTS ở tỉnh Lâm Đồng hiện nay.

Kết quả điều tra, khảo sát thực tế cho thấy có 61,1% CBCCVC được hỏi cho rằng Nhà nước là chủ thể thường xuyên tham gia bảo đảm PLXH đối với đồng bào DTTS; 18,6% cho rằng doanh nghiệp và tổ chức tham gia, và người dân tự hỗ trợ nhau là 20,3%. Kết quả khảo sát đối với CBCCVC cũng cho thấy có 88,6% ý kiến cho rằng việc huy động các nguồn lực xã hội hoá cho PLXH hiện nay chưa hiệu quả [Phụ lục 4].

Năm là, yêu cầu cần nâng cao hiệu quả các chính sách PLXH đối với đồng bào DTTS trong khi năng lực thực thi công vụ của một bộ CBCCVC chưa đáp ứng được yêu cầu.

Những hạn chế trong việc thực hiện PLXH cho đồng bào DTTS ở tỉnh Lâm Đồng thời gian qua có một phần nguyên nhân từ tinh thần trách nhiệm, năng lực của một bộ phận CBCCVC thực thi. Việc phối hợp giữa cơ quan Trung ương và địa phương, giữa các cấp, các ngành cấp tỉnh và cấp huyện (trước đây) với cấp xã cũng bộc lộ nhiều hạn chế, nhất là trong giai đoạn hiện nay khi vừa

vận hành chính quyền địa phương hai cấp; không ít CBCCVC thực thi công vụ còn hạn chế về kiến thức chuyên môn, kỹ năng công tác, nhất là thiếu am hiểu về văn hoá, tín ngưỡng, tập quán của đồng bào. Trong thực hiện PLXH còn để xảy ra tình trạng thất thoát ngân sách và nguồn lực, lãng phí, kém hiệu quả. Công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát, xử lý vi phạm đối với nhiều chương trình, chính sách có nơi, có lúc chưa thực sự kịp thời, hiệu quả. Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ tại Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030 đã đánh giá "...một bộ phận cán bộ chậm đổi mới tư duy, làm việc cầm chừng, né tránh, đùn đẩy, sợ trách nhiệm; kỷ luật, kỷ cương của một số cán bộ, công chức, viên chức chưa cao..."[193, tr.57]. Với việc vận hành chính quyền địa phương hai cấp như hiện nay sẽ không có cơ quan cuyên trách để thực hiện công tác dân tộc như Phòng Dân tộc cấp huyện trước đây mà Phòng Văn hoá-Xã hội cấp xã hiện nay bố trí công chức chuyên môn phụ trách công tác này, đồng thời Phòng Kinh tế cấp xã cũng là cơ quan quản lý nhà nước, tham mưu, giúp UBND cấp xã thực hiện chức năng phối hợp với cơ quan cấp tỉnh trong triển khai nhiều chương trình PLXH với đồng bào DTTS ở cơ sở. Do đó giai đoạn này ở không ít xã, phường sẽ thiếu công chức có năng lực chuyên môn, kiến thức, kỹ năng để thực hiện, phối hợp thực hiện công tác này. Vì vậy vấn đề cấp thiết đặt ra hiện nay sau khi chính quyền địa phương hai cấp đã đi vào vận hành là các xã, phường có đông đồng bào DTTS phải bố trí công chức, viên chức có phẩm chất, năng lực, am hiểu đời sống, sản xuất, văn hoá, tâm lý của từng cộng đồng DTTS để tham gia vào thực hiện các chính sách dân tộc tại địa phương. Kết quả khảo sát đối với CBCCVC cho thấy có 36,5% cho rằng năng lực của đội ngũ cán bộ các cấp chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, 38,9% cho rằng còn tình trạng lợi dụng chính sách để trục lợi [Phụ lục 4]. Vì vậy đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, năng lực công tác và nhất là tinh thần trách nhiệm trong thực thi công vụ, nhiệm vụ của đội ngũ CBCCVC trong thực hiện PLXH đối với đồng bào DTTS là vấn đề phải được đặt ra thường xuyên, thực chất, hiệu quả.

Kết luận chương 3

Bảo đảm PLXH cho Nhân dân nói chung, đối với đồng bào DTTS nói riêng là một chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước nhằm hỗ trợ, thúc đẩy đồng bào vươn lên, đa dạng hoá phát triển sản xuất, GNBV, nâng cao đời sống và được thụ hưởng đầy đủ thành quả của sự nghiệp đổi mới, phát triển, hội nhập của đất nước. Trong những năm qua với sự quan tâm đầu tư của Trung ương, sự quyết tâm của HTCT các cấp, việc bảo đảm PLXH đối với đồng bào DTTS ở tỉnh Lâm Đồng (Bình Thuận (cũ), Đắk Nông (cũ), Lâm Đồng (cũ) và Lâm Đồng hiện nay) đã đạt được những kết quả rất căn bản, quan trọng. Tỉnh đã thành lập các ban chỉ đạo các chương trình, có sự phân công đơn vị chủ trì, đơn vị phối hợp để triển khai thực hiện các chính sách PLXH đối với đồng bào DTTS của tỉnh. Những chương trình, đề án của Trung ương đã được các tỉnh trước sáp nhập và tỉnh Lâm Đồng hiện nay cụ thể hoá, triển khai đồng bộ đến đồng bào thụ hưởng. Công tác thông tin, tuyên truyền về chính sách được các cấp, các ngành, các địa phương triển khai đến toàn HTCT và Nhân dân trong tỉnh. Các tỉnh trước sáp nhập và tỉnh Lâm Đồng hiện nay đã tranh thủ nguồn lực từ Trung ương, cân đối nguồn lực ở địa phương và vận động sự hỗ trợ của Nhân dân để triển khai các chính sách PLXH đến đồng bào DTTS trong tỉnh, trên bốn lĩnh vực cơ bản là: GNBV; BHXH, BHYT, BHTN; GDĐT; trợ giúp xã hội, cứu trợ xã hội, ưu đãi xã hội. Nhờ đó đời sống của phần lớn đồng bào DTTS trong tỉnh đã có sự thay đổi rõ rệt, đã xoá được đói, giảm nghèo nhanh, chăm sóc y tế, GDĐT, VH-XH được tăng cường, năng lực sản xuất của đồng bào được nâng lên, tạo cơ sở cho việc GNBV và phát triển lực lượng lao động tham gia BHXH, BHTN; ANQP được tăng cường.

Bên cạnh những thành tựu tích cực và quan trọng đã đạt được, việc bảo đảm PLXH ở những lĩnh vực cơ bản trên đối với đồng bào DTTS ở tỉnh Lâm Đồng cũng còn tồn tại những hạn chế, bất cập. Các chính sách nhiều nhưng còn chồng chéo, trùng lặp, nhiều đầu mối triển khai; một số chính sách thiếu vốn để thực hiện; các hình thức tuyên truyền còn chưa sát với thực tế của đa

số đồng bào DTTS nên hiệu quả thực tế chưa cao; công tác xã hội hoá đạt kết quả thấp; công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát, đánh giá, điều chỉnh, bổ sung các chương trình, dự án thực hiện PLXH cho đồng bào DTTS chưa được thường xuyên, kịp thời. Chính sách giảm nghèo còn thiếu tính bền vững. Chính sách về BHXH, BHYT, BHTN còn nhiều bất cập, nhất là trong lĩnh vực BHXH, tỷ lệ lao động DTTS tham gia BHXH rất thấp và tăng trưởng chậm, tỷ lệ đồng bào DTTS tham gia BHYT không ổn định. Chính sách về GDĐT cũng còn nhiều hạn chế, nhất là chất lượng giáo dục phổ thông và đào tạo nghề cho đồng bào DTTS. Các chính sách trợ giúp xã hội, cứu trợ xã hội, ưu đãi xã hội đã kịp thời trợ giúp cho những hộ đồng bào khó khăn, gặp ốm đau, thiên tai, hoạn nạn song chưa đủ tạo điều kiện và động lực để vươn lên bắt nhịp với sự phát triển chung. Những tồn tại và hạn chế trên có nhiều nguyên nhân song nguyên nhân chủ quan vẫn là chủ yếu. Vì vậy vấn đề đặt ra hiện nay là phải khắc phục những chồng chéo, trùng lặp các chính sách; tăng cường nguồn lực đầu tư của Trung ương, địa phương và đẩy mạnh xã hội hoá; phát huy hiệu quả, thực chất nội lực, khát vọng vươn lên của chính đồng bào DTTS; nâng cao năng lực thực thi chính sách của đội ngũ CBCCVC các cấp cũng như công tác kiểm tra, đánh giá chính sách nhằm bảo đảm thực hiện tốt các chính sách PLXH cho đồng bào DTTS ở tỉnh Lâm Đồng hiện nay, góp phần thực hiện mục tiêu "tiến bộ và công bằng xã hội" của Đảng và Nhà nước.

Chương 4
QUAN ĐIỂM VÀ GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM PHÚC LỢI XÃ HỘI ĐỐI VỚI ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở TỈNH LÂM ĐỒNG HIỆN NAY

4.1. BỐI CẢNH MỚI TÁC ĐỘNG ĐẾN BẢO ĐẢM PHÚC LỢI XÃ HỘI ĐỐI VỚI ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở TỈNH LÂM ĐỒNG HIỆN NAY

Một là, giảm nghèo nhanh nhưng còn thiếu bền vững, năng suất lao động và thu nhập của đồng bào DTTS còn thấp.

Giảm nghèo trong đồng bào DTTS của đạt kết quả rất khích lệ, nhất là đối với các DTTS tại chỗ. Song tỷ lệ hộ nghèo và cận nghèo vẫn còn chiếm tỷ lệ khá cao. Đến hết năm 2025 tỉnh Lâm đồng còn 5.184 hộ nghèo DTTS, chiếm tỷ lệ 3,31% số hộ đồng bào DTTS; 8.521 hộ cận nghèo DTTS, chiếm tỷ lệ 5,44% số hộ đồng bào DTTS. Về chuẩn nghèo đa chiều: còn 13.705 hộ, chiếm tỷ lệ 8,75% số hộ DTTS toàn tỉnh [229]. Như vậy số hộ DTTS thuộc hộ nghèo đa chiều còn khá cao, nhiều hộ đồng bào DTTS có nguy cơ tái nghèo, cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều, nhất là nghèo về thu nhập. Báo cáo kiểm điểm của Ban Chấp hành Đảng bộ tại Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030 đã đánh giá "đời sống của một bộ phận Nhân dân còn khó khăn, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, giảm nghèo chưa thật sự bền vững" [193, tr.121]. Cho đến nay thu nhập của phần lớn đồng bào DTTS tăng chậm và thấp hơn rất nhiều so với mức thu nhập bình quân chung của tỉnh. Sau khi sắp xếp lại đơn vị hành chính, sáp nhập tỉnh, tỉnh Lâm Đồng mới có địa giới hành chính rộng hơn, số lượng đồng bào DTTS đông hơn sẽ gây áp lực lớn hơn cho công tác giảm nghèo của tỉnh, đòi hỏi phải có những giải pháp bền vững, hiệu quả lâu dài.

Hai là, sự sáp nhập, hợp nhất 3 tỉnh Bình Thuận, Đắk Nông, Lâm Đồng để hình thành tỉnh Lâm Đồng mới đặt ra yêu cầu phải thống nhất chính sách dân tộc nói chung, chính sách PLXH đối với đồng bào DTTS nói riêng nên sẽ có sự điều chỉnh nhất định đối với một số chính sách.

Hiện tại HĐND tỉnh Lâm Đồng đã có Nghị quyết số 2l/NQ-HDND, ngày 28/8/2025 "về việc cho áp dụng và bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật do HĐND tỉnh Bình Thuận, tỉnh Đắk Nông, tỉnh Lâm Đồng đã ban hành trước khi sáp nhập". Theo đó nhiều chính sách sẽ tiếp tục thực hiện trên địa bàn tỉnh Bình Thuận (cũ), Đắk Nông (cũ), Lâm Đồng (cũ), nhưng cũng có những chính sách kết thúc, có những chính sách mới được điều chỉnh áp dụng chung cho tỉnh Lâm Đồng hiện nay. Vì vậy vấn đề đặt ra hiện nay là phải nhanh chóng rà soát để xây dựng được những chính sách PLXH phù hợp với điều kiện KT-XH của từng vùng cũng như đặc điểm riêng có của từng cộng đồng DTTS, không tạo ra sự chênh lệch quá lớn nhưng cũng không cào bằng, đồng thời thống nhất cơ chế, nhất là cơ chế tài chính để triển khai thực hiện, không để gián đoạn chính sách.

Ba là, kinh tế trên địa bàn tỉnh tiếp tục có sự tăng trưởng cao, việc sáp nhập đơn vị hành chính cấp tỉnh, bỏ cấp huyện, sáp nhập và tăng thẩm quyền cho cấp xã, tăng cường nguồn đầu tư từ Trung ương, tăng tỉ lệ điều tiết ngân sách cho địa phương sẽ tạo điều kiện thuận lợi hơn cho việc triển khai thực hiện các chương trình PLXH đối với đồng bào DTTS của tỉnh.

Với sự tăng cường các nguồn lực từ Trung ương và cải cách mạnh mẽ của tỉnh, Trung ương tháo gỡ những "nút thắt", "điểm nghẽn" của tỉnh về quy hoạch và thể chế, nhiều dự án đầu tư quy mô lớn được triển khai và đi vào vận hành, dự báo tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) của Lâm Đồng trong những năm tới tiếp tục duy trì ở mức cao. Việc tăng trưởng kinh tế liên tục ở mức cao sẽ thúc đẩy sự phát triển mọi mặt VH-XH, GDĐT, y tế, ANQP của địa phương cũng như tạo thêm nhiều việc làm mới và tăng thu nhập cho Nhân dân. Chính sự tăng trưởng này sẽ tạo động lực thúc đẩy các lĩnh vực PLXH phát triển và nâng mức thụ hưởng của đồng bào DTTS trong tỉnh.

Việc sáp nhập 3 tỉnh Bình Thuận (cũ), Đắk Nông (cũ), Lâm Đồng (cũ) để hình thành tỉnh Lâm Đồng (mới) đã tạo ra không gian phát triển mới, liên kết vùng Nam Tây Nguyên với duyên hải Nam Trung Bộ và Đông Nam Bộ tạo thành một vùng kinh tế năng động, thị trường tiêu thụ lớn đối với các sản phẩm chủ lực của tỉnh; nguồn đầu tư từ Trung ương sẽ được đẩy mạnh, nhất là đầu tư

kết cấu hạ tầng KT-XH, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao; chuyển dịch cơ cấu kinh tế và cơ cấu lao động theo hướng công nghiệp hoá, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ và đổi mới sáng tạo, thực hiện chuyển đổi số để thúc đẩy tăng trưởng xanh và phát triển bền vững. Tất cả sẽ tạo thêm động lực mới cho sự phát triển toàn diện của tỉnh cũng như tăng cường các nguồn lực cho bảo đảm PLXH đối với đồng bào DTTS. Tuy nhiên trong ngắn hạn việc sáp nhập cấp tỉnh, cấp xã, không tổ chức chính quyền cấp huyện sẽ có những tác động nhất định đến việc thực hiện các chương trình PLXH đang được triển khai.

Bốn là, những điều chỉnh của Luật Bảo hiểm xã hội, Luật Bảo hiểm y tế sẽ có tác động tích cực hơn đến việc tham gia bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế của đồng bào DTTS trong tỉnh.

Luật Bảo hiểm xã hội 2024 đã có những điều chỉnh, bổ sung theo hướng thuận lợi hơn, thiết thực hơn cho người dân tham gia như quy định đóng BHXH tối thiểu 15 năm sẽ được hưởng lương hưu; bổ sung chế độ thai sản vào chính sách BHXH tự nguyện, chế độ BHXH tự nguyện về tai nạn lao động; mở rộng đối tượng được tham gia; bổ sung chế độ trợ cấp hàng tháng đối với người lao động không đủ điều kiện hưởng lương hưu và chưa đủ tuổi hưởng trợ cấp hưu trí xã hội; khuyến khích người lao động bảo lưu thời gian đóng để hưởng lương hưu thay vì nhận BHXH một lần; Nhà nước hỗ trợ kinh phí tham gia BHXH tự nguyện tối đa bằng 50% mức đóng theo chuẩn nghèo khu vực nông thôn với thời gian tối đa là 10 năm, riêng đồng bào DTTS không thuộc hộ nghèo và cận nghèo được hỗ trợ 30%, hộ cận nghèo được hỗ trợ 40%, hộ nghèo được hỗ trợ 50%. Những quy định trên đã tạo thuận lợi hơn để đồng bào DTTS trên địa bàn tỉnh tham gia BHXH phù hợp với việc làm và thu nhập. Đây là cơ sở quan trọng để được thụ hưởng các chính sách PLXH lâu dài. Luật Bảo hiểm y tế 2024 đã có những quy định mới thuận lợi hơn cho người dân tham gia như mở rộng thêm nhóm đối tượng tham gia; quy định mức hưởng BHYT khi thực hiện thông cấp khám chữa bệnh BHYT theo hướng không phân biệt địa giới hành chính theo tỉnh; bổ sung cơ chế thanh toán thuốc, thiết bị y tế nhằm tạo thuận lợi hơn trong việc khám và chữa bệnh giữa các cơ sở y tế khi thông tuyến. Tuy nhiên sau năm

2025 chính sách hỗ trợ của Nhà nước về BHYT cho đồng bào DTTS ở một số vùng và một số đối tượng trong tỉnh hết hiệu lực trong khi mức đóng tăng (do lương cơ sở và mức đóng tăng) thì nguy cơ số lượng đồng bào DTTS không có BHYT sẽ tăng trở lại. Đây là một thách thức rất lớn đối với chủ trương bao phủ BHYT toàn dân ở tỉnh Lâm Đồng hiện nay.

Năm là, sự tác động của toàn cầu hoá, cuộc "cách mạng công nghiệp 4.0" đến mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, ảnh hưởng trực tiếp đến việc thực hiện và thụ hưởng PLXH đối với đồng bào DTTS.

Toàn cầu hoá là một xu thế tất yếu và có tác động lớn đến mọi lĩnh vực chính trị, kinh tế, VH-XH, ANQP của đất nước cũng như của tỉnh Lâm Đồng. Cùng với đó là cuộc "cách mạng công nghiệp 4.0" đã làm thay đổi mọi mặt của đời sống KT-XH. Toàn cầu hoá và "cách mạng công nghiệp 4.0" đã có những mặt tích cực như phát triển nhanh lực lượng sản xuất, gia tăng của cải xã hội, khai thác và sử dụng hợp lý, hiệu quả các nguồn tài nguyên, xu thế phát triển xanh và bền vững, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế nhanh ở những nước nghèo và đang phát triển, đưa các quốc gia xích lại gần nhau, tạo thành chuỗi cung ứng toàn cầu. Việt Nam với đường lối đổi mới hiệu quả đã nhanh chóng học tập được kinh nghiệm, giao lưu, hợp tác trong phát triển kinh tế và thực hiện các CSXH cho Nhân dân nói chung, PLXH đối với đồng bào DTTS nói riêng. Tuy nhiên chính toàn cầu hoá và "cách mạng công nghiệp 4.0" cũng đặt ra cho Việt Nam nhiều thách thức trong việc thực hiện các CSXH nói chung và PLXH đối với đồng bào DTTS nói riêng, đó là sự phân hoá và "khoảng cách giàu-nghèo" có nguy cơ bị nới rộng ra, càng làm trầm trọng thêm những bất công trong xã hội, là mầm mống gây nên những "bất ổn xã hội" trong vùng DTTS. Những yếu tố văn hoá ngoại lai, những nhu cầu, thị hiếu mới đang đe doạ đến việc gìn giữ những bản sắc văn hoá truyền thống tốt đẹp của các DTTS hiện nay. Song song với đó là yêu cầu về lao động chất lượng cao - một trong những thách thức lớn nhất đối với đồng bào DTTS của tỉnh Lâm Đồng khi chuyển đổi nghề, tạo việc làm. "Cuộc cách mạng công nghiệp 4.0" cũng yêu cầu cách thức sản xuất mới, yêu cầu chất lượng sản phẩm mới cao hơn, trong khi sản xuất của đồng bào

DTTS cơ bản vẫn là cách thức truyền thống với năng suất và chất lượng còn hạn chế, khó cạnh tranh. Bên cạnh đó việc đẩy mạnh chuyển đổi số trong cải cách hành chính, quản lý nhà nước, thực hiện CSXH nói chung, PLXH nói riêng sẽ gặp không ít khó khăn trong giai đoạn đầu đối với đồng bào DTTS khi một bộ phận người dân chưa có điện thoại thông minh, chưa kịp thích nghi với chuyển đổi số.

4.2. QUAN ĐIỂM BẢO ĐẢM PHÚC LỢI XÃ HỘI ĐỐI VỚI ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở TỈNH LÂM ĐỒNG HIỆN NAY

Thứ nhất, bảo đảm PLXH đối với đồng bào DTTS ở tỉnh Lâm Đồng mang tính toàn diện, để "không ai bị bỏ lại phía sau".

Cụ thể hoá quan điểm nhất quán, xuyên suốt của Đảng Cộng sản Việt Nam: "các dân tộc trong đại gia đình Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tương trợ giúp nhau cùng phát triển, cùng nhau phấn đấu thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Kiên quyết đấu tranh với mọi âm mưu chia rẽ dân tộc" [52], Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030 xác định quan điểm và đồng thời là một nhiệm vụ trọng tâm của tỉnh là: "Tập trung xây dựng phát triển văn hóa, con người tỉnh Lâm Đồng mới tiên tiến, hội tụ trong đa dạng và phát huy các giá trị văn hóa đậm đà bản sắc của từng vùng, miền, dân tộc đồng bộ trên nền tảng hệ giá trị quốc gia; phát triển toàn diện về đạo đức, trí tuệ, ý thức dân tộc, trách nhiệm công dân, năng lực sáng tạo, thẩm mỹ, thể lực, kỹ năng sống, kỹ năng nghề nghiệp (...). Thực hiện tốt công tác bảo vệ, bảo tồn, tôn tạo, quảng bá các giá trị văn hóa, di tích lịch sử - văn hóa, nhất là giá trị văn hóa đặc sắc của đồng bào các dân tộc thiểu số" [193, tr30].

Bảo đảm PLXH đối với đồng bào DTTS hiện nay nhằm khơi dậy, sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực của Nhà nước và xã hội, thúc đẩy đồng bào DTTS ở tỉnh Lâm Đồng phát huy năng lực nội sinh, vươn lên trong cuộc sống, GNBV, bắt kịp với sự phát triển chung của xã hội. Vì vậy các chính sách PLXH

phải bảo đảm kịp thời, đồng bộ, thống nhất, bao quát mọi đối tượng được thụ hưởng là đồng bào DTTS của tỉnh, nhưng trước hết là đối với đồng bào DTTS thuộc hộ nghèo, cận nghèo, gặp khó khăn, hoạn nạn và thuộc nhóm yếu thế. Thực hiện nhất quán quan điểm của Đảng ta là "không để ai bị bỏ lại phía sau" trong hành trình phát triển *"nước Việt Nam XHCN hoà bình, độc lập, dân chủ, giàu mạnh, phồn vinh, văn minh, hạnh phúc"*.

Thứ hai, bảo đảm PLXH đối với đồng bào DTTS phải gắn với phát triển KT-XH, bảo đảm ANQP, thực hiện có hiệu quả "Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 06/10/2022 của Bộ Chính trị khoá XIII về phương hướng phát triển KT-XH và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Tây Nguyên đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045" và "Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030".

Đại hội XIII (2021), Đảng Cộng sản Việt Nam tiếp tục khẳng định quan điểm, định hướng giải pháp về chính sách dân tộc là: "Tập trung hoàn thiện và triển khai thực hiện tốt các chính sách dân tộc trên tất cả các lĩnh vực, nhất là các chính sách đặc thù giải quyết những khó khăn của đồng bào dân tộc thiểu số. Tạo sinh kế, việc làm, định canh, định cư vững chắc cho đồng bào dân tộc thiểu số, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới. Tập trung triển khai hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế, xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030" [61, tr.140 - 141].

Tranh thủ mọi nguồn lực cho phát triển, đẩy mạnh cải cách hành chính, xây dựng đồng bộ hạ tầng KT-XH, tháo gỡ những "điểm nghẽn", "nút thắt" về quy hoạch, thể chế, tạo cơ chế thông thoáng cho các nhà đầu tư và hoạt động sản xuất, kinh doanh của Nhân dân; chủ động, kịp thời hỗ trợ Nhân dân, nhất là đồng bào DTTS sản xuất và tiêu thụ sản phẩm hàng hoá nhằm nâng cao năng lực sản xuất, tăng thu nhập, nâng cao đời sống.

Cùng với thúc đẩy tăng trưởng kinh tế nhanh, tỉnh cần giải quyết dứt điểm những vấn đề bức xúc trong xã hội, nhất là vấn đề về đất đai; đầu tư phát triển các lĩnh vực VH-XH toàn diện; xây dựng nền văn hóa Lâm Đồng tiên tiến, đậm

đà bản sắc dân tộc, thống nhất trong đa dạng, tôn trọng sự khác biệt, thực sự coi đây là động lực, nền tảng cho ổn định và phát triển, hội nhập quốc tế của tỉnh. Đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới nâng cao; giảm tỷ lệ hộ nghèo, ổn định dân cư nhất là tình trạng di dân tự do đến. Phát triển toàn diện, đồng thời có chính sách hỗ trợ phù hợp để mọi người dân, nhất là đồng bào DTTS được tiếp cận mọi dịch vụ xã hội cơ bản có chất lượng, nhất là chăm sóc y tế, GDĐT để nâng cao thể trạng và đào tạo nguồn nhân lực DTTS có chất lượng, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững của tỉnh và đất nước.

"Chú trọng công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện. Nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của cấp ủy, tổ chức đảng các cấp, chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ người dân tộc thiểu số. Tăng cường xây dựng và phát huy khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Phát huy cao độ giá trị văn hóa, truyền thống cách mạng, khơi dậy khát vọng phát triển, ý chí tự lực, tự cường; bảo đảm xã hội trật tự, kỷ cương, an toàn, lành mạnh để phát triển bền vững" [23]. Tăng cường có hiệu quả các biện pháp bảo đảm ANQP, nhất là đối với những vấn đề nhạy cảm, phức tạp. Không để xảy ra điểm nóng về chính trị, trật tự xã hội, nhất là vùng DTTS. Thực sự lấy ổn định CT-XH, ANQP làm nền tảng, động lực để phát triển tỉnh Lâm Đồng toàn diện, nhanh và bền vững, thực sự nâng cao đời sống Nhân dân các dân tộc trong tỉnh.

Thứ ba, bảo đảm PLXH đối với đồng bào DTTS phải gắn liền với nâng cao dân trí và chất lượng nguồn nhân lực, đẩy mạnh chuyển đổi nghề, tăng năng suất lao động, nâng cao mức sống của đồng bào.

Đẩy mạnh công tác xoá mù chữ đối với đồng bào DTTS bằng nhiều loại hình đa dạng với sự tham gia của toàn ngành giáo dục, HTCT và Nhân dân địa phương; tăng cường đầu tư cho giáo dục phổ thông đối với học sinh DTTS, nâng cao số năm đi học của học sinh; thực hiện tốt hơn nữa công tác hướng nghiệp, dạy nghề phù hợp gắn với giải quyết việc làm cho thanh niên DTTS.

Tiếp tục thực hiện hiệu quả các giải pháp GNBV kết hợp các biện pháp nâng cao dân trí trong đồng bào DTTS. Tăng cường giáo dục nghề nghiệp,

chuyển đổi nghề và giới thiệu việc làm, tạo thêm nhiều việc làm, tăng lực lượng lao động DTTS tham gia vào khu vực lao động chính thức để phát triển BHXH và nâng cao thu nhập, mức sống cho đồng bào, hạn chế tình trạng tái nghèo, phấn đấu đến năm 2029 mức thu nhập bình quân của đồng bào DTTS trong tỉnh bằng một phần hai (1/2) mức bình quân chung của cả nước.

Thứ tư, bảo đảm PLXH đối với đồng bào DTTS ở tỉnh Lâm Đồng phải phù hợp với đặc điểm của từng DTTS, từng địa bàn cư trú của đồng bào DTTS.

Đồng bào DTTS ở tỉnh Lâm Đồng hiện nay rất đa dạng về lịch sử cư trú, văn hoá, phong tục, tập quán, cách thức sản xuất, trình độ phát triển. Vì vậy việc thực hiện các chính sách PLXH là rất cần thiết để hỗ trợ, thúc đẩy đồng bào vươn lên. Tuy nhiên do lịch sử để lại và nhiều yếu tố tác động nên còn có sự chênh lệch khá lớn về trình độ phát triển giữa các DTTS, giữa DTTS với dân tộc đa số, giữa các vùng DTTS trong tỉnh. Thực tế trên đặt ra yêu cầu là những chính sách khi được xây dựng và thực hiện phải tính đến những đặc điểm riêng về phong tục, tập quán, cách thức sản xuất của từng vùng, từng cộng đồng DTTS trong tỉnh, đồng thời có chính sách ưu tiên, hỗ trợ riêng thực sự đủ mạnh để thúc đẩy những DTTS có trình độ phát triển thấp bứt phá, thu hẹp khoảng cách phát triển với các dân tộc khác, bảo đảm "tiến bộ và công bằng xã hội".

Thứ năm, khai thác có hiệu quả mọi nguồn lực của Nhà nước và xã hội cho công tác bảo đảm PLXH đối với đồng bào DTTS ở tỉnh Lâm Đồng.

Quan điểm của Đảng và Nhà nước ta: bảo đảm PLXH đối với Nhân dân nói chung, với đồng bào DTTS nói riêng là trách nhiệm của Nhà nước và xã hội. Đối với tỉnh Lâm Đồng, đó là trách nhiệm của cấp uỷ, chính quyền, HTCT cấp tỉnh, cấp xã và Nhân dân trong tỉnh. Nhà nước tạo bình đẳng về quyền và cơ hội để mọi người dân, nhất là đồng bào DTTS được thụ hưởng đầy đủ các chính sách PLXH. Nguồn lực của Nhà nước là chủ đạo và có vai trò quyết định trong việc bảo đảm PLXH đối với Nhân dân. Vì vậy trong thực hiện chính sách phải bảo đảm sử dụng thật sự hiệu quả, thiết thực, bền vững mọi nguồn lực đầu tư.

Tăng cường công tác truyền thông đồng thời có cơ chế khuyến khích để thu hút các nhà tài trợ trong và ngoài tỉnh có những chương trình hỗ trợ hiệu quả, tạo sinh kế bền vững cho đồng bào; khuyến khích người dân trên địa bàn dân cư trực tiếp tham gia hỗ trợ, giúp đỡ đồng bào trong những điều kiện, hoàn cảnh khó khăn, hoạn nạn đồng thời chia sẻ về kiến thức, kinh nghiệm, cùng hợp tác để nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh.

Thứ sáu, không để gián đoạn các chính sách sau khi thực hiện sáp nhập tỉnh, sáp nhập cấp xã, giải thể đơn vị hành chính cấp huyện; thực hiện đồng bộ các chính sách bảo đảm PLXH đối với đồng bào DTTS để đảm bảo tính bền vững.

Sau sáp nhập để hình thành tỉnh Lâm Đồng (mới), sáp nhập xã, phường, giải thể chính quyền cấp huyện sẽ có những khó khăn nhất định trong ngắn hạn đối với việc triển khai các chính sách PLXH cho Nhân dân nói chung, đối với đồng bào DTTS nói riêng. Cần rà soát để thống nhất các chính sách của các tỉnh trước đây thành hệ thống chính sách đồng bộ để tiếp tục triển khai, phân công rõ trách nhiệm và tập trung chỉ đạo thực hiện, nhất là những chức năng, nhiệm vụ vốn được phân công cho chính quyền cấp huyện trước đây và một số sở trước sáp nhập, giải thể đảm nhận, không để gián đoạn chính sách.

Bảo đảm PLXH đối với đồng bào DTTS ở tỉnh Lâm Đồng hiện nay cần sử dụng thật sự hiệu quả mọi nguồn lực của Nhà nước, cộng đồng và phát huy nội lực của đồng bào DTTS nhằm bảo đảm những nhu cầu thiết yếu về nhà ở, đi lại, giáo dục, y tế, việc làm, phát triển sinh kế bền vững, thu hẹp dần khoảng cách chênh lệch về mức sống, thúc đẩy GNBV góp phần thực hiện "tiến bộ và công bằng xã hội". Cần thống nhất quan điểm các chính sách PLXH là nhằm giúp đồng bào vượt qua khó khăn, thúc đẩy sản xuất, nâng cao năng lực nội sinh, tăng thu nhập để nâng cao đời sống về mọi mặt. Kết hợp giữa công tác truyền thông và triển khai chính sách đồng bộ, hiệu quả để nâng cao dân trí, khắc phục triệt để tình trạng ỷ lại, trông chờ vào chính sách hỗ trợ của Nhà nước và cộng đồng, tạo động lực đủ mạnh để đồng bào DTTS phát triển toàn diện, bền vững.

4.3. GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM PHÚC LỢI XÃ HỘI ĐỐI VỚI ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở TỈNH LÂM ĐỒNG HIỆN NAY

4.3.1. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, vai trò quản lý của Nhà nước và nâng cao năng lực của các chủ thể trong việc bảo đảm phúc lợi xã hội đối với đồng bào dân tộc thiểu số ở tỉnh Lâm Đồng

Giải pháp này có vai trò đặc biệt quan trọng, ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả của các chính sách dân tộc nói chung, PLXH đối với đồng bào DTTS nói riêng. Đảng lãnh đạo, vận động, phát huy sự tham gia của toàn HTCT và xã hội để chăm lo PLXH cho Nhân dân, đề ra chủ trương để các cơ quan nhà nước có thẩm quyền thể chế hoá thành các chính sách PLXH cụ thể, sử dụng ngân sách nhà nước và xã hội hoá các nguồn lực để triển khai thực hiện. Nâng cao nhận thức, trách nhiệm và năng lực thực thi của các chủ thể tham gia thực hiện bảo đảm PLXH cũng như của chính đồng bào với tư cách là những người được thụ hưởng chính sách sẽ quyết định đến hiệu quả thực tế cũng như tính bền vững và ý nghĩa xã hội của các chính sách. Vì vậy cần tiếp tục nâng cao năng lực của các chủ thể cũng như hiệu quả của công tác thông tin, tuyên truyền đối với các chủ thể tham gia thực hiện, đối tượng thụ hưởng, bảo đảm cho các chính sách PLXH được thực hiện kịp thời, hiệu quả, bền vững.

Thứ nhất, đối với Đảng, Nhà nước: quan điểm, mục tiêu nhất quán, xuyên suốt của Đảng, Nhà nước ta đối với các DTTS và vùng DTTS là: "Khai thác tiềm năng, lợi thế của các địa phương trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; đổi mới sáng tạo, đẩy mạnh phát triển kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội; giảm nghèo nhanh, bền vững, thu hẹp dần khoảng cách về mức sống, thu nhập bình quân của vùng so với bình quân chung của cả nước; giảm dần số xã, thôn đặc biệt khó khăn; quy hoạch, sắp xếp, bố trí ổn định dân cư, xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, liên vùng, kết nối với các vùng phát triển; phát triển toàn diện giáo dục, đào tạo, y tế, văn hóa; cải thiện rõ rệt đời sống của Nhân dân; nâng cao số lượng, chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động là người dân tộc thiểu số; giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa tốt đẹp của các dân tộc thiểu số đi đôi với xóa bỏ phong tục tập quán lạc

hậu; thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em; xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở vững mạnh, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, đảm bảo an ninh biên giới quốc gia; củng cố, tăng cường khối đại đoàn kết các dân tộc, nâng cao niềm tin của đồng bào các dân tộc đối với Đảng và Nhà nước" [168]. Đây chính là sự cụ thể hoá, vận dụng và phát triển sáng tạo quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc, quan hệ dân tộc và chính sách dân tộc ở nước ta hiện nay. Để những chính sách dân tộc này thực sự hiệu quả thì Đảng, Nhà nước tiếp tục hoạch định những chủ trương, định hướng, chính sách lớn làm cơ sở cho việc xây dựng và thực hiện các chính sách PLXH cụ thể đối với đồng bào DTTS, tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo các cơ quan Trung ương, các địa phương đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền đến Nhân dân và toàn xã hội, bảo đảm đủ nguồn lực để triển khai thực hiện. Đồng thời Đảng và Nhà nước ta tăng cường hiệu quả công tác thông tin đối ngoại, truyền thông quốc tế để làm rõ những quan điểm, đường lối, chính sách dân tộc và những thành tựu của chính sách dân tộc những năm vừa qua đến cộng đồng quốc tế, tạo sự ủng hộ, đồng thuận cũng như có thêm những sự hỗ trợ tích cực, hiệu quả của cộng đồng quốc tế trong việc bảo đảm PLXH đối với đồng bào DTTS ở Việt Nam hiện nay. Điều này có tầm quan trọng đặc biệt để củng cố đoàn kết dân tộc ở trong nước và đoàn kết dân tộc có tính chất quốc tế. Đối với tỉnh Lâm Đồng, hiện đang còn rất nhiều khó khăn, tỷ lệ hộ nghèo, cận nghèo trong đồng bào DTTS khá cao, nguồn thu ngân sách chưa đảm bảo nhu cầu chi, nhất là chi cho đầu tư phát triển vì vậy Trung ương cần tiếp tục tăng bổ sung ngân sách Trung ương cho tỉnh, bảo đảm đủ nguồn lực tài chính để tỉnh triển khai có hiệu quả tốt các chính sách dân tộc ở địa phương. Bên cạnh đó Trung ương cũng thường xuyên tổ chức các đoàn kiểm tra, thanh tra, giám sát, đánh giá độc lập việc thực hiện các chính sách PLXH tại các địa phương để có những điều chỉnh kịp thời cho phù hợp.

Thứ hai, đối với cấp uỷ Đảng và Chính quyền cấp tỉnh, cấp xã trong tỉnh và đội ngũ CBCCVC, lực lượng vũ trang: đây là những chủ thể trực tiếp thực hiện PLXH đối với đồng bào DTTS, bảo đảm tính hiệu quả thực tế của chính

sách. Các cấp uỷ đảng trong tỉnh cần quán triệt việc thực hiện PLXH với đồng bào DTTS hiện nay là công việc hệ trọng của cấp uỷ, chính quyền và HTCT trong tỉnh. Vì vậy cấp uỷ và chính quyền cấp tỉnh, cấp xã phải quán triệt đầy đủ những quan điểm của Đảng về vấn đề dân tộc và công tác dân tộc, nghiêm túc, trách nhiệm thực hiện đầy đủ những chính sách dân tộc mà Đảng, Nhà nước, chính quyền địa phương đã ban hành, trọng tâm là các chính sách PLXH. Tỉnh uỷ, HĐND, UBND tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền, quán triệt đến tất cả các cơ quan trong HTCT và cán bộ, đảng viên trên địa bàn quan điểm, đường lối, nội dung chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước, đồng thời cụ thể hoá thành các chính sách phù hợp để lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện đối với đồng bào DTTS của tỉnh. Lâm Đồng là một tỉnh miền núi và thuộc vùng DTTS nên tất cả các cơ quan, đơn vị trong HTCT ở địa phương và đội ngũ CBCCVC, lực lượng vũ trang ngoài việc được phổ biến, quán triệt về quan điểm, đường lối, nội dung chính sách dân tộc cần được bồi dưỡng, tập huấn nâng cao kiến thức, kỹ năng về công tác dân tộc, phải thật sự am hiểu đời sống, văn hoá, tín ngưỡng, tôn giáo của từng dân tộc, từng cộng đồng, từng vùng DTTS để triển khai thực hiện có hiệu quả các chính sách PLXH đến với đồng bào DTTS trong tỉnh. Đặc biệt là đối với công chức các cơ quan như Sở Dân tộc và Tôn giáo tỉnh, Sở Nội vụ, Sở Giáo dục và đào tạo, Sở Y tế, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Sở Văn hoá-Thể thao và Du lịch, Ngân hàng CSXH tỉnh, Bảo hiểm xã hội tỉnh, Chi cục Thống kê tỉnh và đội ngũ CBCCVC cấp xã, những người gần gũi với Nhân dân và am hiểu rõ về đời sống, văn hoá, kinh tế và sản xuất của đồng bào DTTS ở địa phương. Chính họ là những người đề xuất các chính sách dân tộc phù hợp với cấp uỷ, chính quyền địa phương và với Đảng, Nhà nước nên cần trang bị cho họ kiến thức, kỹ năng công tác dân tộc, đồng thời nâng cao đạo đức công vụ. Cùng với bồi dưỡng nâng cao nhận thức, kiến thức, kỹ năng, tinh thần trách nhiệm trong công tác dân tộc cần tăng cường các hoạt động đi cơ sở đối với đội ngũ CBCCVC nhằm nâng cao tính thực tiễn của chính sách do họ tham mưu đề xuất và tổ chức thực hiện. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp uỷ đảng, hiệu

lực và hiệu quả quản lý của các cấp chính quyền, nâng cao năng lực thực thi công vụ và tinh thần trách nhiệm, thái độ phục vụ của đội ngũ CBCCVC sẽ trực tiếp quyết định thành công của chính sách PLXH đối với đồng bào DTTS ở tỉnh Lâm Đồng hiện nay.

Thứ ba, đối với MTTQ Việt Nam và các đoàn thể CT-XH, các tổ chức khác: đây là những chủ thể tham gia phối hợp trong thực hiện PLXH đối với đồng bào DTTS nên cũng cần tập huấn, bồi dưỡng cho đội ngũ CBCCVC, thành viên của các tổ chức này kiến thức, kỹ năng công tác dân tộc. Thông qua hoạt động hiệu quả của MTTQ Việt Nam và các đoàn thể CT-XH các chính sách dân tộc của Đảng, Nhà nước sẽ được tuyên truyền, phổ biến đến với hội viên, đoàn viên, thành viên của họ, giúp họ trở thành những tuyên truyền viên của Đảng, Nhà nước, chính quyền địa phương trong thực hiện chính sách dân tộc nói chung, PLXH đối với đồng bào DTTS nói riêng. Mặt khác nâng cao nhận thức của các cơ quan trong HTCT về công tác dân tộc còn tranh thủ được các nguồn lực mà các tổ chức này huy động được để chăm lo PLXH tốt hơn cho đồng bào DTTS của tỉnh. Đối với các tổ chức từ thiện, nhân đạo, tổ chức xã hội thiện nguyện cũng cần nâng cao nhận thức cho họ trước những âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch, lợi dụng việc thực hiện các chương trình thiện nguyện để kích động đồng bào, xuyên tạc chính sách của Đảng, Nhà nước ta, chia rẽ đoàn kết trong Nhân dân. Thực tế thời gian qua đã cho thấy tính hiệu quả khi phát huy sự tham gia của MTTQ Việt Nam và các tổ chức CT-XH, lực lượng vũ trang và các tổ chức khác trong việc chăm lo PLXH cho đồng bào DTTS của tỉnh. Kết quả điều tra, khảo sát thực tế cho thấy có 61,1% CBCCVC được hỏi cho rằng Nhà nước là chủ thể cơ bản, thường xuyên chăm lo PLXH cho Nhân dân, 18,6% cho rằng đó là sự tham gia của các tổ chức khác và doanh nghiệp [Phụ lục 4]. Bên cạnh đó cũng cần nâng cao nhận thức về quyền và trách nhiệm của MTTQ Việt Nam, các tổ chức CT-XH cấp tỉnh, cấp xã, lực lượng vũ trang và các tổ chức xã hội trong việc thực hiện chức năng *giám sát xã hội* đối với các chính sách PLXH được thực hiện trên địa bàn tỉnh. Công tác *giám sát và phản biện xã hội* của MTTQ Việt Nam và các đoàn thể CT-XH góp phần bảo đảm cho các

chính sách PLXH đối với đồng bào DTTS được thực hiện kịp thời, đồng bộ, đúng chính sách, đúng đối tượng và đạt hiệu quả thiết thực, tránh thất thoát, lãng phí, tiêu cực.

Thứ tư, đối với người dân: Nhân dân tham gia vào các chính sách PLXH sẽ có người là chủ thể tham gia thực hiện, phối hợp thực hiện, giám sát, đánh giá việc thực hiện, cũng có người là đối tượng thụ hưởng nên ở đây cần xác định rõ đối tượng để có biện pháp tuyên truyền phù hợp. Đối với Nhân dân nói chung cần tăng cường, đa dạng hoá công tác thông tin, tuyên truyền chủ trương, chính sách PLXH của Đảng, Nhà nước và chính quyền địa phương trong đó trọng tâm là Nghị quyết Đại hội XIII, XIV của Đảng, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026 - 2030, Nghị quyết số 42-NQ/TW Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khoá XIII "về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới", Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng lần thứ I nhiệm kỳ 2025-2030, Nghị quyết số 88/2019/QH14 của Quốc hội "phê duyệt Đề án tổng thể phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021-2030", Nghị quyết số 120/2020/QH14 của Quốc hội "phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021 - 2030", Quyết định số 1719/QĐ-TTg, ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính "phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I từ năm 2021 đến năm 2025". Nhân dân tỉnh Lâm Đồng hiện nay đến từ nhiều vùng miền trên cả nước, đã trải qua những giai đoạn khó khăn từ những ngày đầu xây dựng vùng kinh tế mới, vì vậy đều có tinh thần đoàn kết, yêu thương, sẵn sàng chia sẻ, giúp đỡ nhau trong đời sống và sản xuất. Nâng cao nhận thức về chính sách dân tộc và PLXH cho Nhân dân vừa để tạo sự đồng thuận xã hội vừa là cách thức để huy động nguồn lực tại chỗ trong Nhân dân để chăm lo tốt hơn PLXH cho đồng bào DTTS và những người thuộc nhóm yếu thế trong tỉnh. Cán bộ, công chức, viên chức các cấp, nhất là ở cơ sở phải thường xuyên sâu sát với đời sống của Nhân dân, trực tiếp là những tuyên truyền viên phổ biến kịp thời

những chính sách PLXH của Đảng, Nhà nước, chính quyền địa phương đến từng hộ dân theo phương châm "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng". Đồng thời CBCCVC các cấp phải thường xuyên có kênh thông tin để lắng nghe được ý kiến phản hồi, đánh giá, giám sát của Nhân dân, sử dụng hiệu quả mạng xã hội và các nền tảng số trong công tác này sẽ có hiệu quả nhanh chóng, thiết thực. Chỉ có như vậy cấp uỷ, chính quyền địa phương mới thực sự phát huy được sự tham gia của Nhân dân vào thực hiện các chính sách PLXH đối với đồng bào DTTS ở tỉnh Lâm Đồng hiện nay.

Đối với đồng bào DTTS là đối tượng trực tiếp thụ hưởng chính sách PLXH: cấp uỷ, chính quyền địa phương và CBCCVC, nhất là cấp xã cần tăng cường công tác tuyên truyền sát với điều kiện thực tế của từng vùng, từng cộng đồng DTTS để đồng bào hiểu được các chính sách của Đảng, Nhà nước, chính quyền địa phương là những sự hỗ trợ, thúc đẩy để giảm nghèo, là động lực để đồng bào vươn lên, không phải là sự bao cấp của nhà nước. Một vấn đề đặc biệt và rất nhạy cảm là phải tuyên truyền để thay đổi tư duy trông chờ, ỷ lại của một bộ phận người dân trong đồng bào DTTS hiện nay. Những chính sách cần tập trung tuyên truyền cho đồng bào là: chính sách hỗ trợ về đất đai, nhà ở, vệ sinh môi trường, hỗ trợ sinh kế, nước sạch, vốn vay ưu đãi, cứu trợ xã hội, các chính sách phúc lợi về GDĐT, BHYT, BHXH, văn hoá để đồng bào nắm được. Cần đa dạng các hình thức, phương tiện thông tin tuyên truyền theo hướng sát dân, gần dân, đến từng đối tượng thụ hưởng, hướng dẫn cụ thể để đồng bào triển khai thực hiện trên thực tế; đối với các chính sách liên quan đến sinh kế cần thực hiện theo phương châm "cầm tay chỉ việc", hướng dẫn cụ thể, tận nơi cho đồng bào và duy trì thường xuyên. Ngoài thông tin, tuyên truyền thông qua các cơ quan trong HTCT, đội ngũ CBCCVC, các phương tiện truyền thông, thông tin trên các nền tảng mạng xã hội phổ biến, cần phát huy vai trò của "người có uy tín" trong vùng DTTS, cấp uỷ chi bộ, trưởng ban công tác mặt trận và trưởng thôn/bon/buôn/bản để tiếp cận từng đối tượng thụ hưởng để tuyên truyền. Việc tuyên truyền phải đảm bảo đồng bào hiểu được từng chính sách cụ thể của Đảng, Nhà nước và đối tượng nào thì được hưởng những chính sách nào, khắc phục

tình trạng so sánh, cào bằng hoặc đòi hỏi chính sách. Cán bộ, công chức, viên chức cơ sở kết hợp tại những buổi sinh hoạt cộng đồng của đồng bào để tuyên truyền trực tiếp đến từng đối tượng thụ hưởng, giúp đồng bào hiểu được đầy đủ chính sách mà mình được hưởng. Nâng cao nhận thức, trách nhiệm cho đồng bào DTTS với tư cách là người thụ hưởng chính sách có ý nghĩa rất quan trọng, ảnh hưởng lớn đến sự thành công của chính sách vì vậy phải giúp đồng bào trở thành những người chủ động trong tiếp cận, đồng hành và thụ hưởng, mỗi đồng bào được thụ hưởng phải thực sự trở thành tuyên truyền viên cho những người khác, kể cả đối với những người không thuộc đối tượng thụ hưởng. Đây cũng là cách thức để củng cố tình đoàn kết trong cộng đồng DTTS và đại đoàn kết dân tộc trong tỉnh. Vì vậy cần đẩy mạnh tuyên truyền về đại đoàn kết dân tộc để Nhân dân nói chung, đồng bào DTTS nói riêng hiểu được chính sách PLXH mà Đảng, Nhà nước, chính quyền địa phương triển khai cũng là một phần của chính sách đại đoàn kết dân tộc. Đồng thời kiên quyết đấu tranh với những hành vi kỳ thị, phân biệt, chia rẽ dân tộc, chia rẽ đồng bào các dân tộc trong tỉnh với với Đảng, Nhà nước. Tây Nguyên nói chung, tỉnh Lâm Đồng nói riêng là địa bàn trọng điểm mà các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo, kinh tế để chống phá Đảng, Nhà nước và khối đại đoàn kết dân tộc của Nhân dân ta. Vì vậy bảo đảm tốt các chính sách PLXH đối với đồng bào DTTS hiện nay sẽ góp phần tích cực trong việc đấu tranh với những âm mưu, thủ đoạn chống phá, chia rẽ của các thế lực phản động, thù địch, đồng thời củng cố được khối đại đoàn kết các dân tộc, tạo tiền đề chính trị, xã hội để phát triển toàn diện tỉnh Lâm Đồng.

Thứ năm, đối với các doanh nghiệp: đây là những đơn vị sản xuất, kinh doanh song cũng là những chủ thể thường xuyên tham gia các chương trình PLXH với tư cách là những đơn vị tài trợ, hỗ trợ. Rất nhiều các chương trình PLXH kịp thời, hiệu quả, thiết thực được thực hiện bởi các doanh nghiệp hoặc có sự đồng hành, tài trợ của các doanh nghiệp. Vì vậy các cơ quan báo chí, truyền thông ở tỉnh, các cơ quan trong HTCT của tỉnh cần đẩy mạnh thông tin tuyên truyền để các doanh nghiệp, các đơn vị kinh tế nhận thức được "trách nhiệm xã hội" của họ trong việc góp phần bảo bảm PLXH cho Nhân dân ở địa

phương cũng như đối với đồng bào DTTS của tỉnh. Bên cạnh đó các cơ quan hữu quan của tỉnh cần đẩy mạnh công tác truyền thông, kết nối với các địa phương khác, nhất là các địa phương có điều kiện kinh tế phát triển, nhiều doanh nghiệp để có được sự chung tay, đồng hành với tỉnh trong việc chăm lo PLXH đối với đồng bào DTTS. Tỷ lệ hộ nghèo, cận nghèo DTTS ở tỉnh Lâm Đồng còn khá cao nên nhu cầu nguồn lực để bảo đảm PLXH cho Nhân dân là rất lớn trong khi nguồn lực từ địa phương còn nhiều hạn chế. Vì vậy việc chung tay của các doanh nghiệp sẽ là một kênh hiệu quả để có thêm nhiều nguồn lực chăm lo PLXH tốt hơn cho đồng bào. Việc đồng hành của các doanh nghiệp tập trung vào một số hoạt động phúc lợi hiệu quả như tặng nhà đại đoàn kết, nhà nhân ái cho đồng bào, tặng sách vở, đồ dùng học tập và học bổng cho học sinh, sinh viên, chăm sóc y tế cho đồng bào, tặng thẻ BHYT, cứu trợ khi có hoàn cảnh thiên tai, hoạn nạn, tặng quà dịp lễ tết, tài trợ xây dựng đường thôn xóm, hệ thống điện, nước, phòng học, nhà bán trú, bếp ăn trường học, trang thiết bị trạm y tế, nhà văn hoá, sân chơi thể thao. Các doanh nghiệp cung ứng thiết bị và vật tư nông lâm ngư nghiệp, cây giống, con giống có thể hỗ trợ đồng bào bằng chính sách bán hàng cho trả chậm không tính lãi kết hợp với hướng dẫn về kỹ thuật chăm sóc vật nuôi, cây trồng. Các doanh nghiệp thu mua, chế biến nông lâm thuỷ sản, hàng thủ công, mỹ nghệ cũng có thể hỗ trợ bằng chính sách ứng trước vốn, bao tiêu sản phẩm cho đồng bào. Một vấn đề rất quan trọng đặt ra là các cơ quan chức năng của tỉnh phải định hướng tư tưởng cho các doanh nghiệp khi tham gia, đồng hành với các hoạt động PLXH, không để các phần tử xấu và thế lực thù địch lợi dụng các hoạt động hỗ trợ, tài trợ, nhân đạo, từ thiện để truyền bá những quan điểm sai trái, thù địch, truyền đạo trái phép hoặc các hoạt động kích động quần chúng, gây mất an ninh trên địa bàn. Các cơ quan chức năng cần thực hiện có hiệu quả công tác này, đặc biệt là đối với chính quyền và công an cấp xã hiện nay. Thực tế những năm qua nhờ công tác truyền thông được đẩy mạnh nên rất nhiều doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh đã đồng hành, chung tay với nhiều chương trình PLXH thiết thực cho Nhân dân các dân tộc tỉnh Lâm Đồng.

4.3.2. Hoàn thiện và tổ chức thực hiện hiệu quả chính sách, pháp luật bảo đảm phúc lợi xã hội đối với đồng bào dân tộc thiểu số ở tỉnh Lâm Đồng

Cho đến nay, Đảng và Nhà nước ta đã ban hành được một hệ thống chính sách, pháp luật khá đồng bộ nhằm bảo đảm PLXH cho Nhân dân nói chung, đối với đồng bào DTTS nói riêng. Các chính sách này đã bao quát tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, VH-XH, ANQP đối với vùng DTTS và đồng bào DTTS song cũng còn tồn tại những hạn chế, bất cập. Sau khi sáp nhập để hình thành tỉnh Lâm Đồng mới, có những chính sách PLXH của các tỉnh Bình Thuận (cũ), Đắk Nông (cũ), Lâm Đồng (cũ) vẫn được thực hiện tại các xã, phường cũ, có những chính sách được áp dụng chung cho toàn bộ tỉnh Lâm Đồng (mới) và có những chính sách được bãi bỏ. Vì vậy cần tiếp tục rà soát để hoàn thiện các chính sách, pháp luật về PLXH đối với đồng bào DTTS, không bỏ sót đối tượng, không chồng chéo, trùng lặp, thiếu nguồn lực khi thực hiện. Các chính sách, pháp luật về PLXH là cơ sở chính trị, pháp lý để triển khai các chương trình, kế hoạch, dự án hỗ trợ đồng bào nên cần được ban hành kịp thời, phù hợp. Yêu cầu chung đặt ra trong việc hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật về PLXH đối với đồng bào DTTS ở tỉnh Lâm Đồng hiện nay là:

Thứ nhất, các chính sách, pháp luật về PLXH phải phù hợp với điều kiện tự nhiên, KT-XH của từng vùng DTTS, những đặc điểm riêng của từng cộng đồng DTTS, từng nhóm đối tượng thụ hưởng. Chính vì vậy trước khi ban hành chính sách cần có đánh giá độc lập, khách quan về những nội dung đã triển khai trước đó có liên quan đến dự thảo chính sách; đồng thời có những khảo sát khách quan, cụ thể về nhu cầu, đặc điểm, khả năng của đối tượng thụ hưởng, năng lực của đội ngũ CBCCVC thực thi, khả năng phân bổ của Trung ương, đối ứng của địa phương cũng như khả năng huy động từ cộng đồng và chính đồng bào thụ hưởng. Có như thế các chính sách, pháp luật về PLXH đối với đồng bào DTTS của tỉnh mới thực sự hiệu quả và mang tính bền vững.

Thứ hai, chính sách và pháp luật phải khả thi. Cần rà soát lại toàn bộ các văn bản chính sách, pháp luật về PLXH đối với đồng bào DTTS hiện nay sau khi sáp nhập ba tỉnh với nhiều chính sách có sự khác nhau để bãi bỏ những quy

định không phù hợp, chồng chéo, không bảo đảm nguồn lực để thực hiện. Các chính sách huy động xã hội hoá nguồn lực cho PLXH đối với đồng bào DTTS cũng cần được rà soát, điều chỉnh, ban hành cho phù hợp với điều kiện thực tế hiện nay của tỉnh, đặc biệt là hài hoà lợi ích của các bên. Nâng cao khả năng dự báo, nhất là dự báo về tài chính, sự biến động của thị trường đối với những lĩnh vực sản xuất, kinh doanh trụ cột của tỉnh làm cơ sở để định hướng các chính sách PLXH cho Nhân dân nói chung, đối với đồng bào DTTS trên địa bàn tỉnh nói riêng.

Thứ ba, phải phù hợp với nguồn lực và bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của chính sách. Ngân sách nhà nước (Trung ương và địa phương) là nguồn cơ bản để bảo đảm PLXH đối với đồng bào DTTS nên cần được lập dự toán dài hạn ở Trung ương cũng như ở tỉnh cho công tác này để bảo đảm tính chủ động, ổn định của chính sách. Hàng năm Chính phủ và HĐND, UBND tỉnh Lâm Đồng đưa nội dung kinh phí các chương trình, dự án về dân tộc vào dự toán ngân sách, xác định những nguồn lực có khả năng xã hội hoá và huy động từ chính đồng bào DTTS được thụ hưởng để chủ động phân bổ nguồn vốn ngân sách. Các chính phải đảm bảo tính đồng bộ nên cần rà soát và loại bỏ những quy định chồng chéo, trùng lặp, không còn phù hợp, không khả thi hoặc hiệu quả thấp.

Một nội dung cần khẩn trương hoàn thiện ngay trong thực hiện các chính sách, pháp luật bảo đảm PLXH với đồng bào DTTS ở tỉnh Lâm Đồng hiện nay là hoàn thiện quy chế, cơ chế chỉ đạo, quản lý, hướng dẫn, phối hợp giữa cấp tỉnh và cấp xã đồng thời kiện toàn nhân sự thực hiện công tác này ở cấp xã khi đã hoàn thành sáp nhập cấp xã, sáp nhập tỉnh, tổ chức chính quyền địa phương hai cấp. Về mặt thể chế, trên cơ sở Luật Tổ chức chính quyền địa phương 2025, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 124/2025/NĐ-CP, ngày 11/6/2025 quy định "về phân quyền, phân cấp; phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực công tác dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo". Đây là những quy định mới nên còn nhiều lúng túng trong quá trình triển khai, phối hợp thực hiện theo mô hình hai cấp. Sở Dân tộc và Tôn giáo và các sở liên quan, các cơ quan cấp tỉnh cần hoàn thiện quy chế, hướng dẫn cách thức phối hợp trong

công tác chỉ đạo, hướng dẫn, quản lý về chuyên môn, nghiệp vụ, tiếp tục triển khai tập huấn đối với nhân sự chuyên môn của cấp xã để thực hiện thông suốt, hiệu quả. Đồng thời theo quy định tại Nghị định số 150/2025/NĐ-CP, ngày 12/6/2025 của Chính phủ thì công tác quản lý nhà nước ở địa phương về lao động, tiền lương; việc làm; BHXH; an toàn, vệ sinh lao động; người có công; bình đẳng giới; công tác dân tộc và tín ngưỡng, tôn giáo; văn hoá, khoa học và thông tin, giáo dục, y tế được giao cho Phòng VH-XH và có công chức chuyên môn phụ trách từng lĩnh vực chuyên môn. Phòng Kinh tế ở xã cũng là cơ quan tham mưu, giúp UBND xã trong thực hiện công tác quản lý nhà nước đối với nhiều nội dung liên quan trực tiếp đến PLXH như kết cấu hạ tầng, phát triển nông thôn; phòng, chống thiên tai; giảm nghèo. Vì vậy cần có sự chỉ đạo thống nhất từ tỉnh, hướng dẫn của Sở Dân tộc và Tôn giáo, các sở có liên quan về cơ chế, quy chế, cách thức chỉ đạo, lãnh đạo, hướng dẫn, phối hợp về chuyên môn, nghiệp vụ để cấp xã bố trí nhân sự đảm nhận công tác dân tộc có chuyên môn phù hợp, đáp ứng tốt yêu cầu công tác trong bối cảnh mới; đồng thời tăng cường bồi dưỡng về kiến thức dân tộc, kiến thức tôn giáo, kỹ năng công tác phù hợp với đặc điểm văn hoá, tập quán, tín ngưỡng, tôn giáo của đồng bào DTTS ở địa phương.

Đối với từng lĩnh vực PLXH, việc hoàn thiện và tổ chức thực hiện hiệu quả chính sách, pháp luật cần tập trung những nội dung:

Thứ nhất, trong việc đầu tư kết cấu hạ tầng KT-XH vùng DTTS và miền núi của tỉnh hiện nay.

Kết cấu hạ tầng cần quan tâm đầu tư nâng cấp là hệ thống đường giao thông nông thôn, trạm y tế, lưới điện, các công trình thuỷ lợi, chợ, trường học, nhà văn hoá và khai thác có hiệu quả hạ tầng này phục vụ phát triển KT-XH ở địa phương và nâng cao đời sống của Nhân dân.

Về hệ thống giao thông vận tải tại vùng đồng bào DTTS của tỉnh: đây là lĩnh vực tỉnh còn nhiều khó khăn, trở ngại, nhiều thôn/bon/buôn/bản đường ô tô mới chỉ đến được trung tâm của thôn. "Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới" đã xây dựng được nhiều tuyến đường bê tông hoá, nhựa hoá đến

với các trung tâm xã, trung tâm thôn/bon/buôn/bản và những khu dân cư sinh sống tập trung song những khu vực người dân ở phân tán trong vườn rẫy thì đường đi lại còn rất khó khăn, chủ yếu vẫn là đường đất, đá dăm. Vì vậy cần rà soát lại toàn bộ hệ thống giao thông trên địa bàn tỉnh, xác định cụ thể từng tuyến đường thuộc Trung ương quản lý, tuyến đã phân cấp về cho địa phương quản lý để có phương án cải tạo, sửa chữa, nâng cấp hoặc đầu tư nhựa hoá, bê tông hoá. Tập trung nguồn vốn Trung ương, đối tác công - tư, nguồn ngân sách địa phương và cả nguồn vốn vay, viện trợ, phát hành trái phiếu để huy động vốn cho các dự án giao thông, nhất là ở vùng DTTS, vùng sâu, khu vực biên giới phía Tây của tỉnh. Kết hợp giữa đầu tư công với sự đóng góp của Nhân dân, sự đồng hành của doanh nghiệp trong "Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới" và "Phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS và miền núi", "Giảm nghèo bền vững" là một giải pháp hiệu quả trong việc hoàn thiện hạ tầng giao thông ở tỉnh hiện nay. Với việc Trung ương thông qua dự án đầu tư công tuyến cao tốc Gia Nghĩa - Chơn Thành, cao tốc Tân Phú-Bảo Lộc, Bảo Lộc-Liên Khương và tiếp theo là tuyến Gia Nghĩa - Buôn Ma Thuột (Đắk Lắk), nâng cấp các tuyến quốc lộ 27, 28, 28B, 55, xúc tiến triển khai dự án cao tốc Phan Thiết-Bảo Lộc-Gia Nghĩa, đường vành đai biên giới sẽ tạo thành các trục giao thông Bắc-Nam, Đông-Tây quan trọng, huyết mạch, kết nối các địa phương hai bên hành lang của tuyến đường, tạo động lực cho sự phát triển toàn diện của địa phương.

Về hệ thống lưới điện: hiện nay lưới điện quốc gia đã được kéo đến tất cả các thôn/bon/buôn/bản vùng đồng bào DTTS của tỉnh, góp phần cải thiện đời sống và thúc đẩy sản xuất cho Nhân dân tuy nhiên hiện nay vẫn còn tình trạng hộ gia đình sống phân tán chưa có điện lưới vì vậy ngành điện lực của tỉnh cần tập trung nguồn lực đưa điện đến những điểm vùng sâu, biên giới, những khu vực dân cư sống phân tán trong nương rẫy để bảo đảm 100% hộ gia đình được sử dụng điện lưới quốc gia. Thực tế đã cho thấy điện lưới quốc gia đã góp phần tạo ra những chuyển biến rõ rệt trong đời sống, thúc đẩy và nâng cao năng lực sản xuất của đồng bào, đồng thời tăng cường công tác thông tin tuyên truyền chính sách, pháp luật về PLXH ở địa phương. Đối với những hộ DTTS nghèo,

cận nghèo, gia đình người có công, gia đình chính sách hoặc gia đình đặc biệt khó khăn thì ngành điện lực và chính quyền địa phương xem xét hỗ trợ kinh phí để kéo điện từ đường dây vào nhà để đồng bào có điện phục vụ đời sống và sản xuất. Chính quyền địa phương cùng với ngành điện lực kêu gọi các nguồn lực xã hội hoá cùng với sự tham gia đóng góp của Nhân dân để xây dựng hệ thống điện là một giải pháp hiệu quả để điện lưới quốc gia đến được với tất cả các hộ dân, nhất là các hộ dân sống phân tán trong nương, rẫy.

Đầu tư và khai thác có hiệu quả hệ thống thuỷ lợi: do khí hậu của tỉnh có hai mùa rõ rệt, mùa mưa và mùa khô, mỗi mùa kéo dài 6 tháng nên tình trạng thiếu nước cho sản xuất, sinh hoạt vào mùa khô diễn ra thường xuyên tại nhiều vùng trong tỉnh. Những năm qua bằng nguồn vốn của Trung ương và các nguồn vốn vay, tài trợ tỉnh đã xây dựng được 966 công trình thủy lợi, trong đó, có 536 hồ chứa, 255 đập dâng, 13 cống dâng, 51 trạm bơm và 91 đập tạm, cùng với hệ thống kênh mương dài 3.632km và hệ thống đê, kè biển, kè sông [14]. Ngoài ra tỉnh còn có nhiều công trình thuỷ điện với lòng hồ rộng lớn cũng là những công trình trữ nước quan trọng cho mùa khô. Tỉnh đề xuất với Trung ương để nghiên cứu ban hành quy chế vận hành, khai thác hài hoà các hồ thuỷ điện để vừa phát điện vừa bảo đảm nguồn nước phục vụ sản xuất và sinh hoạt của Nhân dân tại địa phương, khắc phục tình trạng cạn kiệt nước ở hạ nguồn các công trình vào mùa khô. Với đặc điểm địa hình nhiều đồi núi cùng nhiều sông suối, thung lũng có khả năng xây dựng các ao, hồ trữ nước, công trình thuỷ lợi vừa và nhỏ, tỉnh cần tiếp tục nghiên cứu, bổ sung vào quy hoạch đồng thời huy động vốn xây dựng thêm nhiều công trình thuỷ lợi nhằm chủ động nguồn nước tưới cho mùa khô để bảo đảm sản xuất nông nghiệp bền vững trên địa bàn. Tỉnh xem xét điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất, cho phép người dân được chuyển đổi sang đất nuôi trồng thuỷ sản để tự đào ao, hồ trữ nước phục vụ nhu cầu sản xuất kết hợp nuôi trồng thuỷ sản. Với việc chủ động nguồn nước tưới về mùa khô từ các công trình thuỷ lợi, thuỷ điện, ao, hồ, sông, suối, đồng bào trong tỉnh có cơ sở để tập trung phát triển những sản phẩm nông nghiệp có giá trị kinh tế cao đáp ứng nhu cầu của thị trường, góp phần quan trọng vào GNBV và phấn đấu trở lên khá giả.

Tăng cường đầu tư hạ tầng về xã hội vùng DTTS của tỉnh: song song với đầu tư nâng cấp hạ tầng về giao thông, hạ tầng lưới điện, hệ thống thuỷ lợi cũng cần tập trung đầu tư các công trình hạ tầng đáp ứng cho phát triển VH-XH vùng DTTS của tỉnh như hệ thống trường học, chợ, nhà văn hoá thôn/bon/buôn/bản. Hiện nay cơ sở vật chất lĩnh vực GDĐT như trường lớp, bàn ghế cơ bản đã bảo đảm song nhiều nơi công trình đã xuống cấp, cần được đầu tư để cải tạo, sửa chữa, nâng cấp bảo đảm cho việc dạy và học. Đối với những vùng DTTS cần đầu tư xây dựng những khu nhà công vụ cho giáo viên để họ yên tâm công tác, xây dựng nhà bán trú để học sinh có điều kiện đến trường học hai buổi/ngày, nhất là những nơi đi lại khó khăn, dân cư sống phân tán. Hiện nay học sinh DTTS đang được học tại các trường phổ thông dân tộc nội trú chỉ khoảng dưới 10%, vì vậy tỉnh đề xuất với Trung ương quan tâm đầu tư xây mới, nâng cấp, mở rộng quy mô các trường hiện có nhằm thúc đẩy hơn nữa công tác giáo dục, dạy nghề đối với học sinh DTTS. Trong lĩnh vực y tế, cùng với việc nâng cấp quy mô Bệnh viện đa khoa Đắk Nông lên 700 giường bệnh đã được triển khai thì cũng cần đầu tư nâng cấp các trung tâm y tế khu vực, trạm y tế cả về trang thiết bị, vật tư y tế, nhân lực nhằm nâng cao chất lượng các dịch vụ chăm sóc y tế cho Nhân dân, nhất là ở xã vùng DTTS. Phòng VH-XH phối hợp với trạm y tế xã và các cộng tác viên y tế, dân số, cô đỡ ở thôn/bon/buôn/bản tăng cường tuyên truyền, tập huấn nâng cao ý thức vệ sinh môi trường và phòng trừ dịch bệnh cho đồng bào DTTS, vùng DTTS. Nhà sinh hoạt cộng đồng đã được xây dựng tại tất cả các thôn/bon/buôn/bản vùng đồng bào DTTS sinh sống. Hiện nay nhiều nhà sinh hoạt cộng đồng đã xuống cấp, việc duy trì các hoạt động không hiệu quả. Vì vậy cần bổ sung kinh phí để các địa phương tu bổ, sửa chữa, đầu tư những trang thiết bị cơ bản để duy trì hoạt động hiệu quả cho các hoạt động cộng đồng của đồng bào.

Việc quy hoạch chợ tại vùng DTTS trong tỉnh hiện nay còn nhiều bất cập. Chợ được xây dựng tại trung tâm xã, thuận lợi cho người dân buôn bán, giao thương, tuy nhiên lại xa các thôn/bon/buôn/bản đồng bào DTTS sinh sống vì vậy cần đầu tư xây dựng chợ quy mô vừa phải tại những cụm dân cư, đầu mối giao

thông tạo thuận lợi cho đồng bào giao thương phục vụ đời sống và sản xuất. Chính quyền địa phương có cơ chế, chính sách hỗ trợ để các doanh nghiệp, hộ gia đình, cá nhân tham gia kinh doanh những mặt hàng thiết yếu cho nhu cầu sinh hoạt và sản xuất của Nhân dân trên địa bàn, nhất là trong việc cung ứng vật tư nông nghiệp lâm ngư nghiệp, nông cụ, thu mua và chế biến nông lâm, thuỷ sản, tạo thuận lợi đáp ứng nhu cầu tại chỗ của Nhân dân. Thực tế những năm qua cho thấy mô hình các hộ kinh doanh cá thể đã phát huy hiệu quả cao hơn so với các chợ truyền thống ở nông thôn và vùng DTTS của tỉnh.

Các công trình nước sạch phục vụ đồng bào: đối với những thôn/bon/buôn/bản đồng bào DTTS đang sinh sống tập trung, đã được đầu tư xây dựng công trình cấp nước sạch tập trung nhưng nay đã xuống cấp, hư hỏng không còn sử dụng được thì UBND cấp xã theo thẩm quyền được giao đề xuất UBND tỉnh cấp kinh phí để tiến hành cải tạo, sửa chữa nâng cấp để tiếp tục sử dụng hoặc kêu gọi, vận động các nhà tài trợ để thực hiện. Những thôn/bon/buôn/bản đồng bào DTTS sinh sống tập trung hoặc nơi có dân cư đông đúc, có khả năng xây dựng công trình cấp nước sạch thì tỉnh đầu tư, kêu gọi đầu tư hoặc vận động tài trợ để xây dựng những công trình cấp nước sạch tập trung. UBND cấp xã thành lập Tổ tự quản, ban hành quy chế để vận hành nhằm khai thác tốt các công trình cấp nước này, không để lãng phí. Chính quyền xã, ngành y tế phối hợp hướng dẫn và hỗ trợ đồng bào tự khai thác nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh. Đề nghị Ngân hàng CSXH Việt Nam trình Thủ tướng Chính phủ nâng mức cho vay đối với gói tín dụng "nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn" lên 50 triệu đồng/khách hàng (hiện nay là 25 triệu đồng/khách hàng) và hạ mức lãi suất xuống thấp hơn mức hiện nay, phấn đấu đến hết năm 2026 có 100% hộ gia đình đồng bào DTTS được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh. Chính quyền các cấp và các đoàn thể tiếp tục đẩy mạnh công tác kết nối các doanh nghiệp bán máy lọc nước với giá ưu đãi, trả góp để các hộ đồng bào DTTS được sử dụng nước sạch trong ăn uống, góp phần nâng cao sức khoẻ cộng đồng. Đối với các điểm dân cư nông thôn tập trung, đặc biệt là các thôn/bon/buôn/bản đồng bào DTTS sinh sống đông, các xã kêu gọi, hỗ trợ

thành lập các đơn vị thu gom rác sinh hoạt để xử lý tập trung, không để xảy ra dịch bệnh và ô nhiễm môi trường.

Nâng cấp hạ tầng về thông tin và truyền thông phục vụ đồng bào DTTS trong tỉnh: tỉnh yêu cầu các đơn vị cung cấp dịch vụ viễn thông, Báo và Phát thanh-truyền hình tỉnh nâng cấp chất lượng sóng điện thoại, phát thanh truyền hình, đặc biệt là ở khu vực biên giới phía Tây, vùng sâu của tỉnh. Mở rộng phát thanh bằng tiếng DTTS phù hợp với địa bàn từng xã; nâng cao chất lượng báo điện tử trên các nền tảng số, các chương trình phát thanh, truyền hình nhằm phục vụ nhu cầu thông tin, giải trí của đồng bào đồng thời kịp thời phổ biến các chính sách, pháp luật đến với đồng bào. Hiện tại số hộ đồng bào DTTS chưa có tivi, rađiô trong tỉnh còn khá cao, nhất là địa bàn các xã thuộc tỉnh Đắk Nông (cũ), Lâm Đồng (cũ). Vì vậy chính quyền địa phương, các đoàn thể cần kết nối các nhà hảo tâm, nhà tài trợ, thực hiện vận động tặng tivi cũ, rađiô cũ cho đồng bào DTTS nghèo, đồng thời kết nối các doanh nghiệp bán trả chậm, trả góp không lãi suất cho đồng bào. Các cơ quan báo chí ở tỉnh như Báo và Phát thanh-truyền hình Lâm Đồng, Thông tấn xã Việt Nam, các báo điện tử, các kênh truyền hình Trung ương, Đài tiếng nói Việt Nam, trang thông tin điện tử của tỉnh, các sở, ngành đẩy mạnh chuyển đổi số trên các ứng dụng số nhằm tăng cường và kịp thời thông tin đến Nhân dân trên địa bàn.

Thứ hai, trong lĩnh vực GNBV.

Đối với việc hỗ trợ đất đai cho đồng bào DTTS: tiếp tục rà soát hiện trạng không có đất sản xuất hoặc có nhưng không đảm bảo điều kiện để sản xuất, thiếu đất sản xuất của các hộ đồng bào DTTS để xây dựng phương án hỗ trợ cho đồng bào đủ điều kiện. Thực hiện nhất quán đến hết năm 2026 giải quyết dứt điểm tình trạng hộ đồng bào DTTS sinh sống bằng nông nghiệp đủ điều kiện được hỗ trợ đất sản xuất mà hiện đang không có đất hoặc có nhưng dưới hạn mức, đất không thể canh tác, được hỗ trợ đất sản xuất hoặc được đào tạo, chuyển đổi nghề phù hợp. Tỉnh quy hoạch lại đất đai, chuyển một số diện tích đất trước đây giao cho các nông, lâm trường quản lý (nay là các công ty nông, lâm nghiệp) về UBND cấp xã để xem xét cấp cho hộ đồng bào DTTS đủ điều kiện. Cần rà soát

lại hiện trạng sử dụng đất hiện nay của các hộ DTTS để thực hiện việc cấp đất đúng với quy định của Luật Đất đai, trong đó thực hiện thống nhất: (1) "có chính sách bảo đảm đất sinh hoạt cộng đồng cho đồng bào DTTS phù hợp với tập quán, tín ngưỡng và điều kiện thực tế của từng vùng"; (2) "có chính sách hỗ trợ đất đai lần đầu cho cá nhân là người DTTS thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo tại vùng đồng bào DTTS và miền núi, phù hợp với tập quán, tín ngưỡng và điều kiện thực tế của từng vùng" để bảo đảm ổn định cuộc sống như sau: giao đất ở trong hạn mức và được miễn, giảm tiền sử dụng đất; cho phép đồng bào được chuyển mục đích sang đất ở trong hạn mức và được miễn, giảm tiền sử dụng đất đối với đất có nguồn gốc được Nhà nước giao sử dụng, cho thuê, công nhận hoặc được thừa kế, tặng cho, nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật; giao đất nông nghiệp trong hạn mức không thu tiền sử dụng đất; xem xét cho thuê đất phi nông nghiệp nhưng không phải là đất ở để sản xuất, kinh doanh và được miễn, giảm tiền thuê đất. Đối với những cá nhân là người DTTS đã được Nhà nước giao đất, cho thuê đất nhưng nay không còn đất hoặc thiếu đất so với hạn mức mà thuộc diện hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo tại vùng đồng bào DTTS của tỉnh thì: (1) Trường hợp không còn đất ở thì được giao tiếp đất ở, cho phép chuyển mục đích sử dụng sang đất ở trong hạn mức giao đất ở và được miễn, giảm tiền sử dụng đất. Trường hợp thiếu đất ở thì cho phép chuyển mục đích sử dụng sang đất ở trong hạn mức giao đất ở và được miễn, giảm tiền sử dụng đất. (2) Trường hợp không còn hoặc thiếu đất nông nghiệp để trực tiếp sản xuất thì được giao tiếp đất nông nghiệp trong hạn mức không thu tiền hoặc cho thuê đất phi nông nghiệp mà không phải là đất ở để sản xuất, kinh doanh và được miễn, giảm tiền thuê đất.

Đối với những nơi mà người dân có diện tích đất canh tác lớn thì vận động chuyển nhượng, cho tặng hoặc sang nhượng cho trả dần đối với những hộ đồng bào DTTS thuộc hộ nghèo, cận nghèo đang không có đất, hoặc có đất sản xuất nhưng diện tích rất ít, khó canh tác, thiếu đất ở. Ngân hàng CSXH tỉnh xem xét cho vay để đồng bào có nguồn vốn nhận chuyển nhượng và đầu tư sản xuất, xây dựng nhà ở; địa phương hỗ trợ kinh phí làm nhà theo quy định của Trung

ương và của tỉnh. Thực tế ở địa phương cho thấy việc phát huy tinh thần đùm bọc, sẻ chia trong cộng đồng, gia đình, dòng họ ở vùng DTTS đã phát huy được hiệu quả rất thiết thực của công tác này.

Cùng với việc hỗ trợ đất sản xuất thì tỉnh tiếp tục ban hành chính sách hỗ trợ ứng trước giống cây trồng và vật nuôi; chính sách huy động xã hội hoá để hỗ trợ cây con giống, khoa học kỹ thuật cho đồng bào; xây dựng, tu bổ các công trình thuỷ lợi để đảm bảo nguồn nước vào mùa khô.

Đối với việc cho vay ưu đãi từ Ngân hàng CSXH tỉnh. Đây là nguồn vốn vay rất quan trọng để đồng bào DTTS trong tỉnh đầu tư đẩy mạnh sản xuất, chuyển đổi nghề, tạo việc làm và GNBV, phát triển GDĐT, nâng cao chất lượng cuộc sống. Kiến nghị Thủ tướng Chính phủ nâng hạn mức cho vay tín chấp, kéo dài thời gian vay và hạ lãi suất đối với các gói tín dụng để đồng bào đầu tư cho sản xuất, tạo việc làm, nhất là trong lĩnh vực nông nghiệp của tỉnh với những loại cây trồng lâu năm cần một nguồn vốn đầu tư ban đầu lớn, dài hạn. Đối với những hộ DTTS đã có đất sản xuất hoặc được hỗ trợ đất sản xuất thì UBND cấp xã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để đồng bào vay vốn tại các ngân hàng thương mại nhằm tạo lập nguồn vốn mở rộng sản xuất, tạo việc làm. Đối với những hộ gia đình, cá nhân đồng bào DTTS đang gặp khó khăn trong việc trả nợ vay đến hạn thì Ngân hàng CSXH tỉnh xem xét gia hạn cho vay và cho vay bổ sung nguồn vốn để đồng bào tiếp tục đầu tư sản xuất, tạo việc làm nhằm tạo lập nguồn để trả nợ. Ban hành chính sách tiếp tục thực hiện hỗ trợ lãi suất đối với đồng bào DTTS tại chỗ theo Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Đắk Nông (cũ) và mở rộng đối tượng đến đồng bào DTTS nghèo, cận nghèo nói chung trong tỉnh Lâm Đồng hiện nay thay vì chỉ áp dụng đối với đồng bào DTTS tại chỗ thuộc tỉnh Đắk Nông (cũ).

Đối với việc chuyển đổi nghề và tạo việc làm, hỗ trợ sinh kế cho đồng bào DTTS. Tỉnh ban hành chính sách hỗ trợ đào tạo nghề phù hợp với khả năng thực hiện của các cơ sở đạo tạo nghề trong tỉnh và hỗ trợ giải quyết việc làm cho đồng bào DTTS có nhu cầu chuyển đổi nghề. Mở rộng diện ưu tiên được vay vốn lãi suất ưu đãi để chuyển đổi nghề và tạo việc làm cho lực lượng lao động người

DTTS. Tăng cường công tác hướng nghiệp cho thanh niên DTTS từ trong các nhà trường phổ thông, mở rộng quy mô, đa dạng hoá nội dung đào tạo nghề và các hình thức đào tạo nghề phù hợp với nhu cầu thực tế, nâng cao chất lượng đào tạo của các cơ sở đào tạo nghề và liên kết giới thiệu việc làm sau đào tạo. Chú trọng những mô hình đào tạo nghề phù hợp tại cộng đồng và giải quyết việc làm tại chỗ cho đồng bào. Tăng cường tập huấn kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi và phát triển những nghề thủ công truyền thống có lợi thế về đầu ra cho sản phẩm trên địa bàn tỉnh như đan lát, dệt thổ cẩm, làm rượu cần, trồng hoa, chế biến sản phẩm nông nghiệp sau thu hoạch. UBND tỉnh chỉ đạo các sở và các xã, phường phối hợp cùng các đơn vị sản xuất, kinh doanh nghiên cứu chế biến sâu các sản phẩm từ nông nghiệp của đồng bào DTTS trong chương trình "mỗi xã một sản phẩm - OCOP" nhằm khai thác hiệu quả và bền vững trong sản xuất theo hướng: nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp xanh, nông nghiệp sạch, nông nghiệp tuần hoàn. UBND tỉnh cụ thể hoá Quyết định số 801/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ "phê duyệt Chương trình bảo tồn và phát triển làng nghề Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030", ban hành chính sách hỗ trợ phát triển "nghề thủ công truyền thống" trong đồng bào DTTS của tỉnh (hiện nay mới chỉ thực hiện hỗ trợ đối với "làng nghề") đồng thời kết nối đầu ra cho sản phẩm, bảo đảm cho sản phẩm được tiêu thụ ổn định.

Thứ ba, thực hiện tốt các chính sách phúc lợi về y tế.

Hiện tại Thông tư số 43/2025/TT-BYT, ngày 15/11/2025 của Bộ Y tế "hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trạm Y tế xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương" đã có hiệu lực và thực hiện từ ngày 01/01/2026. Theo đó Trạm Y tế cấp xã có chức năng cung cấp, thực hiện dịch vụ chuyên môn, kỹ thuật trong các lĩnh vực về chăm sóc sức khoẻ, y tế dự phòng, dân số, bảo trợ xã hội, an toàn thực phẩm. Quy định về cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, tài chính đã được quy định cụ thể. Vấn đề hiện nay là UBND cấp tỉnh, cấp xã, Sở Y tế tập trung lãnh đạo, chỉ đạo để kiện toàn về đội ngũ viên chức chuyên môn, tăng cường trang thiết bị chuyên môn, bảo đảm tài chỉnh để Trạm Y tế hoạt động thực sự hiệu quả. Tỉnh cụ thể

hoá, ban hành chính sách tiếp tục đầu tư kiện toàn và nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của "nhân viên y tế thôn, bản"; "cô đỡ thôn, bản"; "cộng tác viên dân số", bảo đảm tại các thôn/bon/buôn/bản vùng sâu, vùng xa, biên giới của tỉnh đều có lực lượng này được tập huấn chuyên môn để tham gia chăm sóc y tế ban đầu cho đồng bào. Tỉnh tiếp tục thực hiện chính sách thu hút và đào tạo nâng cao đối với nhân lực cho y tế ở địa phương, nhất là bác sĩ cho y tế cơ sở đồng thời tăng cường đầu tư, vận động tài trợ cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các cơ sở y tế nhằm nâng cao chất lượng y tế ở địa phương. Hàng năm rà soát trẻ em dưới 6 tuổi để bảo đảm 100% được cấp thẻ BHYT và tiêm chủng đầy đủ theo hướng dẫn của ngành y tế. Đối với người DTTS trên 75 tuổi và trên 70 tuổi thuộc hộ nghèo, cận nghèo thì các địa phương rà soát, lập danh sách để Cơ quan BHXH cấp thẻ BHYT cho Nhân dân bằng nguồn ngân sách nhà nước, không để sót đối tượng thụ hưởng. Tăng cường công tác thăm khám và tư vấn về dinh dưỡng, vác-xin, vệ sinh phòng bệnh cho phụ nữ có thai và nuôi con nhỏ trong vùng DTTS để nâng cao chất lượng dân số ngay từ đầu. Làm tốt công tác y tế dự phòng để phòng chống các bệnh truyền nhiễm nhất là sốt rét, sốt xuất huyết. Đề xuất Trung ương hỗ trợ một phần kinh phí để thực hiện tiêm chủng vác-xin sốt xuất huyết, sởi, thuỷ đậu cho đồng bào thuộc hộ nghèo, cận nghèo, khó khăn hoặc khi có dịch bệnh xảy ra. Tỉnh đề nghị với Trung ương hỗ trợ, đồng thời cân đối ngân sách tiếp tục thực hiện chính sách hỗ trợ BHYT (một phần hoặc toàn phần) cho các đối tượng đồng bào DTTS đến năm 2030. Chính quyền địa phương tiếp tục khuyến khích, hỗ trợ để mở rộng các loại hình y tế tư nhân phù hợp nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu chăm sóc sức khoẻ của Nhân dân tại địa phương. Tỉnh ban hành chính sách hỗ trợ và có định hướng để ngành y tế và đơn vị có liên quan tiến hành nghiên cứu y học cổ truyền và các bài thuốc dân gian trong đồng bào DTTS để phát huy được những giá trị này đồng thời đẩy mạnh tuyên truyền để xoá bỏ hủ tục, hành vi mê tín dị đoan trong điều trị bệnh. Ngành Y tế và ngành GDĐT tỉnh phối hợp hiệu quả nhằm định hướng và nâng cao chất lượng giáo dục phổ thông cho học sinh DTTS để phát triển nguồn nhân lực y tế có chất lượng, tăng cường cho các tuyến y tế của tỉnh, nhất là trong vùng DTTS.

Thứ tư, giải quyết tốt phúc lợi GDĐT cho đồng bào DTTS.

Trước hết là công tác phối hợp vận động để đảm bảo 100% trẻ đúng độ tuổi mẫu giáo được đến trường. Hai là làm tốt công tác xoá mù chữ để bảo đảm người từ 15 tuổi trở lên trong đồng bào DTTS đều hoàn thành phổ cập xoá mù chữ mức độ 2. Phát huy sự tham gia có hiệu quả của cả HTCT để mở các lớp xoá mù chữ phù hợp với từng vùng, từng đồng bào DTTS. Tăng cường các trường, điểm trường tại thôn/bon/buôn/bản vùng DTTS, bảo đảm đủ trường lớp, đủ giáo viên tại tất cả các điểm trường. Tăng cường đầu tư ngân sách và kêu gọi các nguồn viện trợ, tài trợ để nâng cấp phòng học, trang thiết bị dạy học cho các cơ sở giáo dục vùng DTTS và cơ sở dạy nghề của tỉnh. Hiện nay, ngành giáo dục đang thực hiện chủ trương tiếp tục sáp nhập các đơn vị sự nghiệp giáo dục, đặc biệt sẽ có những trường liên cấp với nhiều cấp học. Thực tế trên sẽ dẫn đến những vấn đề mới phát sinh trong công tác quản lý chuyên môn của các nhà trường. Vì vậy chính quyền cấp tỉnh, cấp xã và ngành giáo dục tỉnh phải đặc biệt quan tâm đến vấn đề này, đặc biệt là bộ máy quản lý và đội ngũ giáo viên của các trường trong tỉnh sau sáp nhập. Tỉnh tiếp tục thực hiện chính sách hỗ trợ đối với học sinh DTTS theo Nghị định số 86/2015/NĐ-CP và Nghị định số 145/2018/NĐ-CP nhằm tạo điều kiện để các em đến trường. Chính quyền địa phương, ngành giáo dục và các đoàn thể phối hợp làm tốt công tác vận động học sinh DTTS đến trường theo chương trình giáo dục trung học cơ sở, trung học phổ thông đi đôi với công tác hướng nghiệp, đào tạo nghề phù hợp và giới thiệu việc làm nhằm nâng cao chất lượng lao động trong đồng bào DTTS của tỉnh. Đề nghị Trung ương đầu tư xây dựng thêm trường nội trú tại vùng DTTS, vùng sâu, vùng biên giới, đồng thời duy trì và mở rộng các trường dân tộc nội trú hiện có để tạo nền tảng cho đào tạo nguồn nhân lực DTTS chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu của tỉnh và khu vực. Tỉnh rà soát, hợp nhất các chính sách của ba tỉnh trước sáp nhập về hỗ trợ học sinh, sinh viên DTTS tham gia học nghề, học cao đẳng, đại học (ở trong hoặc ngoài tỉnh) cho phù hợp với thực tế hiện nay, đồng thời kiến nghị Thủ tướng Chính phủ tăng hạn mức và giảm lãi suất cho vay đối với gói tín dụng với học sinh, sinh viên.

Thứ năm, đẩy mạnh BHXH trong đồng bào DTTS.

Hiện nay tỷ lệ đồng bào DTTS trong tỉnh Lâm Đồng tham gia BHXH chiếm tỷ lệ rất thấp. Điều này ảnh hưởng trực tiếp đến chủ trương của Đảng và Nhà nước ta về mở rộng bao phủ BHXH hướng tới chế độ hưu trí toàn dân. Vì vậy chính sách về BHXH với đồng bào DTTS ở tỉnh Lâm Đồng hiện nay cần tập trung vào việc hỗ trợ đào tạo và đào tạo nâng cao tay nghề đi đôi với giải quyết việc làm phù hợp để gia tăng lực lượng lao động tham gia BHXH bắt buộc. Luật Bảo hiểm xã hội 2024 đã có những quy định mở rộng về đối tượng tham gia BHXH bắt buộc cũng như chế độ thụ hưởng, điều kiện thụ hưởng. Chế độ BHXH tự nguyện cũng có những điều chỉnh mới như mở rộng đối tượng tham gia, tăng mức hỗ trợ của nhà nước nhất là đối với đồng bào DTTS, tạo cơ chế thông thoáng hơn về điều kiện hưởng lương hưu, bổ sung thêm 2 chế độ là chế độ thai sản BHXH tự nguyện và chế độ bảo hiểm tai nạn lao động tự nguyện. Đây là những quy định mới có lợi cho người tham gia BHXH tự nguyện, là động lực để người dân tham gia. Vì vậy cùng với cơ quan BHXH, chính quyền, MTTQ Việt Nam và các đoàn thể CT-XH ở địa phương tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền để người dân hiểu lợi ích lâu dài của các chính sách này và tích cực tham gia BHXH bắt buộc, BHXH tự nguyện phù hợp. Sử dụng có hiệu quả mạng xã hội và thực hiện chuyển đổi số trong công tác truyền thông, tuyên truyền về BHXH, BHYT hiện nay có hiệu quả nhanh chóng, thiết thực. Kết quả khảo sát thực tế các hộ dân cho thấy 78,8% đang tiếp nhận thông tin qua kênh này ở địa phương, nhưng cũng có tới 36,1% cho biết họ chưa biết đến chính sách nhà nước hỗ trợ tham gia BHXH tự nguyện [Phụ lục 5]. Hiện nay các xã, phường cần rà soát, xác định chính xác người từ đủ 75 tuổi trở lên và những người đủ 70 tuổi trở lên thuộc hộ nghèo, cận nghèo mà không hưởng chế độ hưu trí và trợ giúp xã hội để thực hiện chế độ trợ cấp hưu trí xã hội (có hiệu lực từ ngày 01/7/2025), không để sót đối tượng thụ hưởng, đặc biệt là với đồng bào DTTS, vốn có nhiều người không có giấy tờ để xác định độ tuổi.

Thứ sáu, tăng cường trợ giúp xã hội hiệu quả và thực hiện tốt ưu đãi người có công.

Là tỉnh có đông và đa dạng về DTTS, nhiều người có điều kiện sống rất khó khăn nên đối tượng diện hưởng trợ giúp xã hội khá cao và có xu hướng tăng lên. Vì vậy trên cơ sở Nghị định của Chính phủ về trợ giúp xã hội, tỉnh cần rà soát, ban hành quy định cụ thể hoá các tiêu chí về đối tượng được thụ hưởng chính sách bảo trợ xã hội tập trung hoặc ở cộng đồng cho phù hợp với điều kiện của tỉnh để thực hiện. Mở rộng quy mô các cơ sở bảo trợ xã hội của tỉnh, xem xét mở rộng đối tượng bảo trợ xã hội tập trung hoặc ở cộng đồng phù hợp với đặc điểm, khả năng ngân sách của tỉnh. Tăng cường công tác tuyên truyền để phổ biến chính sách này đồng thời làm tốt công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát để bảo đảm minh bạch, hiệu quả, không để sót, sai đối tượng được thụ hưởng. Tiếp tục rà soát, điều chỉnh các quy định của tỉnh về huy động xã hội hoá công tác bảo trợ xã hội cho phù hợp; kiến nghị Bộ Y tế, Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 64/2008/NĐ-CP, ngày 14/5/2008 "về vận động, tiếp nhận, phân phối và sử dụng các nguồn đóng góp tự nguyện hỗ trợ nhân dân khắc phục khó khăn do thiên tai, hoả hoạn, sự cố nghiêm trọng, các bệnh nhân mắc bệnh hiểm nghèo" cho phù hợp với thực tế hiện nay để có thể huy động sự tham gia đóng góp nhiều hơn, thiết thực và hiệu quả hơn của cộng đồng cho công tác trợ giúp xã hội trên địa bàn tỉnh.

Đối với đồng bào DTTS là người có công đang sinh sống trong tỉnh, quan điểm xuyên suốt của Đảng và Nhà nước ta là "Hoàn thiện và thực hiện tốt pháp luật, chính sách đối với người có công trên cơ sở nguồn lực của Nhà nước và xã hội, bảo đảm người có công và gia đình có mức sống từ trung bình khá trở lên trong địa bàn cư trú" [61, tr.148-149]. Tỉnh cân đối ngân sách nhà nước, bảo đảm thực hiện đầy đủ các chính sách ưu đãi đối với người có công theo quy định của Nhà nước. Đối với những người có công, gia đình người có công là đồng bào DTTS thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo, khó khăn về kinh tế hoặc nhà ở thì thực hiện đồng thời các chính sách PLXH ưu tiên đặc biệt và toàn diện. Đẩy mạnh xã hội hoá và vận động Nhân dân địa phương cùng tham gia chăm sóc đối

với người có công và thân nhân, bảo đảm cho mọi gia đình người có công được thụ hưởng cuộc sống bằng và hơn mức bình quân chung ở địa phương.

4.3.3. Huy động tốt nguồn lực xã hội để bảo đảm phúc lợi xã hội đối với đồng bào dân tộc thiểu số ở tỉnh Lâm Đồng

Đối với chính sách KT-XH vùng DTTS và miền núi, chủ trương xuyên suốt của Đảng và Nhà nước ta là "Huy động, phân bổ, sử dụng, quản lý hiệu quả các nguồn lực để đầu tư phát triển, tạo chuyển biến căn bản về kinh tế, văn hoá, xã hội ở vùng có đông đồng bào dân tộc thiểu số" [55, tr.170]. Vì vậy ngoài nguồn ngân sách (Trung ương, địa phương) là cơ bản, giữ vai trò chủ đạo trong bảo đảm PLXH đối với đồng bào DTTS ở tỉnh thì cần huy động tốt mọi nguồn lực xã hội nhằm chăm lo toàn diện và ngày càng tốt hơn cho đồng bào. Cần đẩy mạnh hơn nữa công tác thông tin, tuyên truyền bằng nhiều cách thức, phương tiện các chương trình có sức lan toả lớn như "Vì người nghèo", "Trái tim cho em", "Nâng bước em đến trường", "Cặp lá yêu thương", "Đèn đom đóm"...và các chương trình hỗ trợ sản xuất cho đồng bào DTTS. Các nguồn lực xã hội hoá nên hướng vào một số lĩnh vực PLXH ưu tiên và có hiệu quả thiết thực như y tế, GDĐT, văn hoá, thông tin nhằm nâng cao dân trí trong đồng bào; trợ giúp xã hội, giảm nghèo và tạo sinh kế bền vững. Trong công tác giảm nghèo cần tiếp tục vận động để xã hội hoá việc cung cấp giống cây trồng, vật nuôi và hỗ trợ kỹ thuật để đồng bào nâng cao năng lực sản xuất và GNBV hiệu quả. Phát huy các nguồn tài trợ trong việc xây dựng hạ tầng như phòng học, bếp ăn bán trú, nhà bán trú, nhà công vụ cho giáo viên và nhân viên y tế vùng sâu, trạm y tế, đường giao thông, lưới điện, cung cấp nước sạch; vận động các nguồn hỗ trợ sách vở, đồ dùng dạy học và học tập, chi phí học tập, chăm sóc y tế miễn phí cho đồng bào. Thực tế những năm qua các tỉnh Bình Thuận (cũ), Đắk Nông (cũ), Lâm Đồng (cũ) và Lâm Đồng hiện nay đã nhận được nhiều sự hỗ trợ của các doanh nghiệp và cộng đồng để triển khai nhiều công trình phúc lợi thiết thực đối với đồng bào DTTS như các dự án cấp nước sạch tập trung, dụng cụ chứa nước sinh hoạt cho hộ gia đình, hỗ trợ xây dựng nhà vệ sinh hợp chuẩn, tăng cường năng lực cho y tế thôn/bon/buôn/bản và y tế cấp xã, xây dựng và tặng trang thiết bị, đồ

dùng dạy và học. Đặc biệt là việc cấp học bổng, tặng quà, đồ dùng học tập cho học sinh…đã tạo nguồn lực đồng hành phát triển GDĐT vùng DTTS của tỉnh.

Cứu trợ xã hội là một kênh vận động các nguồn lực xã hội nhanh và có hiệu quả để chăm lo PLXH cho đồng bào DTTS ở tỉnh, nhất là trong hoàn cảnh thiên tai, dịch bệnh, hoạn nạn. Điều kiện KT-XH vùng DTTS của tỉnh còn nhiều khó khăn, nhiều hộ đồng bào DTTS nghèo vẫn còn nguy cơ thiếu đói vào những thời điểm nhất định, sản xuất còn phụ thuộc nhiều vào thiên nhiên, thường xuyên chịu tác động tiêu cực bởi thiên tai, dịch bệnh, mất mùa nên những sự chung tay hỗ trợ của cộng đồng trong những hoàn cảnh này là rất thiết thực. Thông qua MTTQ Việt Nam và các tổ chức CT-XH, Hội Chữ thập đỏ và các quỹ như "Quỹ vì người nghèo" "Quỹ nạn nhân chất độc da cam đioxin", "Tết vì người nghèo"...để vận động hỗ trợ đồng bào những lúc khó khăn. Tỉnh cần tăng cường hơn nữa mối liên kết với các địa phương có kinh tế phát triển để vận động nguồn lực chăm lo PLXH tốt hơn cho đồng bào DTTS của tỉnh.

Tỉnh kiến nghị Trung ương tiếp tục tháo gỡ những khó khăn, "điểm nghẽn", "nút thắt" về quy hoạch, thể chế, cơ chế để khai thác tốt tiềm năng, lợi thế của tỉnh nhằm phát triển KT-XH nhanh, tạo tiền đề về kinh tế để chăm lo PLXH ngày càng tốt hơn cho đồng bào DTTS và Nhân dân trong tỉnh. Lâm Đồng có tiềm năng về đất đai, khí hậu, nguồn nước để phát triển nhiều sản phẩm nông nghiệp có giá trị kinh tế cao như cà phê, hồ tiêu, cao su và các loại cây ăn trái, hoa, rau đặc sản, chăn nuôi, đánh bắt, nuôi trồng thuỷ sản. Tỉnh cần đẩy mạnh việc liên kết giữa nhà nước-người dân-nhà khoa học-doanh nghiệp để phát triển ngành nông nghiệp của tỉnh theo hướng: nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp xanh, bền vững, nông nghiệp gắn với thị trường, kết hợp nông, lâm, ngư nghiệp, thủ công với phát triển du lịch. Cần làm tốt công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn, nhất là thị trường cây, con giống, vật tư nông nghiệp, bảo quản sau thu hoạch. Tỉnh cũng có tiềm năng lớn về năng lượng tái tạo (điện gió, điện mặt trời), thuỷ điện, công nghiệp bô xít-nhôm nên cần thu hút mạnh mẽ các nhà đầu tư vào khu vực này. Vì vậy tỉnh cần tăng cường thu hút đầu tư để khai thác tiềm năng, lợi thế về tự

nhiên, đất đai, khí hậu, nguồn nước, tài nguyên khoáng sản, sự đa dạng về dân tộc và văn hoá để phát triển kinh tế đa dạng. Thông qua các dự án kinh tế tạo thêm nhiều việc làm trực tiếp và gián tiếp cho Nhân dân, đồng thời thúc đẩy phát triển các lĩnh vực VH-XH, thu nhập và tạo nguồn lực kinh tế để chăm lo PLXH cho đồng bào DTTS. Để thu hút mạnh mẽ đầu tư cho các dự án kinh tế, trên cơ sở quy hoạch tỉnh đã được Trung ương phê duyệt tỉnh cần đẩy mạnh cải cách hành chính, tăng cường thông tin xúc tiến đầu tư, đào tạo nhân lực chất lượng cao đáp ứng nhu cầu đa dạng của các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh.

Thông qua hoạt động của các tổ chức CT-XH, các tổ chức phi chính phủ, tổ chức xã hội, các nhà khoa học, cơ quan nhà nước, các doanh nghiệp nhằm nâng cao mặt bằng dân trí và năng lực sản xuất cho đồng bào các DTTS trong tỉnh. Đồng thời thông qua những hoạt động này định hướng nghề nghiệp nhằm chuyển đổi nghề, đào tạo nghề, kết nối doanh nghiệp tạo việc làm cho lao động DTTS, nhất là trong thanh niên. Đây là yếu tố căn bản nhằm tạo sự chuyển biến trong sản xuất và đời sống, từng bước để đồng bào tự lực cánh sinh, vươn lên GNBV, phát triển đa dạng sinh kế, tăng thu nhập, nâng cao mọi mặt đời sống.

Tỉnh Lâm Đồng hiện nay có tiềm năng lớn để phát triển du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng, du lịch nghỉ dưỡng nhằm khai thác có hiệu quả lợi thế của địa phương về tính đa dạng, đặc sắc của các DTTS, văn hoá, cảnh quan thiên nhiên, khí hậu, môi trường gắn với phát triển nông, lâm, ngư nghiệp bền vững. Thông qua hoạt động của các tổ chức phi chính phủ, các tổ chức xã hội và cộng đồng, các doanh nghiệp thúc đẩy nâng cao năng lực của đồng bào DTTS trong phát triển các hình thức du lịch cộng đồng kết hợp với phát triển nông, lâm, ngư nghiệp và các nghề thủ công truyền thống, làng nghề của tỉnh.

Vận động người dân tại địa phương trực tiếp giúp đỡ, hỗ trợ nhau trong lao động sản xuất và đời sống là một cách thiết thực và hiệu quả để chăm lo PLXH cho đồng bào DTTS của tỉnh, "không để ai bị bỏ lại phía sau". Ở Lâm Đồng, các dân tộc cư trú đan xen với nhau vì vậy cần phát huy tinh thần đoàn kết, giúp đỡ, sẻ chia trong từng dòng họ, cộng đồng DTTS và giữa các dân tộc. Nhiều mô hình giúp nhau làm kinh tế hiệu quả, cùng tham gia hợp tác, chuỗi sản

xuất, hỗ trợ nâng cao năng lực sản xuất và đời sống, tạo việc làm cho kinh tế hộ được Nhân dân triển khai từ nhiều năm qua đã thực sự phát huy hiệu quả. Khuyến khích người dân trực tiếp giúp đỡ nhau trong sản xuất bằng việc hỗ trợ cây, con giống, vật tư nông nghiệp, kỹ thuật và kinh nghiệm trồng trọt, chăn nuôi, chế biến và bảo quản sau thu hoạch, hướng dẫn học nghề thủ công, thành lập các câu lạc bộ, các tổ hợp tác, tham gia hợp tác xã để sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. Chính quyền cấp xã, các đoàn thể cần đẩy mạnh việc nhân rộng những mô hình hay, cách làm hiệu quả trong Nhân dân để ngày càng có nhiều hơn đồng bào DTTS được thụ hưởng đầy đủ các chính sách PLXH, để vươn lên phát triển toàn diện.

Tỉnh ban hành cơ chế, chính sách khuyến khích, hỗ trợ (như giao đất không thu tiền sử dụng đất, thủ tục hành chính, thông tin, nhân lực) để các tổ chức kinh tế, tôn giáo, tổ chức xã hội đứng ra thành lập các cơ sở bảo trợ xã hội phù hợp; các tổ chức thiện nguyện, các tổ chức cung ứng các dịch vụ xã hội cơ bản miễn phí hoặc chi phí thấp phục vụ đồng bào DTTS yếu thế hoặc ở những vùng khó khăn, hộ nghèo, cận nghèo. Đây là một kênh rất hiệu quả để góp phần bảo đảm PLXH cho đồng bào DTTS yếu thế ở tỉnh Lâm Đồng hiện nay.

4.3.4. Phát huy ý chí tự lực, tự cường của đồng bào dân tộc thiểu số ở tỉnh Lâm Đồng

Đảng, Nhà nước ta có chủ trương, khuyến khích: "Có cơ chế thúc đẩy tính tích cực, ý chí tự lực, tự cường của đồng bào các DTTS phát triển KT-XH, thực hiện giảm nghèo đa chiều, bền vững" [55, tr.170]. Vì vậy trong việc bảo đảm PLXH đối với đồng bào DTTS ở tỉnh Lâm Đồng hiện nay thì việc phát huy nội lực, ý chí tự lực, tự cường, khát vọng vươn lên của chính đồng bào DTTS là giải pháp quan trọng hàng đầu, quyết định sự thành công và tính bền vững của các chính sách. Phát huy nội lực của đồng bào DTTS thực chất là phát huy lòng tự tôn, tính tự giác, tích cực, khát vọng của đồng bào trong giảm nghèo, phát triển KT-XH, đồng thời khắc phục những hạn chế, hủ tục trong sản xuất cũng như trong đời sống, văn hoá, tinh thần của đồng bào. Lâm Đồng có 48 DTTS cùng chung sống với những nét đặc sắc riêng về tính cách, văn hoá, phong tục tập

quán, khác nhau về trình độ và năng lực sản xuất, trong đó có các DTTS tại chỗ và các DTTS di cư đến. Vì vậy CBCCVC làm công tác PLXH (nhất là ở cơ sở) cần phải am hiểu tâm lý, tính cách, văn hoá, tập quán, phong tục, cách thức sản xuất của từng cộng đồng DTTS. Từ đó mới thúc đẩy và phát huy được tính tích cực, ý chí, khát vọng vươn lên của đồng bào trong phát triển KT-XH, bắt nhịp cùng sự phát triển của đất nước trong xu thế "toàn cầu hoá" hiện nay, để "không ai bị bỏ lại phía sau".

Để phát huy hiệu quả ý chí tự lực, tự cường của đồng bào DTTS tỉnh Lâm Đồng trong bảo đảm PLXH hiện nay cần:

Thứ nhất, tập trung xoá mù chữ và chống tái mù chữ, nâng cao dân trí và chất lượng nguồn nhân lực trong đồng bào DTTS. Hiện nay đồng bào DTTS ở tỉnh Lâm Đồng còn nhiều hạn chế về học vấn, tay nghề vì vậy cần tập trung giải quyết dứt điểm tình trạng mù chữ (đạt mức độ 2) trong đồng bào DTTS và không để tái mù chữ; đẩy mạnh phúc lợi giáo dục để nâng cao dân trí, phát triển lực lượng lao động DTTS có chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển KT-XH đa dạng của địa phương và xây dựng đội ngũ CBCCVC các cấp. Tiếp tục triển khai đồng bộ chính sách GDĐT để 100% trẻ em DTTS được đến trường đúng độ tuổi và tăng số năm đi học để hoàn thành phổ cập giáo dục trung học cơ sở trong vùng DTTS, gia tăng học sinh khối trung học phổ thông, tăng cường đào tạo nghề phù hợp gắn với giải quyết việc làm cho nguồn nhân lực DTTS. Do đại đa số đồng bào DTTS sinh sống bằng nghề nông nên nâng cao kiến thức cho đồng bào về trồng trọt, chăn nuôi, chế biến, bảo quản nông sản sau thu hoạch là rất quan trọng nhằm nâng cao năng lực sản xuất theo nhu cầu của thị trường. Đối với những hộ đồng bào DTTS tham gia sản xuất thủ công và phi nông nghiệp, du lịch cộng đồng thì cần tập huấn nâng cao kiến thức cho họ để họ chủ động, tích cực trong các hoạt động sản xuất và cung cấp dịch vụ có chất lượng, kinh doanh đúng pháp luật, phát triển sinh kế và tạo thêm nhiều việc làm.

Một nội dung rất quan trọng trong phát triển nguồn nhân lực DTTS ở tỉnh Lâm Đồng hiện nay là phát triển đội ngũ CBCCVC, lực lượng vũ trang người DTTS, nhất là các DTTS tại chỗ theo đề án "Phát triển đội ngũ cán bộ, công

chức, viên chức người dân tộc thiểu số trong thời kỳ mới" theo Quyết định số 402/QĐ-TTg ngày 14/3/2016 của Thủ tướng Chính phủ. Tỉnh uỷ, UBND tỉnh chỉ đạo Ban Tổ chức Tỉnh uỷ, Sở Dân tộc và tôn giáo, Sở Nội vụ rà soát các cơ quan, đơn vị trong tỉnh và từng địa phương để bảo đảm tỷ lệ cán bộ DTTS đạt và vượt định mức quy định. Thực hiện cơ chế cộng điểm ưu tiên trong tuyển dụng công chức, viên chức đối với người DTTS, nhất là người DTTS tại chỗ. Tiếp tục thực hiện tốt việc định hướng đào tạo và các chính sách hỗ trợ đối với học sinh, sinh viên DTTS tham gia học nghề, trung cấp chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học nhằm phát triển đội ngũ cán bộ người DTTS cho HTCT của tỉnh, cấp xã và nhu cầu nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn, tay nghề cao của xã hội. Đây cũng đồng thời là giải pháp để đẩy mạnh BHXH, BHYT, BHTN đối với đồng bào DTTS ở tỉnh Lâm Đồng hiện nay.

Thứ hai, đẩy mạnh phúc lợi y tế nhằm nâng cao thể trạng, sức khoẻ cho đồng bào DTTS. Thực hiện kết hợp nhiều giải pháp chăm lo sức khoẻ phụ nữ mang thai, nuôi con nhỏ và trẻ nhỏ để khắc phục tình trạng suy dinh dưỡng hiện nay. Đẩy mạnh công tác y tế dự phòng với sự tham gia của ngành y tế và đồng bào DTTS để phòng chống những bệnh lây nhiễm trong cộng đồng. Tăng cường hoạt động của cộng tác viên y tế, cô đỡ, cộng tác viên dân số ở thôn/bon/buôn/bản và trạm y tế cấp xã để thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khoẻ ban đầu, phòng trừ dịch bệnh, vệ sinh môi trường, chăm sóc sức khoẻ sinh sản. Có chính sách nghiên cứu những bài thuốc chữa bệnh hay trong đồng bào DTTS để phát huy trong việc chăm sóc sức khoẻ, đồng thời tuyên truyền để loại bỏ những hủ tục lạc hậu trong việc chữa bệnh trong đồng bào. Chính quyền địa phương và Ngân hàng CSXH tiếp tục triển khai có hiệu quả chính sách tín dụng về nước sạch và vệ sinh môi trường để giải quyết dứt điểm tình trạng hộ đồng bào DTTS không có nhà vệ sinh hợp chuẩn và thiếu nguồn nước sạch cho sinh hoạt. Nhà nước (Trung ương và tỉnh) tiếp tục hỗ trợ hộ đồng bào DTTS nghèo, cận nghèo và những hộ sinh sống ở vùng sâu, biên giới kinh phí đóng BHYT đến năm 2030, vận động các doanh nghiệp, cộng đồng hỗ trợ tặng thẻ BHYT cho đồng bào nghèo, cận nghèo và hỗ trợ đồng bào khi phải nằm viện điều trị,

phấn đấu để đồng bào DTTS tham gia BHYT đạt 100%. Một nội dung cần quan tâm nhằm nâng cao trí lực, thể lực cho đồng bào DTTS là nâng cao chất lượng bữa ăn và đảm bảo dinh dưỡng, nhất là đối với bà mẹ mang thai và trẻ em. Để thực hiện được việc này cần nâng cao năng lực sản xuất, tạo thêm việc làm, đào tạo và chuyển đổi nghề, tăng thu nhập cho đồng bào, hướng dẫn đồng bào tự tăng gia sản xuất để cải thiện bữa ăn. Ngành y tế làm tốt công tác truyền thông, y tế dự phòng cũng như việc bảo đảm an toàn, vệ sinh thực phẩm nhằm nâng cao chất lượng bữa ăn và tăng cường sức khoẻ cho đồng bào.

Thứ ba, phát huy tốt bản sắc văn hoá tốt đẹp của các DTTS. Văn hoá các DTTS trong tỉnh là nguồn lực tinh thần to lớn, có vai trò là năng lực nội sinh, tạo động lực thúc đẩy phát triển KT-XH và bảo đảm ANQP ở địa phương. Để phát huy hiệu quả nguồn lực tinh thần, năng lực nội sinh to lớn này, Tỉnh uỷ, UBND tỉnh chỉ đạo Sở Văn hoá-Thể thao và Du lịch tỉnh, chính quyền cấp xã, Hội Văn học-nghệ thuật tỉnh cùng phối hợp tiếp tục nghiên cứu xác định những giá trị văn hoá tốt đẹp để bảo tồn và phát huy đồng thời xác định những nét văn hoá lạc hậu để vận động đồng bào loại bỏ ra khỏi đời sống. Những bản sắc, giá trị văn hoá tốt đẹp được thể hiện trong cả đời sống và sản xuất, hình thành nên những nét riêng có của từng DTTS, từng cộng đồng và đây chính là nguồn tài nguyên văn hoá quý giá để phát triển du lịch cộng đồng kết hợp với du lịch sinh thái ở địa phương. Có chính sách sưu tầm, bảo tồn và chuyển giao cho cộng đồng những giá trị văn hoá đặc sắc của từng DTTS, nhất là đối với thế hệ trẻ như cồng chiêng đối với các DTTS tại chỗ, nghệ thuật múa và nghệ thuật làm gốm của người Chăm, những làn điệu dân ca đối với các DTTS di cư từ phía Bắc vào, những nghề thủ công truyền thống của các dân tộc. Tỉnh đầu tư hỗ trợ, vận động tài trợ những thiết bị cần thiết để nâng cao hiệu quả sử dụng nhà văn hoá cộng đồng ở các thôn/bon/buôn/bản đồng bào DTTS. Duy trì và có chính sách hỗ trợ phù hợp để tổ chức những lễ hội truyền thống đặc sắc của từng DTTS gắn với phát triển du lịch ở các địa phương trong tỉnh. Đây là biện pháp hữu hiệu để đồng thời vừa bảo tồn được những giá trị văn hoá đặc sắc, tốt đẹp của các DTTS vừa tạo thêm nguồn lực để phát triển KT-XH, nâng cao đời sống của Nhân dân.

Thứ tư, phát huy tinh thần đoàn kết, sẻ chia của Nhân dân các dân tộc trong tỉnh. Nhân dân các dân tộc trong tỉnh Lâm Đồng có tinh thần đoàn kết, sẻ chia, sẵn sàng hỗ trợ nhau trong sản xuất và đời sống hàng ngày. Đây là một truyền thống rất tốt đẹp cần được phát huy trong việc bảo đảm PLXH cho Nhân dân trong tỉnh hiện nay. Cấp uỷ Đảng, chính quyền, MTTQ Việt Nam và các tổ chức CT-XH, nhất là ở cấp xã và ở thôn/bon/buôn/bản/tổ dân phố phải thực sự phát huy dân chủ, vận động toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá mới, tích cực phát triển KT-XH, chăm lo cho người có công, người nghèo, người yếu thế tại địa phương. Thực hành dân chủ đi đôi với công khai, minh bạch, nâng cao trách nhiệm giải trình trong thực hiện các chương trình phát triển KT-XH, các chính sách PLXH và trong việc vận động, sử dụng các quỹ do Nhân dân đóng góp hoặc được Nhà nước hỗ trợ, bảo đảm đúng nguyên tắc "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng".

Cấp uỷ, chính quyền địa phương, các đoàn thể ở xã làm tốt công tác định hướng sản xuất cho đồng bào, kết nối việc cung ứng cây con giống và vật tư nông lâm nghiệp, kỹ thuật cho đồng bào DTTS đồng thời tổ chức thường xuyên những buổi thăm quan thực tế, hướng dẫn kỹ thuật canh tác, chia sẻ kinh nghiệm giữa các hộ dân, các vùng để nâng cao năng lực sản xuất cho đồng bào. Có cơ chế để khuyến khích người dân trực tiếp giúp nhau trong sản xuất cũng như trong đời sống với những mô hình hiệu quả như "hai hộ cựu chiến binh khá giả giúp một hộ khó khăn", "hai hộ khá giúp một hộ nghèo", tham gia các "câu lạc bộ", "tổ hợp tác", "hợp tác xã"…để đồng bào giúp nhau vươn lên thoát nghèo, trở lên khá giả. Chính quyền kết nối các doanh nghiệp, hộ sản xuất, kinh doanh cá thể, các hợp tác xã để đồng bào cùng tham gia vào chuỗi sản xuất, cung cấp các sản phẩm nông nghiệp sạch theo chuỗi giá trị và sản phẩm thủ công truyền thống đáp ứng nhu cầu của thị trường.

Tỉnh uỷ, đảng uỷ cấp xã và cấp uỷ các cơ quan trong HTCT cấp tỉnh, cấp xã lãnh đạo thực hiện tốt chính sách đại đoàn kết các dân tộc trong tỉnh, vận động Nhân dân chia sẻ, giúp đỡ, hỗ trợ nhau đồng thời kiên quyết xử lý nghiêm những hành vi kỳ thị, xuyên tạc, chia rẽ, phá hoại khối đại đoàn kết dân tộc.

Cùng với đó là các địa phương vùng DTTS phải tăng cường công tác vận động Nhân dân, kịp thời giải quyết những vụ việc Nhân dân bức xúc; những vấn đề nhạy cảm; những bất đồng, tranh chấp nhất là về đất đai, không để xảy ra điểm nóng về an ninh trật tự. Cần phát huy tốt vai trò cầu nối đại đoàn kết dân tộc của già làng và "người có uy tín" trong cộng đồng DTTS. Đối với đồng bào DTTS ở tỉnh Lâm Đồng, già làng, "người có uy tín", trưởng bon/buôn/bản có vai trò và ảnh hưởng rất lớn trong việc tập hợp Nhân dân, định hướng tư tưởng, tổ chức sản xuất và đời sống, chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và địa phương. Vì vậy để phát huy tốt vai trò của những nhân tố này thì cần tiếp tục thực hiện tốt hơn những chính sách đãi ngộ, đồng thời tăng cường tập huấn chính sách có liên quan trực tiếp đến đồng bào để họ tuyên truyền, phổ biến trong cộng đồng. Tiếp tục hỗ trợ, vận động đồng bào DTTS tại các thôn/bon/buôn/bản xây dựng và tích cực thực hiện các quy ước, hương ước của cộng đồng DTTS mình theo Nghị định số 61/2023/NĐ-CP, ngày 16/8/2023 của Chính phủ "về xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước của cộng đồng dân cư", đặc biệt là trong việc giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc, phong tục và truyền thống tốt đẹp, tinh thần đoàn kết, trách nhiệm cộng đồng và cùng nhau xây dựng "đời sống văn hoá mới" ở địa phương.

Phát huy tinh thần đoàn kết, sẻ chia giữa Nhân dân với nhau là biện pháp hiệu quả, thiết thực và kịp thời để bảo đảm phúc lợi tại chỗ cho đồng bào DTTS vốn gắn bó và có tính cố kết cộng đồng rất cao. Biện pháp này không chỉ giúp đỡ đồng bào trong những lúc khó khăn, hoạn nạn mà còn giúp đồng bào phát huy được ý chí tự lực, tự cường, năng lực nội sinh, khát vọng vươn lên phát triển kinh tế, giảm nghèo và nâng cao đời sống.

Thực hiện tốt việc công khai, minh bạch các chương trình, chính sách PLXH để đồng bào DTTS được biết nhằm tạo sự đồng thuận cũng như thúc đẩy tích tích cực của chính đồng bào trong việc tham gia, thụ hưởng. Sự chủ động, tính tích cực của đồng bào DTTS trong việc cùng tham gia xây dựng, triển khai thực hiện, giám sát, thụ hưởng, đánh giá sẽ có ảnh hưởng tích cực đến thành công của các chính sách PLXH ở địa phương. Công khai, minh bạch còn là cách

thức để tăng cường hiệu quả giám sát xã hội, tránh thất thoát, lãng phí, kém hiệu quả trong thực hiện PLXH đối với đồng bào DTTS ở tỉnh Lâm Đồng hiện nay.

Tỉnh uỷ tăng cường lãnh đạo công tác đấu tranh với những thủ đoạn chống phá, chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc, gây mất an ninh trật tự, tạo điểm nóng về CT-XH của các thế lực phản động, thù địch. Lâm Đồng vẫn là địa bàn trọng điểm để các thế lực phản động, thù địch, những phần tử cơ hội, bất mãn lợi dụng những vấn đề nhạy cảm để xuyên tạc, kích động đồng bào nhằm phá hoại khối đại đoàn kết các dân tộc trong tỉnh, tạo những bất ổn về CT-XH để tạo cớ can thiệp từ bên ngoài. Vì vậy Tỉnh uỷ, đảng uỷ cấp xã một mặt tập trung hỗ trợ phát triển toàn diện kinh tế, chính trị, VH-XH cho đồng bào, một mặt cũng cần đẩy mạnh vận động quần chúng, đi sâu, đi sát cơ sở, nắm bắt và giải quyết kịp thời, thoả đáng những nhu cầu, nguyện vọng chính đáng đồng thời làm rõ những âm mưu, thủ đoạn của các thế lực phản động, thù địch, bất mãn, cơ hội để đồng bào cùng tham gia đấu tranh, xử lý theo quy định của pháp luật. Đây là cách thức quan trọng để vừa củng cố khối đại đoàn kết các dân tộc trong tỉnh vừa khơi dậy và phát huy được năng lực nội sinh, ý chí tự lực, tự cường, khát vọng vươn lên của đồng bào các dân tộc tỉnh Lâm Đồng trong phát triển KT-XH, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN hiện nay.

4.3.5. Làm tốt công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các chương trình phúc lợi xã hội đối với đồng bào dân tộc thiểu số ở tỉnh Lâm Đồng

Trong việc thực hiện các chính sách PLXH, kiểm tra, thanh tra, giám sát có vai trò rất quan trọng, bảo đảm cho các chính sách được thực hiện kịp thời, đúng đối tượng và đạt hiệu quả thiết thực. Kiểm tra và giám sát phải được thực hiện ngay từ khi đề xuất, xây dựng chính sách cho đến khi triển khai thực hiện trên thực tế và được thực hiện thường xuyên. Mục đích của công tác này là để các chính sách PLXH được ban hành kịp thời, đúng đối tượng, khi triển khai thực hiện không bị bỏ sót, trùng lặp, thất thoát, tham ô, lãng phí nguồn lực đầu tư, hỗ trợ của Nhà nước và xã hội.

Chủ thể của thanh tra hiện nay là Thanh tra nhà nước và được thực hiện theo quy định của pháp luật về thanh tra. Chủ thể của kiểm tra là cơ quan ban hành chính sách, cơ quan cấp trên trực tiếp của cơ quan ban hành chính sách PLXH. Chủ thể của giám sát rất đa dạng, đó là giám sát tối cao của Quốc hội, giám sát của HĐND các cấp, giám sát và phản biện xã hội của MTTQ Việt Nam và các tổ chức CT-XH, và quan trọng nhất là giám sát thực tế của Nhân dân. Ngoài ra còn có cơ chế kiểm tra, giám sát của Đảng nhằm bảo đảm tính hiệu quả của các chính sách PLXH cho Nhân dân. Cấp uỷ Đảng các cấp phải tăng cường hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát của Đảng trong việc thực hiện các chính sách PLXH đối với đồng bào DTTS của các cơ quan nhà nước cùng cấp và cấp dưới, cũng như đối với đội ngũ cán bộ, đảng viên tham gia thực hiện chính sách trong các cơ quan, đơn vị ấy. Thông qua việc nghe báo cáo, kiểm tra, giám sát thực tế về tình hình triển khai và kết quả thực hiện PLXH đối với đồng bào DTTS, cấp uỷ Đảng, cơ quan có thẩm quyền kịp thời phát hiện ra những mô hình hay, cách làm hiệu quả, những ưu điểm của chính sách để nhân rộng trong thực hiện, kịp thời phát hiện những bất cập trong chính sách để điều chỉnh hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế của địa phương, của cộng đồng DTTS và đối tượng trực tiếp thụ hưởng. Thực tế cho thấy nhiều chính sách được ban hành phù hợp với địa bàn này, cộng đồng DTTS này nhưng lại không phù hợp với địa bàn khác và cộng đồng DTTS khác. Việc chậm phát hiện ra những bất cập và chậm điều chỉnh có thể khiến cho chính sách không đem lại hiệu quả, thậm chí lãng phí, thất thoát, gây bức xúc trong xã hội. Vì vậy để công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách PLXH với đồng bào DTTS ở tỉnh Lâm Đồng được hiệu quả cần thực hiện đồng bộ:

Thứ nhất, xác định rõ thẩm quyền và trách nhiệm của các cơ quan kiểm tra, thanh tra, giám sát. Về kiểm tra và giám sát của Đảng, đó là thẩm quyền của Tỉnh uỷ, Uỷ ban Kiểm tra Tỉnh uỷ, Đảng uỷ Các cơ quan Đảng tỉnh và Uỷ ban Kiểm tra Đảng uỷ Các cơ quan Đảng tỉnh, Đảng uỷ UBND tỉnh và Uỷ ban Kiểm tra Đảng uỷ UBND tỉnh, Đảng uỷ cấp xã và Uỷ ban Kiểm tra Đảng uỷ cấp xã và

tương đương. Về thẩm quyền thanh tra đó là cơ quan Thanh tra nhà nước theo quy định của pháp luật hiện hành về thanh tra. Kiểm tra nhà nước sẽ có kiểm tra của cơ quan hành chính cấp trên đối với cơ quan hành chính cấp dưới, kiểm tra của chính cơ quan có thẩm quyền ban hành chính sách trong việc tổ chức thực hiện chính sách PLXH. Về giám sát sẽ có giám sát tối cao của Quốc hội, giám sát của Hội đồng Dân tộc và các Uỷ ban của Quốc hội, giám sát của HĐND, giám sát của các ban của HĐND, giám sát và phản biện xã hội của MTTQ Việt Nam và các đoàn thể CT-XH cấp tỉnh, cấp xã và đặc biệt là giám sát trực tiếp của Nhân dân. Vấn đề cơ bản nhất hiện nay là hoàn thiện pháp luật về thanh tra, kiểm tra nhà nước sau khi đã hoàn thành sắp xếp chính quyền địa phương hai cấp và sáp nhập, tinh gọn bộ máy từ Trung ương đến cấp xã; tiếp tục hoàn thiện hệ thống quy định về kiểm tra, giám sát của Đảng cũng như giám sát, phản biện xã hội của MTTQ Việt Nam và đoàn thể CT-XH; cơ chế giám sát của Nhân dân; *bổ sung quy định về cơ chế giải trình* của cơ quan ban hành, thực thi chính sách để việc thực hiện được đồng bộ, thực chất và hiệu quả.

Cấp uỷ Đảng lãnh đạo MTTQ Việt Nam cấp tỉnh, cấp xã tổ chức tốt việc thực hiện chức năng giám sát đầu tư của cộng đồng theo Nghị định số 29/2021/NĐ-CP, ngày 26/3/2021 của Chính phủ "quy định về trình tự, thủ tục thẩm định dự án quan trọng quốc gia và giám sát, đánh giá đầu tư", đồng thời kiến nghị Chính phủ xem xét, điều chỉnh lại Nghị định này cho phù hợp với tổ chức chính quyền địa phương hai cấp và việc phân cấp, phân quyền cho cấp xã như hiện nay.

Thứ hai, xây dựng và triển khai hiệu quả kế hoạch kiểm tra, thanh tra, giám sát. Tuỳ vào chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền, khu vực phụ trách của mình, các cơ quan kiểm tra, thanh tra, giám sát chủ động xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ của mình đối với đối tượng kiểm tra, thanh tra, giám sát trên địa bàn phụ trách. Chính sách PLXH dành cho đồng bào DTTS rất rộng, bao quát trên nhiều lĩnh vực vì vậy việc kiểm tra, thanh tra, giám sát cũng phải được xây dựng cụ thể, tỉ mỉ về đối tượng, nội dung, thời gian. Công tác kiểm tra và giám sát phải được thực hiện ngay từ khi đề xuất chính sách cho đến khi triển

khai và tổng kết chính sách. Đây là công việc thường xuyên của chính cơ quan ban hành chính sách, cơ quan thực thi chính sách cũng như cơ quan nhà nước cấp trên trực tiếp. Công tác thanh tra nhà nước có thể tiến hành theo từng giai đoạn, khi kết thúc thực hiện chính sách hoặc tiến hành đột xuất khi thấy cần thiết, khi có phản ánh của dư luận xã hội, có kiến nghị của cơ quan có chức năng giám sát như Quốc hội, HĐND, MTTQ Việt Nam và Nhân dân. Việc xác định thời gian để tiến hành kiểm tra, thanh tra và giám sát rất quan trọng, góp phần bảo đảm thành công của chính sách song cũng không gây trở ngại cho các đơn vị thực hiện và người dân thụ hưởng. Cán bộ, công chức, viên chức tham gia kiểm tra, thanh tra, giám sát phải thực sự là những người am hiểu pháp luật, chính sách về dân tộc, quản lý nhà nước, được bồi dưỡng chuyên sâu về kiến thức, phương pháp, nghiệp vụ, có tâm huyết và trách nhiệm với nhiệm vụ được giao và đồng bào DTTS. Trong quá trình thực thi công vụ phải triệt để nêu cao đạo đức công vụ, nhìn nhận đánh giá đúng hiện trạng của chính sách. Có như vậy công tác này mới thực sự đạt được hiệu quả và có được những kiến nghị, đề xuất đúng đắn, phù hợp.

Công tác kiểm tra, thanh tra và giám sát phải đi sát cơ sở, không chỉ nghiên cứu các báo cáo mà phải tìm hiểu, đánh giá trên thực tế các đối tượng thụ hưởng, các công trình, dự án mà chính sách đã triển khai và tiếp thu đầy đủ, chính xác, khách quan mọi ý kiến phản ánh của Nhân dân. Kết quả kiểm tra, thanh tra, giám sát phải được công khai, minh bạch để Nhân dân giám sát, đánh giá; các cơ quan chức năng có nghĩa vụ giải trình những vấn đề có liên quan đến chính sách PLXH đã thực hiện với đồng bào DTTS. Chỉ có như thế công tác này mới thực sự hiệu quả và góp phần quan trọng vào sự thành công của chính sách.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể CT-XH các cấp, nhất là cấp tỉnh, cấp xã hàng năm chủ động xây dựng chương trình, kế hoạch giám sát các chương trình, dự án có liên quan đến PLXH dành cho đồng bào DTTS ở địa phương; bố trí nhân sự có phẩm chất, năng lực, uy tín tham gia giám sát; nghiên cứu đề xuất cấp có thẩm quyền ban hành quy định hoàn thiện cơ chế phối hợp

của MTTQ Việt Nam và các đoàn thể CT-XH với các ngành, các cấp có liên quan và với Nhân dân để tiến hành giám sát thực chất và hiệu quả.

Phát huy hiệu quả, thực chất vai trò giám sát trực tiếp của Nhân dân đối với việc thực hiện các chính sách PLXH tại địa phương là rất quan trọng. Nhân dân vừa là chủ thể tham gia việc bảo đảm PLXH nhưng cũng đồng thời là người thụ hưởng (ở các mức độ khác nhau) nên Nhân dân là những người phản ánh trung thực, kịp thời nhất những vấn đề mà chính sách đang triển khai cũng như những bất cập hoặc hành vi vi phạm nếu có. Cấp uỷ Đảng, cơ quan nhà nước, nhất là HĐND cấp xã phải nâng cao chất lượng tiếp xúc cử tri và công tác tiếp dân, đa dạng hoá cách thức và phương tiện để tiếp nhận ý kiến phản ánh của Nhân dân kể cả trên các diễn đàn hay mạng xã hội. Thực hiện chuyển đổi số trong việc công khai, minh bạch hoá và nâng cao trách nhiệm giải trình đối với các chính sách PLXH cũng như tiếp nhận ý kiến phản ánh, kiến nghị của Nhân dân có liên quan. Ngay khi có ý kiến phản ánh, kiến nghị của Nhân dân phải tiến hành xác minh, cần thiết thì thành lập đoàn kiểm tra, thanh tra, giám sát để đánh giá đúng hiện trạng vấn đề mà Nhân dân đã phản ánh. Phát huy thực sự dân chủ và quyền làm chủ của Nhân dân trong giám sát xã hội và giám sát đầu tư của cộng đồng sẽ phát huy hiệu quả sức mạnh tổng hợp trong việc chăm lo PLXH đối với đồng bào DTTS cũng như với toàn thể Nhân dân hiện nay.

Đối với các hoạt động chăm lo PLXH cho đồng bào DTTS của các tổ chức xã hội, tổ chức tôn giáo, tổ chức phi chính phủ, tổ chức thiện nguyện nói chung thì phải được UBND dân cấp xã quản lý chặt chẽ, bảo đảm việc thực hiện các hoạt động phúc lợi đúng pháp luật, không xâm phạm đến đời sống, sản xuất, học tập, văn hoá, phong tục, tập quán, tín ngưỡng tốt đẹp của đồng bào, không ảnh hưởng đến ANQP ở địa phương. Thực tế cho thấy không ít các đối tượng đã lợi dụng hoạt động thiện nguyện để kích động, gây mất an ninh chính trị, trật tự xã hội, gây chia rẽ trong Nhân dân. Đối với những hành vi này chính quyền địa phương cần kịp thời xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật đồng thời đẩy mạnh tuyên truyền trong Nhân dân.

Thứ ba, kịp thời điều chỉnh, kiến nghị điều chỉnh chính sách PLXH đối với đồng bào DTTS cho phù hợp. Mục đích quan trọng nhất của công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát các chính sách PLXH đối với đồng bào DTTS ở tỉnh Lâm Đồng hiện nay là để bảo đảm cho chính sách được ban hành kịp thời, tổ chức thực hiện đồng bộ, đúng đối tượng, không bỏ sót nhưng cũng không trùng lặp đối tượng, có đủ nguồn lực để triển khai thực hiện. Cùng với đó công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát nhằm kịp thời phát hiện những bất cập trong chính sách để điều chỉnh hoặc kiến nghị điều chỉnh, bổ sung, thay thế cho phù hợp. Thông qua việc thực hiện kiểm tra, thanh tra, giám sát phải kịp thời phát hiện ra những hành vi vi phạm, tham nhũng chính sách, cố ý làm trái, thất thoát, hư hỏng, lãng phí nguồn lực để xử lý và thu hồi tài sản bị thất thoát (nếu có), không để xảy ra bức xúc trong xã hội.

Kiểm tra, thanh tra, giám sát trong thực hiện PLXH vừa là hoạt động thể hiện quyền lực chính trị, quyền lực nhà nước vừa thể hiện tính dân chủ rộng rãi của chế độ XHCN ở Việt Nam hiện nay, vừa phát huy được tinh thần trách nhiệm của HTCT các cấp và toàn xã hội cho công tác này. Đây là giải pháp đặc biệt quan trọng, vừa phát huy quyền làm chủ thực sự của Nhân dân, vừa bảo đảm tính quyền lực chính trị, quyền lực nhà nước, vừa góp phần bảo đảm hiệu lực, hiệu quả, bền vững của các chính sách PLXH đối với đồng bào DTTS ở tỉnh Lâm Đồng hiện nay.

Kết luận chương 4

Bảo đảm PLXH đối với đồng bào DTTS ở tỉnh Lâm Đồng hiện nay có ý nghĩa, vai trò rất quan trọng, giá trị xã hội to lớn và mang tính cấp thiết, lâu dài. Quan điểm nhất quán và xuyên suốt của Đảng và Nhà nước ta là thực hiện đồng bộ các chính sách dân tộc để đồng bào DTTS có điều kiện vươn lên thoát nghèo, bắt nhịp và được thụ hưởng ngày càng đầy đủ hơn những thành quả của sự nghiệp đổi mới, phát triển của đất nước. Thời gian tới, bối cảnh để bảo đảm PLXH đối với đồng bào DTTS ở tỉnh Lâm Đồng sẽ đối diện với nhiều thách thức song cũng có những thuận lợi to lớn, cơ bản. Phát huy tốt, hiệu quả những tiềm năng, thế mạnh của tỉnh, nhân rộng những ưu điểm đồng thời khắc phục những tồn tại, hạn chế, khó khăn, bất cập trong thực hiện các chính sách PLXH đối với đồng bào DTTS trong giai đoạn tới sẽ là cơ sở quan trọng để hoàn thành các chỉ tiêu phát triển KT-XH đối với đồng bào DTTS của tỉnh, tạo thêm động lực để góp phần thúc đẩy tỉnh Lâm Đồng phát triển nhanh và bền vững.

Để đạt được mục tiêu phát triển toàn diện, nhanh và bền vững, đối với các chính sách PLXH với đồng bào DTTS hiện nay, tỉnh cần phải thực hiện đồng bộ các giải pháp: tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, vai trò quản lý của Nhà nước và nâng cao năng lực của các chủ thể trong việc bảo đảm PLXH đối với đồng bào DTTS; hoàn thiện và tổ chức thực hiện hiệu quả chính sách, pháp luật bảo đảm PLXH đối với đồng bào DTTS; huy động tốt nguồn lực xã hội để bảo đảm PLXH đối với đồng bào DTTS; phát huy ý chí tự lực, tự cường của đồng bào DTTS; làm tốt công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện các chương trình PLXH đối với đồng bào DTTS. Và quan trọng hơn tất cả là sự quyết tâm và trách nhiệm chính trị của các cấp uỷ đảng, chính quyền, toàn HTCT và sự nỗ lực, khát vọng vươn lên của chính bản thân đồng bào DTTS trong tỉnh. Có như vậy việc thực hiện các chính sách PLXH đối với đồng bào DTTS ở tỉnh Lâm Đồng mới thực sự đem lại hiệu quả bền vững.

KẾT LUẬN

1. Phúc lợi xã hội là một phần của thu nhập quốc dân được nhà nước và xã hội phân phối lại ngoài thu nhập theo lao động và vốn đóng góp để đáp ứng nhu cầu thiết yếu cho một bộ phận Nhân dân hoặc nâng cao đời sống mọi mặt cho toàn xã hội. Bảo đảm PLXH là việc nhà nước và xã hội sử dụng ngân sách nhà nước và các nguồn lực xã hội để phân phối lại thu nhập nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu, giảm bớt khoảng cách chênh lệch về mức sống của một bộ phận Nhân dân hoặc nâng cao đời sống mọi mặt cho toàn xã hội, góp phần thực hiện tốt mục tiêu ổn định và phát triển KT-XH. Phúc lợi xã hội cũng đồng thời là động lực để thúc đẩy phát triển toàn diện KT-XH, là giá trị mà Nhà nước và xã hội đạt được để mọi người dân đều được thụ hưởng thành quả của sự phát triển ấy.

2. Bảo đảm PLXH đối với đồng bào DTTS ở tỉnh Lâm Đồng là việc cấp uỷ Đảng, chính quyền địa phương và xã hội sử dụng ngân sách nhà nước và các nguồn lực xã hội để phân phối lại tổng thu nhập xã hội nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu, giảm bớt khoảng cách chênh lệch về mức sống, để "không ai bị bỏ lại phía sau" và thúc đẩy các điều kiện cần thiết để phát triển toàn diện về KT-XH cho đồng bào DTTS, thực hiện mục tiêu "tiến bộ và công bằng xã hội". Đồng thời, đây cũng là hoạt động nhằm góp phần tạo nền tảng vững chắc để bảo đảm ANQP, tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc ở tỉnh Lâm Đồng.

3. Những năm qua công tác bảo đảm PLXH đối với đồng bào DTTS ở tỉnh Lâm Đồng đã đạt được nhiều kết quả quan trọng, tích cực trên bốn lĩnh vực cơ bản là: GNBV; BHXH, BHYT, BHTN; GDĐT; trợ giúp xã hội, cứu trợ xã hội, ưu đãi xã hội. Cụ thể hoá các chính sách, quy định của Trung ương, tỉnh đã ban hành được các chính sách về bảo đảm PLXH đối với đồng bào DTTS cơ bản đồng bộ, sát với điều kiện thực tiễn của địa phương và đồng bào DTTS; công tác tuyên truyền, phổ biến và tổ chức thực hiện bảo đảm

PLXH đối với đồng bào DTTS được chính quyền tỉnh, cấp huyện (trước đây), cấp xã triển khai cơ bản đồng bộ, mang lại hiệu quả thiết thực; công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát đối với các chính sách PLXH dành cho đồng bào DTTS đã được các cấp, các ngành chức năng từ Trung ương đến địa phương thực hiện khá tốt, góp phần bảo đảm thành công của các chính sách, tạo được những thay đổi căn bản theo hướng tích cực trong đời sống cũng như trong sản xuất của đồng bào các DTTS ở tỉnh Lâm Đồng.

4. Bên cạnh những thành tựu đã đạt được, việc bảo đảm PLXH đối với đồng bào DTTS ở tỉnh Lâm Đồng trên bốn lĩnh vực cơ bản: GNBV; BHXH, BHYT, BHTN; GDĐT; trợ giúp xã hội, cứu trợ xã hội, ưu đãi xã hội còn bộc lộ nhiều hạn chế, bất cập từ việc xây dựng, ban hành chính sách đến công tác lãnh đạo, chỉ đạo, phân công, phối hợp thực hiện; công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách, sử dụng ngân sách nhà nước, huy động nguồn lực xã hội hoá và phát huy nội lực của đồng bào DTTS đến công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát thực hiện chính sách. Giảm nghèo nhanh song còn thiếu tính bền vững đối với một bộ phận đồng bào DTTS; việc thực hiện chế độ BHXH, BHYT, BHTN còn thấp, chưa đạt mục tiêu đề ra, nhất là đối với BHXH; lĩnh vực GDĐT, nhất là đào tạo nghề chưa thực sự bứt phá để đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng nguồn nhân lực theo nhu cầu của thị trường nhằm chuyển đổi nghề, tạo việc làm và gia tăng lực lượng lao động tham gia BHXH, BHYT, BHTN bắt buộc; chế độ trợ giúp xã hội, ưu đãi xã hội cũng còn nhiều hạn chế, bất cập. Cho đến nay, chênh lệch về mức sống giữa đồng bào DTTS với bình quân chung của tỉnh và cả nước còn khoảng cách khá xa. Những tồn tại, hạn chế trên có cả nguyên nhân khách quan và chủ quan trong đó những nguyên nhân chủ quan là chủ yếu. Thực trạng đó đặt ra yêu cầu là phải tiếp tục nghiên cứu, bổ sung, hoàn thiện các chính sách PLXH, bảo đảm nguồn lực và triển khai đồng bộ để đồng bào DTTS trong tỉnh GNBV, vươn

lên trong cuộc sống, phát triển KT-XH toàn diện, cùng cả nước thực hiện thành công sự nghiệp đổi mới, hội nhập và phát triển.

5. Trong thời gian tới, việc bảo đảm PLXH đối với đồng bào DTTS ở tỉnh Lâm Đồng sẽ chịu ảnh hưởng, tác động bởi những nhân tố cơ bản: giảm nghèo nhanh nhưng còn thiếu bền vững, năng suất lao động và thu nhập trong đồng bào DTTS còn thấp; sự sáp nhập, hợp nhất 3 tỉnh Bình Thuận (cũ), Đắk Nông (cũ), Lâm Đồng (cũ) để hình thành tỉnh Lâm Đồng mới đặt ra yêu cầu phải thống nhất các chính sách dân tộc nói chung, PLXH đối với đồng bào DTTS nói riêng nên sẽ có sự điều chỉnh nhất định đối với nhiều chính sách; kinh tế trên địa bàn tỉnh tiếp tục có sự tăng trưởng cao, việc sáp nhập cấp tỉnh, giải thể cấp huyện, sáp nhập và tăng thẩm quyền cho cấp xã, tăng cường nguồn đầu tư từ Trung ương, tăng tỉ lệ điều tiết ngân sách cho địa phương sẽ tạo thuận lợi hơn về nguồn lực cho việc triển khai các chương trình PLXH ở tỉnh; những điều chỉnh của Luật Bảo hiểm xã hội, Luật Bảo hiểm y tế sẽ có tác động tích cực hơn đến việc tham gia BHXH và BHYT của đồng bào DTTS trong tỉnh; sự tác động của toàn cầu hoá, cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đến mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, ảnh hưởng trực tiếp đến việc thụ hưởng PLXH của đồng bào DTTS trong tỉnh.

6. Bảo đảm PLXH đối với đồng bào DTTS ở tỉnh Lâm Đồng hiện nay trên những quan điểm thống nhất là: việc bảo đảm PLXH với đồng bào DTTS ở tỉnh Lâm Đồng mang tính toàn diện, để "không ai bị bỏ lại phía sau"; bảo đảm PLXH đối với đồng bào DTTS phải gắn với phát triển KT-XH, bảo đảm quốc phòng, an ninh theo Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 06/10/2022 của Bộ Chính trị khoá XIII "về phương hướng phát triển KT-XH và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Tây Nguyên đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045" và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030; bảo đảm PLXH đối với đồng bào DTTS phải gắn liền với nâng cao dân trí và chất lượng nguồn nhân lực, đẩy mạnh chuyển đổi nghề, tăng năng suất lao động, nâng cao mức sống của đồng bào; bảo đảm PLXH với đồng bào DTTS

ở tỉnh Lâm Đồng phải phù hợp với những đặc điểm riêng của từng DTTS, từng địa bàn cư trú của đồng bào DTTS; khai thác có hiệu quả mọi nguồn lực của Nhà nước và xã hội cho công tác bảo đảm PLXH đối với đồng bào DTTS ở tỉnh Lâm Đồng; không để gián đoạn các chính sách sau khi thực hiện sáp nhập tỉnh, sáp nhập cấp xã, giải thể đơn vị hành chính cấp huyện; thực hiện đồng bộ các chính sách bảo đảm PLXH đối với đồng bào DTTS để đảm bảo tính bền vững. Để bảo đảm PLXH đối với đồng bào DTTS ở tỉnh Lâm Đồng hiện nay, tạo động lực để đồng bào phát huy nội lực, vươn lên thoát nghèo, thụ hưởng đầy đủ thành quả và bắt nhịp với sự phát triển chung của đất nước, cần thực hiện đồng bộ, có hiệu quả các giải pháp: tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, vai trò quản lý của Nhà nước và nâng cao năng lực của các chủ thể trong việc bảo đảm PLXH đối với đồng bào DTTS; hoàn thiện và tổ chức thực hiện hiệu quả chính sách, pháp luật bảo đảm PLXH đối với đồng bào DTTS; huy động tốt nguồn lực xã hội để bảo đảm PLXH đối với đồng bào DTTS; phát huy ý chí tự lực, tự cường của đồng bào DTTS; làm tốt công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện các chương trình PLXH đối với đồng bào DTTS. Để những giải pháp trên đi vào cuộc sống, thực sự tạo ra sự thay đổi căn bản trong đời sống, sản xuất của đồng bào cần có sự quyết tâm của các cấp uỷ đảng, chính quyền, đoàn thể, sự đồng hành của xã hội và sự nỗ lực vươn lên của chính bản thân đồng bào DTTS trong tỉnh. Có như vậy đồng bào các DTTS ở tỉnh Lâm Đồng mới được thụ hưởng đầy đủ những thành quả của sự phát triển của địa phương và đất nước, góp phần quan trọng củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc, củng cố niềm tin của Nhân dân các dân tộc trong tỉnh đối với Đảng và Nhà nước, qua đó khẳng định tính ưu việt của chế độ XHCN ở Việt Nam hiện nay trong thực hiện "tiến bộ và công bằng xã hội".

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. Nguyễn Văn Hợi (2024), "Bảo đảm phúc lợi xã hội đối với đồng bào dân tộc thiểu số ở tỉnh Đắk Nông hiện nay", *Tạp chí Chủ nghĩa xã hội khoa học - Lý luận và thực tiễn*, Số 34 (tháng 12), tr.40-45.
2. Nguyễn Văn Hợi (2024), "Tư tưởng Hồ Chí Minh về phúc lợi xã hội và vận dụng vào chính sách đối với đồng bào dân tộc thiểu số hiện nay", *Tạp chí Lý luận chính trị,* Số đặc biệt quý IV, tr.161-167.
3. Nguyễn Văn Hợi (2025), "Thành tựu giảm nghèo bền vững đối với đồng bào dân tộc thiểu số ở tỉnh Đắk Nông", *Tạp chí Khoa học,* Đại học Văn Lang, Tập 9 (50), Số 02, tr.145-151.
4. Nguyễn Văn Hợi (2025), "Thực hiện chính sách phúc lợi xã hội đối với đồng bào dân tộc thiểu số ở Việt Nam", *Tạp chí Khoa học chính trị*, Học viện Chính trị khu vực II, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Số 09/2025, tr.75-81.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

*** Tài liệu tiếng Việt**

1. Hoài Anh (2023). Bảo đảm quyền cho người dân tộc thiểu số, <https://dangcongsan.vn/bao-dam-quyen-cho-nguoi-dan-toc-thieu-so/tin-tuc/viet-nam-co-136-chinh-sach-dan-toc-dang-duoc-thuc-thi-645543.html>, xem 12/5/2023.
2. Đào Duy Anh, *Hán Việt từ điển giản yếu* (1932). In lần thứ ba, Nxb Trường Thi, Sài Gòn, tr.137.
3. Ban Bí thư Trung ương Khoá XIII (2024). *Chỉ thị số 39-CT/TW về nâng cao hiệu quả của tín dụng và CSXH trong giai đoạn mới,* ngày 30 tháng 10 năm 2024, Hà Nội.
4. Ban Chấp hành Trung ương (2018). *Nghị quyết số 28-NQ/TW Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam khoá XII về cải cách chính sách bảo hiểm xã hội*, ngày 23 tháng 5 năm 2018, Hà Nội.
5. Ban Chấp hành Trung ương (2023). *Nghị quyết số 42-NQ/TW Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng CSXH, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới*, ngày 24 tháng 11 năm 2023, Hà Nội.
6. Ban Dân tộc tỉnh Bình Thuận (2024). *Báo cáo số 714/BC-BDT, tình hình thực hiện các chính sách bảo đảm quyền của người dân tộc thiểu số tại tỉnh Bình Thuận (Giai đoạn từ 01/01/2021 đến 31/12/2023)*, ngày 03 tháng 7 năm 2024, Bình Thuận.
7. Ban Dân tộc tỉnh Đắk Nông (2023). *Báo cáo số 719/BC-BDT về kết quả thực hiện chính sách dân tộc; đại đoàn kết dân tộc; đánh giá kết quả và thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia đến đồng bào DTTS trên địa bàn tỉnh Đắk Nông*, ngày 11 tháng 7 năm 2023, Đắk Nông.

8. Ban Dân tộc tỉnh Đắk Nông (2023). *Báo cáo số 1317/BC-BDT về tình hình thực hiện chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông*, ngày 15 tháng 12 năm 2023, Đắk Nông.
9. Ban Dân tộc tỉnh Đắk Nông (2024). *Báo cáo số 236/BC-BDT về kiểm điểm của tập thể lãnh đạo Ban Dân tộc tỉnh Đắk Nông theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 4 Khoá XII*, ngày 07 tháng 3 năm 2024, Đắk Nông.
10. Ban Dân tộc tỉnh Đắk Nông (2024). *Báo cáo số 1347/BC-BDT về báo cáo chính trị tại Đại hội đại biểu các DTTS tỉnh Đắk Nông lần thứ IV năm 2024*, ngày 11 tháng 11 năm 2024, Đắk Nông.
11. Ban Dân tộc tỉnh Lâm Đồng (2023). *Báo cáo số 628/BC-BDT rà soát, đánh giá tình hình triển khai thực hiện Kết luận 65-KL/TW của Bộ Chính trị về công tác dân tộc trong tình hình mới*, ngày 18 tháng 10 năm 2023, Lâm Đồng.
12. Ban Dân tộc tỉnh Lâm Đồng (2025). *Báo cáo số 72/BC-BDT kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế -xã hội lĩnh vực dân tộc giai đoạn 2021-2025*, ngày 18 tháng 02 năm 2025, Lâm Đồng.
13. Báo Lâm Đồng (2021). Trên 245,5 tỷ đồng hỗ trợ học sinh, sinh viên người dân tộc thiểu số,<https://baolamdong.vn/tren-245-5-ty-dong-ho-tro-hoc-sinh-sinh-vien-nguoi-dan-toc-thieu-so-287647.html>, xem 09/7/2025.
14. Báo Lâm Đồng (2025). Lâm Đồng tập trung quản lý các công trình thuỷ lợi và nước sạch nông thôn, <https://baolamdong.vn/lam-dong-tap-trung-quan-ly-cac-cong-trinh-thuy-loi-va-nuoc-sach-nong-thon-388832.html>, xem 11/10/2025.
15. Báo Nhân dân (2025). Đắk Nông quyết tâm xoá nhà tạm, nhà dột nát, <https://nhandan.vn/dak-nong-quyet-tam-xoa-1755-nha-tam-nha-dot-nat-post860708.html>, xem 30/3/2025.

16. Báo Quân đội nhân dân (2025). Gần 809.000 học sinh Lâm Đồng khai giảng năm học mới, <https://www.qdnd.vn/giao-duc-khoa-hoc/tin-tuc/gan-809-000-hoc-sinh-lam-dong-khai-giang-nam-hoc-moi-844806>, xem 10/9/2025.
17. Hoàng Chí Bảo (2009), *Bảo đảm bình đẳng và tăng cường hợp tác giữa các dân tộc trong phát triển kinh tế - xã hội ở nước ta hiện nay*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
18. Bảo hiểm xã hội tỉnh Bình Thuận (2023). <https://binhthuan.baohiemxahoi.gov.vn/Pages/thong-bao-moi.aspx?CateID=0&ItemID=5707>, xem 11/7/2025.
19. Bảo hiểm xã hội tỉnh Đắk Nông (2023). *Báo cáo số 500/BC-BHXH sơ kết tình hình thực hiện Nghị quyết 28-NQ/TW ngày 23/5/2018 của Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương khoá XII*, ngày 24 tháng 4 năm 2023, Đắk Nông.
20. Bảo hiểm xã hội tỉnh Đắk Nông (2024). *Báo cáo số 982/BC-BHXH về kết quả thực hiện nhiệm vụ giai đoạn 2020-2024*, ngày 05 tháng 7 năm 2024, Đắk Nông.
21. Bộ Chính trị (2012). *Nghị quyết số 21-NQ/TW về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác BHXH, BHYT giai đoạn 2012-2020*, ngày 22 tháng 11 năm 2012, Hà Nội.
22. Bộ Chính trị (2019). *Kết luận số 65-KL/TW về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về công tác dân tộc trong tình hình mới*, ngày 30 tháng 10 năm 2019, Hà Nội.
23. Bộ Chính trị (2022). *Nghị quyết số 23-NQ/TW về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Tây Nguyên đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*, ngày 06 tháng 10 năm 2022, Hà Nội.
24. Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội (2019). Lâm Đồng: Nhìn lại kết quả giảm nghèo vùng đồng bào dân tộc thiểu số, <https://molisa.gov.vn/baiviet/221005?tintucID=221005>, xem 02/7/2025.

25. C.Mác-Ph.Ăngghen, *Toàn tập*, tập 19, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 1995, tr.21-53.
26. Vương Côn (2020). *Lộ trình xây dựng Hiến pháp nhằm bảo đảm PLXH*, Nxb. Chính trị và pháp luật, kỳ 4, Trung Quốc.
27. Cổng thông tin điện tử tỉnh Bình Thuận (2024), <https://www.binhthuan.gov.vn/>, xem 18/7/2025.
28. Chính phủ (2016). *Nghị quyết số 52/NQ-CP đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực các DTTS giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2030*, ngày 15 tháng 6 năm 2016, Hà Nội.
29. Chính phủ (2019). *Tờ trình 474/TTr-CP về Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021 - 2030*, ngày 11 tháng 10 năm 2019, Hà Nội.
30. Chính phủ (2020). *Nghị quyết số 12/NQ-CP triển khai thực hiện Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 18/11/2019 của Quốc hội về phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021 - 2030*, ngày 15 tháng 02 năm 2020, Hà Nội.
31. Chính phủ (2021). *Nghị định số 20/2021/NĐ-CP quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội*, ngày 15 tháng 3 năm 2021, Hà Nội.
32. Chính phủ (2022). *Nghị quyết số 10/NQ-CP về chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045*, ngày 28 tháng 01 năm 2022, Hà Nội.
33. Chính phủ (2022). *Nghị định số 28/2022/NĐ-CP về chính sách tín dụng ưu đãi thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025*, ngày 26 tháng 4 năm 2022, Hà Nội.
34. Chính phủ (2024). *Nghị quyết số 68/NQ-CP ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 42-NQ/TW ngày 24 tháng 11 năm 2023 của Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung*

ương Đảng khóa XIII "về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng CSXH, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới", ngày 09 tháng 5 năm 2024, Hà Nội.

35. Chính phủ (2024). *Nghị định số 76/2024/NĐ-CP sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP*, ngày 01 tháng 7 năm 2024, Hà Nội.
36. Chính phủ (2025). *Nghị định số 66/2025/NĐ-CP quy định chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo*, ngày 12 tháng 3 năm 2025, Hà Nội.
37. Nguyễn Đức Chiện (2021). Vai trò của Nhà nước, thị trường và xã hội trong thực hiện PLXH ở Việt Nam hiện nay. *Tạp chí Lý luận Chính trị,* số 2/2021, tr.104 - 108.
38. Nguyễn Văn Chiều (2014). Quan điểm của C.Mác và Ph.Ăngghen về phân phối thông qua PLXH và sự vận dụng ở nước ta hiện nay, *Tạp chí Triết học*, số 10 (281), tr.11-18.
39. Cục Thống kê tỉnh Đắk Nông (2024). *Niên giám thống kê 2023*, Nxb Thống kê, 2024.
40. Bùi Thế Cường (2002). Tư tưởng Hồ Chí Minh về phúc lợi xã hội, *Tạp chí Xã hội học*, số 3/2002, tr.3-17.
41. Bùi Thế Cường (2005). Nghiên cứu chính sách xã hội: Nhìn lại một chặng đường, *Tạp chí Xã hội học,* số 4 (92), 2005, tr.13 - 25.
42. Thuý Diễm (2024). Đắk Nông chú trọng phát triển kinh tế vùng đồng bào DTTS, <https://dantri.com.vn/lao-dong-viec-lam/dak-nong-chu-trong-phat-trien-kinh-te-vung-dong-bao-dan-toc-thieu-so-20241006162602955.htm>, xem 22/12/2024.
43. Nguyễn Duy Dũng (1998). *Chính sách và biện pháp giải quyết PLXH ở Nhật Bản,* Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
44. Lê Tấn Dũng (2019). Nhận thức, thực tiễn và giải pháp về PLXH ở Việt Nam trong giai đoạn mới, <https://hdll.vn/vi/nghien-cuu---trao-doi/nhan-

thuc-thuc-tien-va-giai-phap-ve-phuc-loi-xa-hoi-o-viet-nam-trong-giai-doan-moi.html>, xem 15/3/2024.

45. Phạm Văn Dũng (2009). *Thực hiện công bằng xã hội trong giáo dục ở các vùng DTTS của nước ta hiện nay*, Luận án tiến sĩ, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
46. Nguyễn Trọng Đàm (2017). Đẩy mạnh chính sách ASXH, bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội ở nước ta hiện nay. *Tạp chí Cộng sản*, số 901 (11/2017), tr.88-93.
47. Đảng Cộng sản Việt Nam (1978). *Văn kiện Đảng và Nhà nước về cuộc sống dân tộc từ 1960 - 1977*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
48. Đảng Cộng sản Việt Nam (1986). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
49. Đảng Cộng sản Việt Nam (1991). *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
50. Đảng Cộng sản Việt Nam (1996). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
51. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
52. Đảng Cộng sản Việt Nam (2003). *Nghị quyết số 24-NQ/TW Hội nghị Trung ương 7 Khoá IX về công tác dân tộc trong tình hình mới*, ngày 12 tháng 3 năm 2003, Hà Nội.
53. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
54. Đảng Cộng sản Việt Nam (2008). *Văn kiện Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khoá X*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
55. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
56. Đảng Cộng sản Việt Nam (2012). *Nghị quyết số 15 Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Khoá XI về Một số vấn đề về CSXH giai đoạn 2012 - 2020*, ngày 01 tháng 6 năm 2012, Hà Nội.

57. Đảng Cộng sản Việt Nam (2013). *Văn kiện Đảng thời kỳ đổi mới và hội nhập*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
58. Đảng Cộng Sản Việt Nam (2015). *Báo cáo tổng kết một số vấn đề lý luận* và *thực tiễn qua 30 năm đổi mới*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
59. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
60. Đảng Cộng sản Việt Nam (2018). *Nghị quyết số 28-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về Cải cách chính sách BHXH,* ngày 23 tháng 5 năm 2018, Hà Nội.
61. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nhà xuất bản chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
62. Đảng Cộng sản Việt Nam (2023). *Nghị quyết số 42-NQ/TW Hội nghị lần thứ 8 Ban chấp hành Trung ương Khoá XIII về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng CSXH, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới*, ngày 24 tháng 11 năm 2023, Hà Nội.
63. Đảng Cộng sản Việt Nam (2026), Báo cáo Chính trị tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV, thông qua ngày 23 tháng 01 năm 2026, Hà Nội.
64. Đảng Cộng sản Việt Nam (2026), Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV, thông qua ngày 23 tháng 01 năm 2026, Hà Nội.
65. Đàm Hữu Đắc (2010). *Nghiên cứu chính sách PLXH và phát triển dịch vụ xã hội chăm sóc người cao tuổi trong nền KTTT định hướng XHCN và hội nhập*, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Nhà nước, mã số ĐTĐL.2007G/51, Hà Nội.
66. Phạm Thị Hồng Điệp (2014). Mô hình nhà nước phúc lợi kiểu Đông Á và những gợi ý cho Việt Nam, *Tạp chí Kinh tế và Phát triển,* số 4, tr.21 - 35.
67. Địch Đông Đường (2008). *Nghiên cứu pháp luật bảo vệ quyền lợi kinh tế của các DTTS Trung Quốc,* Nxb Đại học Dân tộc Trung ương Bắc Kinh, Trung Quốc.

68. Phạm Thị Hoàng Hà, Nguyễn Thị Thu Huyền (2022). Chính sách phát triển kinh tế - xã hội gắn với phát huy tinh thần tự lực, tự cường của đồng bào DTTS ở Tây Nguyên - Thực trạng và giải pháp, *Tạp chí Cộng sản*, số 1003 (12-2022), tr.91-97.
69. Đỗ Thị Hải Hà (2020). *Đảm bảo dịch vụ xã hội cơ bản cho người DTTS ở Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
70. Trần Hoàng Hải, Lê Thị Thúy Hương (2011). *Pháp luật ASXH - kinh nghiệm một số nước đối với Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
71. Nguyễn Tuyết Hạnh (2021). Thực hiện tư tưởng Hồ Chí Minh về ASXH trong thời kỳ đổi mới. *Tạp chí Lý luận chính trị điện tử*, số 8-2021, <https://lyluanchinhtri.vn/thuc-hien-tu-tuong-ho-chi-minh-ve-an-sinh-xa-hoi-trong-thoi-ky-doi-moi-268.html>, xem 01/10/2023.
72. Hà Thị Hạnh (2014). Giải pháp thực hiện tốt các chính sách dân tộc ở tỉnh Đắk Nông, <http://www.cema.gov.vn/2014/10/30/7487d18046041f418f2bbf60b2a34aa1-cema.htm>, xem 08/3/2024.
73. Nguyễn Quỳnh Hoa (2017). Chính sách dân tộc tại Việt Nam: thành tựu và thách thức cần vượt qua, *Tạp chí Cộng sản*, số 894 (4/2017), tr.65-68.
74. Đào Hữu Hòa (2016). *Đánh giá nguồn lực sinh kế và đề xuất mô hình sinh kế bền vững cho các hộ nghèo là DTTS trên địa bàn tỉnh Đắk Nông,* Đề tài nghiên cứu khoa học cấp tỉnh, Đắk Nông.
75. Vương Hoàng (2021). Đắk Nông: Nhiều kết quả nổi bật trong công tác lao động - xã hội và người có công trong năm 2020, *Tạp chí Lao động và Xã hội*, số 2/2021.
76. Lê Hiếu (2023). Cụ thể hóa chính sách hỗ trợ đồng bào DTTS ở Đắk Nông, <https://www.qdnd.vn/kinh-te/cac-van-de/cu-the-hoa-chinh-sach-ho-tro-dong-bao-dan-toc-thieu-so-o-dak-nong-734462>, xem 14/7/2023.
77. HĐND tỉnh Bình Thuận (2014). *Nghị quyết số 62/2014/NQ-HĐND, Quy định chế độ trợ cấp cho học sinh dân tộc thiểu số học nghề tại Trường*

Cao đẳng nghề Bình Thuận, ngày 18 tháng 7 năm 2014, Bình Thuận.

78. HĐND tỉnh Bình Thuận (2016). *Nghị quyết số 06/2016/NQ-HĐND về chương trình GNBV trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016-2020*, ngày 15 tháng 7 năm 2016, Bình Thuận.
79. HĐND tỉnh Bình Thuận (2020). *Nghị quyết số 19/2020/NQ-HĐND quy định mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế từ ngân sách địa phương cho đối tượng thuộc hộ gia đình cận nghèo; học sinh, sinh viên; người thuộc hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình trên địa bàn tỉnh*, ngày 03 tháng 12 năm 2020, Bình Thuận.
80. HĐND tỉnh Bình Thuận (2021). *Nghị quyết số 04/2021/NQ-HĐND quy định chế độ hỗ trợ cho học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Bình Thuận,* ngày 17 tháng 8 năm 2021, Bình Thuận.
81. HĐND tỉnh Bình Thuận (2024). *Nghị quyết số 06/2024/NQ-HĐND quy định mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho người dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Bình Thuận*, ngày 15 tháng 5 năm 2024, Bình Thuận.
82. HĐND tỉnh Bình Thuận (2024). *Nghị quyết số 19/2024/NQ-HĐND ngày 13/11/2024 quy định chính sách về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh,* ngày 13 tháng 11 năm 2024, Bình Thuận.
83. HĐND tỉnh Bình Thuận (2022). *Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội và một số đối tượng khó khăn khác trên địa bàn tỉnh*, ngày 25 tháng 5 năm 2022, Bình Thuận.
84. HĐND tỉnh Bình Thuận (2025). *Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐND quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội và một số đối tượng khó khăn khác trên địa bàn tỉnh*, ngày 10 tháng 01 năm 2025, Bình Thuận.
85. HĐND tỉnh Đắk Nông (2009). *Nghị quyết số 16/2009/NQ-HĐND về chính sách hỗ trợ kinh phí cho học sinh, sinh viên người dân tộc thiểu số*

tỉnh Đăk Nông từ năm 2010 đến năm 2015, ngày 25 tháng 12 năm 2009, Đắk Nông.

86. HĐND tỉnh Đắk Nông (2011). *Nghị quyết số 38/2011/NQ-HĐND về chính sách hỗ trợ hỗ trợ kinh phí cho học sinh DTTS từ năm học 2011-2012 đến năm học 2015-2016*, ngày 09 tháng 12 năm 2011, Đắk Nông.
87. HĐND tỉnh Đắk Nông (2016). *Nghị quyết số 31/2016/NQ-HĐND về chính sách hỗ trợ học sinh, sinh viên DTTS thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo tỉnh Đắk Nông từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021*, ngày 06 tháng 9 năm 2016, Đắk Nông.
88. HĐND tỉnh Đắk Nông (2016). *Nghị quyết số 04-NQ/TU, về công tác GNBV giai đoạn 2016 - 2020*, ngày 27 tháng 7 năm 2016, Đắk Nông.
89. HĐND tỉnh Đắk Nông (2019). *Nghị quyết số 09/2019/NQ-HĐND quy định mức hỗ trợ đóng BHYT cao hơn mức hỗ trợ tối thiểu cho một số đối tượng trên địa bàn tỉnh Đắk Nông*, ngày 19 tháng 7 năm 2019, Đắk Nông.
90. HĐND tỉnh Đắk Nông (2021). *Nghị quyết số 13-NQ/TU về công tác GNBV giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030*, ngày 16 tháng 12 năm 2021, Đắk Nông.
91. HĐND tỉnh Đắk Nông (2022). *Nghị quyết số 11/2022/NQ-HĐND quy định một số chính sách thực hiện mục tiêu giảm nghèo giai đoạn 2023-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông,* ngày 14 tháng 12 năm 2022, Đắk Nông.
92. HĐND tỉnh Đắk Nông (2022). *Nghị quyết số 11/2022/NQ-HĐND ngày 14/12/2022 quy định một số chính sách thực hiện mục tiêu giảm nghèo giai đoạn 2023-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông,* ngày 14 tháng 12 năm 2022, Đắk Nông.
93. HĐND tỉnh Đắk Nông (2022). *Nghị quyết số 12/2022/NQ-HĐND quy định mức hỗ trợ đóng BHYT cao hơn mức hỗ trợ tối thiểu cho một số đối tượng trên địa bàn tỉnh Đắk Nông*, ngày 14 tháng 12 năm 2022, Đắk Nông.
94. HĐND tỉnh Đắk Nông (2023). *Nghị quyết số 09/2023/NQ-HĐND quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội đối với đối tượng*

bảo trợ xã hội và một số đối tượng khó khăn khác, ngày 06 tháng 7 năm 2023, Đắk Nông.

95. HĐND tỉnh Đắk Nông (2024). *Nghị quyết số 14/2024/NQ-HĐND sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 09/2023/NQ-HĐND ngày 06/7/2023 của HĐND tỉnh*, ngày 11 tháng 12 năm 2024, Đắk Nông.
96. HĐND tỉnh Lâm Đồng (2017). *Nghị quyết số 65/2017/NQ-HĐND quy định mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho một số đối tượng trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng*, ngày 08 tháng 12 năm 2017, Lâm Đồng.
97. HĐND tỉnh Lâm Đồng (2022). *Nghị quyết số 97/2022/NQ-HĐND quy định mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho một số đối tượng tham gia bảo hiểm y tế do ngân sách địa phương đảm bảo trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng*, ngày 08 tháng 7 năm 2022, Lâm Đồng.
98. HĐND tỉnh Lâm Đồng (2022). *Nghị quyết số 143/2022/NQ-HĐND quy định mức hỗ trợ đóng BHYT cho một số đối tượng khác tham gia BHYT do ngân sách địa phương đảm bảo trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2022-2025*, ngày 09 tháng 12 năm 2022, Lâm Đồng.
99. Minh Hưng (2025). Diện mạo mới vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi Lâm Đồng, <https://dantocmiennui.baotintuc.vn/dien-mao-moi-vung-dong-bao-dan-toc-thieu-so-va-mien-nui-lam-dong-post361585.html>, xem 15/7/2025.
100. Thanh Huyền (2022). Đắk Nông nỗ lực GNBV cho đồng bào DTTS, <https://tienphong.vn/dak-nong-no-luc-giam-ngheo-ben-vung-cho-dong-bao-dan-toc-thieu-so-post1483114.tpo>, xem 22/7/2024.
101. Triệu Huân (2012). *Nghiên cứu về PLXH của chủ nghĩa xã hội đặc sắc Trung Quốc*, Nxb. Đại học Công nghệ Triết Giang, Trung Quốc.
102. Đoàn Minh Huấn (2017). Bảo đảm quyền của các DTTS và đấu tranh chống lợi dụng vấn đề dân tộc ở nước ta. *Tạp chí Cộng sản,* số 897 (7/2017), tr.49-55.
103. Đoàn Minh Huấn (2021). Bảo đảm PLXH trong nền KTTT định hướng

XHCN ở nước ta theo tinh thần Đại hội XIII của Đảng, *Tạp chí Cộng sản*, số 966 (5/2021), tr.26-35.

104. Hà Hùng (2014). *Nghiên cứu thực trạng nghèo, giảm nghèo của người DTTS ở khu vực Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ*, Đề tài khoa học cấp Bộ, Uỷ ban dân tộc, Hà Nội.
105. Phan Văn Hùng (2015). *Những vấn đề mới trong quan hệ dân tộc và định hướng hoàn thiện chính sách dân tộc ở nước ta hiện nay*, Đề tài khoa học cấp Nhà nước, Mã số KX 04.18/2011 - 2015, Hà Nội.
106. Vũ Thành Hưng (2020). Một số vấn đề tiếp cận lý thuyết về PLXH, *Bản tin Lý luận & thực tiễn*, số 77 (211), tr.47 - 54.
107. Nguyễn Đình Khang (2019). Phúc lợi xã hội nhìn từ thực tiễn hoạt động của tổ chức Công đoàn Việt Nam, <https://hdll.vn/vi/nghien-cuu---trao-doi/phuc-loi-xa-hoi-nhin-tu-thuc-tien-hoat-dong-cua-to-chuc-cong-doan-viet-nam.html>, xem 02/7/2025.
108. Bùi Thị Ngọc Lan (2019). Công bằng xã hội giữa các nhóm DTTS ở Việt Nam hiện nay. *Tạp chí Triết học*, số 10 (341), tr.3 - 13.
109. Phạm Thị Thu Lan (2020). Hệ thống PLXH ở các nước Bắc Âu và một số gợi ý đối với Việt Nam. *Tạp chí Cộng sản*, số 941 (5/2020), tr.106-111.
110. Vũ Thuỳ Linh (2021). Phúc lợi xã hội hướng tới bảo đảm công bằng xã hội trong điều kiện nền KTTT định hướng XHCN. *Tạp chí Cộng sản*, số (11/2021), <https://www.tapchicongsan.org.vn/ web/guest/nghien-cu/-/2018/824296/phuc-loi-xa-hoi-huong-toi-bao-dam-cong-bang-xa-hoi-trong-dieu-kien-nen-kinh-te-thi-truong-dinh-huong-xa-hoi-chu-nghia.aspx>, xem 22/7/2024.
111. V.I.Lênin. *Toàn tập*, tập 36, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2005, tr.201-256.
112. Hồng Loan (2025). Bảo đảm quyền của người dân tộc thiểu số ở tỉnh Lâm Đồng: Điểm sáng góp phần bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng hiện

nay, <https://thinhvuongvietnam.com/Content/bao-dam-quyen-cua-nguoi-dan-toc-thieu-so-o-tinh-lam-dong-diem-sang-gop-phan-bao-ve-nen-tang-tu-tuong-cua-dang-hien-nay-62516>, xem 15/7/2025.

113. Nguyễn Đức Lộc (2015). *Hiện trạng và khả năng tiếp cận PLXH của người công nhân đang làm việc tại các khu công nghiệp tỉnh Bình Dương, Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
114. Bùi Sỹ Lợi (2022). Giảm nghèo bền vững vùng đồng bào DTTS và miền núi ở nước ta hiện nay. *Tạp chí Cộng sản,* số 984 (2-2022), tr.24-28.
115. Hoàng Xuân Lương (2014). *Tư tưởng Hồ Chí Minh về các dân tộc bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng, giúp nhau cùng phát triển*. Đề tài khoa học cấp Bộ, Uỷ ban Dân tộc, Hà Nội.
116. Lê Quốc Lý (2014). *Chính sách ASXH - thực trạng và giải pháp,* Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
117. Hồ Chí Minh (1956). Truyền đơn cổ động mua báo Le Paria, *Hồ Chí Minh toàn tập,* tập 1, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, tr.496.
118. Hồ Chí Minh (1946). Bài phát biểu tại cuộc họp đầu tiên của uỷ ban nghiên cứu kế hoạch kiến quốc, *Hồ Chí Minh toàn tập*, tập 4, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, tr.175 - 176.
119. Hồ Chí Minh. *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, t.5, tr.309, 280.
120. Hồ Chí Minh. *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, t4, tr.175.
121. Hồ Chí Minh. *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, t4, tr.258.
122. Hồ Chí Minh. *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, t15, tr.612.
123. Phạm Xuân Nam (2014). Quan điểm của Chủ nghĩa Mác-Lênin về ASXH và PLXH. *Tạp chí Triết học,* số 2, tr.20-25.
124. Phạm Xuân Nam (2014). Quan điểm của Hồ Chí Minh và của Đảng

Cộng sản Việt Nam về hệ thống ASXH và PLXH. *Tạp chí Triết học*, số 5, tr.3 - 10.

125. Đậu Tuấn Nam, Vũ Hải Vân, Trương Bảo Thanh (2021). *Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác dân tộc của HTCT ở vùng DTTS nước ta hiện nay*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
126. Nguyễn Thị Nga (2020). Những rào cản trong sử dụng dịch vụ y tế và triển khai chương trình chăm sóc sức khoẻ cho người DTTS tại một số tỉnh Việt Nam, 2019. *Tạp chí Y học dự phòng*, số 6/2020, tr.70-75.
127. Ngân hàng CSXH tỉnh Bình Thuận (2024). *Báo cáo số 1050/BC-NHCS kết quả triển khai thực hiện chương trình cho vay theo Nghị định số 28/2022/NĐ-CP ngày 26/4/2022 của Chính phủ, giai đoạn 2022-2024*, ngày 11 tháng 12 năm 2024.
128. Ngân hàng CSXH tỉnh Đắk Nông (2024). *Báo cáo số 563a/BC-NHCS,* ngày 10 tháng 7 năm 2024.
129. Ngân hàng CSXH tỉnh Lâm Đồng (2024). *Báo cáo số 76/BC-NHCS tổng kết chuyên đề nghiệp vụ tín dụng năm 2024*, ngày 31 tháng 12 năm 2024.
130. Bảo Ngọc (2023). Đắk Nông, nỗ lực giải quyết đất ở, đất sản xuất cho đồng bào DTTS, <https://baodaknong.vn/dak-nong-no-luc-giai-quyet-dat-o-dat-san-xuat-cho-dong-bao-dan-toc-thieu-so-157601.html>, xem 12/3/2024.
131. Nhật Nguyên (2023). Sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh góp phần xây dựng nông thôn mới tại tỉnh Đắk Nông, <https://syt.daknong.gov.vn/tin-tuc-su-kien/y-te-du-phong/su-dung-nha-tieu-hop-ve-sinh-gop-phan-xay-dung-nong-thon-moi-tai-tinh-dak-nong.html>, xem 26/6/2024.
132. Đỗ Văn Nhân, Nguyễn Thị Kim Đoan (2021). Quản lý phát triển xã hội về GNBV ở tỉnh Đắk Nông - thực trạng và những vấn đề đặt ra, *Tạp chí Sinh hoạt lý luận*, số 8/2021.
133. Thành Nhân (2023). Bình Thuận: Những chính sách đi vào cuộc sống ở vùng đồng bào DTTS và miền núi, <https://baodantoc.vn/binh-thuan-

nhung-chinh-sach-di-vao-cuoc-song-o-vung-dong-bao-dtts-va-mien-nui-1701747743264.htm>, xem 02/7/2025.

134. Trần Thị Nhung (2001). *Quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và PLXH ở Nhật Bản từ sau chiến tranh thế giới thứ hai đến nay. Kinh nghiệm và khả năng vận dụng ở Việt Nam*, luận án tiến sĩ kinh tế, Trường Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội.
135. Nguyễn Thị Nhung (2015). Thực trạng và những vấn đề đặt ra trong giải quyết PLXH ở Việt Nam hiện nay, *Tạp chí Kinh tế Châu Á-Thái Bình Dương*, số 450 (8/2015), tr.55-57.
136. Hồ Nhuỵ (2024). Lâm Đồng chú trọng phát triển toàn diện vùng DTTS và miền núi, <https://vietnamnet.vn/lam-dong-chu-trong-phat-trien-toan-dien-vung-dtts-va-mien-nui-2344404.html>, xem 15/7/2025.
137. Hoàng Phê (chủ biên). *Từ điển tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng, Trung tâm Từ điển học, 2000, tr.790.
138. Nguyễn Đình Phong, Nguyễn Thị Cẩm Trang (2025), Công tác phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số ở tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2021 - 2025, <https://baolamdong.vn/cong-tac-phat-trien-kinh-te-xa-hoi-vung-dan-toc-thieu-so-o-tinh-dak-nong-giai-doan-2021-2025-398612.html>, xem 12/01/2026.
139. Đào Nguyên Phúc (2021). Hoàn thiện chính sách giáo dục cho đồng bào DTTS, miền núi, <https://tapchigiaoduc.edu.vn/article/86906/211/hoan-thien-chinh-sach-giao-duc-cho-dong-bao-dan-toc-thieu-so-mien-nui/>, xem 08/3/2024.
140. Phùng Hữu Phú-Nguyễn Văn Đặng-Nguyễn Viết Thông (2016). *Tìm hiểu một số thuật ngữ trong văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
141. Nguyễn Mai Phương (2017). Chủ trương của Đảng Cộng sản Việt Nam về ASXH từ Đại hội XI đến Đại hội XII, *Tạp chí Lịch sử Đảng*, số 1, tr.46 - 51.

142. Hồng Phượng (2024). Đắk Nông: Nhiều hoạt động chăm lo Tết cho người có công, hộ nghèo, <https://tapchilaodong.vn/dak-nong-nhieu-hoat-dong-cham-lo-tet-cho-nguoi-co-cong-ho-ngheo-1330034.html> xem 22/6/2024.
143. Trần Hữu Quang (2009). Phúc lợi xã hội trên thế giới: quan niệm và phân loại, *Tạp chí Khoa học xã hội,* số 4, tr.12 - 31.
144. Quốc hội (2019). *Nghị quyết số 88/2019/QH14 phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021-2030*, ngày 18 tháng 11 năm 2019, Hà Nội.
145. Quốc hội (2020). *Nghị quyết số 120/2020/QH14 phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021 - 2030*, ngày 19 tháng 6 năm 2020, Hà Nội.
146. Bùi Ngọc Quý (2023). Vai trò của PLXH trong việc đảm bảo tính bền vững của CSXH, <https://dangcongsan.vn/cuc-bao-tro-xa-hoi/chinh-sach-tro-giup-xa-hoi/vai-tro-cua-phuc-loi-xa-hoi-trong-viec-dam-bao-tinh-ben-vung-cua-chinh-sach-xa-hoi-630937.html>, xem 08/3/2024.
147. Diệp Quỳnh (2026), Nỗ lực chăm lo an sinh vùng đồng bào dân tộc thiểu số (2026), <https://baolamdong.vn/no-luc-cham-lo-an-sinh-vung-dong-bao-dan-toc-thieu-so-415028.html>, xem 12/02/2026.
148. Sở Dân tộc và tôn giáo tỉnh Bình Thuận (2025). Tỉnh Bình Thuận thực hiện tốt các chính sách giáo dục cho học sinh dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Bình Thuận, <https://sdttg.binhthuan.gov.vn, tinh-binh-thuan-thuc-hien-tot-cac-chinh-sach-giao-duc-cho-hoc-sinh-dan-toc-thieu-so-tren-dia-ban-619566>, xem 15/8/2025, Bình Thuận.
149. Sở Giáo dục và đào tạo tỉnh Bình Thuận (2023). *Báo cáo số 2840/BC - SGDĐT Rà soát, đánh giá tình hình, kết quả thực hiện nhiệm vụ tại Kết luận 65-KL/TW của Bộ Chính trị về công tác dân tộc trong tình hình mới*, ngày 06 tháng 11 năm 2023, Bình Thuận.

150. Sở Lao động-Thương binh và Xã hội tỉnh Bình Thuận (2023). *Báo cáo số 18/BC-SLĐTBXH kết quả thực hiện chính sách trợ giúp xã hội năm 2022 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2023*, ngày 13 tháng 3 năm 2023, Bình Thuận.
151. Sở Lao động-Thương binh và Xã hội tỉnh Bình Thuận (2024). *Báo cáo số 40/BC-SLĐTBXH kết quả thực hiện chính sách trợ giúp xã hội năm 2023 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2024*, ngày 12 tháng 4 năm 2024, Bình Thuận.
152. Sở Y tế tỉnh Bình Thuận (2025). *Báo cáo số 1050/BC-SYT, về kết quả thực hiện chi trả chính sách trợ giúp xã hội, chi trả không dùng tiền mặt*, ngày 19 tháng 3 năm 2025, Bình Thuận.
153. Sở Giáo dục và đào tạo tỉnh Đắk Nông (2023). *Công văn số 1202/CV-SGDĐT về báo cáo cung cấp thông tin phục vụ Đoàn khảo sát của Ban Tổ chức Trung ương*, ngày 10 tháng 7 năm 2023, Đắk Nông.
154. Sở Lao động-Thương binh và Xã hội tỉnh Đắk Nông (2024). *Báo cáo số 165/BC-SLĐTBXH công tác lao động-thương binh và xã hội 2020-2024*, ngày 17 tháng 5 năm 2024, Đắk Nông.
155. Sở Dân tộc và Tôn giáo tỉnh Lâm Đồng (2024). *Báo cáo số 21/BC-SDTTD tổng kết Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng*, ngày 20 tháng 5 năm 2025, Lâm Đồng.
156. Sở Dân tộc và Tôn giáo tỉnh Lâm Đồng (2025). *Báo cáo số 97/BC-SDTTG sơ kết tình hình triển khai Chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045*, ngày 30 tháng 9 năm 2025, Lâm Đồng.
157. Sở Giáo dục và đào tạo Lâm Đồng (2023). *Báo cáo số 272/BC-SGDĐT tình hình thực hiện các Mục tiêu phát triển bền vững lĩnh vực giáo dục và đào tạo vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo Quyết định số 3033/QĐ-BGDĐT ngày 30/9/2021*, ngày 18 tháng 8 năm 2023, Lâm Đồng.

158. Sở Lao động-Thương binh và Xã hội tỉnh Lâm Đồng (2022). *Báo cáo số 255 /BC-SLĐTBXH kết quả thực hiện chính sách bảo trợ xã hội năm 2022*, ngày 30 tháng 12 năm 2022, Lâm Đồng.
159. Sở Lao động-Thương binh và Xã hội tỉnh Lâm Đồng (2023). *Báo cáo số 314 /BC-SLĐTBXH kết quả thực hiện chính sách bảo trợ xã hội năm 2023*, ngày 29 tháng 12 năm 2023, Lâm Đồng.
160. Nguyễn Thị Thu Thanh (2021). Chính sách dân tộc của Việt Nam qua 35 năm đổi mới. *Tạp chí Cộng sản*, số (4/2021), <https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/van_hoa_xa_hoi/-/2018/821701/chinh-sach-dan-toc-cua-viet-nam-qua-35-nam-doi-moi.aspx>, xem 12/10/2023.
161. Nguyễn Lâm Thành (2023). Phát huy vai trò của tín dụng CSXH đối với đồng bào DTTS. *Tạp chí Cộng sản* số 1022 (9-2023), tr.26-30.
162. Trần Văn Thạch (2016). Chính sách phát triển các dịch vụ xã hội cơ bản cho người dân ở Tây Nguyên. *Tạp chí Lý luận chính trị,* số 11-2016, tr.73-79.
163. Hoàng Đức Thân, Đinh Quang Ty (2010). *Tăng trưởng kinh tế và tiến bộ, công bằng xã hội ở Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
164. Nguyễn Đặng Minh Thảo (2013). Phúc lợi xã hội của hộ gia đình nghèo ở nông thôn. *Tạp chí Nghiên cứu gia đình và giới*, tr16-26.
165. Trương Tất Thịnh (2021). *Bảo đảm công bằng về PLXH cho đồng bào DTTS ở các tỉnh biên giới phía Bắc Việt Nam hiện nay,* Luận án tiến sĩ, Học viện Chính trị, Bộ Quốc phòng.
166. Hoàng Bá Thịnh (2024). Thực hiện CSXH, bảo đảm an sinh và PLXH trong tình hình mới, <https://tapchicongsan.org.vn/web/guest/van_hoa_xa_hoi/-/2018/1001102/thuc-hien-chinh-sach-xa-hoi%2C-bao-dam-an-sinh-va-phuc-loi-xa-hoi-trong-tinh-hinh-moi.aspx>, xem 31/12/2024.
167. Thủ tướng Chính phủ (2020). *Quyết định số 1014/QĐ-TTg thành lập Ban Chỉ đạo Trung ương Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021-2030*, ngày 14 tháng 7 năm 2020, Hà Nội.

168. Thủ tướng Chính phủ (2021). *Quyết định số 1719/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I từ năm 2021 đến năm 2025*, ngày 14 tháng 10 năm 2021, Hà Nội.
169. Nguyễn Duy Thuỵ (2017). An sinh xã hội vùng Tây Nguyên trong nền KTTT định hướng XHCN. *Tạp chí Cộng sản,* số 121 (1-2017), tr.63-67.
170. Đỗ Công Tiến (2021). Tỉnh Đắk Nông đẩy mạnh thực hiện công tác giảm nghèo, ưu tiên phát triển toàn diện vùng dân tộc thiểu số miền núi. *Tạp chí Sinh hoạt lý luận*, số 174/2021.
171. Nguyễn Đình Tiến (2020). Bàn về giải pháp đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS ở Tây Nguyên, <http://tapchiqptd.vn/vi/nghien-cuu-trao-doi/ban-ve-giai-phap-day-manh-phat-trien-kinh-te-xa-hoi-vung-dong-bao-dan-toc-thieu-so-o-tay-nguyen/15507.html> xem 19/7/2024.
172. Mạc Văn Tiến (2020). Xây dựng hệ thống PLXH bền vững cho người lao động - Kinh nghiệm quốc tế và một số gợi ý cho Việt Nam. *Tạp chí Cộng sản*, số 936 (2/2020), tr.101-106.
173. Tỉnh uỷ Bình Thuận (2013). *Chương trình hành động số 17-NQ/TU, về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế giai đoạn 2012-2020*, ngày 04 tháng 4 năm 2013, Bình Thuận.
174. Tỉnh uỷ Bình Thuận (2014). *Chỉ thị số 49-CT/TU về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác BHYT trên địa bàn tỉnh*, ngày 11 tháng 3 năm 2014, Bình Thuận.
175. Tỉnh uỷ Bình Thuận (2016). *Nghị quyết số 11-NQ/TU về đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2025*, ngày 11 tháng 6 năm 2016, Bình Thuận.
176. Tỉnh uỷ Bình Thuận (2018). *Chương trình hành động số 52-CTr/TU thực hiện Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 23/5/2018 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII "về Cải cách chính sách BHXH"*, ngày 28 tháng 8 năm 2018, Bình Thuận.

177. Tỉnh uỷ Bình Thuận (2021). *Chỉ thị số 18-CT/TU về tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo chính sách BHXH, BHYT giai đoạn 2021-2025,* ngày 11 tháng 01 năm 2021, Bình Thuận.
178. Tỉnh uỷ Bình Thuận (2024). *Chỉ thị số 28-CT/TU về tiếp tục chỉ đạo thực hiện chính sách BHXH, BHYT, BHTN trên địa bàn tỉnh*, ngày 20 tháng 5 năm 2024, Bình Thuận.
179. Tỉnh uỷ Đắk Nông (2011). *Nghị quyết số 05-NQ/TU về phát triển nguồn nhân lực tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2011 - 2015, định hướng đến năm 2020*, ngày 10 tháng 8 năm 2011, Đắk Nông.
180. Tỉnh uỷ Đắk Nông (2013). *Chương trình số 24-CTr/TU về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác BHXH, BHYT giai đoạn 2012-2020*, ngày 03 tháng 5 năm 2013, Đắk Nông.
181. Tỉnh uỷ Đắk Nông (2018). *Chương trình hành động số 31-Ctr/TU thực hiện Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 23/5/2018 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII "về Cải cách chính sách BHXH",* ngày 05 tháng 10 năm 2018, Đắk Nông.
182. Tỉnh uỷ Đắk Nông (2020). *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đắk Nông lần thứ XII (Nhiệm kỳ 2020 - 2025).*
183. Tỉnh uỷ Đắk Nông (2021). *Chỉ thị số 06-CT/TU về tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng đối với chính sách BHXH, BHYT trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025*, ngày 14 tháng 4 năm 2021, Đắk Nông.
184. Tỉnh ủy Lâm Đồng (2013). *Chương trình hành động số 51-CTr/TU thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 22/11/2012 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác BHXH, BHYT giai đoạn 2012 - 2020,* ngày 30 tháng 01 năm 2013, Lâm Đồng.
185. Tỉnh ủy Lâm Đồng (2016). *Chỉ thị số 09-CT/TU về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác BHYT giai đoạn 2016 - 2020*, ngày 29 tháng 7 năm 2016, Lâm Đồng.

186. Tỉnh ủy Lâm Đồng (2018). *Kế hoạch hành động số 97-KH/TU thực hiện Nghị quyết 28-NQ/TW về cải cách chính sách BHXH*, ngày 30 tháng 7 năm 2018, Lâm Đồng.
187. Tỉnh uỷ Lâm Đồng (2018). *Báo cáo số 258-BC/TU tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết 24-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương (Khoá IX) về công tác dân tộc*, ngày 02 tháng 5 năm 2018, Lâm Đồng.
188. Tỉnh ủy Lâm Đồng (2018). *Nghị quyết số 14-NQ/TU về phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2018 - 2025, định hướng đến năm 2030*, ngày 08 tháng 10 năm 2018, Lâm Đồng.
189. Tỉnh ủy Lâm Đồng (2021). *Nghị quyết số 09-NQ/TU triển khai thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW, ngày 23/6/2021 của Ban Bí thư Trung ương Đảng "về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác GNBV đến năm 2030",* ngày 14 tháng 12 năm 2021, Lâm Đồng.
190. Tỉnh ủy Lâm Đồng (2022). *Nghị quyết số 16-NQ/TU về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2022 - 2030*, ngày 03 tháng 6 năm 2022, Lâm Đồng.
191. Tỉnh uỷ Lâm Đồng (2022). *Nghị quyết số 20-NQ/TU về đào tạo, phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tỉnh Lâm Đồng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030*, ngày 25 tháng 7 năm 2022, Lâm Đồng.
192. Tỉnh ủy Lâm Đồng (2022). *Chỉ thị số 22-CT/TU về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác BHYT trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2022 - 2025*, ngày 07 tháng 11 năm 2022, Lâm Đồng.
193. Tỉnh uỷ Lâm Đồng (2025). Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030, tháng 11 năm 2025, Lâm Đồng.
194. Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng (2021). Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, *Tạp chí Cộng sản*, số 966 (5/2021), tr.3-14.
195. Tổng Bí thư Tô Lâm (2025). Bài phát biểu tại Hội thảo quốc tế Việt Nam học lần thứ 7, diễn ra ngày 26/10/2025 tại Hà Nội,

<https://baochinhphu.vn/phat-bieu-cua-tong-bi-thu-to-lam-tai-cuoc-tiep-doan-dai-bieu-du-hoi-thao-quoc-te-viet-nam-hoc-lan-thu-7-10225102611250133.htm>, xem 26/11/2025.

196. Tổng cục Thống kê (2024). *Kết quả điều tra, thu thập thông tin về thực trạng kinh tế - xã hội của 53 dân tộc thiểu số năm 2024*, Nxb Thống kê, Hà Nội.
197. Đào Thị Tùng (2020). Bảo đảm quyền học tập của người DTTS ở Tây Nguyên - cơ sở quan trọng để thực hiện bình đẳng giữa các dân tộc, *Tạp chí Lý luận chính trị*, số 3-2020, tr.78-84.
198. Đặng Thị Ánh Tuyết (2018). Tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản của người DTTS ở Việt Nam - Thực trạng và hàm ý chính sách, *Tạp chí Khoa học chính trị*, số 6/2018, tr.52-57.
199. Trần Thị Thu Trang (2021). Mô hình PLXH của Trung Quốc, <https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/the-gioi-van-de-su-kien/-/2018/821510/mo-hinh-phuc-loi-xa-hoi-cua-trung-quoc.aspx>, xem 18/10/2023.
200. Đặng Quang Trung (2021). Nâng cao chất lượng giáo dục cho đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi: Góc nhìn từ chính sách, <https://consosukien.vn/nang-cao-cha-t-luo-ng-gia-o-cho-do-ng-ba-o-dan-to-c-thie-u-so-mie-n-nu-i-go-c-nhi-n-tu-chi-nh-sa-ch.htm>, xem 02/10/2023.
201. UBND tỉnh Bình Thuận (2009). *Quyết định số 09/2009/QĐ-UBND về việc ban hành Quy định chế độ trợ cấp đối với học sinh, sinh viên là người DTTS của tỉnh đang học tại các trường Đại học, Cao đẳng, Trung học chuyên nghiệp trong cả nước*, ngày 09 tháng 02 năm 2009, Bình Thuận.
202. UBND tỉnh Bình Thuận (2013). *Quyết định số 04/2013/QĐ-UBND về việc ban hành Quy định chế độ trợ cấp đối với học sinh, sinh viên là người DTTS của tỉnh đang học tại các trường Đại học, Cao đẳng, Trung học chuyên nghiệp trong cả nước*, ngày 15 tháng 01 năm 2013, Bình Thuận.
203. UBND tỉnh Bình Thuận (2022). *Quyết định số 28/2022/QĐ-UBND quy*

định vùng tạo nguồn cán bộ cho các dân tộc thuộc diện tuyển sinh vào các trường phổ thông dân tộc nội trú trên địa bàn tỉnh Bình Thuận, ngày 20 tháng 9 năm 2022, Bình Thuận.

204. UBND tỉnh Bình Thuận (2021). *Công văn số CV 764/UBND-KT về kết quả rà soát hộ nghèo, cận nghèo năm 2020*, ngày 08 tháng 3 năm 2021, Bình Thuận.
205. UBND tỉnh Bình Thuận (2023). *Báo cáo số 1106/BC-UBND tình hình triển khai Chiến lược công tác dân tộc*, ngày 14 tháng 11 năm 2023, Bình Thuận.
206. UBND tỉnh Bình Thuận (2023). *Báo cáo số 312/BC-UBND kết quả công tác dân tộc năm 2023 và nhiệm vụ năm 2024*, ngày 29 tháng 12 năm 2023, Bình Thuận.
207. UBND tỉnh Bình Thuận (2024). *Quyết định số 17/2024/QĐ-UBND quy định vùng tạo nguồn cán bộ cho các dân tộc thuộc diện tuyển sinh vào các trường phổ thông dân tộc nội trú trên địa bàn tỉnh Bình Thuận*, ngày 29 tháng 5 năm 2024, Bình Thuận.
208. UBND tỉnh Bình Thuận (2024). *Báo cáo số 173/BC-UBND kết quả thực hiện các chính sách dân tộc giai đoạn 2016 - 6/2024 và đề xuất xây dựng, thực hiện chính sách dân tộc giai đoạn 2026 - 2030*, ngày 17 tháng 7 năm 2024, Bình Thuận.
209. UBND tỉnh Bình Thuận (2024). *Báo cáo số 284/BC-UBND tình hình triển khai Chiến lược công tác dân tộc*, ngày 28 tháng 11 năm 2024, Bình Thuận.
210. UBND tỉnh Bình Thuận (2024. *Báo cáo chính trị Đại hội dân tộc thiểu số lần thứ IV, năm 2024*, Bình Thuận.
211. UBND tỉnh Đắk Nông (2010). *Quyết định số 143/QĐ-UBND về chính sách hỗ trợ kinh phí cho học sinh, sinh viên người DTTS tỉnh Đắk Nông từ 2010-2015*, ngày 26 tháng 01 năm 2010, Đắk Nông.
212. UBND tỉnh Đắk Nông (2012). *Quyết định số 168/QĐ-UBND về chính*

sách hỗ trợ kinh phí cho học sinh dân tộc thiểu số từ năm học 2011-2012 đến năm học 2015-2016, ngày 20 tháng 6 năm 2012, Đắk Nông.

213. UBND tỉnh Đắk Nông (2016). *Quyết định số 1844/QĐ-UBND về việc triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ học sinh, sinh viên DTTS thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo tỉnh Đắk Nông từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021*, ngày 24 tháng 10 năm 2016, Đắk Nông.
214. UBND tỉnh Đắk Nông (2016). *Quyết định số 1870/QĐ-UBND ban hành Kế hoạch đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực các DTTS trên địa bàn tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2030*, ngày 28 tháng 10 năm 2016, Đắk Nông.
215. UBND tỉnh Đắk Nông (2022). *Kế hoạch số 1437/KH-UBND về thực hiện chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến 2045 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông*, ngày 22 tháng 8 năm 2022, Đắk Nông.
216. UBND tỉnh Đắk Nông (2024). *Báo cáo số 388/BC-UBND, đánh giá bổ sung kết quả Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023; Tình hình kinh tế - xã hội, quốc phòng an ninh 6 tháng đầu năm và phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2024*, ngày 14 tháng 6 năm 2024, Đắk Nông.
217. UBND tỉnh Đắk Nông (2024). *Báo cáo số 436/BC-UBND, tình hình thực hiện các chính sách bảo đảm quyền của người DTTS trên địa bàn tỉnh Đắk Nông (giai đoạn từ 01/01/2021-31/12/2023)*, ngày 03 tháng 7 năm 2024, Đắk Nông.
218. UBND tỉnh Đắk Nông (2024). *Báo cáo số 447/BC-UBND, kết quả triển khai thực hiện các chính sách dân tộc giai đoạn 2016-6/2024 và đề xuất xây dựng, thực hiện chính sách dân tộc giai đoạn 2026-2030,* ngày 08 tháng 7 năm 2024, Đắk Nông.
219. UBND tỉnh Đắk Nông (2024). *Báo cáo chính trị Đại hội các dân tộc thiểu số lần thứ IV, năm 2024*, Đắk Nông.
220. UBND tỉnh Lâm Đồng (2012). *Quyết định số 62/2012/QĐ-UBND, về việc quy định mức trợ cấp xã hội cho học sinh, sinh viên của tỉnh Lâm*

Đồng đang học tại các trường Đại học, Cao đẳng, Trung học chuyên nghiệp và Dạy nghề, ngày 27 tháng 12 năm 2012, Đắk Nông.

221. UBND tỉnh Lâm Đồng (2016). *Kế hoạch số 6203/KH-UBNDvề việc thực hiện Đề án Tăng cường tiếng Việt cho trẻ em mầm non, học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2016-2020, định hướng đến 2025 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng*, ngày 07 tháng 10 năm 2016, Lâm Đồng.
222. UBND tỉnh Lâm Đồng (2021). *Quyết định số 983/QĐ-UBND phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, cận nghèo năm 2020 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng*, ngày 20 tháng 4 năm 2021, Lâm Đồng.
223. UBND tỉnh Lâm Đồng (2022). *Kế hoạch số 382/QĐ-UBND thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia GNBV giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng*, ngày 09 tháng 3 năm 2022, Lâm Đồng.
224. UBND tỉnh Lâm Đồng (2022). *Quyết định số 1183/QĐ-UBND phê duyệt Kế hoạch thực hiện chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2022-2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng*, ngày 30 tháng 6 năm 2022, Lâm Đồng.
225. UBND tỉnh Lâm Đồng (2022). *Quyết định số 1920/QĐ-UBND về việc phê duyệt Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2022-2025*, ngày 21 tháng 10 năm 2022, Lâm Đồng.
226. UBND tỉnh Lâm Đồng (2024). *Quyết định số 02/2024/QĐ-UBND, quy định hạn mức giao đất ở, đất sản xuất cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, hộ nghèo dân tộc Kinh chưa có đất ở; chưa có hoặc thiếu đất sản xuất theo Chương trình mục tiêu quốc gia, giai đoạn I: từ năm 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng*, ngày 08 tháng 01 năm 2024, Lâm Đồng.
227. UBND tỉnh Lâm Đồng (2024). *Báo cáo chính trị Đại hội các dân tộc thiểu số lần thứ IV, năm 2024*, Lâm Đồng.

228. UBND tỉnh Lâm Đồng (2024). *Quyết định số 2093/QĐ-UBND, phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, cận nghèo năm 2024 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng*, ngày 25 tháng 12 năm 2024, Lâm Đồng.
229. UBND tỉnh Lâm Đồng (2025). Báo cáo số 2660/BC-UBND về việc phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, cận nghèo năm 2025 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng, ngày 22 tháng 12 năm 2025, Lâm Đồng.
230. Mỹ Vân (2024). Tỉnh Bình Thuận quan tâm phát triển giá trị văn hóa của các dân tộc thiểu số, <https://sdttg.binhthuan.gov.vn/quy-hoach-ke-hoach-phat-trien/tinh-binh-thuan-quan-tam-phat-trien-gia-tri-van-hoa-cua-cac-dan-toc-thieu-so-880105>, xem 17/7/2025.
231. Đào Quang Vinh (2020). Đảm bảo PLXH và tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam, <https://hdll.vn/vi/nghien-cuu---trao-doi/dam-bao-phuc-loi-xa-hoi-va-tang-truong-kinh-te-o-viet-nam.html>, xem 02/10/2023.

*** Tài liệu tiếng Anh**

232. Allan Moscovitch (2006). *Welfare State*, <https://www.thecanadianencyclopedia.ca/en/article/welfare-state>, xem 16/01/2024.
233. Neil Gilbert và Paul Terrell (2009). *Dimensions in Social Welfare Policy (7th edition)*, Pearson Publisher, USA.
234. Reza Hasmath (2010). *A Comparative Study of Minority Development in China and Canada*, Palgrave Macmillan.
235. OHCHR (2010). *Minority Rights: International Standards and Guidance for Implementation*, United Nations.
236. Julia Kagan (2024). *Social Welfare System: Definition and How It Work*s, <https://www.investopedia.com/terms/s/social-welfare-system.asp>, xem 31/12/2024.

PHỤ LỤC

Phụ lục 1

TỔNG QUAN VỀ TỈNH LÂM ĐỒNG

1.1.Bản đồ hành chính tỉnh Lâm Đồng

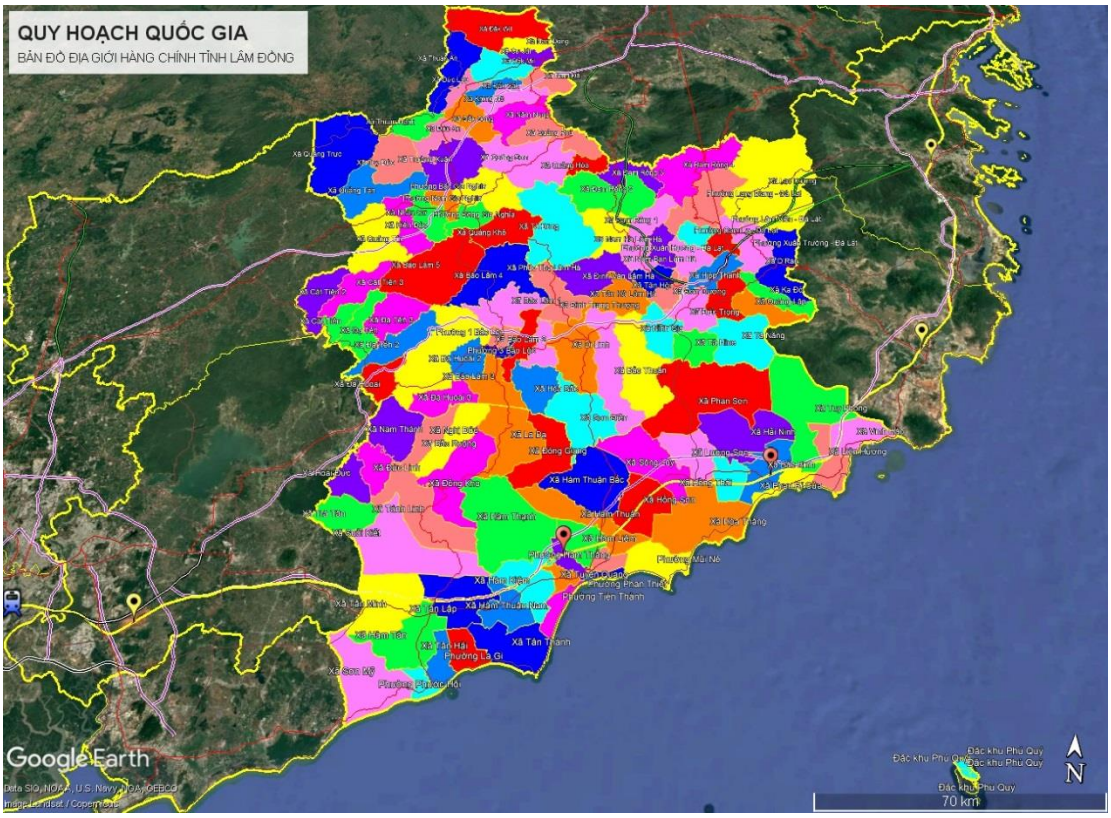

1.2.Dân tộc thiểu số tỉnh Bình Thuận (cũ), Đắk Nông (cũ), Lâm Đồng (cũ), thời điểm 01/7/2024

(Tổng cục Thống kê - Uỷ ban Dân tộc: Điều tra, thu thập thông tin về thực trạng kinh tế xã hội của 53 dân tộc thiểu số năm 2024)

TT	Tỉnh	Tổng số	Chia ra			
			Nam	Nữ	Thành thị	Nông thôn
1	Bình Thuận	107.660	53.490	54.169	9.806	97.854
2	Đắk Nông	233.596	116.558	117.039	8.179	225.417
3	Lâm Đồng	324.971	162.194	162.777	52.890	272.081

Phụ lục 2
DANH MỤC CÁC CHÍNH SÁCH PHÚC LỢI XÃ HỘI ĐÃ VÀ ĐANG TRIỂN KHAI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LÂM ĐỒNG

2.1.Chính sách do Trung ương ban hành

2.1.1.Chính sách do Trung ương Đảng ban hành

- Nghị quyết số 24-NQ/TW, ngày 12/3/2003 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khoá IX *"Về công tác dân tộc"*.

- Nghị quyết số 21-NQ/TW, ngày 22/11/2012 của Bộ Chính trị "Về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác BHXH, BHYT giai đoạn 2012-2020".

- Nghị quyết số 28-NQ/TW, ngày 23/5/2018 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII "về cải cách chính sách BHXH".

- Kết luận số 65-KL/TW, ngày 30/10/2019 Bộ Chính trị khoá XII về *"Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về công tác dân tộc trong tình hình mới"*.

- Nghị quyết số 42-NQ/TW, ngày 24/11/2023 Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII "về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng CSXH, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới"

2.1.2.Chính sách do Quốc hội ban hành

- Nghị quyết số 88/2019/QH14, ngày 18/11/2019 "phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021-2030".

- Nghị quyết số 120/2020/QH14, ngày 19/6/2020 "phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021 - 2030".

- Luật Bảo hiểm xã hội 2014, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 84/2015/QH13, Luật số 35/2018/QH14, Bộ luật số 45/2019/QH14.

- Luật Bảo hiểm xã hội 2024.

- Luật Bảo hiểm y tế 2008, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 32/2013/QH13, Luật số 46/2014/QH13, Luật số 97/2015/QH13, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 68/2020/QH14 và Luật số 30/2023/QH15.

- Luật Bảo hiểm y tế 2024.

2.1.3.Chính sách do Chính phủ ban hành

- Nghị định số 86/2015/NĐ-CP, ngày 02/10/2015 của Chính phủ Quy định "về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015 - 2016 đến năm học 2020 - 2021".

- Nghị định số 134/2006/NĐ-CP, ngày 14/11/2006 và Nghị định 49/2015/NĐ-CP ngày 15/52015 "về chế độ cử tuyển vào các cơ sở giáo dục trình độ đại học, cao đẳng, trung cấp thuộc hệ thống giáo dục quốc dân".

- Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP, ngày 27/12/2008 "về Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 61 huyện nghèo".

- Nghị định số 05/2011/NĐ-CP, ngày 14/1/2011 "về công tác dân tộc".

- Nghị định số 55/2015/NĐ-CP, ngày 09/6/2015 "về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn".

- Nghị định số 116/2016/NĐ-CP, ngày 18/7/2016 "quy định chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn bản đặc biệt khó khăn".

- Nghị quyết số 52/NQ-CP, ngày 15/6/2016 "đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực các DTTS giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2030".

- Nghị định số 57/2017/NĐ-CP, ngày 09/5/2017 "quy định chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên DTTS rất ít người".

- Nghị quyết số 71/NQ-CP, ngày 31/5/2018 "về một số chính sách đối với hộ nghèo thiếu hụt đa chiều".

- Nghị định số 06/NĐ-CP, ngày 05/01/2018 "quy định chính sách hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo và chính sách đối với giáo viên mầm non".

- Nghị quyết số 12/NQ-CP, ngày 15/02/2020 "triển khai thực hiện Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 18/11/2019 của Quốc hội về phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021 - 2030".

- Nghị định số 20/2021/NĐ-CP, ngày 15/3/2021 của Chính phủ "quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội".

- Nghị định 81/2021/NĐ-CP, ngày 27/8/2021 của Chính phủ "quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo".

- Nghị quyết số 10/NQ-CP, ngày 28/01/2022 "về chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045".

- Nghị định số 28/2022/NĐ-CP, ngày 26/4/2022 "về chính sách tín dụng ưu đãi thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025".

- Nghị định số 76/2024/NĐ-CP, ngày 01/7/2024 "sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021".

- Nghị định 66/2025/NĐ-CP, ngày 12/3/2025 "quy định chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo".

- Nghị định số 158/2025/NĐ-CP, ngày 25/6/2025 "Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội bắt buộc".

- Nghị định số 159/2025/NĐ-CP, ngày 25/6/2025 "Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội tự nguyện".

2.1.4.Chính sách do Thủ tướng Chính phủ ban hành

- Quyết định 194/2001/QĐ-TTg, ngày 21/12/2001 và Quyết định 82/2006/QĐ- TTg ngày 14/4/2006 "về mức học bổng chính sách và trợ cấp xã hội đối với học sinh, sinh viên là người DTTS học tại các trường đào tạo công lập".

- Quyết định số 132/QĐ-TTg, ngày 08/10/2002 "về việc giải quyết đất sản xuất và đất ở cho đồng bào DTTS tại chỗ ở Tây Nguyên".

- Quyết định số 134/QĐ-TTg, ngày 20/7/2004 "về một số chính sách hỗ trợ đất sản xuất, đất ở, nhà ở và nước sinh hoạt cho hộ đồng bào DTTS nghèo, đời sống khó khăn".

- Quyết định số 62/2004/QĐ-TTg, ngày 16/4/2004; Quyết định 18/2014/QĐ-TTg ngày 3/3//2014 và Quyết định 750/QĐ-TTg ngày 1/6/2015 "Chương trình cho vay về nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn".

- Quyết định 267/2005/QĐ-TTg, ngày 31/10/2005 "về chính sách dạy nghề đối với học sinh, sinh viên DTTS".

- Quyết định số 167/2008/QĐ-TTg, ngày 12/12/2008 "về chính sách hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở".

- Quyết định số 15/2013/QĐ-TTg, ngày 23/2/2013 và QĐ 1826/QĐ-TTg ngày 9/10/2013 "về tín dụng đối với hộ cận nghèo".

Quyết định số 755/QĐ-TTg, ngày 20/5/2013 "phê duyệt chính sách hỗ trợ đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt cho hộ đồng bào DTTS nghèo, đời sống khó khăn".

- Quyết định 66/2013/QĐ-TTg, ngày 11/11/2013 "quy định chính sách hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người DTTS học tại các cơ sở giáo dục đại học".

- Quyết định số 402/QĐ-TTg, ngày 14/3/2016 "phê duyệt Đề án "Phát triển đội ngũ CBCCVC người DTTS trong thời kỳ mới".

- Quyết định 1600/QĐ-TTg, ngày 16/8/2016 "phê duyệt chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020".

- Quyết định 32/2016/QĐ-TTg, ngày 8/8/2016 "chính sách trợ giúp pháp lý cho người nghèo, đồng bào DTTS tại các huyện nghèo, xã nghèo, thôn, bản đặc biệt khó khăn giai đoạn 2016 - 2020 và hỗ trợ vụ việc tham gia tố tụng có tính chất phức tạp hoặc điển hình".

- Quyết định số 1722/QĐ-TTg, ngày 02/9/2016 "phê duyệt chương trình mục tiêu quốc gia GNBV giai đoạn 2016 - 2020".

- Quyết định số 2085/QĐ-TTg, ngày 31/10/2016 "phê duyệt chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng DTTS và miền núi giai đoạn 2017 - 2020".

- Quyết định số 586/QĐ-TTg, ngày 03/5/2017 phê duyệt đề án "chính sách đặc thù hỗ trợ từ ngân sách nhà nước đầu tư cơ sở vật chất cho hoạt động tuyên truyền, phổ biến phim tới vùng sâu, vùng xa, vùng DTTS, vùng biên giới, hải đảo, vùng đặc biệt khó khăn".

- Quyết định số 1898/QĐ-TTg, ngày 28/11/2017 "phê duyệt đề án hỗ trợ hoạt động bình đẳng giới vùng DTTS giai đoạn 2018 - 2025".

- Quyết định số 1014/QĐ-TTg, ngày 14/7/2020 "về thành lập Ban Chỉ đạo Trung ương Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021-2030".

- Quyết định số 33/2020/QĐ-TTg, ngày 12/11/2020 "về Tiêu chí phân định vùng đồng bào DTTS và miền núi theo trình độ phát triển giai đoạn 2021 - 2025".

- Quyết định số 72/QĐ-TTg, ngày 16/01/2021 "về việc các xã, thôn trên địa bàn vùng DTTS và miền núi được tiếp tục thụ hưởng các chính sách ASXH đã ban hành".

- Quyết định số 861/QĐ-TTg, ngày 04/6/2021 "phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021 - 2025".

- Quyết định số 1719/QĐ-TTg, ngày 14/10/2021 "phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I từ năm 2021 đến năm 2025".

- Quyết định số 263/QĐ-TTg, ngày 22/02/2022 "phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025".

- Quyết định số 04/2023/QĐ-TTg, ngày 23/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ "về mức hỗ trợ và cơ chế hỗ trợ sử dụng vốn đầu tư công để thực hiện một số nội dung thuộc Dự án 1 và Tiểu dự án 1, Dự án 4 của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025".

2.2.Chính sách do Tỉnh uỷ, HĐND, UBND tỉnh Bình Thuận (cũ) ban hành

2.2.1.Văn bản do Tỉnh uỷ Bình Thuận (cũ) ban hành

- Chương trình hành động số 17-NQ/TU, ngày 04/4/2013 "về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế giai đoạn 2012-2020".

- Chỉ thị số 49-CT/TU, ngày 11/3/2014 "về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác BHYT trên địa bàn tỉnh".

- Nghị quyết số 11-NQ/TU, ngày 11/6/2016 "về đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2025".

- Chương trình hành động số 52-CTr/TU, ngày 28/8/2018 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa XIII) "thực hiện Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 23/5/2018 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII "về Cải cách chính sách BHXH".

- Chỉ thị số 18-CT/TU, ngày 11/01/2021 "về tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo chính sách BHXH, BHYT giai đoạn 2021-2025".

- Chỉ thị số 28-CT/TU, ngày 20/5/2024 "về tiếp tục chỉ đạo thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp trên địa bàn tỉnh".

2.2.2.Chính sách do HĐND tỉnh Bình Thuận (cũ) ban hành

- Nghị quyết số 62/2014/NQ-HĐND, ngày 18/7/2014 "Quy định chế độ trợ cấp cho học sinh dân tộc thiểu số học nghề tại Trường Cao đẳng nghề Bình Thuận".

- Nghị quyết số 06/2016/NQ-HĐND, ngày 15/7/2016 của HĐND tỉnh "về chương trình GNBV trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016-2020".

- Nghị quyết số 19/2020/NQ-HĐND, ngày 03/12/2020 "quy định mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế từ ngân sách địa phương cho đối tượng thuộc hộ gia đình cận nghèo; học sinh, sinh viên; người thuộc hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình trên địa bàn tỉnh".

- Nghị quyết số 04/2021/NQ-HĐND, ngày 17/8/2021 "quy định chế độ hỗ trợ cho học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Bình Thuận".

- Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND, ngày 25/5/2022 và Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐND ngày 10/01/2025 "quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội và một số đối tượng khó khăn khác trên địa bàn tỉnh".

- Nghị quyết số 06/2024/NQ-HĐND, ngày 15/5/2024 "quy định mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho người dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Bình Thuận".

2.2.3.Chính sách do UBND tỉnh Bình Thuận (cũ) ban hành

- Quyết định số 09/2009/QĐ-UBND, ngày 09/02/2009 và 04/2013/QĐ-UBND ngày 15/01/2013 "về việc ban hành Quy định chế độ trợ cấp đối với

học sinh, sinh viên là người DTTS của tỉnh đang học tại các trường Đại học, Cao đẳng, Trung học chuyên nghiệp trong cả nước".

- Quyết định số 708/QĐ-UBND, ngày 26/3/2014 "thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện Đề án thực hiện lộ trình tiến tới bảo hiểm y tế toàn dân giai đoạn 2012-2015 và 2020".

- Quyết định số 28/2022/QĐ-UBND, ngày 20/9/2022 "quy định vùng tạo nguồn cán bộ cho các dân tộc thuộc diện tuyển sinh vào các trường phổ thông dân tộc nội trú trên địa bàn tỉnh Bình Thuận".

- Quyết định số 2004/QĐ-UBND, ngày 26/9/2022 "phê duyệt Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia GNBV giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Thuận".

- Kế hoạch số 4457/KH-UBND, ngày 29/12/2022 "về triển khai thực hiện chiến lược CTDT trên địa bàn tỉnh Bình Thuận giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045".

- Quyết định số 749/QĐ-UBND, ngày 18/4/2023 "về việc kiện toàn Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Bình Thuận".

- Quyết định số 2179/QĐ-UBND, ngày 16/10/2023 "phê duyệt đề án Bảo tồn phát huy Lễ hội Katê của người Chăm tỉnh Bình Thuận phục vụ phát triển du lịch".

- Quyết định số 17/2024/QĐ-UBND, ngày 29/5/2024 "quy định vùng tạo nguồn cán bộ cho các dân tộc thuộc diện tuyển sinh vào các trường phổ thông dân tộc nội trú trên địa bàn tỉnh Bình Thuận".

- Nghị quyết số 19/2024/NQ-HĐND, ngày 13/11/2024 "quy định chính sách về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh".

- Kế hoạch số 2007/KH-UBND, ngày 12/5/2025 "về triển khai thực hiện Quyết định số 1716/QĐ-TTg ngày 31/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động của trung tâm học tập cộng đồng các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Bình Thuận".

2.3. Chính sách do Tỉnh uỷ, HĐND, UBND tỉnh Đắk Nông (cũ) ban hành

2.3.1. Văn bản do Tỉnh uỷ Đắk Nông (cũ) ban hành

- Chỉ thị số 04-CT/TU, ngày 7/5/2004 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ Đắk Nông "về việc kết nghĩa giữa các cơ quan Đảng, Chính quyền, Đoàn thể, các tổ chức kinh tế, lực lượng vũ trang đối với buôn, bon đồng bào DTTS tại chỗ".

- Thông báo số 1463 -TB/TU, ngày 22/01/2010 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ Đắk Nông "về việc xây dựng, phát triển bon, buôn, thôn đồng bào DTTS".

- Nghị quyết số 05-NQ/TU, ngày 10/8/2011 "về phát triển nguồn nhân lực tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2011 - 2015, định hướng đến năm 2020".

- Chương trình hành động số 04-CT/TU, ngày 18/4/2011 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ Đắk Nông "về công tác dân tộc giai đoạn 2011-2016".

- Chỉ thị số 08-CT/TU, ngày 17/12/2011 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Đắk Nông "về việc đẩy mạng phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh vùng dân tộc Mông trên địa bàn tỉnh".

- Chương trình số 24-CTr/TU, ngày 03/5/2013 về "tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác BHXH, BHYT giai đoạn 2012 - 2020".

- Kế hoạch số 06 - KH/TU, ngày 25/12/2015 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ Đắk Nông "thực hiện Chỉ thị số 49 - CT/TW, ngày 20/10/2015 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường và đổi mới công tác dân vận của Đảng ở vùng DTTS".

- Nghị quyết số 04-NQ/TU, ngày 27/7/2016 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Đắk Nông "về công tác giảm nghèo bề vững giai đoạn 2016 - 2020".

- Nghị quyết số 03/NQ-TU, ngày 05/5/2016 của Tỉnh ủy Đắk Nông "về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020".

- Nghị quyết 04-NQ/TU, ngày 27/7/2016 của Tỉnh ủy Đắk Nông "về công tác giảm nghèo bề vững giai đoạn 2016-2020".

- Chương trình hành động số 31-Ctr/TU, ngày 05/10/2018 thực hiện Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 23/5/2018 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII "về Cải cách chính sách BHXH".

- Kế hoạch số 179-KH/TU, ngày 10/9/2020 "tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về công tác dân tộc trong tình hình mới".

- Chỉ thị số 06-CT/TU, ngày 14/4/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy "về tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng đối với chính sách BHXH, BHYT trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025".

- Chương trình số 26-CTr/TU, ngày 31/8/2021 thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XII "về nâng cao đời sống vật chất - tinh thần cho người dân, đồng bào DTTS".

- Nghị quyết số 13-NQ/TU, ngày 16/12/2021 "về công tác GNBV giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030".

2.3.2.Chính sách do HĐND tỉnh Đắk Nông (cũ) ban hành

- Nghị quyết số 155/2004/NQ-HĐND, ngày 12/8/2004 "về việc phát triển bền vững 12 bon/buôn đồng bào DTTS khó khăn".

- Nghị quyết số 16/2009/NQ-HĐND, ngày 25/12/2009 "về chính sách hỗ trợ kinh phí cho học sinh, sinh viên người DTTS tỉnh Đắk Nông từ 2010-2015".

- Nghị quyết số 37/2011/NQ-HĐND, ngày 09/12/2011 "về chính sách hỗ trợ lãi xuất vay vốn sản xuất, kinh doanh đối với hộ đồng bào DTTS tại chỗ giai đoạn 2012-2013".

- Nghị quyết số 38/2011/NQ-HĐND, ngày 09/12/2011 "về chính sách hỗ trợ kinh phí cho học sinh DTTS từ năm học 2011-2012 đến năm học 2015-2016".

- Nghị quyết số 19/2012/NQ-HĐND, ngày 19/7/2012 "về việc thông qua Chương trình GNBV tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2012-2015".

- Nghị quyết 41/2012/NQ-HĐND, ngày 20/12/2012 "về việc thông qua Đề án nâng cao chất lượng học sinh DTTS tỉnh Đắk Nông từ năm học 2012-2013 đến năm học 2015-2016".

- Nghị quyết số 43/2014/NQ-HĐND, ngày 18/12/2014 "về chính sách hỗ trợ lãi suất đối với hộ gia đình đồng bào DTTS tại chỗ trên địa bàn tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2015-2020".

- Nghị quyết 31/2016/NQ-HĐND, ngày 06/9/2016 "về việc ban hành chính sách hỗ trợ học sinh, sinh viên DTTS thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo tỉnh Đắk Nông từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021".

- Nghị quyết số 56/2016/NQ-HĐND, ngày 22/12/2016 "về ban hành Chương trình GNBV tỉnh Đắk Nông, giai đoạn 2016 - 2020".

- Nghị quyết số 09/2019/NQ-HĐND, ngày 19/7/2019 "quy định mức hỗ trợ đóng BHYT cao hơn mức hỗ trợ tối thiểu cho một số đối tượng trên địa bàn tỉnh Đắk Nông".

- Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND, ngày 15/12/2021 "về chính sách hỗ trợ lãi suất đối với hộ gia đình đồng bào DTTS tại chỗ trên địa bàn tỉnh Đắk Nông".

- Nghị quyết số 11/2022/NQ-HĐND, ngày 14/12/2022 "quy định một số chính sách thực hiện mục tiêu giảm nghèo giai đoạn 2023-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông".

- Nghị quyết số 12/2022/NQ-HĐND, ngày 14/12/2022 "quy định mức hỗ trợ đóng BHYT cao hơn mức hỗ trợ tối thiểu cho một số đối tượng trên địa bàn tỉnh Đắk Nông, giai đoạn 2023 - 2025".

- Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND, ngày 14/12/2022 "quy định đối tượng, mức chi quà tặng ngày Thương binh - Liệt sĩ (27/7), tết Nguyên đán và mức chi đưa đón đối tượng đi điều dưỡng tập trung, tham quan trên địa bàn tỉnh Đắk Nông".

- Nghị quyết số 09/2023/NQ-HĐND, ngày 06/7/2023 "quy định mức chuẩn TRỢ GIÚP XÃ HỘI, mức TRỢ GIÚP XÃ HỘI đối với đối tượng bảo trợ xã hội và một số đối tượng khó khăn khác".

- Nghị quyết số 18/2023/NQ-HĐND, ngày 13/12/2023 "quy định định mức hỗ trợ sử dụng ngân sách địa phương để xây dựng nhà ở thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông".

- Nghị quyết số 14/2024/NQ-HĐND, ngày 11/12/2024 "sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 09/2023/NQ-HĐND ngày 06/7/2023 của HĐND tỉnh".

- Nghị quyết số 10/2024/NQ-HĐND, ngày 11/12/2024 "quy định chính sách về đất đai đối với cộng đồng người dân tộc thiểu số; cá nhân là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo sinh sống trên địa bàn tỉnh Đắk Nông".

2.3.3.Chính sách do UBND tỉnh Đắk Nông (cũ) ban hành

- Quyết định số 484/QĐ-UB, ngày 24/5/2004 "về việc tổ chức kết nghĩa với các bon, buôn đồng bào DTTS tại chỗ và Quyết định số: 67/2004/QĐ-UB, ngày 7/9/2004 về việc ban hành quy chế kết nghĩa bon, buôn đồng bào DTTS".

- Quyết định số 526/QĐ-UBND, ngày 27/4/2010 "về việc ban hành kế hoạch tiếp tục xây dựng, phát triển bon, buôn, bản và thôn có đông đồng bào DTTS".

- Chỉ thị số 26/CT-UBND, ngày 13/12/2010 "về tuyển dụng, bố trí sử dụng cán bộ là người DTTS và nâng cao hiệu quả sử dụng biên chế".

- Quyết định 168/QĐ-UBND, ngày 08/02/2012 và Quyết định 1141/QĐ-UBND ngày 24/7/2013 "về chính sách hỗ trợ kinh phí cho học sinh, sinh viên từ năm học 2011-2012 đến năm học 2015-2016".

- Quyết định số 943/QĐ-UBND, ngày 08/7/2011 "về việc ban hành Kế hoạch tăng cường công tác dân tộc giai đoạn 2011-2016".

- Quyết định số 10/2012/QĐ-UBND, ngày 01/6/2012 "về quy định chính sách hỗ trợ lãi suất vay vốn sản xuất, kinh doanh đối với hộ đồng bào DTTS tại chỗ giai đoạn 2012-2013".

- Kế hoạch số 382/KH-UBND, ngày 23/9/2012 "về việc đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh vùng dân tộc Mông trên địa bàn tỉnh Đắk Nông".

- Kế hoạch số 38/KH-UBND, ngày 23/1/2014 "về việc phê duyệt Đề án thực hiện lộ trình tiến tới BHYT toàn dân giai đoạn 2012-2015 và 2020".

- Quyết định số 1617/QĐ-UBND, ngày 27/10/2014 "về ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược công tác dân tộc trên địa bàn tỉnh Đắk Nông đến năm 2020".

- Kế hoạch số 431/KH-UBND, ngày 08/10/2014 "về tăng cường hợp tác quốc tế hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS trên địa bàn tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2014-2020".

- Quyết định số 546/QĐ-UBND, ngày 11/4/2016 "về phê duyệt một số chỉ tiêu thực hiện các Mục tiêu phát triển Thiên niên kỷ đối với đồng bào DTTS gắn với mục tiêu phát triển bền vững sau năm 2015".

- Quyết định số 17/2016/QĐ-UBND, ngày 15/4/2016 "về triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ lãi suất đối với hộ gia đình đồng bào DTTS tại chỗ tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2015-2021".

- Quyết định số 1799/QĐ-UBND, ngày 14/10/2016 "ban hành Kế hoạch triển khai Đề án tăng cường tiếng Việt cho trẻ mầm non, học sinh tiểu họ vùng DTTS giai đoạn 2016-2020, định hướng đến 2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông".

- Quyết định số 1842/QĐ-UBND, ngày 24/10/2016 "về việc thành lập Ban chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 - 2020 tỉnh Đắk Nông".

- Quyết định số 1844/QĐ-UBND, ngày 24/10/2016 "về việc triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ học sinh, sinh viên DTTS thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo tỉnh Đắk Nông từ năm học 2016 -2017 đến năm học 2020 - 2021".

- Quyết định số 1870/QĐ-UBND, ngày 28/10/2016 "ban hành Kế hoạch đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực các DTTS trên địa bàn tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2030".

- Quyết định số 1908/QĐ-UBND, ngày 03/11/2016 "ban hành Chương trình hành động triển khai thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 27/7/2016 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Đắk Nông về công tác GNBV giai đoạn 2016 - 2020".

- Quyết định số 225/QĐ-UBND, ngày 13/02/2017 "về ban hành Kế hoạch triển khai Nghị quyết số 56/2016/NQ-HĐND ngày 22/12/2016 của HĐND tỉnh về ban hành Chương trình GNBV tỉnh Đắk Nông, giai đoạn 2016 - 2020".

- Kế hoạch số 156/KH-UBND, ngày 29/3/2017 "triển khai cấp một số ấn phẩm báo, tạp chí cho vùng đồng bào DTTS và miền núi, vùng đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Đắk Nông".

- Kế hoạch số 254/KH-UBND, ngày 11/5/2017 "về Đề án phát triển đội ngũ CBCCVC người DTTS trên địa bàn tỉnh Đắk Nông trong thời kỳ mới".

- Kế hoạch số 239/KH-UBND, ngày 05/5/2017 "về việc triển khai thực hiện Quyết định 2561/QĐ-TTg ngày 31/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ

phê duyệt Đề án "phát huy vai trò người có uy tín trong vùng DTTS" trên địa bàn tỉnh Đắk Nông".

- Quyết định số 1522/QĐ-UBND, ngày 20/9/2017 "về việc phê duyệt Đề án thực hiện chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng DTTS và miền núi giai đoạn 2017-2020".

- Kế hoạch số 451/KH-UBND, ngày 06/9/2017 "về công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền vận động đồng bào DTTS trên địa bàn tỉnh Đắk Nông, giai đoạn 2017-2021".

- Kế hoạch số 197/KH-UBND, ngày 02/5/2018 "về thực hiện Đề án "Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng DTTS giai đoạn 2018 - 2025".

- Quyết định số 1760/QĐ-UBND, ngày 05/11/2018 "phê duyệt Đề án giảm nghèo theo địa chỉ tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2018 - 2020".

- Quyết định 2376/QĐ-UBND, ngày 31/12/2021 "về việc kiện toàn Ban Chỉ đạo thực hiện các chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025 tỉnh Đắk Nông".

- Quyết định số 1437/QĐ-UBND, ngày 22/8/2022 "về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Chiến lược CTDT giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến 2045 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông".

- Quyết định số 1440/QĐ-UBND, ngày 22/8/2022 "về việc giao chỉ tiêu thực hiện bao phủ BHYT giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông".

- Quyết định số 1740/QĐ-UBND, ngày 28/10/2022 "về việc phê duyệt Đề án ổn định dân di cư tự do trên địa bàn tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030".

- Quyết định số 167/QĐ-UBND, ngày 17/02/2023 "về việc điều chỉnh và phân công đơn vị kết nghĩa với bon/buôn đồng bào DTTS tại chỗ".

- Quyết định số 873/QĐ-UBND, ngày 20/7/2023 "về ban hành đề án hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo của tỉnh Đắk Nông thuộc chuong trình MTQG giảm nghèo bề vững giai đoạn 2021-2025".

- Quyết định số 323/QĐ-UBND, ngày 20/3/2024 "ban hành Kế hoạch thực hiện Chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào DTTS trên địa bàn tỉnh Đắk Nông".

2.4 Chính sách do Tỉnh uỷ, HĐND, UBND tỉnh Lâm Đồng (cũ) ban hành

2.4.1.Văn bản do Tỉnh uỷ Lâm Đồng (cũ) ban hành

- Chương trình hành động số 51-CTr/TU, ngày 30/01/2013 "thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 22/11/2012 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác BHXH, BHYT giai đoạn 2012 - 2020".

- Chỉ thị số 09-CT/TU, ngày 29/7/2016 "về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác BHYT giai đoạn 2016 - 2020".

- Nghị quyết số 14-NQ/TU, ngày 8/10/2018 "về Phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2018 - 2025, định hướng đến năm 2030".

- Kế hoạch hành động số 97-KH/TU, ngày 30/7/2018 "thực hiện Nghị quyết 28-NQ/TW về cải cách chính sách BHXH".

- Nghị quyết số 09-NQ/TU, ngày 14/12/2021 "triển khai thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW, ngày 23/6/2021 của Ban Bí thư Trung ương Đảng "về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác GNBV đến năm 2030".

- Nghị quyết số 16-NQ/TU, ngày 03/6/2022 "về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2022 - 2030".

- Nghị quyết số 20-NQ/TU, ngày 25/7/2022 "về đào tạo, phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tỉnh Lâm Đồng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030".

- Chỉ thị số 22-CT/TU, ngày 07/11/2022 "về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác BHYT trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2022 - 2025".

2.4.2.Chính sách do HĐND tỉnh Lâm Đồng (cũ) ban hành

- Nghị quyết số 65/2017/NQ-HĐND, ngày 08/12/2017 "quy định mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho một số đối tượng trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng".

- Nghị quyết số 97/2022/NQ-HĐND, ngày 08/7/2022 "quy định mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho một số đối tượng tham gia bảo hiểm y tế do ngân sách địa phương đảm bảo trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng".

- Nghị quyết số 143/2022/NQ-HĐND, ngày 09/12/2022 "quy định mức hỗ trợ đóng BHYT cho một số đối tượng khác tham gia BHYT do ngân sách địa phương đảm bảo trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2022-2025".

- Nghị quyết số 07/2025/NQ-HĐND, ngày 16/7/2025 "Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương năm 2025 thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng".

- Nghị quyết số 18/NQ-HĐND, ngày 28/8/2025 "về việc tiếp nhận toàn bộ kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025 và năm 2025 thực hiện Chương trình MTQG Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng".

2.4.3.Chính sách do UBND tỉnh Lâm Đồng (cũ) ban hành

- Quyết định số 62/2012/QĐ-UBND, ngày 27/12/2012 "về việc quy định mức trợ cấp xã hội cho học sinh, sinh viên của tỉnh Lâm Đồng đang học tại các trường Đại học, Cao đẳng, Trung học chuyên nghiệp và dạy nghề".

- Kế hoạch số 5928/KH-UBND, ngày 07/10/2013 "thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 22/11/2012 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác BHXH, BHYT giai đoạn 2012-2020".

- Quyết định số 2766/QĐ-UBND, ngày 31/12/2013 "thành lập Ban Chỉ đạo Đề án thực hiện lộ trình tiến tới Bảo hiểm y tế toàn dân tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2012-2015 và 2020".

- Kế hoạch số 6203/KH-UBND, ngày 07/10/2016 "về việc thực hiện Đề án Tăng cường tiếng Việt cho trẻ em mầm non, học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2016-2020, định hướng đến 2025 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng".

- Quyết định số 2719/QĐ-UBND, ngày 07/12/2016 "phê duyệt Đề cương, nhiệm vụ quy hoạch và dự toán kinh phí dự án quy hoạch phát triển tiểu thủ công nghiệp, làng nghề truyền thống gắn với phát triển hàng thủ công mỹ nghệ trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035".

- Quyết định số 1530/QĐ-UBND, ngày 11/7/2017 "về việc ban hành kế hoạch thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia GNBV giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng".

- Quyết định số 185/QĐ-UBND, ngày 21/01/ 2021 "về việc thành lập Ban chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2021 - 2030".

- Kế hoạch số 382/QĐ-UBND, ngày 09/3/2022 "thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia GNBV giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng".

- Quyết định số 1183/QĐ-UBND, ngày 30/6/2022 **"**phê duyệt Kế hoạch thực hiện chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2022-2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng".

- Quyết định số 1920/QĐ-UBND, ngày 21/10/2022 "về việc phê duyệt Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2022-2025".

- Quyết định số 02/2024/QĐ-UBND, ngày 08/01/2024 "quy định hạn mức giao đất ở, đất sản xuất cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, hộ nghèo dân tộc Kinh chưa có đất ở; chưa có hoặc thiếu đất sản xuất theo Chương trình mục tiêu quốc gia, giai đoạn I: từ năm 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng".

2.5. Chính sách do Tỉnh uỷ, HĐND, UBND tỉnh Lâm Đồng hiện nay ban hành

- Nghị quyết số 01-NQ/ĐH, ngày 11/10/2025 "Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030".

- Báo cáo số 27-BC/TU, ngày 31/10/2025 "kiểm điểm sự lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng nhiệm kỳ 2020-2025 trình Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng lần thứ nhất, nhiệm kỳ 2025-2030".

- Nghị quyết số 07/2025/NQ-HĐND, ngày 16/7/2025 "quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương năm 2025 thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng".

- Nghị quyết số 21/NQ-HĐND, ngày 28/8/2025 "về việc cho áp dụng và bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật do HĐND tỉnh Bình Thuận, tỉnh Đắk Nông, tỉnh Lâm Đồng đã ban hành trước khi sáp nhập".

- Nghị quyết số 87/2025/NQ-HĐND, ngày 30/12/2025 "quy định chính sách hỗ trợ đất đai đối với cộng đồng dân cư và cá nhân là người dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng".

Phụ lục 3
TỔNG HỢP KẾT QUẢ BẢO ĐẢM PLXH TRÊN MỘT SỐ LĨNH VỰC CƠ BẢN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LÂM ĐỒNG
(Tỉnh Bình Thuận (cũ), Đắk Nông (cũ), Lâm Đồng (cũ))

3.1.Báo cáo số 515/BC-BHXH ngày 24/3/2023 của BHXH tỉnh Bình Thuận
Tổng hợp số lao động DTTS tham gia BHXH bắt buộc tỉnh Bình Thuận

Năm	Số lượng tham gia BHXH	Trong đó, lao động DTTS	
		Số lượng	Tỷ lệ (%)
2018	94.327	3.814	4,04
2020	92.050	4.296	4,66
2023	102.265	5.713	5,58

3.2. Báo cáo số 500/BC-BHXH ngày 24/4/2023 của BHXH tỉnh Đắk Nông Tổng hợp số lao động DTTS tham gia BHXH bắt buộc tỉnh Đắk Nông

Năm	Số lượng tham gia BHXH	Trong đó, lao động DTTS	
		Số lượng	Tỷ lệ (%)
2018	34.828	1.720	4,93
2020	42.622	1.813	4,25
2023	49.726	2.180	4,38

3.3.Báo cáo số 761/BC-BHXH, ngày 10/5/2023 của BHXH tỉnh Lâm Đồng
Tổng hợp số lao động DTTS tham gia BHXH bắt buộc tỉnh Lâm Đồng

Năm	Số lượng tham gia BHXH	Trong đó, lao động DTTS	
		Số lượng	Tỷ lệ (%)
2018	96.035	4.149	4,32
2020	105.134	5.522	5,25
2023	109.648	6.747	6,15

3.4.Báo cáo số 515/BC-BHXH ngày 24/3/2023 của BHXH tỉnh Bình Thuận
Tổng hợp số lao động DTTS tham gia BHXH tự nguyện tỉnh Bình Thuận

Năm	Số lượng tham gia BHXH tự nguyện	Trong đó, lao động DTTS	
		Số lượng	Tỷ lệ (%)
2018	1.254	87	6,93
2020	12.225	832	6,80
2023	14.778	1.397	9,45

3.5. Báo cáo số 500/BC-BHXH ngày 24/4/2023 của BHXH tỉnh Đắk Nông Tổng hợp số lao động DTTS tham gia BHXH tự nguyện tỉnh Đắk Nông

Năm	Số lượng tham gia BHXH tự nguyện	Trong đó, lao động DTTS	
		Số lượng	Tỷ lệ (%)
2018	2.135	342	15,99
2020	10.350	949	9,17
2023	14.850	1.392	9,37

3.6.Báo cáo số 761/BC-BHXH, ngày 10/5/2023 của BHXH tỉnh Lâm Đồng

Tổng hợp số lao động DTTS tham gia BHXH tự nguyện tỉnh Lâm Đồng

Năm	Số lượng tham gia BHXH tự nguyện	Trong đó, lao động DTTS	
		Số lượng	Tỷ lệ (%)
2018	16.476	1.621	9,83
2020	16.024	1.795	11,2
2023	18.460	2.261	12,24

3.7.Báo cáo số 515/BC-BHXH ngày 24/3/2023 của BHXH tỉnh Bình Thuận

Tổng hợp lao động DTTS tham gia BHTN tỉnh Bình Thuận

Năm	Số lượng tham gia BHTN	Trong đó, lao động DTTS	
		Số lượng	Tỷ lệ (%)
2018	82.202	3.427	4,16
2020	83.264	3.835	4,60
2023	96.579	5.401	5,59

3.8. Báo cáo số 500/BC-BHXH ngày 24/4/2023 của BHXH tỉnh Đắk Nông Tổng hợp số lượng lao động DTTS tham gia BHTN tỉnh Đắk Nông

Năm	Số lượng tham gia BHTN	Trong đó, lao động DTTS	
		Số lượng	Tỷ lệ (%)
2018	25.684	1.522	5,90
2020	26.706	1.617	6,05
2023	30.820	1.928	6,25

3.9.Báo cáo số 761/BC-BHXH, ngày 10/5/2023 của BHXH tỉnh Lâm Đồng

Tổng hợp lao động DTTS tham gia BHTN tỉnh Lâm Đồng

Năm	Số lượng tham gia BHTN	Trong đó, lao động DTTS	
		Số lượng	Tỷ lệ (%)
2018	75.009	3.609	4,80
2020	84.206	5.012	5,95
2023	88.720	5.946	6,70

3.10.Báo cáo số 515/BC-BHXH ngày 24/3/2023 của BHXH tỉnh Bình Thuận

Tổng hợp số lao động rút BHXH 01 lần của tỉnh Bình Thuận

Năm	Số lượng rút BHXH 1 lần	Trong đó, lao động DTTS	
		Số lượng	Tỷ lệ (%)
2020	11.025	51	0,46
2021	12.914	36	0,27
2023	11.741	55	0,46
2024	4.575	14	0,30

3.11.Báo cáo số 500/BC-BHXH ngày 24/4/2023 của BHXH tỉnh ĐắkNông

Tổng hợp số lao động rút BHXH 01 lần của tỉnh Đắk Nông

Năm	Số lượng rút BHXH 1 lần	Trong đó, lao động DTTS	
		Số lượng	Tỷ lệ (%)
2020	1.967	62	3,15
2021	4.300	24	0,55
2023	4.400	16	0,59

3.12.Tổng cục Thống kê - Uỷ ban Dân tộc: điều tra, thu thập thông tin về thực trạng kinh tế xã hội của 53 dân tộc thiểu số năm 2024

Tổng hợp tình trạng nhà ở của hộ DTTS tỉnh Bình Thuận, Đắk Nông, Lâm Đồng, thời điểm 01/7/2024

TT	Tỉnh	Tổng số	Nhà kiên cố/ bán kiên cố		Nhà thiếu kiên cố và đơn sơ		Không xác định	
			Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Bình Thuận	27.343	26.399	96,54	807	2,95	137	0,50
2	Đắk Nông	54.703	44.508	81,36	10.109	18,47	86	0,15
3	Lâm Đồng	74.827	69.757	93,22	4.740	6,33	351	0,47

3.13.Tổng cục Thống kê - Uỷ ban Dân tộc: điều tra, thu thập thông tin về thực trạng kinh tế xã hội của 53 dân tộc thiểu số năm 2024

Diện tích đất ở bình quân theo hộ gia đình người DTTS, thời điểm 01/7/2024

TT	Tỉnh	Diện tích (m^2)
1	Bình Thuận	178,3
2	Đắk Nông	247,3
3	Lâm Đồng	276,8

3.14.Tổng cục Thống kê - Uỷ ban Dân tộc: điều tra, thu thập thông tin về thực trạng kinh tế xã hội của 53 dân tộc thiểu số năm 2024

Diện tích đất sản xuất bình quân theo hộ gia đình người DTTS, thời điểm 01/7/2024

TT	Tỉnh	Diện tích (m^2)
1	Bình Thuận	6.737,9
2	Đắk Nông	12.546,1
3	Lâm Đồng	20.124

3.15.Tổng cục Thống kê - Uỷ ban Dân tộc: điều tra, thu thập thông tin về thực trạng kinh tế xã hội của 53 dân tộc thiểu số năm 2024

Tổng hợp tỷ lệ người DTTS từ 15 tuổi trở lên biết đọc, biết viết chữ phổ thông thời điểm 01/7/2024

TT	Tỉnh	Chung	Chia ra			
			Thành thị	Nông thôn	Nam	Nữ
1	Bình Thuận	83,9	82,7	84,0	85,7	82,2
2	Đắk Nông	82,8	86,8	82,7	86,1	79,8
3	Lâm Đồng	83,7	87,9	82,8	86,8	80,6

3.16.Tổng cục Thống kê - Uỷ ban Dân tộc: điều tra, thu thập thông tin về thực trạng kinh tế xã hội của 53 dân tộc thiểu số năm 2024

Tỷ lệ đi học của học sinh DTTS theo khối trung học cơ sở, trung học phổ thông tại thời điểm 01/7/2024

TT	Tỉnh	Trung học cơ sở			Trung học phổ thông		
		Chung	Nam	Nữ	Chung	Nam	Nữ
1	Bình Thuận	86,1	84,2	88,2	50,0	39,2	58,7
2	Đắk Nông	85,0	83,6	86,5	44,4	41,7	47,1
3	Lâm Đồng	91,2	89,3	93,2	44,7	38,5	51,0

3.17.Tổng cục Thống kê - Uỷ ban Dân tộc: điều tra, thu thập thông tin về thực trạng kinh tế xã hội của 53 dân tộc thiểu số năm 2024

Tổng hợp trình độ học vấn của người lao động DTTS từ đủ 15 tuổi trở lên tỉnh Bình Thuận, Đắk Nông, Lâm Đồng, thời điểm 01/7/2024

TT	Tỉnh	Tổng số	Chưa bao giờ đi học	Dưới tiểu học	Tiểu học	Trung học cơ sở	Trung học phổ thông
1	Bình Thuận	56.132	6.406	11.992	18.886	10.472	8.375
2	Đắk Nông	132.440	16.309	23.079	49.484	25.416	18.153
3	Lâm Đồng	196.779	22.532	29.267	60.921	52.052	31.558

3.18.Tổng cục Thống kê - Uỷ ban Dân tộc: điều tra, thu thập thông tin về thực trạng kinh tế xã hội của 53 dân tộc thiểu số năm 2024

Tổng hợp trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của người lao động DTTS từ đủ 15 tuổi trở lên tỉnh Bình Thuận, Đắk Nông, Lâm Đồng, thời điểm 01/7/2024

TT	Tỉnh	Tổng số	Không có trình độ chuyên môn nghiệp vụ		Công nhân kỹ thuật không có bằng cấp	Sơ cấp	Trung cấp	Cao đẳng	Đại học trở lên	Không xác định
			Số lượng	Tỷ lệ %						
1	Bình Thuận	56.132	35.455	63,1	14.076	1.443	952	1.226	2.899	81
2	Đắk Nông	132.440	120.692	91,2	3.254	4.643	1.379	780	1.659	33
3	Lâm Đồng	196.779	176.879	89,9	4.259	5.692	2.015	2.672	5.262	0

3.19.Tổng cục Thống kê - Uỷ ban Dân tộc: điều tra, thu thập thông tin về thực trạng kinh tế xã hội của 53 dân tộc thiểu số năm 2024

Tổng hợp tỷ lệ lao động người DTTS làm việc so với dân số người DTTS trong độ tuổi lao động, thời điểm 01/7/2024

TT	Tỉnh	Tỷ lệ làm việc
1	Bình Thuận	80,9
2	Đắk Nông	86,2
3	Lâm Đồng	89,3

3.20.Tổng cục Thống kê - Uỷ ban Dân tộc: điều tra, thu thập thông tin về thực trạng kinh tế xã hội của 53 dân tộc thiểu số năm 2024

Tổng hợp số hộ DTTS không có một số trang thiết bị cơ bản, thời điểm 01/7/2024

TT	Tỉnh	Không có tivi thông minh	Không có Radio	Không có điện thoại di động	Không có xe máy
1	Bình Thuận	5.266	25.446	1.354	2.950
2	Đắk Nông	28.083	52.226	2.915	5.217
3	Lâm Đồng	16.056	71.187	2.821	4.052

3.21.Tổng cục Thống kê - Uỷ ban Dân tộc: điều tra, thu thập thông tin về thực trạng kinh tế xã hội của 53 dân tộc thiểu số năm 2024

Tỷ lệ hộ gia đình người DTTS tiếp cận thông tin văn hóa xã hội qua Đài Tiếng nói Việt Nam/Đài phát thanh tỉnh/huyện hoặc truyền hình Trung ương/địa phương, thời điểm 01/7/2024

TT	Tỉnh	Tỷ lệ (%)
1	Bình Thuận	87,2
2	Đắk Nông	61,8
3	Lâm Đồng	84,9

3.22.Tổng cục Thống kê - Uỷ ban Dân tộc: điều tra, thu thập thông tin về thực trạng kinh tế xã hội của 53 dân tộc thiểu số năm 2024

Tỷ lệ hộ gia đình người DTTS sử dụng mùng/màn, thời điểm 01/7/2024

TT	Tỉnh	Tỷ lệ (%)
1	Bình Thuận	87,5
2	Đắk Nông	98,6
3	Lâm Đồng	96,9

3.23.Tổng cục Thống kê - Uỷ ban Dân tộc: điều tra, thu thập thông tin về thực trạng kinh tế xã hội của 53 dân tộc thiểu số năm 2024

Tỷ lệ hộ gia đình người DTTS có internet, thời điểm 01/7/2024

TT	Tỉnh	Tỷ lệ (%)
1	Bình Thuận	88,5
2	Đắk Nông	84,6
3	Lâm Đồng	88,7

3.24.Tổng cục Thống kê - Uỷ ban Dân tộc: điều tra, thu thập thông tin về thực trạng kinh tế xã hội của 53 dân tộc thiểu số năm 2024

Tỷ lệ hộ gia đình người DTTS sử dụng điện lưới quốc gia, thời điểm 01/7/2024

TT	Tỉnh	Tỷ lệ (%)
1	Bình Thuận	99,9
2	Đắk Nông	95,6
3	Lâm Đồng	99,1

3.25.Tổng cục Thống kê - Uỷ ban Dân tộc: điều tra, thu thập thông tin về thực trạng kinh tế xã hội của 53 dân tộc thiểu số năm 2024

Tỷ lệ hộ gia đình người DTTS sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh, thời điểm 01/7/2024

TT	Tỉnh	Tỷ lệ (%)
1	Bình Thuận	99,0
2	Đắk Nông	92,3
3	Lâm Đồng	97,2

3.26.Tổng cục Thống kê - Uỷ ban Dân tộc: điều tra, thu thập thông tin về thực trạng kinh tế xã hội của 53 dân tộc thiểu số năm 2024

Tỷ lệ hộ gia đình người DTTS sử dụng nhà xí hợp vệ sinh, thời điểm 01/7/2024

TT	Tỉnh	Tỷ lệ (%)
1	Bình Thuận	88,0
2	Đắk Nông	74,5
3	Lâm Đồng	84,0

3.27.Tổng cục Thống kê - Uỷ ban Dân tộc: điều tra, thu thập thông tin về thực trạng kinh tế xã hội của 53 dân tộc thiểu số năm 2024

Tổng hợp số hộ DTTS có nhu cầu được vay vốn Ngân hàng Chính sách thời điểm 01/7/2024

TT	Tỉnh	Tổng số hộ	Số hộ có nhu cầu vay vốn		Trong đó số hộ có nhu cầu vay vốn từ 50 triệu đồng trở lên	
			Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ
1	Bình Thuận	27.343	6.933	25,35	2.366	34,12
2	Đắk Nông	54.703	11.749	21,47	5.928	50,45
3	Lâm Đồng	74.827	16.416	21,93	8.777	53,46

3.28.Tổng cục Thống kê - Uỷ ban Dân tộc: điều tra, thu thập thông tin về thực trạng kinh tế xã hội của 53 dân tộc thiểu số năm 2024

Tổng hợp số hộ DTTS đã được vay vốn Ngân hàng Chính sách thời điểm từ 01/01/2023 - 30/6/2024

TT	Tỉnh	Số hộ được vay vốn
1	Bình Thuận	9.498
2	Đắk Nông	18.142
3	Lâm Đồng	18.291

3.29.Tổng cục Thống kê - Uỷ ban Dân tộc: điều tra, thu thập thông tin về thực trạng kinh tế xã hội của 53 dân tộc thiểu số năm 2024

Tổng hợp số thôn có đường giao thông đến trung tâm xã, thời điểm 01/7/2024

TT	Tỉnh	Tỷ lệ thôn có đường giao thông cứng hóa (%)	Tỷ lệ thôn có đường nhựa (Bê tông nhựa, láng nhựa) (%)	Tỷ lệ thôn có đường bê tông xi măng (%)	Tỷ lệ thôn có đường rải sỏi, đá (%)
1	Bình Thuận	100,00	85,36	13,65	0,97
2	Đắk Nông	99,83	72,07	26,96	0,80
3	Lâm Đồng	99,69	79,77	18,80	1,11

Phụ lục 4
TỔNG HỢP ĐIỀU TRA XÃ HỘI HỌC ĐỐI VỚI CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC TỈNH LÂM ĐỒNG
(Tỉnh Bình Thuận (cũ), Đắk Nông (cũ), Lâm Đồng (cũ))

PHIẾU TRƯNG CẦU Ý KIẾN

(Dùng cho CBCCVC)

Đề tài nghiên cứu: Bảo đảm PLXH đối với đồng bào DTTS ở tỉnh Lâm Đồng hiện nay

(Trong phạm vi nghiên cứu này, PLXH đối với đồng bào DTTS là những khoản hỗ trợ bằng tiền, quà bằng hiện vật, dịch vụ (giáo dục, y tế, văn hoá, thông tin, hạ tầng) không phải trả tiền hoặc chỉ phải chi trả một phần mà Nhà nước, doanh nghiệp, cộng đồng dành cho đồng bào DTTS)

Đồng chí kính mến!

Để có cơ sở đánh giá kết quả thực tiễn việc bảo đảm PLXH đối với đồng bào dân tộc ở tỉnh Đắk Nông hiện nay, chúng tôi rất mong đồng chí dành thời gian nghiên cứu và trả lời những câu hỏi dưới đây.

Xin đồng chí vui lòng đánh dấu (X) vào ô được lựa chọn.

Đồng chí không ghi hoặc ký tên vào phiếu.

Xin trân trọng cảm ơn sự hợp tác của đồng chí!

Câu 1: Xin đồng chí vui lòng cho biết một số thông tin về bản thân đồng chí:

- Giới tính: Nam ☐ Nữ ☐

- Tuổi đời:

Dưới 35 tuổi ☐

Từ 36 đến 55 tuổi ☐

Trên 55 ☐

- Dân tộc:

Dân tộc Kinh ☐ DTTS tại chỗ ☐ DTTS di cư đến ☐

- Trình độ học vấn, Học hàm, học vị:

Tiểu học, Trung học cơ sở ☐ Thạc sĩ ☐

Trung học phổ thông ☐ Tiến sĩ ☐

Cao đẳng, đại học ☐

- Chức vụ công tác hiện nay:

Lãnh đạo cấp sở ☐ Chuyên viên ☐

Trưởng, phó phòng cấp sở, cấp huyện ☐ Nhân viên ☐

Câu 2: Theo đồng chí, đồng bào DTTS có mong muốn được hưởng các chính sách PLXH từ Nhà nước và cộng đồng không?

Có ☐ Không ☐

Câu 3: Theo đồng chí, đồng bào các DTTS trong tỉnh có được thông tin kịp thời và tạo điều kiện để hưởng các chính sách PLXH không?

1. Có ☐ 2. Không ☐

Câu 4: Theo đồng chí, Nhà nước có cần thiết phải bảo đảm PLXH cho đồng bào DTTS không:

Rất cần, cấp thiết ☐ Cần thiết ☐ Không cần thiết ☐

Câu 5: Trên địa bàn đồng chí công tác, những chủ thể nào thường tham gia thực hiện chính sách PLXH đối với đồng bào DTTS?

Nhà nước ☐ Doanh nghiệp ☐ Người dân hỗ trợ nhau ☐

Câu 6: Theo đồng chí, bảo đảm PLXH cho đồng bào DTTS hiện nay có vai trò quan trọng như thế nào: *(có thể đánh dấu một hoặc nhiều ô vuông)*

1. Góp phần giảm bớt sự chênh lệch về thu nhập và mức sống của đồng bào DTTS so với mức bình quân của địa phương và cả nước ☐
2. Tạo động lực ổn định và phát triển kinh tế - văn hoá - xã hội - bảo vệ môi trường ☐
3. Thể hiện được tính ưu việt của chế độ XHCN ở Việt Nam ☐
4. Góp phần quan trọng trong củng cố quốc phòng an ninh, làm thất bại âm mưu « diễn biến hoà bình » của các thế lực thù địch ☐

Câu 7: **Đồng chí có biết về một số chính sách đối với đồng bào DTTS đang triển khai trên địa bàn tỉnh Đắk Nông không?**

TT	Nội dung chính sách	Có	Không
1	Chính sách GNBV		
2	Chính sách hỗ trợ đất ở, đất sản xuất, nhà ở, nước sinh hoạt cho đồng bào DTTS nghèo, đời sống khó khăn		
3	Chính sách trợ giúp, cứu trợ cho các gia đình gặp khó khăn, thiên tai, dịch bệnh		
4	Chính sách xóa mù chữ		
5	Chính sách hỗ trợ học sinh, sinh viên người DTTS học phổ thông, học nghề, học Cao đẳng, Đại học		
6	Chính sách tín dụng ưu đãi từ ngân hàng CSXH		
7	Chính sách hỗ trợ thẻ BHYT (bằng ngân sách nhà nước)		
8	Chính sách bao phủ BHXH toàn dân		
9	Chính sách hỗ trợ tham gia BHXH tự nguyện		
10	Chính sách hỗ trợ tham gia BHTN		
11	Chính sách đối với người có công		
12	Chính sách phát triển CBCCVC người DTTS		
13	Chính sách chăm sóc sức khỏe sinh sản ở bà mẹ và dinh dưỡng ở trẻ em		
14	Chính sách đầu tư cho kết cấu hạ tầng vùng DTTS và miền núi: đường giao thông, điện, nước sạch, thuỷ lợi, xử lý rác thải, vệ sinh môi trường		
15	Chính sách thông tin, truyền thông		
16	Chính sách đầu tư các thiết chế vui chơi giải trí, văn hoá, sinh hoạt cộng đồng, bảo tồn văn hoá DTTS		
17	Chính sách dịch vụ chi trả môi trường rừng		

Câu 8: Theo đồng chí, kết quả việc thực hiện các chính sách sau đối với đồng bào DTTS trên địa bàn tỉnh như thế nào ?

TT	Chính sách	Mức độ thực hiện		
		Tốt	Bình thường	Chưa tốt
1	Chính sách phát triển kinh tế, GNBV			
2	Chính sách hỗ trợ đất ở, đất sản xuất, nhà ở, nước sinh hoạt cho hộ DTTS nghèo, đời sống khó khăn			
3	Chính sách tín dụng ưu đãi từ ngân hành CSXH			
4	Chính sách hỗ trợ và trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội là người DTTS			
5	Chính sách cứu trợ và hỗ trợ khi khó khăn, hoạn nạn			
6	Chính sách hỗ trợ hàng tháng cho học sinh DTTS thuộc hộ nghèo, cận nghèo, vùng đặc biệt khó khăn			
7	Chính sách hỗ trợ học sinh, sinh viên người DTTS học nghề, học cao đẳng, đại học			
8	Chính sách phát triển CBCCVC người DTTS			
9	Chính sách xóa mù chữ, phổ cập tiếng nói, chữ viết phổ thông cho đồng bào DTTS			
10	Chính sách hỗ trợ BHYT (bằng ngân sách nhà nước)			
11	Chính sách hỗ trợ việc làm ở khu vực chính thức và tham gia BHXH bắt buộc			
12	Chính sách hỗ trợ tham gia BHXH tự nguyện			
13	Chính sách hỗ trợ tham gia BHTN			
14	Chính sách chăm sóc sức khỏe sinh sản bà mẹ và dinh dưỡng ở trẻ em			
15	Chính sách đầu tư cho y tế cơ sở (cấp xã và thôn, bon)			
16	Chính sách đầu tư cho sơ sở hạ tầng vùng DTTS: đường giao thông, điện, nước sạch, thuỷ lợi, xử lý rác thải, vệ sinh môi trường			
17	Chính sách thông tin, truyền thông			
18	Chính sách đầu tư các thiết chế vui chơi giải trí, văn hoá, sinh hoạt cộng đồng, bảo tồn văn hoá DTTS			

Câu 9.Đồng chí cho biết nguyên nhân nào dẫn đến sự tham gia BHYT của đồng bào DTTS trên địa bàn tỉnh thiếu ổn định

1	Đời sống và thu nhập của đồng bào còn thấp, nhiều khó khăn	☐
2	Công tác thông tin chưa đầy đủ, thường xuyên	☐
3	Chất lượng chăm sóc y tế chưa tốt	☐
4	Còn tình trạng trông chờ, ỷ lại vào sự hỗ trợ của nhà nước	☐

Câu 10.Đồng chí cho biết nguyên nhân nào dẫn đến sự tham gia *BHXH bắt buộc* của đồng bào DTTS trên địa bàn tỉnh còn ít và thiếu ổn định

1	Lực lượng lao động DTTS tham gia vào khu vực chính thức quá thấp	☐
2	Chuyển dịch cơ cấu kinh tế chậm, lao động nông nghiệp, lao động tự do chiếm đa số	☐
3	Công tác đào tạo nghề, chuyển đổi nghề, giới thiệu việc làm chưa hiệu quả	☐
4	Công tác thông tin chưa đầy đủ, thường xuyên	☐
5	Thu nhập và đời sống của một bộ phận lao động DTTS còn khó khăn	☐

Câu 11.Đồng chí cho biết nguyên nhân nào dẫn đến sự tham gia *BHXH tự nguyện* của đồng bào DTTS trên địa bàn tỉnh còn ít và thiếu ổn định

1	Công tác thông tin chưa đầy đủ, thường xuyên	☐
2	Thu nhập và đời sống của một bộ phận lao động DTTS còn khó khăn, không ổn định	☐
3	Nhận thức của đồng bào DTTS chưa đầy đủ về ý nghĩa của BHXH tự nguyện	☐
4	Chính sách hỗ trợ của nhà nước chưa phù hợp	☐
5	Thời gian để được thụ hưởng hưu trí chưa phù hợp với đồng bào DTTS	☐

Câu 12: Đồng chí đánh giá như thế nào về hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị cơ sở trong việc thực hiện bảo đảm PLXH đối với đồng bào DTTS ở địa phương hiện nay?

1. Rất tốt ☐ 2. Tốt ☐
3. Bình thường ☐ 4. Yếu ☐

Câu 13:Theo đồng chí, việc thực hiện các chính sách PLXH đối với đồng bào DTTS thời gian qua có phù hợp với điều kiện của địa phương không?

1. Rất phù hợp ☐ 2. Phù hợp ☐
3. Chưa thật sự phù hợp ☐ 4. Không phù hợp ☐

Câu 14: Theo đồng chí, mức độ chênh lệch trong bảo đảm PLXH cho đồng bào DTTS ở Lâm Đồng (Bình Thuận cũ, Đắk Nông cũ, Lâm Đồng cũ) so với mức bình quân chung của cả nước như thế nào?

1. Mức độ chênh lệch lớn và xu hướng ngày càng tăng ☐
2. Mức độ ngang bằng, không có gì thay đổi ☐
3. Mức độ chênh lệch nhỏ, khoảng cách thu hẹp dần ☐

Câu 15: Theo đồng chí, nguyên nhân nào dẫn đến những hạn chế trong bảo đảm PLXH cho đồng bào DTTS ở địa phương hiện nay? *(chọn một hoặc nhiều ô)*

1.	Điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của tỉnh có nhiều khó khăn	☐
2.	Trình độ dân trí thấp, phong tục, tập quán sản xuất và đời sống của đồng bào DTTS còn nhiều lạc hậu	☐
3.	Một số chính sách bảo đảm PLXH chưa phù hợp với thực tiễn địa phương và đặc điểm của từng cộng đồng DTTS	☐
4.	Nhà nước chưa đảm bảo nguồn lực tài chính công cho PLXH đối với đồng bào DTTS ở địa phương	☐
5.	Việc huy động các nguồn lực xã hội (ngoài ngân sách) cho việc bảo đảm PLXH đối với đồng bào DTTS chưa hiệu quả	☐
6.	Năng lực thực thi chính sách bảo đảm PLXH của đội ngũ cán bộ các cấp chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ	☐
7.	Còn tình trạng lợi dụng chính sách PLXH đối với đồng bào DTTS để trục lợi	☐
8.	Còn tình trạng trông chờ, ỷ lại vào sự hỗ trợ của Nhà nước và cộng đồng	☐
9.	Âm mưu « diễn biến hoà bình » và sự chống phá của các thế lực thù địch	☐

Câu 16: Theo đồng chí, cần phải làm gì để bảo đảm PLXH cho đồng bào DTTS trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng hiện nay ?

1	Tăng cường thông tin cho nhân dân về bảo đảm PLXH cho đồng bào DTTS	☐
2	Tập trung thực hiện có hiệu quả 3 chương trình MTQG: phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi; GNBV và chương trình xây dựng nông thôn mới	☐
3	Hoàn thiện chính sách và pháp luật về PLXH đối với đồng bào DTTS trên địa bàn tỉnh	☐
4	Tăng cường đầu tư từ ngân sách cho các chính sách PLXH	☐
5	Tăng cường việc huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực xã hội hoá	☐
6	Phát huy hiệu quả nội lực của đồng bào DTTS	
7	Nâng cao chất lượng CBCCVC thực thi chính sách đối với đồng bào DTTS	☐
8	Làm tốt công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm trong việc thực hiện các chính sách PLXH	☐
9	Đấu tranh có hiệu quả với âm mưu « diễn biến hoà bình » và sự chống phá của các thế lực thù địch	☐

TỔNG HỢP KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐỐI VỚI CBCCVC

1. Thông tin chung

Thông tin	Số lượng	Tỷ lệ
-Giới tính	**167**	**100**
Nam	86	51,5
Nữ	81	48,5
- Tuổi đời:		
Dưới 35 tuổi	34	20,4
Từ 35 đến 55 tuổi	122	73
Trên 55 tuổi	11	6,6
-Dân tộc		
Kinh	101	60,5
DTTS tại chỗ	34	20,4
DTTS di cư đến	32	19,1
-Trình độ học vấn, học hàm, học vị		
Tiểu học, Trung học cơ sở	0	0
Trung học phổ thông	0	0
Trung cấp	0	0
Cao đẳng, đại học	150	89,8
Thạc sĩ	17	10,2
Tiến sĩ, Phó giáo sư, Giáo sư	0	0
- Chức vụ công tác hiện nay		
Lãnh đạo cấp sở	19	11,4
Trưởng, phó phòng và tương đương	32	19,2
Lãnh đạo đảng ủy cấp xã	22	13,2
Lãnh đạo chính quyền cấp xã	19	11,4
Lãnh đạo đoàn thể cấp xã	20	12
Chuyên viên	49	29,2
Nhân viên	6	3,6

2.Đánh giá về mức độ mong muốn được thụ hưởng chính sách PLXH của đồng bào DTTS trong tỉnh

TT	Mức độ	Số lượng	Tỷ lệ
1	Có mong muốn	167	100
2	Không mong muốn	0	0

3.Đánh giá về mức độ kịp thời của thông tin và điều kiện được thụ hưởng chính sách PLXH của đồng bào DTTS trong tỉnh

TT	Mức độ	Số lượng	Tỷ lệ
1	Có kịp thời	137	82
2	Không kịp thời	30	18

4.Đánh giá sự cần thiết Nhà nước phải bảo đảm PLXH đối với đồng bào DTTS trong tỉnh

TT	Mức độ cần thiết	Số lượng	Tỷ lệ
1	Rất cần, cấp thiết	97	58,1
2	Cần thiết	68	40,7
3	Không cần thiết	2	1,1

5.Thông tin về các chủ thể thường xuyên tham gia bảo đảm PLXH đối với đồng bào DTTS trong tỉnh

TT	Chủ thể	Số lượng	Tỷ lệ
1	Cơ quan nhà nước	102	61,1
2	Doanh nghiệp và các tổ chức	31	18,6
3	Người dân hỗ trợ nhau	34	20,3

6.Vai trò của việc bảo đảm PLXH đối với đồng bào DTTS hiện nay

TT	Vai trò	Số lượng	Tỷ lệ
1	Góp phần giảm bớt sự chênh lệch về thu nhập và mức sống của đồng bào DTTS so với mức bình quân của địa phương và cả nước	159	95,2
2	Tạo động lực ổn định và phát triển kinh tế - xã hội	153	91,6
3	Thể hiện tính ưu việt của chế độ XHCN ở Việt Nam	161	96,4
4	Góp phần quan trọng trong củng cố quốc phòng an ninh, hạn chế những vấn nạn và làm thất bại mọi hoạt động chống phá của kẻ thù, xây dựng được thế trận lòng dân vững chắc	132	79

7.Thông tin về một số chính sách PLXH cơ bản

TT	Chính sách	Có biết		Không biết	
		Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ
1	Chính sách GNBV	162	97,0	5	3,0
2	Chính sách hỗ trợ đất ở, đất sản xuất, nhà ở, nước sinh hoạt cho đồng bào DTTS nghèo, đời sống khó khăn	158	94,6	9	5,4
3	Chính sách trợ giúp, cứu trợ cho các gia đình gặp khó khăn, thiên tai, dịch bệnh	162	97,0	5	3,0
4	Chính sách xóa mù chữ	160	95,8	7	4,2
5	Chính sách hỗ trợ học sinh, sinh viên người DTTS học phổ thông, học nghề, học Cao đẳng, Đại học	149	90,2	10	9,8
6	Chính sách tín dụng ưu đãi từ ngân hàng CSXH	160	95,8	7	4,2
7	Chính sách hỗ trợ thẻ BHYT (bằng ngân sách nhà nước)	157	94,0	10	6,0
8	Chính sách bao phủ BHXH toàn dân	138	82,6	29	17,4
9	Chính sách hỗ trợ tham gia BHXH tự nguyện	120	71,9	47	28,1
10	Chính sách hỗ trợ tham gia BHTN	122	73,0	45	27,0
11	Chính sách đối với người có công	167	100	0	0
12	Chính sách phát triển CBCCVC người DTTS	160	95,8	7	4,2
13	Chính sách chăm sóc sức khỏe sinh sản ở bà mẹ và dinh dưỡng ở trẻ em	161	96,4	6	3,6
14	Chính sách đầu tư cho kết cấu hạ tầng vùng DTTS và miền núi: đường giao thông, điện, nước sạch, thuỷ lợi, xử lý rác thải, vệ sinh môi trường	162	97,0	5	3,0
15	Chính sách thông tin, truyền thông	150	89,8	17	10,2
16	Chính sách đầu tư các thiết chế vui chơi giải trí, văn hoá, sinh hoạt cộng đồng, bảo tồn văn hoá DTTS	150	91	15	9,0
17	Chính sách dịch vụ chi trả môi trường rừng	139	83,2	28	16,8

8.Đánh giá về kết quả xây dựng và tổ chức thực thi các chính sách PLXH mà cấp uỷ, chính quyền, đoàn thể ở địa phương đã thực hiện đối với đồng bào DTTS

TT	Nội dung	Mức độ đánh giá (%)		
		Đầy đủ, phù hợp và hiệu quả	Phù hợp nhưng chưa đầy đủ	Chưa phù hợp, còn thất thoát, không hiệu quả
1	Việc xây dựng các chính sách PLXH	88 (52,7)	68 (40,7)	11 (6,6)
2	Công tác tuyên truyền, phổ biến về PLXH	98 (58,7)	58 (34,7)	11 (6,6)
3	Việc phân công và phối hợp thực hiện PLXH	85 (50,9)	58 (34,7)	24 (14,4)
4	Việc sử dụng ngân sách nhà nước và huy động các nguồn lực xã hội hoá để thực hiện PLXH	95 (56,9)	46 (27,5)	26 (15,6)
5	Công tác kiểm tra, giám sát, tổng kết và đánh giá thực hiện PLXH	87 (52,1)	52 (31,1)	28 (16,8)

9.Đánh giá về kết quả tổ chức thực hiện các chính sách PLXH cơ bản đối với đồng bào DTTS trên địa bàn tỉnh

TT	Chính sách	Mức độ thực hiện (số lượng, (%))		
		Tốt	Bình thường	Chưa tốt
1	Chính sách phát triển kinh tế, GNBV	148 (88,6)	19 (11,4)	0
2	Chính sách hỗ trợ đất ở, đất sản xuất, nhà ở, nước sinh hoạt cho hộ DTTS nghèo, đời sống khó khăn	92 (55,1)	51 (30,5)	24 (14,4)
3	Chính sách tín dụng ưu đãi từ ngân hành CSXH	128 (76,6)	37 (22,2)	2 (1,2)
4	Chính sách hỗ trợ và trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội là người DTTS	131 (78,4)	32 (19,2)	4 (2,4)
5	Chính sách cứu trợ và hỗ trợ khi khó khăn, hoạn nạn	135 (80,8)	32 (19,2)	0
6	Chính sách hỗ trợ hàng tháng cho học sinh DTTS thuộc hộ nghèo, cận nghèo, vùng đặc biệt khó khăn	114 (68,3)	27 (16,2)	26 (15,6)
7	Chính sách hỗ trợ học sinh, sinh viên người DTTS học nghề, học cao đẳng, đại học	124 (74,3)	39 (23,4)	4 (2,3)
8	Chính sách phát triển CBCCVC người DTTS	133 (79,6)	18 (10,8)	16 (9,6)
9	Chính sách xóa mù chữ, phổ cập tiếng nói, chữ viết phổ thông cho đồng bào DTTS	112 (67,0)	51 (30,5)	4 (2,5)
10	Chính sách hỗ trợ BHYT (bằng ngân sách nhà nước)	149 (89,2)	14 (8,4)	4 (2,4)

11	Chính sách hỗ trợ việc làm ở khu vực chính thức và tham gia BHXH bắt buộc	56 (33,5)	91 (54,5)	20 (12)
12	Chính sách hỗ trợ tham gia BHXH tự nguyện	97 (58,0)	65 (39,0)	5 (3,0)
13	Chính sách hỗ trợ tham gia BHTN	80 (47,9)	59 (35,3)	28 (16,8)
14	Chính sách chăm sóc sức khỏe sinh sản bà mẹ và dinh dưỡng ở trẻ em	126 (75,4)	39 (23,3)	2 (1,3)
15	Chính sách đầu tư cho y tế cơ sở (cấp xã và thôn, bon)	126 (75,4)	31 (18,6)	10 (6,0)
16	Chính sách đầu tư cho sơ sở hạ tầng vùng DTTS: đường giao thông, điện, nước sạch, thuỷ lợi, xử lý rác thải, vệ sinh môi trường	131 (78,4)	18 (10,8)	18 (10,8)
17	Chính sách thông tin, truyền thông	115 (68,9)	44 (26,3)	8 (4,8)
18	Chính sách đầu tư các thiết chế vui chơi giải trí, văn hoá, sinh hoạt cộng đồng, bảo tồn văn hoá DTTS	83 (49,7)	58 (34,7)	26 (15,6)

10.Đánh giá nguyên nhân dẫn đến việc tham gia BHYT của đồng bào DTTS thiếu ổn định

TT	Nguyên nhân	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Đời sống và thu nhập thấp, khó khăn	167	100
2	Công tác thông tin chưa đầy đủ, thường xuyên	112	67,0
3	Chất lượng chăm sóc y tế chưa tốt	86	51,5
4	Còn tình trạng trông chờ, ỷ lại vào sự hỗ trợ của nhà nước	94	56,3

11.Đánh giá nguyên nhân dẫn đến sự tham gia *BHXH bắt buộc* của lao động DTTS còn ít và thiếu ổn định

TT	Nguyên nhân	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Lực lượng lao động DTTS tham gia vào khu vực chính thức quá thấp	143	85,6
2	Chuyển dịch cơ cấu kinh tế chậm, lao động nông nghiệp, lao động tự do chiếm đa số	115	92,8
3	Công tác đào tạo nghề, chuyển đổi nghề, giới thiệu việc làm chưa hiệu quả	141	84,4
4	Công tác thông tin chưa đầy đủ, thường xuyên	76	45,5
5	Thu nhập và đời sống của một bộ phận lao động DTTS còn khó khăn	147	88,0

12.Đánh giá nguyên nhân dẫn đến sự tham gia *BHXH tự nguyện* của đồng bào DTTS còn ít và thiếu ổn định

TT	Nguyên nhân	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Công tác thông tin chưa đầy đủ, thường xuyên	143	85,6
2	Thu nhập và đời sống của một bộ phận lao động DTTS còn khó khăn, không ổn định	160	95,8
3	Nhận thức của đồng bào DTTS chưa đầy đủ về ý nghĩa của BHXH tự nguyện	162	97,0
4	Chính sách hỗ trợ của nhà nước chưa phù hợp	84	50,3
5	Thời gian để được thụ hưởng hưu trí chưa phù hợp với đồng bào DTTS	79	47,3

13.Đánh giá về hiệu quả của HTCT cơ sở trong việc triển khai bảo đảm PLXH đối với đồng bào DTTS ở địa phương hiện nay

TT	Mức độ	Số lượng	Tỷ lệ
1	Rất tốt	51	30,5
2	Tốt	98	58,7
3	Bình thường	18	10,8
4	Yếu kém	0	0

14.Đánh giá về mức độ phù hợp của các chính sách bảo đảm PLXH đối với đồng bào DTTS với điều kiện của địa phương

TT	Mức độ	Số lượng	Tỷ lệ
1	Rất phù hợp	66	39,5
2	Phù hợp	93	55,7
3	Chưa thật sự phù hợp	8	4,8
4	Không phù hợp	0	0

15. Đánh giá về mức độ chênh lệch trong việc bảo đảm PLXH đối với đồng bào DTTS ở (Bình Thuận cũ, Đắk Nông cũ, Lâm Đồng cũ) so với mức bình quân chung của cả nước

TT	Mức độ	Số lượng	Tỷ lệ
1	Mức độ chênh lệch lớn, xu hướng ngày càng tăng	72	43,1
2	Mức độ ngang bằng, không có gì thay đổi	62	37,1
3	Mức độ chênh lệch nhỏ, khoảng cách thu hẹp dần	33	19,8

16.Nguyên nhân dẫn đến hạn chế trong bảo đảm PLXH đối với đồng bào DTTS ở địa phương hiện nay

TT	Nguyên nhân	Số lượng	Tỷ lệ
1.	Điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của tỉnh có nhiều khó khăn	151	90,4
2.	Trình độ dân trí thấp, phong tục, tập quán sản xuất và đời sống của đồng bào DTTS còn nhiều lạc hậu	158	94,6
3.	Một số chính sách bảo đảm PLXH chưa phù hợp với thực tiễn địa phương và đặc điểm của từng cộng đồng DTTS	93	55,6
4.	Nhà nước chưa đảm bảo nguồn lực tài chính công cho PLXH đối với đồng bào DTTS ở địa phương	97	58,0
5.	Việc huy động các nguồn lực xã hội (ngoài ngân sách) cho việc bảo đảm PLXH đối với đồng bào DTTS chưa hiệu quả	148	88,6
6.	Năng lực thực thi chính sách bảo đảm PLXH của đội ngũ cán bộ các cấp chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ	61	36,5
7.	Còn tình trạng lợi dụng chính sách PLXH đối với đồng bào DTTS để trục lợi	65	38,9
8.	Còn tình trạng trông chờ, ỷ lại vào sự hỗ trợ của Nhà nước và cộng đồng	138	82,6
9.	Âm mưu « diễn biến hoà bình » và sự chống phá của các thế lực thù địch	103	61,7

17.Đề xuất các giải pháp bảo đảm PLXH đối với đồng bào DTTS hiện nay

TT	Giải pháp	SL	Tỷ lệ
1.	Tăng cường thông tin cho nhân dân về bảo đảm PLXH cho đồng bào DTTS	110	65,8
2.	Tập trung thực hiện có hiệu quả 3 chương trình MTQG: phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi; GNBV và chương trình xây dựng nông thôn mới	153	91,6
3.	Hoàn thiện chính sách và pháp luật về PLXH đối với đồng bào DTTS trên địa bàn tỉnh	120	71,8
4.	Tăng cường đầu tư từ ngân sách cho các chính sách PLXH	161	96,4
5.	Tăng cường việc huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực xã hội hoá	136	81,4
6.	Phát huy hiệu quả nội lực của đồng bào DTTS	160	95,8
7.	Nâng cao chất lượng CBCCVC thực thi chính sách đối với đồng bào DTTS	158	94,6
8.	Làm tốt công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm trong việc thực hiện các chính sách PLXH	121	72,4
9.	Đấu tranh có hiệu quả với âm mưu « diễn biến hoà bình » và sự chống phá của các thế lực thù địch	144	86,2

Phụ lục 5
TỔNG HỢP ĐIỀU TRA XÃ HỘI HỌC ĐỐI VỚI NGƯỜI DÂN

PHIẾU TRƯNG CẦU Ý KIẾN
(Dùng cho người dân)

(Trong phạm vi nghiên cứu này, PLXH đối với đồng bào DTTS là những khoản hỗ trợ bằng tiền, quà bằng hiện vật, dịch vụ (giáo dục, y tế, văn hoá, thông tin, hạ tầng) không phải trả tiền hoặc chỉ phải chi trả một phần mà Nhà nước, doanh nghiệp, cộng đồng dành cho đồng bào DTTS)

Ông (bà) thân mến!

Để có cơ sở đánh giá kết quả thực hiện PLXH đối với đồng bào DTTS trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng hiện nay, chúng tôi rất mong ông (bà) dành thời gian trả lời những câu hỏi dưới đây. Ông (bà) nhất trí với phương án nào xin vui lòng đánh dấu (X) vào ô vuông bên cạnh.

Xin trân trọng cảm ơn sự hợp tác của ông (bà)!

Câu 1: Ông (bà) vui lòng cho biết một số thông tin về bản thân

- Giới tính: Nam ☐ Nữ ☐

- Tuổi đời:

Dưới 35 tuổi ☐

Từ 36 đến 55 tuổi ☐

Trên 55 tuổi ☐

- Dân tộc:

Dân tộc Kinh ☐ DTTS tại chỗ ☐ DTTS di cư đến ☐

- Địa bàn cư trú:

Thành phố ☐ Nông thôn ☐

Thị trấn ☐ Vùng sâu, vùng xa ☐

-Trình độ học vấn:

Không biết chữ ☐ Cao đẳng, đại học ☐

Tiểu học, Trung học cơ sở ☐ Thạc sĩ ☐

Trung học phổ thông ☐ Tiến sĩ ☐

Câu 2: Ông (bà) có biết một số chính sách của Nhà nước đang triển khai dưới đây không?

TT	Nội dung chính sách	Có	Không
1	Chính sách GNBV		
2	Chính sách hỗ trợ đất ở, đất sản xuất, nhà ở, nước sinh hoạt cho hộ đồng bào DTTS nghèo, đời sống khó khăn		
3	Chính sách đầu tư kết cấu hạ tầng: giao thông, thuỷ lợi, điện, nước sạch, chợ		

4	Chính sách đào tạo chuyển đổi nghề, tạo việc làm cho đồng bào DTTS		
5	Chính sách bảo trợ xã hội		
6	Chính sách cứu trợ, hỗ trợ khẩn cấp cho các trường hợp gặp khó khăn, thiên tai, hoạn nạn		
7	Chính sách xóa mù chữ cho đồng bào DTTS		
8	Chính sách xây dựng các trường phổ thông dân tộc nội trú		
9	Chính sách hỗ trợ học sinh, sinh viên người DTTS học phổ thông, học nghề, cao đẳng, đại học		
10	Chính sách tín dụng ưu đãi từ ngân hàng CSXH		
11	Chính sách hưu trí xã hội với người trên 75 tuổi và người trên 70 tuổi thuộc hộ nghèo, cận nghèo		
12	Chính sách đầu tư cho y tế cấp xã và y tế thôn/bon		
13	Chính sách chăm sóc sức khỏe sinh sản đối với bà mẹ và chống suy dinh dưỡng ở trẻ em		
14	Chính sách phòng trừ các dịch bệnh truyền nhiễm trong cộng đồng		
15	Chính sách Nhà nước hỗ trợ BHYT cho đồng bào DTTS thuộc hộ nghèo, cận nghèo, sinh sống ở vùng khó khăn		
16	Chính sách hỗ trợ việc làm để tham gia BHXH bắt buộc		
17	Chính sách hỗ trợ tham gia BHXH tự nguyện		
18	Chính sách hỗ trợ việc làm để tham gia BHTN		
19	Chính sách được bảo đảm thông tin, truyền thông		
20	Chính sách bảo tồn văn hoá các DTTS và xây dựng các khu vui chơi giải trí, văn hoá, nhà sinh hoạt cộng đồng		
21	Chính sách hỗ trợ nước sạch và vệ sinh môi trường		
22	Chính sách hỗ trợ về nhà ở		

Câu 3: Ông/bà tiếp cận thông tin trên bằng cách nào

TT	Cách thức	Số lượng	Tỷ lệ
1	Cán bộ đến tuyên truyền	459	67,2
2	Qua đài truyền thanh, truyền hình	412	60,3
3	Qua mạng xã hội: Zalo, Facebook	538	78,8
4	Qua hội nghị, hội thảo	236	34,6

Câu 4: Theo ông (bà), những năm qua ở địa phương đã thực hiện các chính sách sau như thế nào?

TT	Nội dung chính sách	Tốt	Bình thường	Chưa tốt
1	Chính sách GNBV			
2	Chính sách hỗ trợ đất ở, đất sản xuất, nhà ở, nước sinh hoạt cho hộ đồng bào DTTS nghèo, đời sống khó khăn			
3	Chính sách đầu tư kết cấu hạ tầng: giao thông, thuỷ lợi, điện, nước sạch, chợ			
4	Chính sách đào tạo chuyển đổi nghề, tạo việc làm cho đồng bào DTTS			
5	Chính sách bảo trợ xã hội			
6	Chính sách cứu trợ, hỗ trợ khẩn cấp cho các trường hợp gặp khó khăn, thiên tai, hoạn nạn			
7	Chính sách xóa mù chữ cho đồng bào DTTS			
8	Chính sách xây dựng các trường phổ thông dân tộc nội trú			
9	Chính sách hỗ trợ học sinh, sinh viên người DTTS học phổ thông, học nghề, cao đẳng, đại học			
10	Chính sách tín dụng ưu đãi từ ngân hàng CSXH			
11	Chính sách hưu trí xã hội với người trên 75 tuổi và người trên 70 tuổi thuộc hộ nghèo, cận nghèo			
12	Chính sách đầu tư cho y tế cấp xã và y tế thôn/bon			
13	Chính sách chăm sóc sức khỏe sinh sản đối với bà mẹ và chống suy dinh dưỡng ở trẻ em			
14	Chính sách phòng trừ các dịch bệnh truyền nhiễm trong cộng đồng			
15	Chính sách Nhà nước hỗ trợ BHYT cho đồng bào DTTS thuộc hộ nghèo, cận nghèo, sinh sống ở vùng khó khăn			
16	Chính sách hỗ trợ việc làm để tham gia BHXH bắt buộc			
17	Chính sách hỗ trợ tham gia BHXH tự nguyện			
18	Chính sách hỗ trợ việc làm để tham gia BHTN			
19	Chính sách được bảo đảm thông tin, truyền thông			
20	Chính sách bảo tồn văn hoá các DTTS và xây dựng các khu vui chơi giải trí, văn hoá, nhà sinh hoạt cộng đồng			
21	Chính sách hỗ trợ nước sạch và vệ sinh môi trường			
22	Chính sách hỗ trợ về nhà ở			

Câu 5: Ông (bà) đánh giá mức độ quan tâm của chính quyền địa phương đối với đời sống và sản xuất của đồng bào DTTS thời gian qua như thế nào?

1.Tốt ☐ 2.Khá ☐ 3.Trung bình ☐ 4. Chưa tốt ☐

Câu 6: Trong những năm qua, gia đình ông (bà) có nhận được sự hỗ trợ nào sau đây không

TT	Hình thức hỗ trợ	Kết quả	
		Có	***Không***
1	Vay vốn ưu đãi từ ngân hàng CSXH		
2	Hỗ trợ đất ở, đất sản xuất		
3	Hỗ trợ xây dựng, sửa chữa nhà ở		
4	Hỗ trợ nước sạch và vệ sinh môi trường		
5	Hỗ trợ khi ốm đau, bệnh tật, hoạn nạn		
6	Hỗ trợ BHYT		
7	Hỗ trợ việc làm để tham gia BHXH bắt buộc		
8	Hỗ trợ tham gia BHXH tự nguyện		
9	Hỗ trợ việc làm để tham gia BHTN		
10	Miễn giảm học phí cho học sinh		
11	Hỗ trợ hàng tháng cho các cháu là học sinh		
12	Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm việc làm		
13	Hỗ trợ lương thực, thực phẩm		

Câu 7. Gia đình ông (bà) hiện đang có nhu cầu cấp thiết về:

TT	Nội dung	*Có nhu cầu*	*Không có nhu cầu*
1	Vay vốn ưu đãi		
2	Đất ở		
3	Đất sản xuất		
4	Xây dựng mới, sửa chữa nhà ở		
5	Nước sinh hoạt, vệ sinh môi trường (nhà vệ sinh, thu gom xử lý rác thải)		
6	Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm		
7	Hỗ trợ BHYT		
8	Hỗ trợ việc làm tham gia BHXH bắt buộc		
9	Hỗ trợ tham gia BHXH tự nguyện		
10	Lương thực, thực phẩm		
11	Hỗ trợ bằng tiền hàng tháng		
12	Hỗ trợ các cháu học sinh, sinh viên hàng tháng		

Câu 8: Ông (bà) có được tạo cơ hội, điều kiện thuận lợi để tiếp cận các PLXH nêu trên không?

1. Có ☐ 2. Không ☐

Câu 9: Nguồn thu nhập chính của gia đình ông (bà) hiện nay?

1. Nông nghiệp ☐ 2. Tiểu thủ công nghiệp ☐
3. Dịch vụ ☐ 4. Tiền lương (làm thuê) ☐
5. Trợ cấp xã hội ☐ 6. Khác ☐

Câu 10: Gia đình ông (bà) đang sinh sống trong nhà như thế nào ?

1. Nhà tạm ☐ 2. Nhà xây kiên cố ☐
3. Nhà tầng ☐
4. Khác.....

Câu 11: Nguồn điện mà hộ gia đình ông (bà) đang sử dụng là gì?

1. Không có điện ☐
2. Điện lưới ☐
3. Điện tự khai thác ☐

Câu 12: Gia đình ông (bà) đang sử dụng nguồn nước nào cho sinh hoạt hàng ngày?

1. Nước máy ☐ 2. Nước mưa ☐
3. Nước suối ☐ 4. Giếng tự khoan/ đào ☐

Câu 13. Rác thải sinh hoạt được xử lý như thế nào:

1.Tự xử lý (chôn, đốt) ☐
2.Có đơn vị thu gom để xử lý ☐

Câu 14: Gia đình ông (bà) sử dụng loại nhà vệ sinh nào?

1. Chưa có nhà vệ sinh ☐
2. Nhà vệ sinh tự hoại/bán tự hoại ☐
2. Khác:…….....

Câu 15: Theo ông (bà), đời sống, thu nhập của người DTTS ở địa phương hiện nay có bằng với mức bình quân chung của tỉnh và cả nước không?

1. Không bằng, chênh lệch ngày càng lớn ☐
2. Gần bằng, mức chênh lệch nhỏ ☐
3. Bằng mức bình quân của tỉnh, cả nước ☐

Xin trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Ông (Bà)
và kính chúc Ông (Bà) nhiều sức khoẻ !

TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐIỀU TRA XÃ HỘI HỌC ĐỐI VỚI HỘ DÂN

1.Thông tin chung

Thông tin	Số lượng	Tỷ lệ %
- Giới tính	**683**	**100**
+Nam	315	46,1
+Nữ	368	53,9
- Tuổi đời:	**683**	**100**
+Dưới 35 tuổi	233	34,1
+Từ 35 đến 55 tuổi	409	59,9
+Trên 55 tuổi	41	6,0
-Dân tộc	**683**	**100**
+Dân tộc Kinh	67	9,8
+DTTS tại chỗ	382	55,9
+DTTS di cư tới	234	34,3
- Địa bàn cư trú:	**683**	**100**
+Phường	81	11,8
+Xã	443	64,9
+Xã vùng sâu, vùng xa	159	23,3
-Trình độ học vấn:	**683**	**100**
+Không biết chữ	29	4,2
+Tiểu học, Trung học cơ sở	463	67,8
+Trung học phổ thông	151	22,2
+Cao đẳng, đại học	39	5,7
+Thạc sĩ, Tiến sĩ	1	0,1

2. Việc tiếp cận thông tin một số chính sách cơ bản

TT	Nội dung chính sách	Có		Không	
		SL	%	SL	%
1	Chính sách GNBV	662	100	21	3,1
2	Chính sách hỗ trợ đất ở, đất sản xuất, nhà ở, nước sinh hoạt cho hộ đồng bào DTTS nghèo, đời sống khó khăn	505	73,9	178	26,1
3	Chính sách đầu tư kết cấu hạ tầng: giao thông, thuỷ lợi, điện, nước sạch, chợ	512	74,9	171	25,1

4	Chính sách đào tạo chuyển đổi nghề, tạo việc làm cho đồng bào DTTS	431	63,1	252	36,9
5	Chính sách bảo trợ xã hội	314	46	369	54
6	Chính sách cứu trợ, hỗ trợ khẩn cấp cho các trường hợp gặp khó khăn, thiên tai, hoạn nạn	628	91,0	55	8,1
7	Chính sách xóa mù chữ cho đồng bào DTTS	567	83,0	116	17,0
8	Chính sách xây dựng các trường phổ thông dân tộc nội trú	519	75,9	164	24,1
9	Chính sách hỗ trợ học sinh, sinh viên người DTTS học phổ thông, học nghề, cao đẳng, đại học	512	74,9	171	25,1
10	Chính sách tín dụng ưu đãi từ ngân hàng CSXH	539	78,9	144	21,1
11	Chính sách hưu trí xã hội với người trên 75 tuổi và người trên 70 tuổi thuộc hộ nghèo, cận nghèo	266	38,9	417	61,1
12	Chính sách đầu tư cho y tế cấp xã và y tế thôn/bon	437	63,9	246	36,1
13	Chính sách chăm sóc sức khỏe sinh sản đối với bà mẹ và chống suy dinh dưỡng ở trẻ em	525	76,9	158	23,1
14	Chính sách phòng trừ các dịch bệnh truyền nhiễm trong cộng đồng	594	86,9	89	13,1
15	Chính sách Nhà nước hỗ trợ BHYT cho đồng bào DTTS thuộc hộ nghèo, cận nghèo, sinh sống ở vùng khó khăn	641	93,8	42	6,2
16	Chính sách hỗ trợ việc làm để tham gia BHXH bắt buộc	214	35,2	442	64,8
17	Chính sách hỗ trợ tham gia BHXH tự nguyện	437	63,9	246	36,1
18	Chính sách hỗ trợ việc làm để tham gia BHTN	201	29,4	482	70,6
19	Chính sách được bảo đảm thông tin, truyền thông	462	67,6	221	32,4
20	Chính sách bảo tồn văn hoá các DTTS và xây dựng các khu vui chơi giải trí, văn hoá, nhà sinh hoạt cộng đồng	430	62,9	253	37,1
21	Chính sách hỗ trợ nước sạch và vệ sinh môi trường	573	83,9	110	16,7
22	Chính sách hỗ trợ về nhà ở	607	89,0	76	11,0

3.Cách thức để tiếp cận thông tin các chính sách trên

TT	Cách thức	Số lượng	Tỷ lệ
1	Cán bộ đến tuyên truyền	459	67,2
2	Qua đài truyền thanh, truyền hình	412	60,3
3	Qua mạng xã hội: Zalo, Facebook	538	78,8
4	Qua hội nghị, hội thảo	236	34,6

4. Đánh giá về kết quả thực hiện một số chính sách cơ bản

TT	Nội dung chính sách	Tốt		Bình thường		Chưa tốt	
		SL	%	SL	%	SL	%
1	Chính sách GNBV	423	61,9	232	34,0	28	4,1
2	Chính sách hỗ trợ đất ở, đất sản xuất, nhà ở, nước sinh hoạt cho hộ đồng bào DTTS nghèo, đời sống khó khăn	184	26,9	368	53,9	131	19,2
3	Chính sách đầu tư kết cấu hạ tầng: giao thông, thuỷ lợi, điện, nước sạch, chợ	301	44,1	239	35,0	143	20,9
4	Chính sách đào tạo chuyển đổi nghề, tạo việc làm cho đồng bào DTTS	259	37,9	266	38,9	158	23,6
5	Chính sách bảo trợ xã hội	281	41,1	246	36,0	156	22,9
6	Chính sách cứu trợ, hỗ trợ khẩn cấp cho các trường hợp gặp khó khăn, thiên tai, hoạn nạn	358	52,4	286	41,9	39	5,7
7	Chính sách xóa mù chữ cho đồng bào DTTS	402	58,9	258	37,8	23	3,7
8	Chính sách xây dựng các trường phổ thông dân tộc nội trú	314	46,0	239	35,0	130	19,0
9	Chính sách hỗ trợ học sinh, sinh viên người DTTS học phổ thông, học nghề, cao đẳng, đại học	361	52,9	291	42,6	31	4,5
10	Chính sách tín dụng ưu đãi từ ngân hàng CSXH	450	65,9	191	27,9	42	6,2
11	Chính sách hưu trí xã hội với người trên 75 tuổi và người trên 70 tuổi thuộc hộ nghèo, cận nghèo	539	78,9	144	21,1	0	0
12	Chính sách đầu tư cho y tế cấp xã và y tế thôn/bon	177	25,9	457	66,9	49	4,2
13	Chính sách chăm sóc sức khỏe sinh sản đối với bà mẹ và chống suy dinh dưỡng ở trẻ em	266	38,9	368	53,9	49	7,2
14	Chính sách phòng trừ các dịch bệnh truyền nhiễm trong cộng đồng	449	65,7	187	27,4	47	6,9
15	Chính sách Nhà nước hỗ trợ BHYT cho đồng bào DTTS thuộc hộ nghèo, cận nghèo, sinh sống ở vùng khó khăn	465	68,1	211	30,9	7	1,0
16	Chính sách hỗ trợ việc làm để tham gia BHXH bắt buộc	118	17,3	301	44,1	264	38,6

17	Chính sách hỗ trợ tham gia BHXH tự nguyện	127	18,6	403	59,0	153	22,4
18	Chính sách hỗ trợ việc làm để tham gia BHTN	89	13,0	245	35,9	349	51,1
19	Chính sách được bảo đảm thông tin, truyền thông	266	38,9	375	54,9	42	6,2
20	Chính sách bảo tồn văn hoá các DTTS và xây dựng các khu vui chơi giải trí, văn hoá, nhà sinh hoạt cộng đồng	129	18,9	396	58	158	23,1
21	Chính sách hỗ trợ nước sạch và vệ sinh môi trường	201	29,4	412	60,3	70	10,3
22	Chính sách hỗ trợ về nhà ở	372	54,4	267	39,1	44	6,5

5.Đánh giá mức độ quan tâm của chính quyền địa phương đối với đời sống và sản xuất của đồng bào DTTS thời gian qua

STT	Mức đánh giá	Số lượng	Tỷ lệ %
1	Tốt	178	26,1
2	Khá	316	46,3
3	Trung bình	171	25,0
4	Yếu kém	18	2,6

6.Những sự hỗ trợ mà gia đình nhận được trong thời gian qua

TT	Hình thức hỗ trợ	Kết quả			
		Có		*Không*	
		SL	***%***	***SL***	***%***
1	Vay vốn ưu đãi từ ngân hàng CSXH	539	78,9	144	21,1
2	Hỗ trợ đất ở, đất sản xuất	96	14,1	587	85,9
3	Hỗ trợ xây dựng, sửa chữa nhà ở	171	25,0	512	75,0
4	Hỗ trợ nước sạch và vệ sinh môi trường	587	85,9	96	14,1
5	Hỗ trợ khi ốm đau, bệnh tật, hoạn nạn	580	84,9	103	15,1
6	Hỗ trợ BHYT	467	68,4	216	31,6
7	Hỗ trợ việc làm để tham gia BHXH bắt buộc	23	4,9	445	95,1
8	Hỗ trợ tham gia BHXH tự nguyện	49	7,2	634	92,8
9	Hỗ trợ việc làm để tham gia BHTN	28	4,1	655	95,9
10	Miễn giảm học phí cho học sinh	539	78.9	144	21,1
11	Hỗ trợ hàng tháng cho các cháu là học sinh	281	44,1	402	58,9
12	Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm việc làm	184	26,9	499	73,1
13	Hỗ trợ lương thực, thực phẩm	293	42,9	390	57,1

7. Gia đình hiện đang có nhu cầu cấp thiết về:

TT	Nội dung	*Có nhu cầu*		*Không có nhu cầu*	
		SL	***%***	***SL***	***%***
1	Vay vốn ưu đãi	634	92,8	49	7,2
2	Đất ở	130	19,0	553	81,0
3	Đất sản xuất	534	78,2	149	21,8
4	Xây dựng mới, sửa chữa nhà ở	402	58,9	281	41,2
5	Nước sinh hoạt, vệ sinh môi trường (nhà vệ sinh, thu gom xử lý rác thải)	498	72,9	185	27,1
6	Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm	437	64,0	246	36,0
7	Hỗ trợ BHYT	539	78,9	144	21,1
8	Hỗ trợ việc làm để tham gia BHXH bắt buộc	66	9,6	617	90,4
9	Hỗ trợ tham gia BHXH tự nguyện	561	82,1	122	17,9
10	Lương thực, thực phẩm	402	58,9	281	41,1
11	Hỗ trợ bằng tiền hàng tháng	315	46,1	368	53,9
12	Hỗ trợ các cháu học sinh, sinh viên hàng tháng	538	78,8	145	21,2

8.Đánh giá về điều kiện tiếp cận các phúc lợi nêu trên

Mức độ	Kết quả	Tỷ lệ %
Thuận lợi	593	86,8
Không thuận lợi	90	13,2

9.Hoạt động kinh tế tạo ra nguồn thu nhập chính của gia đình hiện nay:

TT	Hoạt động kinh tế	Số lượng	Tỷ lệ
1	Nông nghiệp	579	84,8
2	Tiểu thủ công nghiệp/thủ công	11	1,6
3	Dịch vụ	10	1,5
4	Tiền lương/làm thuê	78	11,4
5	Trợ cấp xã hội	5	0,7
6	Khác	0	0

10.Tình trạng nhà ở hiện đang sử dụng

TT	Loại hình nhà	Số lượng	Tỷ lệ %
1	Nhà tạm	161	23,6
2	Nhà xây kiên cố (nền cứng, khung - tường cứng, mái cứng)	490	71,7
3	Nhà tầng	13	1,9
4	Nhà khác	19	2,8

11.Nguồn điện gia đình đang sử dụng

TT	**Nguồn điện**	**Số lượng**	**Tỷ lệ %**
1	Không có điện	15	2,2
2	Điện lưới	655	95,9
3	Điện khác	13	1,9

12.Nguồn nước sinh hoạt của gia đình đang sử dụng

TT	Nguồn nước	Số lượng	Tỷ lệ
1	Nước máy	146	21,4
2	Nước mưa	0	0
3	Nước suối	31	4,5
4	Nước giếng đào, giếng khoan	506	74,1

13.Xử lý rác thải

Hình thức	Kết quả	Tỷ lệ %
Tự xử lý (chôn lấp, đốt)	381	55,7
Có đơn vị thu gom để xử lý	302	44,3

14.Loại nhà vệ sinh đang được hộ gia đình sử dụng

Loại hình	Số lượng	Tỷ lệ %
Chưa có nhà vệ sinh	62	9,1
Nhà vệ sinh tự hoại/bán tự hoại	621	90,9

15.Đánh giá về mức độ chênh lệch trong đời sống của đồng bào DTTS ở địa phương so với người dân cả nước

TT	Mức độ	Số lượng	Tỷ lệ
1	Không bằng, chênh lệch ngày càng lớn	389	56,9
2	Gần bằng, mức chênh lệch nhỏ	249	36,5
3	Bằng mức bình quân của tỉnh	45	6,6